

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Biên dịch: Kim Lương

Phải tổng khử George đi

Nguyên tác Il faut se debaresser de George



Tác giả : Robert Arthyr

Tiếng gõ cửa và giọng Dave Dennis vang lên:

- Laura, tôi gặp chị có được không?

Laura mới bình tĩnh lại với một cái rùng mình, trở về với thực tế. Cô đang ngồi ở bàn chải đầu, trang điểm một chút mà chưa xong, cô rùng mình vì chuyện ngỡ ngàng cô vừa gặp trong mơ khi đang thiu thiu ngủ. Cô mơ mình đang đứng trước ống kính và mắt ống kính từ từ biến thành đôi mắt của George. Hắn nháy mắt với cô - cái nháy mắt ranh mãnh, tàn bạo và thâm độc, cái nháy mắt đặc trưng của George trong một tiết mục vũ nhạc mà hắn cùng trình diễn với cô.

Nhưng cảm ơn Trời, George đã chết rồi, cách đây 5 năm, và cô chỉ còn nghĩ tới anh ta những lúc trong người mệt mỏi, hết như lúc này vậy. Cô mệt đến

nổi cô ngủ vật vờ trong lúc đang thay quần áo để xuống tiếp tân ở phòng dưới nhà. Cô nói vọng ra:

- Chỉ xin một phút ngắn ngủi thôi, Dave.

Nhưng cánh cửa đã mở, cái thân hình nhỏ con, linh hoạt của ông giám đốc phát hành hãng phim Foremost hiện ra. Cái bộ mặt tròn vo của Dave còn vương vẩn nét tức giận được che dấu một cách tinh quái. Hai tay chống nạnh, Dave nhìn cô mà có vẻ tức tối ông nói:

- Thế ra cô đã quên mất là cô đang tổ chức buổi tiếp tân, để hàn gắn mối giao hảo với giới báo chí rồi, cô Laura. Việc định làm cô không làm, cô lại hờn dỗi ngồi lì trong phòng. Dù cho buổi chiếu ra mắt phim Star-Crossed Love chiều nay có thành công vang dội đi chăng nữa, cô cũng chưa chinh phục được cảm tình của báo chí và họ cũng sẽ chẳng biết đãi cô nếu cô không xuống ngay.

- Em sẽ xuống ngay, anh Dave - Laura cố tự nhiên. Cô cũng ghét Dave bằng với mức ông ấy ghét cô - Em mệt quá rồi, vậy thôi.

- Một mình tỉnh nổi tiếng không được phép mệt. Với cô, mệt là xa xỉ, hoang phí. Một mình tỉnh phải thuộc về công chúng, hãy nói điều đó với giới báo chí - Dave nói một thôi một hồi dẻo quẹo.

- Anh ra khỏi đây ngay, nếu không tôi sẽ liệng cái này lên đầu anh.

Laura Layne nói với ông giám đốc bằng một giọng dịu dàng khó tin.

Dave lùi ra xa vì Laura đang cầm cái tượng bạc vốn để trên bàn, do Harry Lawrence, nhà điêu khắc nghệ thuật của cô tặng, ông vuốt ve:

- Bình tĩnh một chút, Laura! Ông nói đĩnh đạc - Cô không được xử sự buông thả chiều nay, như cô vốn nổi tiếng là ruột ngựa bấy lâu nay. Nếu không cô sẽ bị chôn vùi dưới bùn đen mãi mãi.

- Em không sợ - Cô quay lưng về phía ông giám đốc - Em sẽ cười vào mặt cái lũ nữ kỹ giả yêu quái ấy, như thể là em không thăm nhò vào mặt bọn

chúng vậy. Có lẽ Haila French và Billy Pierre cũng đến đây?

- Và họ đang phải gặm móng tay chờ cô đấy.

- Thế là đã rõ. Họ đã khéo dò hỏi Marie, cô hầu gái của em và ông Pedro, người giúp việc nhà, để biết mấy giờ em đánh răng rửa mặt. Haila cho tiền Marie, để Marie cung cấp cho cô ta tin tức tối đa về em, mà cái trò ngôi lê đôi mách có thể cung cấp được. Pedro cũng cung cấp tin tức tương tự cho Billy. Nếu em nói gì trong lúc mơ ngủ thì bọn kên kên ngày hôm sau có ngay những tin tức đó.

- Chính nhờ những chuyện đó mà chúng tạo nên tính cách của một nữ minh tinh nổi tiếng đấy. Em dư biết rồi mà - Dave Dennis nhắc - Tôi đợi em mười phút nữa. Và, á à! Có một nhà báo mới của tập đoàn Eastern Synlicate. Ông ta muốn tiếp kiến em vài phút, ông ta muốn biết cảm tưởng của một phụ nữ được toàn thể giới mày râu ngưỡng mộ như em.

- Sẽ có một bài báo nhan đề là 'típ 3- B'. Anh bảo ông Harry Lawrence lên đây và cầm cho em một ly rượu. Sau đó em sẽ xuống ngay.

- Bồn phận của em là phải xử sự cho đúng - Nói rồi, ông giám đốc thanh mảnh đi ra và khép cửa lại.

Laura nghiêng mình về trước để xem kỹ mình trong gương. 35 tuổi nhưng dĩ nhiên, người đẹp chỉ có vẻ như mới 29. Nhưng chiều nay, cô cảm thấy mình ở tuổi 40. Vì Laura mệt... Trời ơi, mệt làm sao! Các thước phim quay này, rồi buổi chiếu ra mắt... Cuối cùng, mọi sự đã xong. Ba phim thành công liên tiếp. Hợp đồng với hãng phim đã hoàn thành. Giờ đây cô và Harry có thể tự tiến bước, lập một hãng phim riêng, sản xuất ra những phim theo ý mình. Harry đã phê chuẩn hợp đồng cô đóng phim với hãng United 3 phim, mỗi phim họ trả ít nhất một triệu dollar. Thú vị nhất là phim sẽ được quay ở ngoại quốc, xa hẳn lũ nhà báo độc ác, lũ chim ăn thịt sống, lũ kên kên điều hâu, lũ hút máu minh tinh rồi lại bêu xấu. Trong 5 năm nay, hai người luôn

hỏi hỏi tìm cách qua mặt bọn nhà báo muốn bới móc về hoàn cảnh, về quá khứ về những dự tính của cô và Harry muốn giữ kín.

Thật giống như một phép lạ, quãng đời 7 năm của cô trước khi lên kinh đô điện ảnh Hollywood không để lại dấu ấn nào trên mặt cô. Suốt 7 năm trời đi trình diễn ở các sân khấu vũ nhạc cấp thấp, trên khắp thế giới. Suốt 7 năm, trong số các tiết mục cô trình diễn, có màn thoát y vũ cô diễn chung với George, chồng cô. Anh đóng vai hoạt náo gây cười. George đã lấy hết những gì cô kiếm được và bỏ cô khi cô ngã bệnh. Hành động nào của George cũng gây cười thú vị, hành động không thú vị duy nhất của George là anh tự sát trong vụ bị cướp chặn đường ở Newark. Laura rất đổi vui mừng khi đọc được tin này trên báo.

Nếu moi ra được những điều này, thì hẳn Haila French và Billy Pierre sẽ hả hê khôn xiết, sẽ đăng trong những tờ báo ba xu, mà họ hy vọng là có đến hàng trăm triệu độc giả!

Nếu không gặp Harry Lawrence thì... Cám ơn Trời, người cô gặp chính là Harry Lawrence. Khi chưa gặp mặt, cô đã tưởng tượng ra một Harry phương phi, vai rộng, giọng nói dịu dàng, đang nhập bọn với giới báo chí, giới minh tinh màn bạc ở dưới nhà, tán tỉnh mọi người, kể cả Haila French đầy nữ tính. Thế mà giờ đây cô và Harry lại sắp thành hôn, ngay sau khi hai người lập công ty điện ảnh riêng. Đương nhiên hai người nên thổ lộ riêng với Haila. Cô đã hứa cho Haila một nguồn tin độc quyền về việc xác nhận,

công bố cuộc kết hôn và ngày cử hành hôn lễ. Các tai họa thảm khốc sẽ về hòa với người phụ nữ ký giả gầy đét, hốc hác ấy, kéo theo cả đoàn những người viết tin vặt ở Hollywood, chống lại và ập xuống trên đầu kẻ nào đã hứa một nguồn tin loại này mà dám nuốt lời.

Lại có tiếng gõ cửa. Cô xoay người trên một chân bằng một động tác vui nhộn.

- Mời vào, anh Harry!

Cửa xịch mở, nhưng không phải Harry. Người ở cửa phòng rất nhỏ con, đeo kính gọng đồi mồi to bản, che hầu hết khuôn mặt, đôi mắt đen lách hạt huyền. Laura có cảm giác người này rất quen và ngay sau cảm giác này là cơn giận dữ tột cùng.

- Ông là ai? - Cô hỏi rất hách dịch - Ai cho phép ông tự tiện vào phòng tôi?

- Tập đoàn Eastern Press - người ký giả nhỏ con trả lời với giọng khàn khàn. Tôi chỉ muốn phỏng vấn cô ít phút - Ông ta đóng cửa lại, mắt liếc qua những đồ đạc sang trọng trong phòng khách.

- Tôi đã nhờ ông Dave nhắn ông, tôi sẽ tiếp ông ở dưới phòng tiếp tân.

- Tôi lại nghĩ là em muốn gặp riêng tôi kia đấy, Gloria.

- Sao, ông... - cô ngưng nói, đề tay lên ngực. Ông vừa gọi tôi là gì nhỉ?

Người đàn ông gỡ kính ra, vuốt lại mái tóc dính lại với nhau bết bết. Sau đó ông ta từ từ nhắm mắt phải lại, hé mở một nửa thành một cái nháy mắt cố ý, tục tĩu và đầy ý nghĩa.

- Em nhận ra tôi chưa?

- Không, ô không! Rồi trái với ý mình, miệng cô xỏ ra một tràng - George! Mi chưa chết, chưa chết! Vô lý! Xéo xuống địa ngục với quý dữ đi. Mi đã chết rồi. Báo chí đã đăng như vậy. Mi bị bọn cướp chặn ở Neward.

- Báo sai! Tôi đã để mặc họ, không dính chính. Tôi phải tù dưới một tên khác. Tôi đã được phóng thích từ sáu tháng nay. Lúc này tôi muốn gặp em,

cực cung ạ. Em có tên mới, mũi mới, hàm răng mới. Một nghề nghiệp mới. Đâu còn phút vinh quang thuở xưa trong tiết mục George và Gloria', một tiết mục ca vũ vui nhộn, phải không cô Gloria Gordon? Bây giờ thì em có nhà cao cửa rộng, đâu còn phải chui rúc trong cái nhà ổ chuột như xưa với tôi nữa.

Laura phải chiến đấu với cơn giận run người và nỗi tuyệt vọng. Đúng là George rồi. Hắn đã từ kẻ chết sống lại, hắn sẽ phá nát cuộc đời còn lại của cô.

- Thế bây giờ ông muốn gì? Cố gắng lắm cô mới giữ được giọng đều đều. Nếu cần tiền, tôi sẽ cho ông 25 ngàn dollar để ông xéo đi và chúng ta sẽ ly dị.

- Ly dị? - George cười khẩy rất đều, để lộ cái hàm răng sún. Không thể có với tôi trên cõi đời này. Tôi là người chồng yêu quý của em. Tôi trở về với em sau một thời gian xa cách bất đắc dĩ, không thể tránh được.

- Thà tôi chết còn hơn lại sống với ông - Cô thốt ra với giọng ghê tởm. Ông là người bần tiện bần thiú và ông sẽ luôn luôn bần tiện, bần thiú. Tôi cho ông 50 ngàn đô la để ông tìm một cái lỗ nào đó mà trốn chui trốn nhủi. Nên nhớ là tôi biết hết những gì ông đã làm ở Cleveland. Ông còn muốn ngồi tù về chuyện đó nữa không?

- Muốn, và mọi người sẽ biết tiểu sử của Gloria Gordon, vũ nữ thoát y ở các phòng ca nhạc, sau này trở thành minh tinh nổi tiếng, sex symbol ở Hollywood? Cứ nghĩ xem, tôi còn có nhiều hình ảnh khỏa thân của cô, trong những màn thoát y vũ thuở xưa. Các tờ báo lá cải rất thích những hình này. Laura nhắm mắt lại một lúc, rồi nói:

- George, tôi sẽ cho ông 100 ngàn đô. Nên cầm lấy và xéo. Báo trước cho ông biết tôi không còn bé bỏng nữa, tôi không để cho ông sai khiến tôi nữa đâu.

George thọc 2 ngón cái vào dây lưng quần, cười khẩy đe dọa:

- Chao oi, chúng ta đang ở California, cùng biết ở đây theo chế độ cộng đồng tài sản. Cái gì của tôi là của cô, cái gì của cô là của tôi. Đừng có tranh cãi về chế độ hôn nhân, tôi biết cô có cả triệu đô la gửi nhà băng. Thôi, lại đây, hãy ôm ấp người chồng yêu quý của em, đã xa cách nhau quá lâu rồi. Anh bị thiếu máu, em sẽ chăm sóc cho anh mau phục hồi sức khỏe.

Laura nhảy dựng lên. George lao về phía cô, ôm cứng lấy cô xoay đầu cô về phía mình. Cô hồn hên la lên:

- Đừng đụng vào người tôi, buông tôi ra.

- Em phải xử sự cho đúng, tôi sẽ đàng hoàng. Nào em ngoan, ôm George đáng thương của em đi, anh cô đơn quá.

Tay hắn nắm chắc cổ tay trái Laura và vặn mạnh không thương xót, cô phải cắn môi để khỏi phải hét lên.

- Được, thế mới là biết điều chứ.

Hắn nói với một niềm vui độc ác.

- Và bây giờ quay mặt lại với người chồng kính yêu của em cho phải đạo làm vợ.

Vừa chịu đựng vừa ghê tởm đã xâu xé lòng Laura. Cô cảm thấy tay phải cô đã vô tình chạm vào cái tượng bạc, cô biết cô đã nâng nó lên. Cô vung mạnh và đập và đập. Tất cả những gì cô làm sau đó, cô quên hết chẳng còn nhớ... Sự việc diễn ra giống hệt như, đã một hai lần người ta chứng kiến cơn giận của cô, và gọi nó là bùng lên cơn giận đỏ, che mờ hết lý trí. Khi mây mù đã tan, cô thấy cô đang cúi mình xuống George, hắn nằm trên tấm thảm cạnh ông thông hơi, hai mắt mở lớn đầy kinh hoàng, một bên đầu nát bầy, bê bết máu me.

Sau đó cô cảm thấy như có ai vào phòng. Cô nhanh nhẹn quay lại: Harry Lawrence đang đứng thẳng, tựa lưng vào cửa, tay cầm cốc rượu lớn. Ông

nói:

- Trời ơi, chuyện gì đã xảy ra vậy?

Giọng nói như vọng lên từ địa ngục, nét mặt tinh anh của ông nhợt nhạt như xác chết.

Đưa một tay run rẩy ra đỡ lấy ly rượu từ tay Harry, cô nốc một hơi hết nửa.

Harry lấy chìa khóa trái cửa lại.

Cô mò mẫm ngồi được xuống ghế ở bàn trang điểm, rồi cho Harry biết ai đã vào phòng cô. Khi cô dứt lời, Harry thốt lên:

- Tôi hiểu rồi, chồng em. Trời ơi, Laura!

- Em nghĩ là hắn đã chết rồi.

- Nhưng bây giờ thì hắn chết thật rồi. Trời thật công bằng. Bây giờ hắn chết thật rồi, không còn nghi ngờ gì nữa. Vẫn biết em vì tự vệ chính đáng, nhưng không cần thiết em phải đập nát đầu hắn ra như thế này.

- Hắn ôm cứng không chịu buông em ra. Em phát khùng thế là em đập, đập, đập đến lúc hắn quy. Em chỉ nhớ có thế.

- Hắn là vậy, anh hiểu. Nhưng liệu những nhà báo dưới kia sẽ có hiểu cho là như vậy không? Hay là họ lại thấy tiêu đề tờ báo của họ mới là quan trọng, và viết là em bị chọc giận rồi em giết hắn?

- Hắn rất ti tiện, hắn dọa phanh phui đời tư của em ra.

- Anh hiểu. Những ước gì em cầm cự với hắn được đến lúc anh lên... - ông rút khăn tay ra lau trán.

- Trời ơi, Laura. Cứ tưởng tượng người như Haila French. Từ khi cô ta biết em đã giấu kín được quãng đời quá khứ của em, trong đầu cô ta chỉ có một ý tưởng là trả thù em thôi. Có thể cô ta sẽ bênh George, sẽ vẽ vờ ra những chi tiết đầy thương cảm, đánh vào lòng trắc ẩn, thương hại một người tù bị em bỏ rơi, phải lết đến đây nhờ em giúp đỡ. Và em đã làm gì? Em đã đập hắn phọt óc ra! Em thử nghĩ cô ta sẽ khai thác sự thể đó như thế nào? Và các kẻ

khác sẽ hòa theo.

- Trời ơi, anh Harry - Cô đưa tay ra bám chặt cánh tay Harry. Và các hậu quả, phải không anh? Công ty của chúng ta... Hợp đồng của chúng ta với United... và tương lai của em...

- Và cũng có thể em bị ở tù vì tội giết người hay ám sát đấy, vì lời khai đầy hận thù của Haila, của Billy và các kẻ khác. Và sau cùng, dù em có thắng được những lời buộc tội đó thì công ty của chúng ta cũng tiêu, kế hoạch của chúng ta cũng hỏng và sự nghiệp minh tinh của em cũng chấm dứt.

- Không, không, anh Harry - cô nâng bàn tay Harry đặt vào má mình đang nóng như lên cơn sốt. Chúng ta còn có thể làm một cái gì chứ. Có ai biết chuyện này đâu. Hắn đến đây với một tên khác và là một nhà báo giả hiệu. Chúng ta chỉ cần tổng khứ cái xác hắn đi bằng cách nào đó... Vì sự nghiệp của hãng Paramount, Dave Dennis có thể giúp đỡ chúng ta không chừng.

- Có thể lắm - Harry suy nghĩ về hoàn cảnh cụ thể hiện tại. Không em ạ, chúng ta không thể tin vào Dave. Khi phim đã công chiếu hết rồi, ông ta sẵn sàng nói hết mọi sự để cuốn phim được nhắc trên trang nhất, ông ta dám giết cha giết mẹ để được nổi tiếng lắm!

- Vậy thì chúng ta phải làm gì? Cô rên rỉ. Chỉ chúng ta mới có thể đưa xác hắn ra khỏi đây... và em thấy chẳng có cách nào. Anh biết, đến một mức độ nào đó, em bị gián điệp theo dõi... Marie, Pedro sẽ nói hết những gì em làm. Bất cứ em ở đâu, cũng sẽ có những nhà báo, nhiếp ảnh gia nhô ra từ các lùm bụi, từ góc phố... Em không thể xách một cái vali ra khỏi nhà và mở nó ra ở một nơi kín đáo...Chỉ có cách đó mới tổng khứ được cái xác của George.

- Anh hiểu. Nhưng ít ra ta cũng phải giấu cái xác đó chứ. Còn em, em phải xuống nhà tiếp khách. Trong nhà em có cái rương hay cái hòm nào không?

- Có, trong phòng để đồ có một cái rương đựng quần áo nhỏ. Em còn giữ lại vì hồi xưa là của mẹ em. Rương còn trống.

- Tốt. Em trang điểm cho xong đi, anh sẽ lo cho George.

Cô quay mặt vào gương và háo hức trang điểm cho xong. Cô nghiêng mình tới đa về trước để khỏi phải nhìn những động tác của Harry. Cô nghe tiếng lụp bụp của cái rương, tiếng càu nhàu của Harry, tiếng phập khi nắp rương được đóng mạnh lại. Cuối cùng, cô cũng trang điểm xong. Cô xoay mình trên cái ghế xoay. Cái rương đã sẵn sàng, khóa bằng khóa cẩn thận, dựa vào tường. George và tám thẩm anh ta nằm lên đã biến mất. Cả cái tượng đầy máu me cũng biến.

Harry kiểm tra quần áo, tay chân mình thật kỹ, bảo đảm không dính một vết máu nào, rồi hát hàm về phía cái rương, ông nói:

- George đang ngủ yên trong đó và cứ để anh ta theo đuổi những ước mơ riêng. Còn anh, anh phải cố làm vài việc. Có lẽ ta nên hủy cuộc tiếp tân và chúng ta phải báo cảnh sát. Anh quả quyết là em có thể nại ra phải tự vệ chính đáng, và chẳng còn lo tổng khứ cái của nợ này. Dĩ nhiên cách giải quyết này có phiền phức, nhưng một khi nó đã qua, chẳng còn ai nói đến nó nữa. Chúng ta càng chần chừ bao nhiêu, càng gây hậu quả tệ hơn bấy nhiêu.

- Không, anh Harry ạ. Em đã vất vả đấu tranh để trở thành ngôi sao sáng nhất trên bầu trời Hollywood, và em nhất định giữ vị trí đó. Em không muốn để George phá hỏng hết cả. Hắn đã làm hỏng đoạn đầu đời em... và hắn không được phép đi xa hơn nữa. Chắc chắn chúng ta sẽ tìm ra một giải pháp. Dù có rắc rối, phiền muộn, nhưng cũng đáng.

- Được, vậy thì chúng ta sẽ xuống tiếp các nhà báo. Nhưng trước hết, Laura, em hãy cười tươi tỉnh lên. Anh xin em, cười lên.

Cô luôn tươi cười. Cô luôn trả lời đích đáng những câu bốn cột hạ cấp, cô cười ha hả đúng như những người phụ nữ đang được tâng bốc khác.

- Thế còn anh ký giả, tập đoàn Eastern Press đâu rồi?

Dave Dennis hỏi. Cô cười dịu dàng đáp:

- Tôi đã tiếp kiến ông ấy và có lẽ ông ấy lĩnh ra đầu đó để điện bài phòng vấn về tòa soạn.

Haila French, nữ ký giả gầy nhom, vạch ra cho cô thấy:

- Chiều nay em hơi xanh, cưng ạ. Có lẽ do làm việc quá sức đấy.

Cô dịu dàng đáp:

- Em yêu nghề, chị ạ. Em sống với điện ảnh, không muốn cuộc sống nào khác.

- Còn nhà dẫu đất của em sao rồi? - Haila hỏi một cách tha thiết. hi nào thì hai người quyết định việc hệ trọng?

Laura cười toe, nói bằng một giọng thân thiết:

- Chị sẽ là người đầu tiên biết chuyện đó, khi chúng em quyết định.

Cô tiếp tục đi vòng, xen vào góp chuyện với nhóm thực khách này rồi nhóm khác. Các khuôn mặt của khách mời đều như phảng phất nét mặt George. Những con mắt khách trở thành đôi mắt George nhấp nháy với cô những ánh mắt mưu mô qui quyết. Những ánh mắt thực khách như tia X, xuyên qua trần nhà, xuyên thấu phòng cô, chọc thủng cái rương và dừng trên cái xác George cong queo trong rương. Chết lần thứ hai... chết khi cổ hủ hoại quảng đời còn lại của cô.

Nhưng hẳn ta không thành công, Trời đã hại hẳn. Không... ý nghĩ của cô bị cắt đứt. Harry nắm cánh tay cô, ông nói nho nhỏ:

- Bình tĩnh, phải bình tĩnh Laura. Người ta xì xào là em bị cái gì ám ảnh.

Qua đây với anh... cần nhất là em không được nói điều gì mâu thuẫn với những lời anh phát biểu. Anh thấy Dave điên cuồng như bị ong đốt. Haila càng ngày càng tức giận. Nhưng đây là giải pháp duy nhất... Không có cách nào khác.

Cô theo Harry thụ động, không thắc mắc. Họ lên đứng ở bậc cầu thang lớn.

Họ không chế được đám thực khách. Harry bá vai cô. Dave Dennis đầy cay

đứng đứng hỗ trợ phía sau.

Dave gõ một hồi vào cái khánh kiểu Trung hoa cho đến khi các nhóm ký giả, các nhóm minh tinh màn bạc đã tập trung lại và im lặng sẵn sàng nghe.

- Thưa các bạn - Dave vừa cất giọng vừa mỉm cười. Tôi sẽ thông báo cho các bạn một việc hết sức bất ngờ và ngạc nhiên. Cam đoan với các bạn tôi cũng chỉ mới được biết đây thôi, vì chính Laura và Harry cũng vừa mới quyết định tức thời. Xin các bạn cũng niệm tình tha thứ cho họ, đã loan tin cho các bạn kiểu này. Họ... nhưng thôi, tôi xin nhường lời cho Harry.

Harry ghì chặt đôi vai Laura như thể truyền cho cô một chút sinh lực, ông nói:

- Thưa các bạn, các bạn đều là bạn của Laura và tôi. Tin bất ngờ tôi thông báo đây cũng không có gì là đặc biệt. Laura và tôi... ờ ờ, được.... đã yêu nhau từ lâu. Giờ đây, các phim Laura đóng theo hợp đồng đã hoàn tất. Giây phút chúng tôi hằng mong mỏi đã đến, để chúng tôi thành hôn. Chúng tôi sẽ chuồn êm đêm nay, đáp phi cơ đi Yuma và làm phép hôn phối ở đó. Bạn nào muốn đi dự hôn lễ, chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh và xin mời cùng đi.

Chúng tôi chỉ có thể sắp xếp được một số chỗ theo chiếc máy bay chúng tôi đã thuê bao. Bạn nào không đi được, xin mời các bạn cứ tiếp tục vui chơi ở đây, ngày mai chúng tôi sẽ về. Chúng tôi cần sắp xếp vài công việc trước khi đi cử hành hôn lễ, và chúng tôi cầu mong các bạn có mặt ở đây chúc phúc cho chúng tôi.

Thế rồi cả phòng nhao nhao lên. Laura cứng người lấy can đảm vì cô nhìn thấy Haila French đang vệt một lối đi về phía cô, mặt hầm hầm tức giận.

Cô ta hậm hực lắm lắm:

- Nhưng tại sao, Harry, tại sao gấp như vậy chứ? Tôi chia vui cùng các bạn, nhưng tại sao...

Harry trả lời cô ta rất nhũn:

- Bởi vì chỉ có cách đó Harry mới cho cái anh chàng ký giả George của tập đoàn Eastern leo cây được. Ngay cả một minh tinh thượng thặng của Hollywood, người của quần chúng đi chẳng nữa, cô ấy cũng có quyền hưởng một tuần trăng mật kín đáo, riêng tư một chút chứ, phải không nào?

Phải mất một ngày và một nửa đêm tiếp cánh nhà báo, sau cùng Laura mới lại trở lên phòng của mình được. Cô lách mình qua cửa, bật đèn lên, cô cười rạng rỡ. Harry theo sát cô đóng cửa lại và khóa cẩn thận. Họ đã lấy nhau từ lúc 12 giờ nên có thể nói bây giờ họ không rời nhau nửa bước. Harry nói với ra những người lì lợm theo lên phòng họ.

- Chúng tôi sẽ xuống với các bạn ngay mà. Cứ uống và dành sẵn cho chúng tôi một ly.

Người chụp hình ở ngoài cửa vội biến xuống dưới nhà. Nụ cười hạnh phúc của Laura cũng nhanh chóng biến thành cái nhăn mặt: nét mặt cô đầy thất vọng.

- Anh Harry...-

- Cứ bình tĩnh, Laura - ông quờ tay ôm eo vợ, nói thêm - cái tệ hại nhất đã qua.

- Ước gì em khỏi phải tiếp tục cười chụp những bức ảnh đau khổ nữa...

- Em biết không, chưa bao giờ em là một kịch sĩ đa tài như hôm nay.

- Người ta cứ yêu cầu em cười thoải mái, nhưng em lại cứ nghĩ tới George... đang chờ đợi trong cái rương này... và em đã cười, đã cười anh Harry ạ.

Harry tiếp tục ôm vợ cho đến khi nàng có vẻ bình tâm. Nàng nói:

- Cám ơn cưng, bây giờ ta phải chuẩn bị đi. Làm gì trước hả anh?

Harry quét mắt một vòng quanh phòng.

- Không phải làm gì nhiều. Anh đã thấy Marie sửa soạn hành lý cho em.

Anh cũng chỉ có một túi xách gia nhân anh mới mang tới. Cái áo khoác, bản đồ lộ trình, đôi găng tay, máy ảnh, kính râm. Thế là đủ. Ta sẽ bảo Marie

nhắc Pedro xách bình cái xe thùng của anh. Sau đó chúng ta xuống tạm biệt các ký giả còn lại trong phòng tiếp tân, nhất là bắt Dave phải chính thức hứa long trọng để chúng ta yên một mình. Cuối cùng chúng ta chỉ còn việc tổng khur anh chàng George là xong.

Có tiếng gõ cửa.

- Dave đây, các bạn.

- Mời vào, Dave - Harry mở khóa và banh cửa rõ to.

Dave đứng lại nơi ngưỡng cửa, nụ cười đượm chút điều cợt tinh quái, đảo mắt nhìn hết người nọ đến người kia.

- Sao, các bạn tình của tôi chuẩn bị đến đâu rồi? Sẵn sàng cho hành trình thành hôn chưa?

Laura rừ rì tình tứ:

- Xong rồi, Dave yêu quý. Cảm ơn ông đã lo mọi chi tiết cho cuộc tiếp tân ở đây, ông cũng đang yêu đấy chứ?

- Hẳn nhiên rồi - Dave cố che dấu cơn tức giận đang tràn ngập ông. Nhưng tôi vẫn thích được các bạn cho biết trước tin này một chút. Người ta sẽ viết về đề tài này trên các báo, ít nhất là cả tháng.

- Anh biết quá rõ là tình yêu và chiến tranh thì làm sao mà chờ đợi được?

- Dù sao, người ta sẽ lôi chuyện chúng ta lên các nhật báo với các hàng tit rất kêu, trong vòng hai tuần lễ. Chúng ta sẽ bị bầm nhừ tử. Họ sẽ đòi phỏng vấn, báo hình... Thế mà anh chị đi trắng mặt tới hai tuần lễ, chẳng hé môi cho ai biết là đi đâu.

- Chúng tôi đi Mỹ Tây Cơ - Giọng Harry cương quyết. Chúng tôi đã nói với ông rồi. Chúng tôi sẽ đi âm thầm. Không có phỏng vấn gì cả, chẳng có nhà báo, ký giả

Vẻ gượng gạo vui vẻ của Dave biến mất:

- Xin một phút nữa thôi, anh chị đã chơi khăm tôi một vỏ khi thông báo hôn

nhân cho mọi người. Anh chị sẽ không thể hắt cẳng tôi kiểu đó được nữa đâu.

Laura nói mạnh bạo:

- Dù cho chúng tôi có làm thế chẳng nữa, dù là dân Hollywood chẳng nữa, đôi tân hôn cũng có quyền hưởng một tuần trăng mật êm ả chứ!
- Tôi đã hứa cho Haila French tin độc quyền về ngày đầu trăng mật của anh chị! Hy vọng là anh chị không muốn bị cô ta kéo xuống tận bùn đen suốt cuộc đời còn lại... Cũng đừng quên là anh chị muốn lập công ty điện ảnh riêng...

Harry ngắt lời ông:

- Nghe này, hai ngày thôi mà! Hãy ban cho chúng tôi 48 giờ yên tĩnh, sau đó chúng tôi sẽ làm tốt vai trò ông sắp xếp. Chúng tôi sẽ cho Haila tin tức độc quyền về hai ngày đó.
- Nghe được...- Dave đưa bàn tay trắng nõn như con gái ra... Vậy thì đồng ý. Hai ngày ở Mexico, phải không?
- Đúng thế. Chúng tôi sẽ leo qua vùng núi thăm một người bạn cũ của tôi. Săn bắn một chút cho vui. Hai ngày nữa chúng tôi sẽ điện thoại cho ông và cho biết chúng tôi đang ở đâu. Cũng nói với Haila giùm: cô ấy sẽ được độc quyền phỏng vấn qua điện thoại.

Dave nhún vai rất kiểu cách:

- Thế thì được. Mọi người đang ở dưới chờ uống ly chúc sức khỏe và thượng lộ bình an. Cô Laura, tôi tin là đầy ý nhị, nếu cô nói với họ vài lời.
- Laura sẽ nói, Dave. Sau khi bảo Marie kiểm tra khi họ xếp hành lý lên xe của tôi xong, chúng tôi sẽ xuống.
- Tuyệt.

Dave ra khỏi phòng. Laura nhắm mắt lại, rùng mình rồi thở ra một hơi dài nhẹ nhõm.

- Đừng ngại, anh Harry. Em còn có thể đối phó với họ lần chót. Em biết em phải nói gì.

Cô trăn trối lại, cố nở một nụ cười tươi và làm một điệu bộ phục tùng và biết ơn:

- Cảm ơn, cảm ơn tất cả các bạn nhiều. Tôi khó nói là chúng tôi sung sướng đến ngần nào, cảm động biết bao với những lời chúc của các bạn. Tất cả các bạn ở đây đều duyên dáng, đầy thông cảm. Chúng tôi chỉ còn một ước nguyện trình bày với các bạn. Chúng tôi thiết tha xin các bạn thân mến, đừng tìm cách đi theo chúng tôi hay cố tìm xem chúng tôi đang ở đâu.

cChúng tôi xin mọi người tặng cho chúng tôi món quà cưới duy nhất là để chúng tôi một mình, trong vòng 48 tiếng, hoàn toàn một mình.

Mặt cô biến sắc và như cái mặt nạ nhăn nhéo. Cô nhắc lại từ trong thâm tâm: hoàn toàn một mình, để chúng tôi tổng khứ anh chàng George, chồng cũ của tôi đi.

* * *

Con đường lao xuống bất tận trong màn đêm. Cặp đèn pha của chiếc thùng quét liên tục trên những cảnh vật xung quanh. Harry Lawrence lái xe, ông ngồi thẳng, vững chắc nhưng trên mặt đã hằn lên những nét mỏi mệt. Laura ngồi tựa vào vai anh, cố tìm niềm an ủi ấm lòng trong sự âu yếm dịu dàng của chồng. Các bắp thịt trên má, trên trán, trên môi đều giãn ra vì mỏi mệt. Harry lên tiếng chậm chậm bình thản:

- Anh nghĩ là chúng ta hết còn phải phập phồng lo sợ - Ông lại chăm chú nhìn con đường trống. Nếu họ cố tình theo dấu chúng ta, mặc dầu em đã khẩn khoản yêu cầu đừng theo, thì chúng ta cũng đã đánh lạc hướng được họ

rồi. May mà chúng ta đã không tiết lộ nhiều với người anh em phản trắc như Dave.

- Dù sao thì chúng ta cũng đã thành vợ chồng - giọng Laura rất sắc, khiến người ta có cảm giác là cô đã loạn trí. Đó là chuyện quan trọng, đúng không Harry? Chúng ta sống với nhau như vợ chồng vì bắt buộc phải vậy, vì chúng ta biết quá rõ là phải như vậy.

- Chúng ta đã thành thân với nhau và anh thấy hạnh phúc - Harry trả lời không khóc - Chúng ta sẽ sống như vợ chồng vì chúng ta muốn như vậy. George cũng giúp một chút khiến chúng ta thành vợ chồng sớm.

- George! George! Cưng ơi! Chính hần ta đẩy chúng ta đến hôn nhân. Và giờ đây, cô dâu mới đầy hạnh phúc đang đi hưởng tuần trăng mật với người tình trẻ, xách theo anh chồng cũ trong một cái rương.

Cô úp mặt vào hai tay, Harry cứ để cô thổn thức trong một phút, rồi buông một tay khỏi tay lái, lắc cô nhẹ nhẹ.

- Laura, có ánh đèn pha xe theo sau chúng ta, đang lao đến hết tốc độ.

Cô nín thở:

- Cánh báo chí?

- Không, ráng nghe xem.

Cả hai lắng nghe tiếng còi hú lạnh lạnh của xe cảnh sát, càng ngày càng lớn.

- Đó là xe cảnh sát.

- Họ đã khám phá ra hết dự tính của chúng ta, Harry. Họ biết hết rồi.

- Họ không thể biết được. Chỉ có em, George và tôi biết chuyện này... và chẳng thấy ai đã động gì đến. Chúng ta không thể bắt được cái đuôi cảnh sát bằng chiếc xe thùng này. Thế nào họ cũng bắt kịp... em nên chuẩn bị giữ mình.

Ông thắng xe lại mà xe còn trôi đi vài thước. Xe cảnh sát đậu sau họ vài thước, bánh xe xiết trên đường. Laura vội vàng trang điểm lại cho tươi tắn.

Harry rút một miếng thuốc, mời lửa. Một cảnh sát tiến về xe họ và đưa cái mặt khó khăn ra.

- Cho tôi xem bằng lái xe. Chắc ông vội đi đến một nơi nào đó, phải không ông?

Harry vui vẻ trả lời:

- Chính thế đấy ạ. Chúng tôi vừa làm lễ thành hôn và bây giờ...

Laura bật đèn mui, chồm ra phía ông cảnh sát, cười tươi:

-Ồ, ông thanh tra, chắc ông thông cảm. Tôi là Laura Layne, còn đây là chồng tôi. Chúng tôi mới thành hôn sáng nay.

- Cô là Laura Layne sao? Bộ mặt rắn đanh của người cảnh sát bỗng nở một nụ cười báo điềm vui. Có thể nói là tôi đã coi lễ thành hôn của cô chiều nay, trong mục tạp chí điện ảnh trên truyền hình. Tin về đám cưới của cô đầy đầy trên báo chí.

-Ồ vâng, trên tất cả các phương tiện truyền thông. Cô nói với cái giọng thân thiện dễ thương, vương sầu của một cô dâu cần nhất là tìm được một nơi thanh bình. Giờ đây chúng tôi đang phải chạy trốn để tìm một nơi hưởng tuần trăng mật an lành. Chính vì thế chúng tôi mới phải chạy hết tốc độ.

- À vâng, hẳn là vậy.

- Harry đưa cái giấy phạt vi cảnh ra khỏi cửa kính xe và ông cảnh sát thu lại rồi tiếp.

- Tôi hiểu hết rồi. Có thể nói bà xã tôi sẽ rất thích thú và ngạc nhiên, khi tôi kể cho bà ấy việc tôi chặn phạt Laura Layne trong hành trình thành hôn của cô ấy.

- Ông thật giàu lòng thông cảm - Laura nói dịu dàng với vẻ mặt biết ơn.

Hôm nào mời ông dẫn bà ấy đến phim trường, tôi rất vui mừng được dẫn bà ấy đi coi quay phim.

- Thế nào tôi cũng dẫn bà ấy đến. Bà ấy sẽ vui thích đến điên lên mất. Thôi,

chúc ông và bà Layne lên đường may mắn.

- Cám ơn lắm lắm - Laura nói nhỏ nhẹ và chiếc xe thùng mau mắn lồng lên, lao vút đi. Chiếc xe cảnh sát cũng biến mất về phía sau. Cô đợi cho ánh đèn xe cảnh sát mất hẳn rồi mới nói:

- Anh Harry, em hết chịu nổi rồi. Thật đấy.

- Hết phiền phức rồi, cưng. Cách đây một cây số rưỡi, chúng ta sẽ quẹo phải về biệt thự trên núi của anh. Chúng ta phải đi qua về hướng Nam để phòng hờ Dave đi theo, nhưng tới đây chúng ta có thể quẹo mà không sợ lộ. Vào khoảng 3 giờ sáng là chúng ta đã đến nhà, ở thời điểm này, vùng này rất vắng vẻ. Ta có thể thanh toán cái của nợ George một lần và, vĩnh viễn.

Cô nói thều thào như hơi thở, khó khăn lắm mới nghe được:

- Chạy nhanh lên, anh Harry. Trong suốt quãng đường ta vừa vượt qua, em có cảm giác cặp mắt trong cái rương phía sau ta, chúng cứ nhấp nháy với em như thể chúng biết thừa chúng ta đã qua những đâu và sẽ đến đâu.

Harry lắc đầu và tăng tốc. Cô ngồi thẳng, các bắp thịt căng cứng, nhìn khoảng đường trước mặt vùn vụt chạy lùi ra phía sau. Sau cùng cô chìm vào giấc ngủ, tựa đầu vào vai chồng.

Phía sau, cái rương đựng George cứ nảy tung lên, mỗi khi bánh xe lăn trên một cái mô trên đường. Nếu không phải là trong cái xe thùng kín mít thì nó đã văng xuống đất rồi.

Khi cô mở mắt ra, xe đã đậu. Mọi thứ im phăng phắc. Cũng chẳng nghe thấy một tiếng côn trùng chỉ có tiếng rì rào của gió lay động những cành thông trên cao.

Harry đã tắt đèn xe và cái vila của ông khá rộng nhưng đã xuống cấp, nổi bật lên nền trời đầy sao, xa xa là một cái hồ trên vùng núi quanh hiu.

- Chúng ta đã về đến nhà.

Lúc đó cô mới nhúc nhích.

- Mọi sự êm xuôi. Anh chẳng thấy một ánh đèn pha nào từ hơn một giờ qua. Ta sẽ mang George vào trong nhà, bỏ vào một hộp dưới hầm. Sau đó ta khóa cửa lại và đóng để cho cái xác thôi rục. Chúng ta sẽ an toàn cho đến ngày phán xét sau cùng.

- Cám ơn Trời. Nhưng em vẫn cảm thấy George sẽ tìm đủ mọi cách phá bĩnh.

- George không thể làm hại em được nữa đâu.

Harry ra khỏi xe, mở cốp xe sau, rồi nói:

- Thật ra anh rất khoái chí khi mang lên được George ra, trước mặt cánh nhà báo. Thế nào cũng có ngày anh làm một phim về George.

-Ồ, anh Harry, đừng nói như vậy!

- Được, anh sẽ không nói chuyện đó nữa. Chìa khóa cửa trước đây. Người ta cũng có thể nạy cửa sổ leo vào nhà đấy... Anh vác George, em đi trước mở cửa đi... bật đèn lên

Anh nhắc rương ra vác cái xác trên vai, và cô nghe anh càu nhàu gì đó nhưng không quay lại. Cô tiến bước trên lối trải sỏi cuội, những bước chân nặng nề của chồng cô theo sau. Cô bước nhanh đến bậc thềm gỗ. Loay hoay mãi cô mới tra được chìa vào ổ khóa và mở được cửa ra. Cô bước vào. Harry theo sau hướng dẫn cô vị trí công tắc đèn. Cô xoa tay lên tường mò mẫm.

- Em chẳng sờ thấy công tắc đâu cả.

- Có một chùm đèn trần với sợi dây dẫn xuống, em quơ quơ chỗ gần tường sẽ đụng đầu giây và kéo nhẹ xuống. George nặng quá, anh muốn mau mau đặt được anh ta lên giường.

Cô vừa nắm được sợi dây, kéo nhẹ một cái, đèn bật sáng, thì đồng thời cô cũng nghe thấy giọng nói, tiếng cười, tiếng dậm chân ở phòng bên cạnh.

- Mexico - một người nói.

Cái giọng giễu cợt của Dave làm ngón tay cô đông cứng lại, không sao lấy

ra khỏi vòng dây được. Cái đèn lại tắt.

- Ông ấy đã đánh dấu lộ trình về nhà mình bằng bút sáp đen trên bản đồ.

Pedro chẳng tìm thấy trong hành lý của ông ta một cái địa chỉ hay giấy tờ thuê bao máy bay đi Mexico gì cả. Nào, các bạn, chúng ta hãy chào mừng đôi tân hôn hạnh phúc đi. Tôi tin là ông ấy đang bồng cô dâu bước qua ngưỡng cửa. Chụp một pô đi Ret.

Hàng chục giọng say hét nhè bắt đầu đồng ca:

- Kìa cô dâu tới, kìa cô dâu tới! - Một ánh đèn flash chụp ảnh lóe lên, tràn ngập căn phòng thênh thang, làm mọi người chóa mắt.

Laura chơi vơi, hai tay quờ quạng khiến đèn lại bật sáng.

Tiếng hát tắt ngấm. Sau cùng một giọng nói run sợ vang lên:

- Jésus.

Tức thì, một nữ ký giả bắt đầu la khóc.

Harry đứng chết sững cạnh Laura, vác George trên vai. Mặt xác chết sát ngay mặt nữ minh tinh. Cô không nhìn thấy Dave Dennis, không nhìn thấy bọn ký giả, không nhìn thấy người phụ nữ khó, cô chỉ nhìn thấy một mắt của anh chàng George đã chết, ở ngay sát cô đến độ cô cảm nhận như George nheo mắt nháy cô một cách tàn bạo thâm độc.

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Biên dịch: Kim Lương

Kho Báu

Nguyên tác ,Le Tresor

Tác giả: F. Tennyson Jesse

Hè năm nay kéo dài, và chỉ đến những ngày cuối tháng 10, Brandon mới nhận ra hè đã hết. Thế rồi một cơn bão nổi lên, quét sạch vùng đầm, làm mất nước yên tĩnh cau mày, nước ao chuôm gợn sóng, bứt những chiếc lá thường xuyên bị gió núi lay động, lia cành. Sau cơn bão, thời tiết oi bức cũng biến mất, chỉ còn mặt trời nhợt nhạt mùa Đông dãi sáng mà không nóng trên cánh đầm lầy. Vài chiếc lá còn bám được vào những lá móc của loài dương xỉ. Khi mở cửa sân sau, ông mới nghe tiếng quàng quạc của lũ quạ và thấy những khối đen đau trên những cành cây trơ trụi.

Tới tuổi này Brandon mới cảm thấy nỗi hoài cảm mênh mông, xa vắng vào những ngày cuối năm, biểu tượng nỗi buồn tàn thu của những năm xế bóng cuộc đời. Ngay khi ông ngoái cổ lại coi đoạn đường mình mới đi qua, ông mới nhận ra dải nước xanh dương phía sau đám lau sậy um tùm, màu nâu nhạt. Đồng thời ông cũng nghe những chú chim cổ đỏ đang líu lo những khúc lý mùa Đông cao vút. Ở vùng đầm lầy này luôn có những cảnh quan đẹp mắt mà ông cảm thấy mình thực sự yêu thích.

Ông đã băng qua được cái sân sau rộng thênh thang, ngập bùn, đến gặp bạn

ông đang đứng trên ngưỡng cửa nông trang. Ông bạn tốt Miles thân mến. Dù mưa hay nắng, đông hay hè, ông bạn chỉ nghĩ đến những chuyện thực dụng. Nhưng hôm nay, cái khuôn mặt đỏ au của ông hơi xạm đi vì gió, mất đi phần nào nét vui vẻ yêu đời thường ngày. Tuy nhiên sự thay đổi này cũng không hẳn là tâm trạng thông thường của con người vào cuối hè sang thu.

Brandon hỏi:

- Ông có thấy Tom và Jack đâu không? Lẽ ra hôm nay họ phải cày khu đất 5 hec-ta mà tôi chẳng thấy họ ở đó. Dẫu sao thì ta đã giao khoán cho họ và tin họ.

- Tom và Jack à? Không, tôi không thấy. Chẳng có gì quan trọng phải không? Có lẽ họ đang làm những công việc không tên của nhà nông, ở chỗ nào đó trên khu đất mà ông mê đó, như bừa ải, bón vôi, xông khói, gieo hạt...

Nhưng nét mặt chủ nhà vẫn có vẻ khác thường.

- Từ hai hôm nay, họ xử sự rất kỳ cục, kỳ cục đến độ quái gở. Nghĩa là từ khi họ đào được những đồng tiền đáng nguyên rủa, sau cái hố lớn trong khu đất. Sáng nay họ xử sự với nhau rất kỳ lạ, khi họ đi với nhau, tôi chẳng hài lòng chút nào. Chắc giữa họ đã có chuyện gì xảy ra, ông Bill à.

Brandon mỉm cười, nhồi một gói thuốc, rồi nói:

- Tệ thật! Tại sao hai người không nghe nhau nữa nhỉ? Chắc là tiền bạc đã chi phối đầu óc họ. Xưa nay vẫn vậy, tiền bạc chia rẽ con người. Rồi anh coi, sẽ đúng như vậy.

Nhưng trong thâm tâm ông, ông cũng thấy một việc lạ thường hơn: ai cũng biết Tom và Jack là hai người bạn chí thiết trong làng, cao thượng hơn cả tình bạn giữa Damon và Pythias (*nhân vật trong thần thoại Hy Lạp*) nữa. Hồi nhỏ, hai người cùng học một trường, cùng chơi trong đội túc cầu mùa Đông, cùng trong đội dã cầu mùa hè, cùng trượt pa- tin với nhau, cùng đi săn

vịt trời, cùng câu cá, cùng chiến đấu với nhau trong một đơn vị ở cuộc chiến vừa qua, cưới hai chị em sinh đôi. Cũng có bằng chứng vững chắc là họ không hề xích mích với nhau. Không người nào có biệt tài gì, để vì làm nghề khác nhau mà xa nhau nhưng trong trang lứa cùng giai cấp của họ, thì quả thực họ đứng đầu trong quận. Hai người rất lương thiện, lịch lãm và thông minh. Tuy suy nghĩ có hơi chậm nhưng không kém phần mưu mẹo và vững chắc. Tom nhỏ hơn một tuổi, không cường tráng bằng, nhưng rất nhanh nhẹn. Jack to con vạm vỡ hơn, khỏe như một người Thổ. Tom dễ nổi nóng hơn nhưng cũng mau nguội. Jack thanh thản bình tĩnh hơn, âu cũng là đặc tính chung của những người có sức khỏe phi phạm. Thật đáng buồn và quái đản, chỉ vì đào được vài đồng bạc cổ, han gí mà họ chia lìa nhau.

Brandon gợi ý cho ông bạn Miles.

- Tại sao ông không nói cho họ biết những đồng tiền cổ han gí ấy chẳng còn giá trị gì?

- Tôi đã nói rồi, nhưng ông thừa biết là những lớp người đó luôn đinh ninh rằng, những cổ vật đào được đều có giá trị lớn, và Bảo tàng Anh quốc sẽ trả cho họ một món kếp sù. Hơn thế nữa, tôi còn muốn hướng dẫn cho họ hiểu về đồ cổ. Nhưng tôi không hiểu nổi họ lại còn tranh chấp nhau về vài đồng bạc đó nữa. Tôi nghĩ là họ nên chia sẻ với nhau cái mà họ gọi là báu vật ấy là đã đủ sung sướng rồi. Hơn nữa ngày công của họ chưa hoàn tất, từ xưa tới nay họ không bao giờ nghỉ sớm. Họ luôn nghỉ sau khi đã hết giờ làm việc. Họ thuộc thể hệ công nhân cũ không bao giờ bỏ giờ công việc.

Vừa nói xong thì một gia nhân hốt hoảng chạy vào hành lang, hỏn hển la lớn:

- Xin ông chủ đến vừa lúa ngay. Tom và Jack đang đánh nhau, họ quyết giết nhau...

Ông Miles quay gót, tức tốc chạy xuyên qua nhà, qua vườn hết tốc độ.

Brandon tất tưởi chạy theo ông bèn gót.

Cái nhà kho rộng thênh thang nằm chênh vênh bên sườn đồi. Một công trình bằng gỗ sơn đen, mái ngói đỏ. Sát phía Tây nhà, ánh chiều tà giát vàng lên những cây rơm mới.

Hai người chạy leo lên sườn đồi dốc. Đất ẩm, cỏ rậm ôm lấy bước chân họ. Brandon lướt qua mặt chủ nhà vốn hơn ông vài tuổi, lao nhanh vào vựa lúa như tên bắn.

Trước tiên, ông thấy mọi vật trong kho chìm trong bóng tối mờ xỉn. Cái bóng tối mờ mịt vì bụi do cuộc ẩu đả tung lên, mà ta chỉ nhận ra nhờ bụi cuộn cuộn trong những tia nắng từ cửa chiếu vào. Mùi súc vật, mùi đất nện, mùi cỏ khô bốc lên, hòa quyện trong cái bóng tranh tối tranh sáng của kho nông sản. Những xà nhà, những cột gỗ hiện ra rõ rệt trước nhất trong khoảng tối nhà kho. Vì đã quen với bóng tối dần dần, Brandon nghe những tiếng rên dễ sợ và một cú đập sắc gọn. Hai người đang đánh nhau trên nền nhà bằng đất nện. Miles và Brandon lao tới đó. Người khỏe hơn vừa rên la vừa đập như mưa lên đầu đối thủ. Người yếu hơn rên rỉ như hết hơi rồi gục xuống nền đất, bất động.

- Đẹp nhỉ? Thôi đủ rồi! - Ông Miles la lớn rồi nắm chắc cánh tay Jack - Anh điên rồi, anh sẽ giết Tom mất!

Jack quay bộ mặt điên dại về phía ông chủ.

- Tên ấy đáng chết lắm, một con chó ghê ! Nó là thằng trộm cắp, đúng một tên trộm cắp.

- Tom mà là quân trộm cắp à! Anh tệ quá! Anh chỉ nên đánh nhau với kẻ nào thật sự đã trộm cắp của cải của anh thôi.

- Nhưng đúng là Tom trộm cắp thật. Hắn đã lấy hết số tiền cổ chúng tôi đào được, và giấu ở đâu đó mà không chịu nói ra. Hắn nói láo là không lấy.

Brandon đang quì cạnh Tom xem xét. Tom bất tỉnh, mặt nhễ nhãi những

máu. Ông ngược mặt lên nói:

- Anh đã đánh anh ta gần chết rồi. Dù có thật như thế chẳng nữa, anh cũng phải xấu hổ chứ? Tôi cũng chẳng tin Tom lại đi giấu mấy đồng tiền. Tom chưa bao giờ làm những việc như vậy. Ôi trời! Coi này ông Miles. Coi hai nắm tay của Jack. Cạy tay hắn ra.

Nói rồi, Brandon tiến về phía Jack đang nhìn ông trân trối, hai tay nắm chặt. Khi ông chủ và Brandon cạy tay Jack ra, anh không phản ứng. Mỗi tay Jack đều nắm một lưỡi đá hỏa thạch mài sắc, cả hai lưỡi đều dính máu Tom.

Brandon nhìn đôi mắt thất thần của Jack, không nói gì. Ông nghĩ rằng chẳng còn lời lẽ nào thức tỉnh được lương tri của con người chẳng còn biết gì lẽ phải nữa, ông nói với bạn:

- Các ông phải đưa Tom ra ngoài, ông và Jack khiêng anh ấy ra. Tôi sẽ đi kiểm tra một vòng quanh nhà kho.

Lạ thay, Jack nghe lời ông ngay. Anh đưa tay nhẹ nhàng nâng đầu Tom lên, cái đầu anh vừa đánh đập. Anh và ông Miles khiêng người ngất xỉu qua luồng ánh sáng ở cửa, đưa ra ngoài trời quang đãng.

Brandon ngồi trên cái xô lật úp ông thấy trong tầm tay. Nhìn thấy máu là ông thấy xây xẩm mặt mũi. Đó là một nhược điểm mà ông không khắc phục được, bởi vậy lúc này ông cũng chẳng ân hận vì mình mềm yếu, ông cho rằng chính bầu không khí trong nhà kho và cơn giận Jack khiến ông cảm thấy vật nặng chiếu nghiêng xuống chỗ họ đánh nhau cũng nhạt nhòa.

Thường thì Brandon không phải loại người đa sầu đa cảm, nhưng trong suốt cuộc đời, ông nghiệm ra rằng, ông luôn tự chuốc lấy một cách kỳ cục, những cơn khủng hoảng tâm thần. Cứ suy nghĩ chuyện chẳng liên quan đến mình rồi sinh ra sầu khổ. Những lần khủng hoảng chìm trong suy tư không phải

do ông có những thiên tài phân tách tinh thần, mà vì một ngoại lực, vì ông hiểu biết hơn nhiều người khác, vì ông còn hiểu được nhiều điều trên lẽ thường. Ông có khả năng thấu thị, hiểu tức khắc ngay được đối tượng: thí dụ một cái cây quen thuộc, một hàng sách hiện ra trước mắt ông dưới một chiều không gian bất thường, như thể nhãn quan về thế giới biến đổi để cho ông thấy một chiều chưa biết rõ. Như thể cái cây, hàng sách không còn bản chất thông thường của chúng, mà thành linh trở nên có góc cạnh phóng vào không trung. Lúc đó thì ông thấy bình thường. nhưng lúc nghĩ lại ông mới hiểu, ông thấy quay cuồng xây xảm khi nhìn thấy nhiều chiều của sự vật. Trong cái không gian nhiều chiều ấy có một luồng ánh sáng hướng dẫn ông, ông trực giác được ngay bản chất sự vật và hiểu rằng những hiểu biết của chúng ta thường là bất toàn. Ông hiểu rằng có những động lực thúc đẩy con người ta hành động thật kỳ cục, không thể giải thích được. Đôi khi ông lại thấy một quan điểm mới về một vấn đề mà ông không cố ý tìm cách giải quyết.

Ông ngồi trong nhà kho mà như bị thôi miên trong cảm giác này. Ông bắt đầu cử động và tự nhủ có thể do thần kinh ông bị xáo trộn và do vệt nắng chiếu qua cửa. Ông đứng dậy và thị giác của ông như đang nhìn theo một chiều kính mới, ông thấy một cái mũ dạ nằm dựa vào tường nhà kho, gồ lên một cách kỳ lạ. Ông lượm nón lên, vành nón có cài một cái lông chim tu hú, đúng là nón của Tom rồi. Chiếc mũ nặng lạ thường, suýt nữa ông đã tuột tay làm rơi nó, ông lần tay giữa hai lớp vải lót mũ, ông cảm nhận được những khác phân cách đều nhau của một cọc tiền. Vậy là Tom đã nói láo, đã giấu tiền. Một cảm giác tức giận giống hệt như cơn tức giận khi ông nhìn thấy lưỡi đá trong tay Jack.

Hai tay bung cái nón, ông nặng nề bước ra khỏi nhà kho, băng qua vườn vào một phòng nhỏ nơi Miles dùng làm văn phòng. Ông ngồi xuống bàn, dẹp

gọn những giấy tờ và sổ sách của chủ nhà sang một bên. Ông chuỗi cọc tiền cong queo như một khúc rắn từ cái mũ ra. Nó đây, trước mặt ông, chổng tiền cong queo như một cái chuôi dao, nguyên nhân hất hòa giữa Jack và Tom. Những đồng tiền quá cổ, đã bị oxy hóa làm chúng phồng lên, chỉ còn nhìn thấy cái đầu của một Hoàng đế đúc nổi trên đó (không nhận ra là vị Hoàng đế nào) nhưng chắc chắn là một Hoàng đế La Mã. Nhìn những đồng tiền hư nát này, khó mà tin được lại là nguyên nhân anh em đánh nhau đến chí mạng.

Ngay lúc đó một cảm giác lạ tê rần chạy từ chân lên đầu ông, ông không thể nhúc nhích được nữa, dù là nếu căn phòng tự nhiên bốc lửa, ông cảm thấy lạnh, cảm thấy nhột nhạt như có kiến bò khắp người. Sau đó ông mới nhận ra ông đang cầm trong tay cái vật gở: từ lúc nhìn thấy nó ông đã ghê tởm. Cái cổ vật xui xẻo đến độ mỗi khi ai đào được cũng đều chuốc lấy đau khổ. Ông ý thức rất rõ những cổ vật được đưa lên ánh sáng do những lưỡi cày, khi câu hay quăng chài dưới biển, bị rơi hay bị đánh giạt vào bờ lâu hàng thế kỷ. Những ai tìm thấy chúng đều bị tán gia bại sản. Ông nghĩ rằng nên liệng những thứ đó vào những nơi mà con cháu chúng ta trong tương lai không bắt gặp chúng. Cột đá vào chúng rồi liệng xuống biển, xuống ao đầm hay một giếng hoang chẳng hạn.

Ông cố chống lại cảm giác sợ hãi đến tê liệt, ông đã dẹp bỏ được nó nhanh gọn, ông đã vận dụng ý chí để tự chủ và trở về với thực tại. Ánh nắng chiều tràn ngập căn phòng, ông vẫn còn run nhưng cảm giác nhột nhạt như kiến bò khắp người đã dần dần hết. Ông thả rơi cọc tiền lên bàn. Đưa tay lên xoa cái trán đang rịn mồ hôi lạnh. Ông tự nhủ, vài phút nữa ông sẽ làm việc phải làm, ông từ từ đứng dậy...

Một ý tưởng hãi hùng xâm chiếm ông, ông dùng cả hai tay cầm và đếm cọc tiền. Ông đếm đi đếm lại 3 lần, trong thâm tâm vẫn hy vọng là mình đếm sai

vì ông lại đang bối rối. Dù đếm theo cách nào chúng cũng là 30 đồng bạc
chẵn, ông nhảy xa cái bàn, chân tay run lấy bầy, miệng lẩm bẩm:
- Ba mươi đồng bạc trắng... Đúng 30 đồng bạc Juda bán Chúa!

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Biên dịch: Kim Lương

Vật Tội Chứng

Nguyên tác: Le Corps Du Délit

Tác giả: Wibur Deniel Steele

Daniel sinh ra ở một trong những ngôi nhà ở Nouvelle - Angleterre, mỗi khi đi qua người ta đều thốt lên “căn nhà khủng khiếp”. Nhưng vào cuối thế kỷ thứ 19, căn nhà đã cổ, người đi ngang qua lại trầm trồ “thật là một kỳ công kiến trúc”. Các cửa sổ mới lịch làm sao, vòm nhô cao này, nhiều bộ phận điêu khắc bằng đá này. Thật là vào thời đó, người ta biết xây nhà đẹp.

Có thể họ nói riêng về ông Dan Kinsman, cha Daniel: “Là một trong những người biết xây dựng cuộc sống của họ vào thời đó”.

Khi Daniel về nhà nghỉ hè sau năm học đầu tiên ở trường trung học xa nhà, cậu thấy căn nhà không có gì thay đổi. Vẫn những gờ tường nặng nề, vẫn những tháp đưa ra, vẫn những cửa sổ vuông, tròn, cái cổng trên đường xe vào. Cả khu nhà núp gọn ghẽ dưới những cây dẻ nâu màu sô cô la cao vút.

Cậu nói:

- Đây là nhà mình, chẳng giống một cái nhà nào của bạn bè.

Khi chủ ý tìm hiểu về cha mình, đã có lần cậu tưởng như đã tìm ra được điều bí ẩn về cha mình mà cậu đã đặt ra từ hồi niên thiếu: “Bố mình thật cũng chẳng giống bố của một bạn nào”.

Năm nay Daniel mới hiểu ra rằng cha các bạn cũng như cha mình, chỉ có mối quan tâm duy nhất là tìm đủ mọi cách để tăng thu nhập, giống hệt như những học sinh lớp trên mình luôn nghĩ tới tương lai nhưng lại không kiên nhẫn, cần cù chịu khó nhưng lại rất giao động. Họ chẳng kiêu ngạo một thứ gì nếu không tự cảm thấy cần phải dừng lại.

Trái lại, cha của Daniel lại tỏ ra bằng lòng với số phận, bằng lòng ở nhà này cũng như những năm trước, bằng lòng sử hữu những gì đã có, vẫn có cùng những sở thích gần như truyền thống. Vẫn thích đi bách bộ, đọc sách, sử dụng kéo tỉa cây và lưỡi cuốc xới, dùng cần câu thường và nuôi chó. Ông khỏe mạnh, 50 tuổi mà vẫn đứng thẳng, mái tóc dày đen nhánh, hàm răng còn nguyên vẹn phô ra mỗi khi ông cười. Thật kỳ lạ!

Và Daniel bất chợt hiểu ra rằng bố cậu cũng không có tham vọng... nghĩa là, về vài phương diện, con trai thấy bố mình kỳ cục. (Daniel không thấy được những phẩm chất của ông nên cho đại là như vậy.)

Daniel như muốn phá lên cười vì anh thấy mình đã là một thanh niên mà cứ để việc không hiểu bố mình canh cánh bên lòng thì không nên. Ngoài việc ông tỏ ra quá nghiêm túc đối với cậu trong suốt 15 năm qua, cậu còn vui như muốn nhảy cẫng lên, khi cậu khám phá ra cái khác biệt giữa cha cậu và cha các bạn: cái khác biệt mà cậu chấp nhận được và dùng nó để giải tỏa tâm tư mình, cậu cho là cha cậu không thích tiền.

Vâng, cậu đang nhảy nhót vui sướng cùng bố vừa đi vừa nói chuyện trên lối đi đầy cỏ, hai bên viền hoa tú cầu, vào buổi chiều đầu tiên tháng Sáu. Mẹ

cậu ngồi cạnh chiếc cửa sổ cao đưa mắt nhìn theo hai bố con anh, miệng nở nụ cười nhưng kém tươi. Cũng thật kỳ lạ, cậu luôn ngưỡng mộ dễ dàng người mẹ bệnh hoạn xinh đẹp của cậu. Cậu luôn thổ lộ mọi ý nghĩ thoáng qua đầu mình với mẹ, dù cậu thấy chẳng có gì quan trọng. Hay cậu đã từ bỏ bản ngã của mình dễ dàng yêu mến và làm bạn với cha mình, người có nét đẹp đen sạm, u ám mà cậu giống hệt cũng hết sức kỳ lạ.

Và hôm nay ta có thể nói một phép lạ đã xảy ra, sau một năm đi học vắng nhà, giấc mơ của anh đã thành hiện thực: anh đang đi dạo và huyền thuyên nói chuyện với bố anh và bố anh cũng cảm thấy thanh thản trêu mến anh, như thể là hai người bạn. Họ đang ước tính vụ thu hoạch khoai tây trong vườn, hoặc người ta xếp được bao nhiêu đồng rơm để sẽ xếp thành cây lúc ngày tàn. Cùng cười khi đánh một vòng quanh trại nuôi những con chó giống spot. Cùng chào thân thiện bác sĩ Martin đứng bên vườn. Và sau cùng chính là phép lạ của phép lạ, hai bố con cùng về nhà, tay trong tay cùng lên tận lầu 1 hỏi mẹ bữa ăn chiều sắp xong chưa, như thể chỉ có bà chủ nhà yếu đuối bệnh hoạn này mới có thể trả lời thỏa đáng.

Đúng là một ngày đầy phép lạ, mùi rượu thuốc bay đầy trong gió. Bà ấy đi xuống đón họ, tự mình đi được, coi có vẻ linh hoạt lên một chút, má ửng hồng, hai mắt sáng long lanh, kỳ tích này làm hai bố con họ rất đỗi ngạc nhiên. Và tối nay, ba người ngồi ở bàn ăn thay vì chỉ có hai cha con như thường lệ. Và như một giấc mơ tiếp nối một cơn ác mộng. Giấc mơ được sắp đặt trước, bắt đầu bằng những điềm báo rất hứa hẹn, tươi sáng. Giấc mơ không chấm dứt cùng bữa ăn. Ăn xong bà ra theo hai bố con ông ấy, như muốn chia sẻ phép lạ với họ. Hai bố con từ nay đi với nhau tay trong tay và cuốn theo bà đi.

Cảnh mặt trời lặn thật đẹp, cả một góc trời ánh lên màu tím nhạt sau hàng cây hạt dẻ đang nhú lá non. Dan Kinsman bắt đầu nói, nhưng không câu nào

gãy gọn vì ông mắc cười mỗi khi bà Vivian làm một cử chỉ ngồ ngổ. Còn Daniel, chấp nhận các sự việc lạ lùng này một cách thản nhiên. Và bà Vivian Kinsman thì như một công chúa đã được giải tù, trở về vương quốc của vua cha, đang chỉ bảo cho bố con anh con đường phải theo. Bà cười không dứt, cười nhiệt tình và truyền cảm... Đến chỗ một bờ rào, bà nói:

- Em thích những bông hoa này quá, anh Dan, em thích bồn hoa này. Em chưa bao giờ thấy những bông hoa nào đẹp như vậy!

Khi đến trước những bông hoa mỹ nhân, cao bằng người lớn, mà bố Daniel rất hãnh diện, bà đưa tay lên sờ lấy ngực như sợ sệt.

Bà thấy con spot và lũ chó nằm sưởi ấm trước chuồng. Tiếng bà la lên, giọng hơi khác lạ:

- Anh phải coi kỹ chúng, coi hết.

Ông Dan vừa trả lời vừa cười để trì hoãn:

- Con spot bị xích kỳ này nó cứ kéo căng dây và...

- Ông đừng có đem chúng đi trần nước nữa. Cứ nghĩ tới là tôi không chịu nổi...

Cái giọng the thé của bà cần phải trả lời để lẩn lướt ngay.

- Chắc chắn là không, em Vivian ạ. Tôi sẽ giữ lại hết để nuôi. Trừ phi có người nào rất muốn mua một con, và tôi xác nhận được nhà đó nuôi chó tốt. Mặt trời khuất sau đám rừng xa xa, lúc đó bố mới bồn chồn nói:

- Chỉ vài phút nữa là trời se lạnh đấy em ạ, Vivian.

Bà ấy theo về nhà ngoan ngoãn lạ thường. Khi đến tận bậc thềm cửa bà mới bảo chiều nay mang cho bà vài bông mỹ nhân vào phòng.

- Em muốn sáng mai thức dậy trông thấy chúng, anh Dan, ba bồn bông là đủ.

- Tôi sẽ hái cho em một ôm, cưng ạ. Anh sẽ đi chọn ngay.

Daniel đưa cánh tay ra đỡ mẹ. Anh có cảm tưởng hôm nay mình lớn hẳn lên, vì bố anh đã đi khỏi đây. Bà đi ra phòng khách, ở đó có lò sưởi. Khi Daniel

đã đốt đèn, anh quan sát cái bóng trắng của mẹ ngồi thụp, lọt thỏm trong cái ghế bành của bố. Anh nói:

- Hôm nay mẹ có vẻ vui.

Bà không trả lời, mắt nhìn chăm chú vào lò sưởi, và mặt bà rạng rỡ như một ngọn lửa. Và trước khi anh chịu suy nghĩ cho ra tại sao, anh tha thiết hỏi ngay:

- Mẹ có hạnh phúc ở đây với bố và con không?

Nghe hỏi vậy, bà ngồi thẳng lên ghế, nhìn thẳng vào mắt cậu con trai và trả lời chắc chắn.

- Có mẹ luôn hạnh phúc - Rồi sự chắc chắn biến thành vui vẻ khi bà tiếp. Tại sao ý đó lại nảy ra trong đầu con vậy? Có, mẹ hạnh phúc lắm.

Rồi bà lại tự thả mình rơi xuống ghế nệm và gấp rút nói tiếp:

- Bố con là một thiên thần, con ạ, nhưng hơi chậm. Đi tìm bố con và bảo bố con lấy hoa nhanh lên.

Khi bố cậu đã nói lấy một ôm là ông sẽ làm như vậy, ông đã hái được một bó lớn. Nhưng các cánh hoa đã cụp lại, chuyện đó không quan trọng vì bà Vivian muốn sáng mai các bông mới xòe ra. Chính vì thế mà ông còn đứng đây suy nghĩ, sắp xếp cho bó bông ngay ngắn vào lúc mặt trời lặn.

Và ngay khi con trai ông, Daniel, gặp ông, cậu cũng có vẻ trầm tư, đến nỗi cậu hỏi ông mà không ngẩng mặt lên, mắt vẫn nhìn dưới đất.

- Bố ơi, có phải mẹ sống ở đây lâu hơn ở Kennelbridge phải không bố?

Ngày hôm nay, sao có nhiều bất ngờ xảy ra cho Dan Kinsman quá, ông chỉ hơi quay đầu lại rất chậm rãi để quan sát con ông.

- Ở đây mẹ con hạnh phúc hơn - ông trả lời nhẹ nhàng.

Cậu bé thắc mắc về chuyện này ngược mắt lên nhìn bố, trời chạng vạng tối nên cậu chỉ nhìn thấy ông như một bóng đen, khi họ đi vào chỗ bóng cây, cái bóng đen của bố cậu vừa méo mó vừa được phóng lớn lên, nổi bật giữa bóng

sẫm màu máu của những bông mĩ nhân và bóng sẫm của bồn hoa. Cậu đã quên điều thắc mắc của cậu, cậu nhướng to đôi mắt, ông bố hiểu rõ cậu và suốt cả buổi chiều ông vừa sợ vừa hy vọng cậu con sẽ có cử chỉ này. Đi được một khúc nhà, ông quay lại gọi.

- Daniel, con trai bố ời. Rồi ông đưa tay ra cho con nắm, chẳng để ý gì đến cái bó bông màu máu, và con chạy đến chỗ ông.

Mình lên 15 tuổi và sắp thành người lớn để làm gì nhỉ. Tại sao mình không chỉ 10 tuổi và là một cậu bé nhỉ, hoặc chỉ lên 5 tuổi để làm một em bé nhỉ. Khi Daniel chạy qua bố, chân cậu tê rần như có kiến bò và ớn lạnh dọc theo xương sống. Cậu lao vào chỗ ống khói, nơi lúc nãy cậu tạm biệt mẹ đi gọi bố. Cậu loạng choạng, đưa hai tay bịt mắt, khóc nức nở rồi mới nói

- Mẹ ời... Mẹ ời... Tại sao đã nhiều lần con sợ bố?

Mẹ cậu luôn trả lời những câu hỏi này, ngay sau khi cậu đặt ra. Nhưng lần này bà giữ im lặng, cái im lặng của người mẹ làm cậu sợ và xấu hổ kín đáo về việc sợ bố mình. Và cậu càng sợ hơn nữa khi nghe bước chân bố cậu bước gần tới cửa.

- Mẹ ời, xin mẹ nói cho con biết. Cha con đã làm gì hả mẹ? Một chuyện kinh khủng, một chuyện đáng ghét?

Bà mẹ chẳng trả lời, chẳng một tiếng cũng chẳng cử chỉ, vì chẳng còn đủ giờ để dạy cậu bất cứ bài học nào. Một cái cửa trong nhà đã nhẹ nhàng mở ra và đã có ai đó vào nhà.

Daniel đứng dậy và quay lại, cố thu một chút can đảm. Cậu chẳng biết tại sao cậu lại đưa hai cánh tay ra chặn bố cậu lại và la lên.

- Không, bố đừng vào, đừng vào mà bố.

Qua đôi mắt nhạt nhòa nước mắt, cậu nhìn thấy đôi mắt bố không nhìn mình mà nhìn mẹ. Cậu hiểu trong họng cậu đang có hai yếu tố đấu tranh với nhau: cái mạnh hơn là cảm giác đau nhói nóng bỏng, cảm giác nhẹ hơn là một

niềm hy vọng dâng lên.

Cũng giống như nhiều lần có chuyện khác, chỉ vài giây là bố lên tiếng trước.

- Đó là lý do con nói những điều vừa rồi với bố, rồi khóc nức nở và trốn chạy sự thật. Như vậy không phải là cách cư xử kỳ lạ của con trước đây, phải không?

Người chồng có vẻ rung động hơn người con, vì khi nhìn cách cư xử của bà Vivian suốt chiều nay, ông nghĩ bà ấy như cây nến sắp tắt, chỉ lóe lên vài tia le lói trước khi ngủm.

Daniel lại nghĩ khác, khi quay lại, cậu nghĩ mẹ cậu đã chết sống trong ghế, cậu xiu luôn.

Bác sĩ Martin đã phải vất vả chăm sóc cậu nhiều ngày.

Sau buổi chiều dự đám tang, ông ghé thăm gia đình Dan, ông vốn thân thiết xưa nay. Ông thấy Dan chỉ ngồi một mình. Ông hỏi:

- Daniel đâu?

Vì câu hỏi của bác sĩ quá thân mật nên Dan có vẻ nghi ngờ, ông trả lời:

- Tôi không biết. Có lẽ nó chỉ ở gần đâu đây thôi.

Ông trả lời mà quay mặt đi chỗ khác.

Cũng dễ hiểu thôi vì ông vừa chôn cất vợ mình xong, người vợ ông đã sống chung hơn 20 năm. Chắc ông muốn ở một mình để hoài niệm. Ông bác sĩ tự trách mình và cho mình là đã hành động nông nổi rồi cáo từ.

Nhưng về tới nhà, ông bác sĩ băn khoăn tự trách mình, khi thấy Daniel đang im lặng, suy tư, đi đi lại lại trên bậc thềm dài. Bác sĩ thấy việc này vừa kỳ bí vừa làm ông bối rối nên ông không biết phải làm gì, nói gì. Tình thế càng khó xử hơn khi cậu ấy nói vài lời về thời tiết, và dã cầu.

Rồi cậu nói nhanh, gọn:

- Bác sĩ Martin, mẹ cháu có hạnh phúc khi sống ở đây với bố cháu và cháu hơn là ở Kennelbridge không?

Đôi khi đàn ông cũng cần phải ăn nói lưu loát. Đó là trường hợp của Dan Kinsman ba hôm trước và bây giờ là hoàn cảnh của bác sĩ Martin.

- Coi kìa cháu, mẹ con đã sống ở Kennelhridge và ở đây với bố con cháu ít ra là 10 năm. Con nghĩ gì mà hỏi như vậy?

Sau đó, ông bác sĩ cảm thấy ngạc nhiên, đôi mắt bất an của Daniel cứ chăm chăm theo dõi ông. Mặt trời đã lặn chỉ còn một mảng ráng hoàng hôn phía trời Tây, ông lại càng ngạc nhiên hơn nữa về tính nhạy cảm và khôn ngoan của cậu thiếu niên. Cậu không nhắm mục đích riêng tư nào và ý tưởng của cậu rất độc đáo nên ông bác sĩ cảm thấy kém vui. Cậu bé thì có vẻ như chưa muốn rời nhà ông.

Màn đêm đã xuống, bác sĩ Martin lại qua nhà Dan Kinsman. Ông thấy bạn ông đang đứng ngoài sân, đầu hơi cúi xuống, hai tay chắp sau lưng.

- Anh Dan này, anh nên nghĩ xem thằng nhỏ đang ở đâu. Nó đang ở bên nhà tôi ấy. Tôi e là đã muộn rồi.

Dan nghe, vẫn đứng thẳng như một cây trụ, chẳng nói chẳng rằng. Bác sĩ cho rằng Dan đang gặp cảnh khó xử.

- Tôi không thể trả lời câu hỏi của cháu được, anh Dan. Cháu có vẻ như đang rối trí. Cậu ấy có nhiều điểm giống mẹ... Những điều chúng ta dạy cậu ấy yêu thương mẹ, những điều chúng ta làm có ảnh hưởng tiêu cực đến cậu, ý chí cháu hơi yếu, khiến bệnh của cháu lâu khỏi. Tôi cho rằng hiện giờ cháu đang lẩn thẩn, coi những chuyện cón con là quan trọng. Cháu cứ ngồi thừ ra đó. Nghe tôi, ông bạn già: cậu bé không muốn về nhà đã khuất bóng mẹ... đêm nay sau khi an táng mẹ... dường như cậu ấy muốn ở bên tôi. Bởi vậy, anh cho phép tôi chăm sóc cháu.

- Vâng.

Cái âm tiết duy nhất này được ông phát ra khàn khàn. Ông bác sĩ ra về, nhưng quay lại hai lần nhìn cái bóng đen vẫn đứng thẳng trong bóng tối, đầu

hơi cúi xuống, hai tay che mặt. Ông giận? Hay buồn? Thế là sao? Ông nghĩ là Dan muốn chết hơn vì chẳng biết xử trí với chuyện này như thế nào.

Nhưng đâu đã hết với ông bác sĩ. Sau đêm đó, ông đã âm thầm vạch ra những kế hoạch đề nghị bố con cậu bé đi nghỉ hè ở đâu đó đều tan biến. Các học trò của trường cậu đang tham dự một trại hè trong núi. Sáng hôm sau, những vấn đề của cậu tạm thời được lãng quên. Dan sang thăm ông bác sĩ, ông hơi ngượng ngùng vì vốn không khéo che đậy.

- Ông bạn già, xin ông giúp tôi một việc được không? Hôm nay tôi bận, nhờ anh trưa nay dẫn Daniel ra ga.

Ông bác sĩ bằng lòng, ông không biết hai bố con chia tay nhau như thế nào. Vì khi ông sang thì cậu bé cùng với những va li đang đợi ở cửa, còn bố thì mắc bận ở đâu đó.

Ông bác sĩ vì thương cả hai cha con họ, nên che đậy rất khéo. Trong hơn một tiếng đồng hồ, cậu nói chuyện rất vui vẻ hết chuyện nọ đến chuyện kia. Việc cần một cuốn sách để đọc trong chuyến hành trình dẫn họ đến một quầy báo.

Thật là một dịp may. Tiếc thay, sạp báo chỉ có tiểu thuyết trinh thám. Liếc qua cái tựa sách, Daniel thấy không có cuốn nào cậu chưa đọc. Sau cùng, cậu chọn cuốn “Giết người”. Ông bác sĩ nhảy dựng lên.

- Chúa ơi, con... - ông bác sĩ ngớ ngàng thốt lên - Nhìn con, người ta tưởng con hiền như một con chiên con, nhưng ai ngờ con lại thích chuyện bạo lực? Tại sao con không đọc những thể loại truyện khác?

Daniel đỏ mặt... chỉ một lúc nữa thôi là mình hết nhiệm vụ, ông bác sĩ nghĩ vậy và kiên nhẫn.

- Đọc xong là con quên ngay ấy mà. Sau một tuần nếu bác sĩ bảo con thuật lại những gì con đã đọc, chắc là con chẳng biết đâu mà lần.

Cậu không nói được gì thêm. Và ông bác sĩ đã vô tình kiểm nghiệm được

những lý thuyết ông theo bấy lâu nay. Ông hỏi ngay:

- Cậu không nhớ những chuyện đã đọc! Chết nỗi! Con đã bao giờ thử chưa?

- Thử thuật lại? - Daniel thật sự ngạc nhiên việc ông bác sĩ hăm hờ đặt vấn đề này.

- Ta muốn nói con thử thật sự ấy, có bao giờ, nói cụ thể hóa, con đã xắn tay áo lên, cầm cuốc hay xẻng xới tung cái ký ức của mình lên, xem có những chi tiết nào của các chi tiết câu truyện mình đã đọc chôn vùi trong đó? Thật ngạc nhiên, nhiều tài liệu về tù nhân thường hay bị giam trong ngục tối, đã đào sâu khám phá tâm hồn họ...

Ông bắt đầu nói đến những nghiên cứu điển hình và cuồng nhiệt nói về các tù nhân này nhớ hết, từng lời từng chữ các câu truyện họ đã đọc hồi nhỏ.

Những người già hơn, có thể kể lại rành rọt nơi họ sinh ra, nơi họ sống thời thơ ấu, họ đã quên khuấy lúc trưởng thành nhưng nay lại nhớ lại... Người mắc một chứng bệnh tâm thần thì khó nhớ lại ký ức tuổi thơ hơn. Bác sĩ Martin khó khăn lắm mới kiếm được đề tài ông thích, ông lại sợ cứ mãi mê nói chuyện sẽ trễ tàu mất.

- Con không muốn nhớ lại. Nhưng thực ra, người ta không thể quên được. Không có cái gì con đã cảm nhận, đã nghe, đã thấy - dù có nhỏ nhất đến đâu, dù ta không nhớ rõ ngày tháng - cũng lưu lại một chút trong ký ức. Tất cả những gì đã ghi nhận trong tâm khảm con, dù có mơ hồ đến đâu, cũng không bao giờ xóa sạch được.

Thật hơi tàn nhẫn khi ông bác sĩ phản đối ý kiến cậu bé ngay mặt và rút vào tai cậu như vậy. Tàu đã vào ga nhưng còn từ từ tìm cách đậu đúng chỗ qui định và thuận tiện.

- Daniel à, theo lý thuyết thì con có thể nhớ lại hồi con mới sinh ra. Nhưng cần hàng ngàn năm nằm trong ngục tối để suy gẫm, và sau hết...

Khi cậu Daniel đã bước lên bậc toa xe, bác sĩ Martin mới nhớ tới một

chuyện mà ông suy nghĩ từ hai ngày qua.

- Daniel, con nghe đây: Mẹ con đã rất hạnh phúc. Cuộc đời của bà thật viên mãn, an bình và tràn đầy hạnh phúc với những người bà yêu mến. Hãy tin ta nói thật, Daniel.

Daniel rất vui mừng vì đã tìm được quyển sách này, nhan đề ‘Giết người . Để được chìm ngập trong cảm giác tội cùng, cậu đã chạy trốn thực tại và chỗ chạy trốn yên tĩnh nhất lúc này là trong những trang truyện. Cậu đã biết trước cái hương vị của tiểu thuyết hình sự, y hệt như những con nghiện biết hương vị vô song của một liều ma túy. Cậu chạy trốn thực tại, vâng, nhưng đúng ra chỉ là sự buông thả lạ thường, không cưỡng lại được và cũng hơi sờ sợ.

Sáu tháng trước đây chắc cậu sẽ không xấu hổ về lời nhận xét của ông bác sĩ. Chỉ mới đây thôi, cậu đã khám phá ra một khoái cảm đen tối, hết sức hưng phấn khi tưởng tượng ra trước mặt mình là một xác chết. Cậu không xác định được khoái cảm tội đỉnh này dâng lên trong cậu lần đầu tiên vào lúc nào.

Gọi lại ký ức à? Mẹ kiếp! Cậu giữ nguyên cuốn truyện một lúc, chưa mở ra vội. Cậu nghĩ tới sự tức giận của ông bác sĩ già nhẹ nhàng quá, cứ như không ấy. Có thật sự là ta có thể nhớ lại những gì đã chôn vùi trong ký ức không? Nếu ta kiên trì tập luyện...? Nếu ta dùng cuộc xê dịch để đào xới...? Phần lớn thời gian trên chuyến tàu dài 5 giờ, cậu đọc cuốn truyện. Điều này là đương nhiên rồi.

Nhớ lại những gì mình đã quên, ta sẽ thấy tận đáy tâm hồn sâu thẳm, lý do tại sao ta lại ghét một loại tiếng động nào đó, thích một loại mùi thơm nào đó, đúng không? Có thể như vậy không? Ôi cái thứ chết tiệt này! Cậu thốt lên một câu chửi thề, ánh mắt còn cháy bỏng, hai má và thái dương còn đỏ rần vì ý nghĩ trong đầu.

Đã đến một ga xép, tàu chỉ chạy thật chậm nhưng không đậu lại. Một phụ nữ cao tuổi bước lên toa, quay lưng về phía cậu. Hình dong bán diện của bà khỏe mạnh. mặc bộ đồ xám. nón và khăn mỏng tím nhạt.

- Bà Emma!

Lòng cậu se lại và cậu cười. Cái mũ tím của bà nghiêng về phía trước...

Emma, bà nhũ mẫu cũ của cậu đã chết cách đây ba năm - không, hai năm mới đúng - vì ba năm trước đây bà có từ Albany đến thăm cậu, một năm trước khi bà ấy mất.

Đúng, năm đó bà đi xe của cháu bà đến, mang cho Daniel cái áo sợi bà đã móc cho cậu. Cậu quan sát bà rất kỹ trong lúc cậu thử mặc cái áo sợi vào, cậu nhớ nụ cười rạng rỡ của bà ấy.

- Trời ơi, cô không tin được là con chóng lớn thế này trong vòng hai năm. Con có nhớ lần cô ghé thăm con gần nhất không?

- Con còn nhớ chứ, thế cô cho là con chẳng nhớ gì à? Và cô còn bảo con là... là một cậu bé kỳ lạ từ khi còn nhỏ, và cô còn bảo là điều đó sẽ qua thôi!

- Xin Chúa ban phúc cho con Daniel, và cái đó đã qua chưa?

Đối với cậu điều đó đã qua chưa? Nhưng đúng ra là điều gì mới được chứ?

Ba năm trước cậu đã biết điều đó vì cậu nhớ được những gì cô vú đã nói với cậu hai năm về trước nữa. Cô nói cái gì đó, đại loại như:

- Cô nói thẳng là con luôn luôn là một cậu bé kỳ cục, Daniel. Ngày đầu tiên cô gặp con, ngày đầu tiên... Ngày đầu tiên cô gặp con...

Cậu không thể tập trung được nữa, mặc dầu đã cố hết sức. Trong cái toa hạng sang, thế mà cậu không ý thức được mình đang ở trong một toa xe sang trọng. Daniel nhú mày.

Đừng chịu thua. Cố nhớ lại lúc đó bằng con đường khác...

Ta thấy, lúc đó hai người đang ở trong phòng của cậu. Cậu đang chuẩn bị đi ngủ và Emma đang đến gần cậu (vào lần thăm cậu áp chót, Emma ngủ lại

một đêm ở nhà cậu). Cô Emma đã nằm trong cái ghế xích đu xanh dương và phải nói liên tục không ngừng nghỉ. Cô phải nói nhiều đến độ mẹ phải nói:

- Daniel, cô Emma đã mệt rồi. Con đừng đặt nhiều câu...

Cái đó, điều đó là thế đấy. Giờ thì cậu nhớ lại rồi. Chứ mà cậu tìm mãi không ra là “câu hỏi”.

Không phải là “những điều con đã nói”. Lúc này cậu đã nhớ toàn bộ câu đó là:

- Ngày đầu tiên cô gặp con, con có biết con hỏi cô câu gì không? Nói ngắn gọn, một cậu bé ba tuổi mà con hỏi con ngựa vằn là gì? hoặc phi cơ là cái gì? Nhưng điều đầu tiên chính con hỏi ta chính là... sự việc đầu tiên con hỏi cô chính là...

Không, câu nói chưa đầy đủ. Tại sao trí óc con ngưng vận dụng ngay chính chỗ đó? Trước hết con đã suy nghĩ đến đó. Cô Emma thăm cậu trong phòng ngủ của cậu và cái phòng ngủ thì hôm nay cậu cảm thấy rất gần gũi.

Mặt cậu thiếu niên cau có. Máu trào lên khiến mặt cậu đỏ rần như đang tức giận. Một lời chửi thề “mẹ kiếp” đang run run định trào khỏi môi. Cậu có một cuốn sách để đọc, biết có tên một con chó, cậu sẽ đọc ngay. Cuốn truyện nhan đề “giết người”.

Giết người.

Lần này cậu đã nhớ được cái sự việc cậu hỏi đó!

- Sự việc đầu tiên con hỏi ta... ta cố hướng dẫn con trong gian nhà để dụng cụ, và con vùng vẫy, thoát khỏi ta... và con hỏi ta “giết người là gì?”. Con không thấy một em bé lên ba mà hỏi một câu như vậy là kỳ quái, chính con...

Giết người? Một cậu bé ba tuổi? Kỳ quái?... Nhưng ta cứ để yên mấy thứ này đây đã.

* * *

Một gian hàng! Gian hàng nào mới được chứ! Daniel cố ngược lại quá khứ, mảy mui lại cho đến khi cậu thấy như sắp chạm được vào nó. Cậu không tài nào nhớ được một gian hàng nào ở trong các cái nhà mà cậu biết.

Một gian hàng? Chắc là một căn lều có phên mắt cáo. Ánh sáng chiếu vào trong lều qua những ô vuông hay ô hình thoi. Ít ra... Ồ, trong toa Pullman hạng sang mà lại lạnh thế này? Ít ra cái gian hàng cũng có lưới mắt cáo chứ? Con tàu chở cái xác của Daniel Kinsman đến White River Junction buổi chiều mùa hè đó, nhưng tâm trí cậu đã du hành trong khoảng mênh mông quá khứ, để tìm một câu trả lời kỳ lạ .

Trong trại hè, mấy hôm đầu, người ta để cậu sống thoải mái, không gò bó, làm phiền. Cậu lại cảm thấy bất hạnh, không ai chăm sóc đến cậu. Daniel mặt lăm lì, ăn mất ngon, chẳng để ý đến ai, mà cũng chẳng để ý gì đến bản thân mình.

Cách sống này có vẻ như bình thường được vài ngày. Nhưng đến cuối tuần, một thiếu niên ở tuổi dậy thì như cậu không thể sống uể oải ườn ra như thế. Cậu bắt đầu sống lành mạnh hơn. Nếu không Daniel sẽ tiếp tục, chẳng những sống xa cách mọi người, mà thân thể cậu còn chậm lụt, nặng nề. Cụ thể là cậu không sống với hiện tại, chẳng để ý đến những gì đang diễn ra xung quanh mình.

Sau cùng, giám đốc trại hè quyết định gửi thư cho cha cậu. Nhưng vì bác sĩ Martin thúc giục quá, ông đã khóa cửa nhà, cùng nhau đi săn trong rừng. Nhưng cái thư gấp số phận chẳng bao giờ được gửi đi. Vì trước khi dán tem, người ta đã phát hiện là cậu thiếu niên Kinsman đã biến mất khỏi trại từ tối hôm trước. Người ta đã mất cả một buổi sáng để lục lọi tìm kiếm trong rừng, trên đồi, không thấy mới đành gửi thư báo mất tích sang Gia Nã Đại.

Nhà đã đóng mọi cửa nẻo, khóa chắc, nhưng Daniel cũng biết cách vào nhà. Một cánh cửa sổ âm trong tường hé mở, cậu đã dùng một cái móc, và nâng được cái then cài lên. Trong các hành động cậu tính toán để làm, thì hành động này bạo nhất. Vào trong một căn nhà trống, tối như hũ nút, một người có thần kinh bình thường cũng phải nhợn. Thế mà Daniel vừa mất mẹ, và đầu óc cậu đã chìm ngập trong những ý nghĩ u ám, tưởng tượng không bờ bến nên càng tệ hơn nữa.

Trong vòng hai tuần, cậu tự bảo mình nếu cậu ở một mình trong nhà, cậu sẽ khám phá ra hết. Trí óc cậu sẽ không đóng kín bất thành linh như thế này. Cậu tự nhủ, nếu vào trong kia, có lẽ cậu có thể...

Và bây giờ cậu đang vào trong đó. Bây giờ cậu đang đặt chân lên các bậc thang mà cậu không nhìn thấy, tay cậu sờ soạng trên tường lần mò lối đi, cậu sẽ làm gì đây?

Cậu chẳng làm gì cả. Khi lần mò được đến phòng mình, sau những giây phút dài đứng lặng sợ hãi toát mồ hôi, cậu tìm thấy giường của mình. Cậu nằm vắt mình qua nệm giường và cứ nằm như thế trong nhiều giờ, bất động như người bị chứng tê liệt giữ nguyên thế.

Chính xác thời gian cậu nằm như vậy là bao lâu? Theo lịch là 4 ngày, nhưng cậu thì không tài nào ý thức được khoảng thời gian trôi qua này: điều này chứng tỏ 40 năm trong tù cũng qua mau như một giấc mơ 40 giây.

Cậu không ý thức được trạng thái vật lý này. Cũng may đây là mùa hè, nước không cúp. Lâu lâu cậu lại uống nước. Cậu tìm ra một hộp lúa mạch khô.

Cậu uống nước và nhai hạt mì sống, nên cậu bị đau bụng. Điện bị cúp nhưng nhà có cái đèn dầu cậu có thể dùng nếu cậu muốn, hay nói cách khác cậu dám dùng. Giản dị nhất là do cậu cảm thấy là cậu cần ánh sáng đèn. Nhưng trên hết, mắt cậu đã chán nhìn những cái gì đang vây quanh cậu; cậu chỉ còn chú ý đến cái cửa hé mở của một gian hàng.

Thực ra, trong 15 ngày vừa qua ở trại hè, cậu đã sống ngược lại trong dòng thời gian quá khứ khá xa. Thậm chí cậu đã biết cách bắt ký ức mình đi ngược về quá khứ, đã biết cách dùng xẻng cuốc để đào xới ký ức như lời khuyên của bác sĩ Martin.

Bởi vậy, đối với cậu lúc này, tâm trí cậu như là của một cậu bé đang chơi trò ráp những mảnh ký ức rời rạc: một vết trầy trong cuộc trốn học đi chơi, nỗi đau đớn trong một lần bị phạt bằng roi, sự sung sướng dịu ngọt khi được khen thưởng. Nhờ những mảnh ký ức vỡ vụn đó, cậu xây dựng được riêng rẽ từng thời kỳ, thời kỳ cậu 6 tuổi, thời kỳ 5 tuổi, thậm chí thời lên bốn... Cậu sống lại với những ngày ấy, nhìn thấy cả những người, những con vật trong những cảnh cậu nhớ lại, không cần biết là cảnh nào, gặp hồi nào, nhưng dần dần, cậu đã tái hiện được đầy đủ chi tiết. Có cả mẹ Prichard, một người đàn bà dửng dưng bán bánh nướng. Hay Marie Belle... Vâng, làm sao quên được cô bé có cái cầu răng giả ấy.

Cậu nhận ra lại hàng đông sự vật, nhận ra mỗi nẻo ký ức tâm tư đều đáng hồi tưởng. Bởi vậy, vào xế chiều ngày cuối cùng ở trại, cậu đã cố nhớ tên một cậu bé tóc đỏ quạch, mặt đầy đốm tàn nhang hung đỏ. Đã nhiều lần, cái tên đó thoáng hiện về nhưng cậu không gọi lên được. Cậu tự bảo, không gọi lên được tên cậu ấy ta sẽ cố nhớ cả ngày.

Cả ngày... cả ngày. Nó đây rồi. Cậu đã nhớ ra! Tên cậu bé là Georgie Journée. Tên Georgie Jouneéc ai mà quên được!

Georgie Journée. Nào, nào Georgie Journée. Thế là sau những giờ tĩnh lặng như chết, trở nên sinh động, đầy ắp sự việc. Một cái nhà bao quanh cậu bé mặt tàn nhang hung đỏ, xung quanh nhà đầy những vỏ đồ hộp, và trong sân, một nhà kho xuống cấp sắp sụp. Trong nhà kho có nhiều con thỏ.

Thỏ? Thỏ làm gì trong đó? Coi chút đã. Một con thỏ đang chạy, nhảy những bước rụt rè sợ hãi. Trong sân cỏ xum xuê đầy ánh nắng. Không, không phải

là một con thỏ của George. Con này, và những con khác đã biến mất khỏi khung cảnh này. Con thỏ đó là một con thỏ hoang, đuôi dỏng lên trời. Nó bị vây bắt thành linh trong một lùm bụi ở vườn sau nhà. Nó bị chặn không còn đường về kho. Nó tìm cách chạy thoát thân xuyên qua sân cỏ, và Daniel đang đuổi theo nó.

- Chạy, Jeannot! Lapin! Chạy, nào bạn! Nhảyt Nào thỏ! Hấp, nhảy lên Daniel!

Đây này Daisy! Daisy đâu rồi? Con chó đâu rồi? Daisy! Daisy là con chó mẹ của spot, dĩ nhiên hơi già và uể oải, nhưng luôn luôn là con chó săn tốt.

Ánh nắng mặt trời, cỏ xanh rì, những vệt nắng, bóng râm loang lổ, hoang dã. Cần một cái hang, một cái lỗ. Và sau cùng cũng có một cái lỗ! Một cái khe hồng vuông giữa đồng lá. Chui vào đi thỏ! Cậu bé, dừng lại! Chui vào đi thỏ, nằm im, đừng nhúc nhích! Cậu bé, đừng tiến bước nữa, con! Cứ nhíu mày nếu con thấy vui, cứ dậm cẳng cho bằng thích, hoặc cứ lằm bằm chửi thề. Nhưng con biết là con không muốn tiến đến cái lỗ mà con biết rõ mà. Tại sao không?

Đúng là cảnh hỗn loạn như địa ngục: con thỏ lao ra, làm giật mình con chó già uể oải Daisy thức dậy, vùng đuổi theo. Con thì cố chạy thoát thân, con thì cố đuổi bắt diễn ra trước mắt Daniel đang đứng chôn chân tại chỗ. Cậu không rời mắt khỏi cái khe nứt vuông dưới gốc những cây kim ngân leo lên một cái giàn giống như một khung cổng vì cậu lằm bằm câu ‘tôi phải kiểm cả ngày’ cậu mới gợi nhớ được con đường đến gian nhà. Đã mất hai tuần lễ cậu mới nhớ được cái giàn cây leo. Cậu như đã nhớ lại được cả trăm năm, một trăm năm thật sự chứ không phải 100 giờ. Ai biết cậu đã ngược dòng ký ức, trở lại với quá khứ đến thời điểm nào.

Ở giờ phút hiện tại, cậu đã giải quyết được nhiều điểm. Nhớ lại cái ngày gặp con thỏ cậu liên tưởng nhớ ra ngày gặp Emma. Lúc này cậu nhớ lại dễ dàng

khoảng thời gian đó, bắt đầu từ bữa điểm tâm, ngay khi cô vú mới hiện diện trong vũ trụ riêng của cậu. Cậu tiếp tục leo lên phòng ngủ của cậu cùng với cô vú em. Cậu thay quần áo rồi lại cùng cô đi xuống, cậu luôn bám vào tay cô, rồi cùng đi thơ thẩn trong vườn. Cậu choáng ngợp trước bất cứ cảnh nào cô Emma chỉ cho cậu.

Rồi, thỉnh thoảng cậu nghe giọng của cô Emma trên ngưỡng cửa gian nhà phụ chứa nông cụ.

- Xem nào, Daniel, em có cái gì đây. Một con cóc. Coi, em không phải sợ con cóc.

Cậu cảm thấy những lời nói như tận đáy lòng cậu vọng lên:

- Đây có phải là giết người không, cô Emma?

Trong bản thân cậu, cậu cảm nghiệm cái cảm giác lạnh toát nóng bỏng, xấu hổ và sợ hãi. Giống như mỗi khi cậu nghe từ - “chu kỳ” hay “nhu bì”.

“Nhu bì” là cái gì? Đó là tên một cây lê giống trồng sau nhà kho. Cậu không thích cái góc xa trong vườn đó mỗi khi nhớ tới. Ngay cả khi các bạn trẻ khác chơi ú tim với cậu trong vườn, cậu cũng chẳng bao giờ đến tìm những đũa nắp sau cái cây đó.

Tại sao vậy? Cậu cố hướng ký ức của cậu lần theo mấu chốt này. Nhưng vô vọng. Cậu không lần ra được sự việc nào nữa. Cậu đành tự bảo mình là mấu chốt này không quan trọng. Tốt hơn là bám lấy cái ngày cậu sợ cái xẻng.

Cái ngày của cái xẻng, cậu nhớ lại sau cái ngày của con thỏ và ngày của Emma. Cậu không nhớ đích xác được là ngày mấy, tháng mấy của mấy ngày này. Nhưng cậu nghĩ nếu bỏ nhiều thời gian ra nghĩ lại, thì “ngày của cái xẻng” phải xuất hiện trước hai ngày kia. Dẫu sao, chính vào ngày đó cậu thấy sợ bố cậu lần đầu tiên. Cậu cần phải suy nghĩ về điểm này. Cậu bước bồng bềnh dễ sợ, cậu ngồi dưới một vòm ánh sáng hoàng hôn do những cây sào cạnh giàn hoa tạo nên. Những dây hoa kim ngân vệt ra, và bố cậu xuất hiện,

tay cầm cái xẻng.

Vậy thì ông đã làm gì? Trong hành động của ông có gì khả nghi. Có lẽ ông đã làm vườn lúc chiều mát, chắc chắn ông còn dựa cái xẻng trong gian nhà nhỏ để dụng cụ. Sau đó thì sao? Cậu muốn nghĩ xa hơn. Nhưng dù cố gắng mấy đi nữa cậu cũng chẳng nhớ thêm được gì. Từ đó, mỗi lần cậu thấy một người cầm xẻng là cậu bé quay lại, miệng chảy dãi, tưởng như có 10 yêu quái đang đuổi theo sau, ù té chạy về nhà nhờ mẹ che chở.

Tại sao? Tại sao chứ?

Sau suốt 4 ngày nhin đói và mơ mộng, ánh bình minh chiếu xiên qua những khe cửa lá sách và các cửa trập bên trên trần ngập phòng, cũng không đánh thức được cậu ra khỏi giấc cô miên cậu đã chìm vào từ nửa đêm. Sau cùng thì cậu cũng tỉnh dậy và cũng giống như thường lệ, cậu không thể nhớ ngay được những gì đã xảy ra cho mình trong mấy ngày qua. Cậu đang nằm ngửa, mắt nhìn lên trần, vẫn đúng là cái trần cậu nhận ra sáng nay. Cậu cố ngồi dậy trên nệm và định sẽ xuống dưới nhà. Nhưng khi vừa ngồi dậy lên được, cậu chóng mặt ù tai. Cậu lại nằm xuống, răng đánh lập cập. Đó là triệu chứng dĩ nhiên khi nhin đói vài ngày, nhưng đối với một thiếu niên, tình trạng này rất tệ hại vì sẽ bị rối loạn phát triển.

Lần đầu tiên, Daniel có ý niệm là cậu đã thất bại, đã bị sa lầy. Chắc đã đến lúc cậu không thể ẩn náu ở đây được nữa, cậu không còn có thể ở một mình. Ngay khi ý tưởng này xâm chiếm đầu óc cậu, cậu đã cố đập tắt nó. Cái hốt hoảng cuống cuồng khiến cậu có nghị lực. Cậu nhất định bắt tay vào việc. Nhất định tìm ra bí ẩn của bố mình hoặc là chết.

Nhưng những cuộc, xẻng cậu đã dùng để đào xới ký ức giờ đây đã thành các dụng cụ phá hoại kỳ cục. Khi cậu cố nhớ lại một người bạn thân quen vẫn chơi các trò chơi với nhau, hình ảnh người bạn bắt đầu méo mó. Lúc phóng đại lên, lúc thu nhỏ, như những khuôn mặt kỳ quái trong mơ. Hoặc khi cậu

muốn đi sâu vào một hướng tâm tư chưa đào xới cậu lại sa vào những cảnh thật xa lạ, chẳng có liên quan gì đến quá khứ của cậu. Cậu rùng mình khi nhận ra đây là những cảnh cậu đã đọc trong một tiểu thuyết, không phải là cảnh cậu đã sống thực. Cậu cảm thấy thất vọng quá và lại chìm vào giấc ngủ.

Khi tỉnh dậy, trời đang đêm, cậu ra khỏi giường và sang phòng mẹ cậu, nằm trên giường của bà. Cậu làm việc này hầu như, hay có thể nói hoàn toàn như trong cơ mộng du. Cậu không hiểu tại sao cậu lại đổi phòng ngủ. Cậu ngủ, cậu thức, cậu thấy mình ở trong nhà chứa dụng cụ vào một lúc nào đó. Cậu không thể nhận định rõ được. Chỉ có thể nói, sau cùng, các thành tố của một cơn ác mộng đã liên kết với nhau mạch lạc, hợp nhất.

Trước hết, phải có một ý đồ đen tối, đen tối gồm ghiếc tự nảy sinh. Một hậu quả luôn phải có một nguyên nhân, cũng như bóng của một vật, do ánh sáng chiếu vào vật đó ở một phía. Sau đó, cậu cảm thấy đồng thời một cảm giác chuyển động mông mênh không giới hạn, và cảm giác bất động, như thể chân tay cậu đã bị trói chặt.

Cậu chẳng nhận định được cái gì rõ rệt cả, có những lúc sự vật hiện ra rất rõ, nhưng cậu không đủ thời giờ để nhìn tổng hợp, bao quát.

- Chúng đi xa khỏi cái gian nhà dụng cụ rồi, thưa bà, hoặc chúng đã khiêng cả cái gian nhà nhỏ đi rồi...

Tiếng trạng ngữ xa rồi trở đi trở lại trong óc cậu, và từ này chập chờn, lúc thì ở trước, lúc thì ở sau những bóng đen lay động trong màn đêm, cùng với những tiếng động hỗn loạn: hơi thở dồn dập hỗn hển, những tiếng lết chân

lẹp xẹp.

Không một cảnh nào hiện ra với cậu đầy đủ cả. Vào mỗi giây phút khác nhau, một phần của cảnh này hiện lên nhảy múa, pha trộn với những phần của cảnh khác rời rạc hay những phần cảnh ở thời đoạn khác. Thí dụ như một loạt tiếng động: lúc thì là những bước chân chạy rầm rập bên ngoài, lúc thì tiếng cửa kọt kẹt, một tiếng chửi thề, một cú đập, một tiếng xô đẩy. Rồi những tiếng động đó xảy ra ngược lại, nghĩa là bắt đầu bằng tiếng động xô đẩy, tiếng một cú đập, tiếng chửi thề, tiếng cửa kọt kẹt, tiếng bước chân rầm rập. Và những tiếng động khả nghi này từ dưới vang lên. Có vẻ chúng vang lên từ một cửa sổ trong bóng tối. Có thể là “Dan, mày đang làm gì đó?” Và ngay sau đó là “Tom, mày đang làm gì đó?”

Có giai đoạn, từ giết người lại xen vào: “Đó là một vụ giết người. Dan ạ; tôi đã thấy vụ giết người đó tàn nhẫn, không gớm tay” ... Vào lúc này, cảnh trí hiện lên rõ ràng đặc biệt. Cái áo thúc đẩy cơn ác mộng xảy ra biến thành đôi cánh tay của người nói câu trên. Và người nói chính là mẹ cậu.

- Đùng vào cửa này, mẹ sợ con, Dan ạ. Tay con dính đầy máu, máu sát nhân. Tại sao con giết người? Con đừng nói gì cả? Có phải tại mẹ nuông chiều con quá không? Mẹ yêu đứa con thân yêu mẹ đang ôm trong lòng; tại sao mẹ lại sợ nó như thế này? Tại sao mẹ lại sợ bố con như thế này cơ chứ, còn sợ chừng nào bố con con còn sống?

Và tiếng kêu này, vừa vang vang vừa quá kích động có kèm theo một hình ảnh: hình ảnh bố cậu mặt mày căng thẳng, trắng bệch, một tay xách cái đèn bão, một tay xách cái xẻng, lôm đóm những đóm đỏ sẫm và dính đất.

Nhưng khi chuyện này xảy ra trong đầu cậu, ánh sáng cây đèn bão bố cậu cầm lùi xa dần như nó ở tận một nơi xa xăm. Nhưng trong giấc mơ, nếu gọi đây là giấc mơ sự phân cách giữa hai ánh đèn này khiến người mơ trần trọc, đau đầu. Có phải cậu thiếu niên dậy thì này say mê chăm chú vào cái

ánh đèn yếu ớt đó không? Cậu cho rằng những ánh sáng xa xăm ấy sẽ cho cậu lời giải đáp cái thắc mắc đã nung nấu cậu bấy lâu nay. Bởi vậy cậu hăm hở đợi cảnh đó diễn ra một lần nữa trong bóng tối. Khi cảnh đó bắt đầu lại, cậu còn nghe tiếng một phụ nữ khác trong phòng ngủ. Cậu tự hỏi, có phải tiếng bà nhũ mẫu không? Bà ấy nói:

- Chúng nó đang đào đất ở dưới kia, thưa bà...

Và cái ánh sáng xa xa biến mất, và lại biến thành cái gian nhà phụ để dụng cụ sau vườn. Daniel vẫy vùng với tất cả sức lực trong cơn quẫn trí để vùng thoát ra khỏi vòng tay mẹ.

- Đứng vào đây, mẹ sợ con quá...

Cái đèn bão lại xuất hiện cùng với cái bàn tay cầm đèn đỏ lòm, và bộ mặt trắng nhợt. Cậu la lên:

- Vâng, nhưng nói cho rõ hơn. Chúng đang đào ở đâu, ở đâu?

Cơn ác mộng đang làm cậu đổ mồ hôi hột khắp mình.

Sau cùng, cậu đã mệt nhoài và nghe thấy tiếp:

- Thưa bà, họ đào ở dưới kia, dưới...

- Dưới cái gì?

- Dưới, dưới cây lê...

- Cây lê?

- ... đang ra quả rất sai, dưới cái nhà kho và dưới ánh đèn bão, thưa bà...

- Đèn bão! Nói ngay đi, cái đèn bão ở đâu? Mau lên!

-... họ đào ở trong...

- Họ đào sao? Bằng cuốc và xẻng à? Họ ở đâu?

- ...đất, họ đang chôn một cái gì đó.

- Một cái gì đó bị chôn.

- Thưa bà, ở dưới cây lê.

Có bao giờ cậu đã thực sự thử chưa? Đã lần nào cậu thực sự xắn tay áo lên,

cầm cuốc xẻng... để khám phá xem họ chôn cái gì chưa?

* * *

Khi ông Dan Kinsman và bác sĩ Martin về đến nhà rất khuya, họ chỉ hy vọng lần mò trong đêm tối đi được đúng đường. Đôi mắt họ đỏ ngầu vì những đêm thức đi săn. Râu ria lởm chởm biếng cạo, quần áo nhàu nát. Cuối cùng hai người cũng về đến cửa. Mở khóa, rút cây chắn, cánh cửa cọt két mở ra. Hai người bước vào.

- Vào đây rồi chúng ta làm gì?

Chính ông bác sĩ nhìn thấy qua cửa sổ phòng khách.

- Này! Đang xảy ra chuyện gì ở dưới kia thế nhỉ? Có một người cầm đèn bão, lấp ló sau nhà kho!

Hai người bước ra khỏi cửa, sau đó họ chạy. Họ thấy một cái đèn bão, một cái xẻng và một lưỡi xới đất dưới gốc cây lê ‘nhu bì’. Một thiếu niên mặt đầy tàn nhang, mắt mở to, đang đứng dưới một cái hố cậu mới đào được sâu trên đầu gối, hai tay cầm hai cục xương nâu.

- Trời ơi, con làm gì ở đây? - Bố cậu hỏi.

- Những vật gì đây? - Daniel hỏi bố.

- Trời ơi! - Ông bác sĩ kêu lên.

Họ chỉ nói được có vậy.

Nhưng không phải ông Dan cố gây chuyện mà vì ông choáng váng bàng hoàng:

- Con làm gì thế này, nói cho bố nghe.

Không phải Daniel đang tức giận mà vì chân cậu lâu lâu lại muốn sục

xuống.

- Thế này là sao? Bố nói con nghe đi!

- Ôi, con trai của bố... con bệnh rồi.

- Vâng, con bệnh. Tom là ai hở bố?

- Chúa ơi! Dan, ông nghe tôi. Daniel, cậu cứ bình tĩnh, để tôi nói chuyện xong với bố cậu đã. Ông Dan, chuyện này xảy ra lúc nào? Vào cái đêm đáng nhớ đó, cậu bé này mấy tuổi?

- Ông muốn nói tới cái đêm nào, bác sĩ...

- Nào, ông bạn già, cố nhớ lại đi. Cái đêm mà anh thấy Tom cứ quanh quẩn ở chỗ đó cả tuần lễ trước đó, cái đêm mà ông gọi tôi. Cái đêm mà tôi mang thuốc mê Cloroforme sang vì tưởng rằng con chó có thể...

- Một con chó! - Cậu thiếu niên cứ nhắc đi nhắc lại. Một con chó...

- Và ông đã kịp thời đập cho nó một cái xẻng vào đầu. Cảm ơn trời! Tôi chỉ muốn hỏi lúc đó Daniel lên mấy thôi.

- Chưa đủ tuổi để có thể nhớ lại... Daniel, ai đã kể cho con...

Ông bác sĩ xen vào:

- Không, ông bạn già, ông cho tôi biết lúc ấy Daniel lên mấy?

- Có lẽ chỉ mới hai tuổi. Không thể lên ba được. Lúc đó cháu mới là một ấu nhi, còn phải bế trên tay. Bà Vivian nhà tôi luôn phải bồng cháu trên tay tôi hôm đó.

- Lúc đó bà ấy bồng cậu bé ở đâu?

- Trong kia, trong gian nhà nhỏ để dụng cụ.

Bà Vivian... trong gian nhà...

- Một lúc sau đó, bà ấy đã bồng Daniel vịn đó.

- Sao chẳng bao giờ ông nói cho tôi biết chuyện.

- Không, tôi... còn chuyện khác... Nghe bố đây, Daniel, con sẽ hết bệnh thôi.

- Không, ông Dan, đã có chuyện gì xảy ra giữa bà Vivian và Daniel trong

gian phòng để đồ sau cú đó? Ông phải nói cho tôi rõ.

- Hôm đó bà ấy ốm. Bà ấy sợ, vậy thôi... Như ông đã biết đó. Bà ấy cứ sợ bóng sợ gió các sự việc và các con vật bà ấy gặp và bà ấy chẳng biết gì. Bà ấy chẳng hiểu vì có biết gì đâu mà hiểu. Bà ấy bị thác loạn thần kinh mà. Bà ấy vào nhà để dụng cụ xem... nhưng bà ấy cứ ở miết trong đó...

- Nhưng ông giải thích rõ cho họ bao giờ?

- Chính chỗ đó tôi cứ bị dằn vặt mãi. Tôi đúng là một thằng ngu. Ban đầu tôi định giấu. Con chó ngao đó của bà ấy. Bà ấy nuôi nó từ nhỏ và từ lúc nó mới sinh. Bà ấy cưng nó lắm. Cái đó mới rắc rối. Tôi lại không nỡ nói con chó bị điên. Tôi thật là ngố và lâm cảm!

- Đúng, ông thật lắm cảm.

- Bà ấy đã nói là bà ấy sợ tôi. Bà ấy đã nói... đã nói...

- Mẹ đã nói là có một vụ giết người, bố. Và con chỉ... chỉ...

- Chúa ơi, con tôi! Cái gì đã xảy ra vậy hả trời... Ê đỡ lấy nó, ông bạn già, nó té bây giờ.

- Ông đỡ lấy nó, con ông mà. Đồ ngố! Nó còn còi quá, thiếu dinh dưỡng mà ông đâu có lo.

- Nó tỉnh rồi, tôi ôm nó lên, tôi e rằng...

- Đừng sợ. Đừng sợ gì nữa.

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Kẻ Thù

Nguyên tác THE ENEMY

Tác giả: Charlotte Armstrong

Họ ngồi nán lại bàn ăn trưa, và sau đó kéo nhau qua một phòng mờ mờ, lạnh lạnh, trần cao, trong thư viện của Ngài thẩm phán. Qua trao đổi nho nhỏ, quá khứ của người già và tương lai của người trẻ như lồng với nhau và cảm thông với nhau. Nhưng vào lúc 3 giờ 20 phút chiều một thứ Bảy, tháng Sau, việc hiện tại bùng lên. Đường phố đang yên tĩnh thì nổi lên tiếng ồn ào.

Thẩm phán Kittinger điều chỉnh kính kẹp mũi, dẫn đầu ra hàng hiên xây kiểu cổ, để có thể nhìn ra ngã ba có vòm cây che phủ giữa hẻm Greenwood và phố Hannibal Street. Cạnh thêm cửa của căn nhà góc phố đối diện, có một bọn trẻ lơ nhố và một ông già. Rồi một phụ nữ mặc cái áo xanh mỏng, từ căn nhà bên trái thẩm phán, băng qua phố, sang chỗ huyên náo. Một chiếc xe cảnh sát thẳng gấp sát ngã ba, trên phố Hannibal. Một nhân viên cảnh sát cao lớn, vệt đám đông ra, túm lấy tay một cậu bé đang la lối om sòm.

Mike Russell nói với chủ nhà: "Xin lỗi Ngài", rồi băng băng qua đường. Gây rối là một cậu bé mười, mười một tuổi, tóc vàng nhạt, mắt xinh ánh nâu, mũi dọc dừa, mày thanh tú. Cậu đang mắt bình tĩnh, vùng vẫy trong tay người cảnh sát. Bà mặc áo xanh đang lải nhải nói với cậu:

- Freddy! Freddy! Freddy!

Lời van xin dừng như không đến lỗ tai cậu bé.

- Ông già phá đám, ông già mất nết, ông già điên!

Cả tâm hồn cậu bé bày ra ở những từ cậu dùng. Người cảnh sát lắc mạnh cậu bé:

- Im đi, nghe đây...

Cậu vẫn cố căng ra, nhưng làm sao thoát nổi bàn tay gọng kìm của người cảnh sát. Lời thóa mạ của cậu đủ làm mặt ông cụ tím lại.

Ông cụ đứng tựa lưng vào tường như thể bị địch bao vây, béo lùn, trán hói, đôi mắt thô lỗ vì bị cặp kính lão dày phóng lớn lên. Ông cụ lớn tiếng rên rỉ:

- Chúng đánh tôi, chúng giựt chuông nhà tôi, chúng thực sự nhào vào xé xác tôi.

Bảy, tám đứa nhỏ vây quanh nhao nhao nói những câu chẳng đâu vào đâu với giọng the thé, đại khái ta chỉ hiểu được là chúng tức giận với cụ già. Một phụ nữ nhỏ nhắn mặc áo bông, một ông mặc quần soọc, cái ngực trần của ông trắng như tuyết, đứng hơi xa, vẻ băn khoăn. Trên hàng hiên nhà, chiếc cửa lưới hé mở, một bà cụ ngồi trên chiếc le lẫn nhìn ra ngoài đăm chiêu lo lắng. Trên vạt cỏ xanh dưới bóng ngôi nhà, cách rào trước chín, mười mét, một con chó nhỏ trắng đốm nâu nằm chết.

Người thanh niên, khách ăn trưa của ông thẩm phán quan sát kỹ và nghe mọi chuyện. Khi ông thẩm phán đến gần, đám đông bót ồn ào. Ông thẩm phán lên tiếng:

- Đây là cậu Freddy Titus, đúng không? Ông Matlin? Có chuyện gì vậy?

Ông cụ hát đầu thanh minh:

- Tôi chẳng làm gì con chó cả, việc gì tôi phải làm hại con chó của cậu ta? Tôi cố sống an phận ở đây mà. Ông thẩm phán thấy đó. Nhưng mấy cậu nhỏ này khủng khiếp quá, các cậu ấy làm cho khu phố này và gia đình tôi như sống trong địa ngục - Giọng cụ già thật xúc động. Vợ tôi không được khỏe, con gái tôi thì bị thọt chân. Những thằng nhỏ này lại y như một lũ du côn.

Chúng quỷ quái quá! Thằng nhỏ đó giựt chuông nhà tôi... và hành hung...!

Tôi sẽ thừa nó về tội hành hung! Tôi...

Mặt ông thâm phán trắng bạch như ngà, chẳng biểu cảm gì.

Trên lối ra, đang đi né qua một bên chiếc xe đẩy của bà lão, một cô gái có dáng đi lao về trước.

Mike Russell hỏi nhỏ nhẹ:

- Tại sao lũ trẻ lại nói là bác làm hại con chó, bác Matlin?

Lũ trẻ nhao nhao lên:

- Ông ấy là già đê tiện...

- Ông ấy khùng...

- Chỉ vì...

- ... lấy nón của Clive

- ... đuổi chúng cháu...

- ... cố đổ mọi tội cho chúng cháu...

- ... bảo mẹ cháu nói láo...

- ... chỉ tại...

- Chúng luôn nói: “ông ấy là kẻ thù của chúng cháu, kẻ thù của chúng cháu...”

Ông cụ Matlin nói “chúng....” rồi giận nghẹn họng.

- Đợi chút đã! - Người cảnh sát thứ hai, người gầy, bước lại chỗ con chó chết.

Mike Russell lại nói nhỏ nhỏ:

- Phải có ai nói cái gì giúp cậu bé chứ.

Ông thâm phán cúi nhìn cậu bé đang tức giận, ôn tồn nói:

- Tôi rất buồn, rất thông cảm với em, Freddy.

Nhưng trong thâm tâm ông, ông đã biết quá nhiều, thấy quá nhiều chó chết.

Dù ông có thông cảm, ông cũng không thể buồn đủ bằng cách buồn của

Freddy vì con chó của mình chết được. Cậu bé ngoảnh mặt chỗ khác từ chối niềm thông cảm của ông, quay lại nhìn kẻ thù.

Russell bước tới gần người phụ nữ áo xanh. Bà ấy là người nhà của cậu bé.

- Bà là mẹ cậu bé phải không?

- Cha mẹ cậu ấy đi vắng. Tôi đến đây chăm sóc cậu ấy.

Bà ấy nói như thể chính mình gặp một khủng hoảng đột xuất, không trù tính trước để đối phó.

- Có thể liên lạc với họ được không?

- Không. - Bà ấy nói quả quyết.

Thanh niên lạ đặt tay lên đôi vai cứng cáp của cậu bé. Nhưng thái độ thân thiện này cũng bị cậu từ chối. Mắt Freddy long lên vì tức giận, không rời kẻ thù. Một hận thù câm nín.

Người cảnh sát cao lớn nói:

- Này anh bạn, giữ giùm tôi thằng nhỏ một lúc.

Russell chối:

- Không được đâu.

Ông cảnh sát gầy trở lại:

- Như thể nó bị đánh bả. Tìm thấy con chó lúc nào?

- Mới đây thôi. - Cậu bé trả lời.

- Ở đâu? Chính chỗ ấy à?

- Trên đường Hannibal, gần ranh giới phân đất sau nhà ông Matlin.

- Bên ranh giới nhà tôi? - Mặt cụ Matlin lại đỏ bừng. Sao cậu không nói trên lề đường, tại sao phải nói dối!

- Chúng tôi nói thật, không nói dối.

Ông cảnh sát nạt:

- Các cậu im miệng, không được ồn ào nữa.

Già Matlin lại lớn tiếng:

- Có trời làm chứng, lúc đó tôi đâu có ở nhà! Tôi chơi một ván golf chín lỗ. Tôi đâu có về nhà trước... mấy giờ nhỉ, May?"

Ông quay đầu lại hỏi vọng vào trong:

- Bố về nhà mấy giờ nhỉ?

Cô gái từ trên hàng hiên bước xuống lối ra cổng, khấp khểnh trên cặp chân thọt. Cô khoảng hai mươi tuổi, không còn bé nữa. Cô cũng phải là phụ nữ đã có chồng. Cô nói nhảm nhăng:

- Khoảng ba giờ, bố Earl ạ, nhưng lúc đó con chó đã chết rồi.

- Cô này là ai?

- Con gái riêng của vợ tôi.

Cô gái nói:

- Con chó đã chết trước khi ông ấy về nhà. Tôi nhìn thấy con chó chết ở đó trước ba giờ, ngay cạnh lối, đi từ trên lầu.

- Ông lái xe về nhà theo phố Hannibal phải không, ông Mallin? Vậy thì ông có thể thấy con chó lúc đó chứ?

Ông cố suy tính để trả lời nhưng lại bối rối ngập ngừng:

- Tôi không rõ. Đầu óc tôi... vâng, tôi...

- Ông ấy nói dối!

- Freddy, im lặng.

Cô May Matlin:

- Xin các ông tin lời tôi.

- Cô ấy cũng nói láo đó!

Ông cảnh sát lại lắc mạnh Freddy để nó im. Cụ Matlin kêu lên chán nản tuyệt vọng, bảo cô gái:

- Con vào với mẹ, May.

Rồi ông nói vọng vào với bà cụ trên xe lăn với vẻ hồ hởi giả tạo nghe rất ngang tai.

- Chuyện sẽ êm thôi cưng, không có gì phải lo lắng cả.

Hàm dưới cậu Freddy chớp mắt, chàng thanh niên Russell quan sát cậu rồi nheo mắt làm hiệu. Cô gái tập tễnh đi vào nhà. Ông Matlin lại phân trần:

- Chính vợ tôi phải gọi điện thoại báo cảnh sát. Gì thì gì, bọn chúng đã nhào vô đánh tôi như một bầy sói. Bây giờ thì tôi biết rồi, cậu nhỏ ấy điên khùng rồi. Nhưng có điên khùng thế cũng phải biết... Cậu ấy không thể... cậu ấy phải hiểu rằng... Tôi sẽ không... Tôi đã chịu đựng quá nhiều rồi, đủ trò qui quái, làm khổ, hành hạ người ta đủ rồi.

Freddy không hề chớp mắt.

Cụ Matlin rít lên như cuồng như loạn:

- Chúng phải chấm dứt cái trò phá phách này.

Mike Russell biểu đồng tình nhỏ nhỏ:

- Vâng, tôi cũng nghĩ vậy.

Thẩm phán Kittinger gục gặc mái đầu bạc đồng ý.

Ông cảnh sát cao gầy nói với vẻ chững chạc chuyên nghiệp:

- Tôi đã nghe có nhiều vụ đầu độc chó qua điện thoại ở vùng Redfem, nhưng chưa nghe có vụ nào ở vùng này.

Ông ở trần, mặc quần soọc tiến lên tham gia câu chuyện:

- Ai ở đây có thể làm một chuyện như vậy?

Một cậu bé mạnh bạo nói:

- Già Matlin dám làm.

Cậu có cái cằm xệ, cặp kính cận nằm gọn trên sống mũi cao nhọn:

- Cháu là Phil Bourchard.

Cậu nói với ông cảnh sát chẳng có vẻ sợ hãi gì.

- Cháu là Ernic Allen - Tính chất hòa theo bạn toát ra khắp thân hình gầy gò của cậu. Chúng cháu mới khám phá ra, già Matlin chẳng muốn ai đi trên vườn ngôi nhà cổ của ông ấy cả.

- Đúng đấy, ông ấy chẳng bằng lòng ai đứng lên đất của ngôi nhà cũ cả.

Chính là già Matlin.

Freddy Titus hét toáng lên:

- Đúng ông ấy, đúng ông ấy.

Bà chăm sóc cho Freddy mặc áo xanh bây giờ mới lên tiếng:

- Bây giờ cháu nên giữ yên lặng để người lớn giải quyết. Tôi sẽ mách bố cậu đấy.

Đó là cách kìm giữ trẻ con ít ồn ào nhất. Nhưng dường như cậu bé không nghe thấy.

Thẩm phán Kittinger kiên nhẫn thử một lần nữa:

- Cháu muốn đổ tội cho ông cụ thì cháu phải có bằng chứng chứ, Freddy.

- Con Bones đâu có làm hư tài sản của cụ ấy. Nó chẳng phá hỏng cái gì cả.

Chính già Matlin làm.

- Thằng quỷ nhỏ nói láo!

- Ông ấy nói láo!

Ông cảnh sát lại lắc vai Freddy lần nữa:

- Thế làm sao mà tụi mày thấy con chó?

- Chúng cháu đang ở nhà Bourchard, đang định xuống nhà Titus.

- Và thấy con chó đã chết rồi. - Freddy thêm vào.

Cụ Matlin uể oải đáp lại:

- Tôi không biết chuyện đó. Chẳng biết tí gì cả.

Ông cảnh sát đứng giữa đám, bực mình hỏi:

- Có ai ở đây thấy chuyện gì không?

Ông mặc quần soọc phát biểu:

- Tôi là Daugherty, người hàng xóm của ông Matlin nhưng nhà quay ra phố Hannibal. Tôi vẫn ngồi trong vườn sau nhà. Tôi không thấy chuyện gì cả.

Phụ nữ nhỏ nhắn mặc áo bông cũng lên tiếng:

- Tôi là Page, ở góc đối diện, phía bên kia đường. Tôi thấy rõ ràng một người đàn ông lạ đi vào lối xe đi nhà ông Matlin sáng nay.
- Thừa bà lúc mấy giờ ạ?
- Khoảng mười một giờ, ông ấy ăn mặc luộm thuộm, đi vào lối xe và quanh quẩn ở gara.
- Ông ấy không đi vào nhà chính à?
- Không. Ông ấy chỉ ở trong khuôn viên nhà khoảng ba phút. Tôi tin là ông ấy có ôm theo một cái gì, ăn mặc tồi tàn, điệu bộ rất khả nghi, giống như dân cầu bơ cầu bắt.

Lời khai này khiến những người lớn cảm thấy nhẹ nhõm. Mike Russell nhận xét:

- Ồ, thật là một ông già du thủ du thực mà lương thiện. Bà có chắc không, bà Page? Chuyện khó xảy ra quá!

Người phụ nữ sững cò lên:

- Ông cho là tôi nói láo à?

Russell mở miệng định nói, anh thấy bàn tay ông thẩm phán chạm tay anh, rồi giọng nói ôn tồn của ông:

- Đây là khách của tôi, ông Russell... Freddy. Thầy để cho cậu ấy đi đi: chắc giờ đây cậu ấy đã hiểu. Cháu Freddy này, cụ Matlin không ở nhà sáng nay. Có thể là người lạ đó... hay chỉ là một tai nạn bất ngờ.

- Không phải người sống lang thang, không có tai nạn nào cả!

Giọng ông thẩm phán lần này có vẻ cương quyết:

- Cháu không thể chắc chắn như vậy, Freddy.

Freddy không nói gì, ông cảnh sát buông tay cậu ra, cậu tự động bước lùi ra sau. Những cậu bé khác ủa lại đứng vây quanh Freddy. Kẻ thù còn kia, con quỷ già giết chóc và nói láo. Những người lớn có chút chín chắn lại vào hòa với con quỷ. Nhưng những cậu bé đều biết những gì Freddy biết. Chúng

đoàn kết với nhau.

Khách của ông thẩm phán nói nhỏ nhẹ:

- Có ông bà nào giúp được cậu Freddy một chút chứ.

Và ông thẩm phán thở dài.

Hai ông cảnh sát bước trên phố Hannibal, đến sân cỏ sau nhà ông Matlin, cùng với ông Daugherty. Cụ Matlin nấn ná ở góc đường, nói chuyện với bà Page. Tám màn sau kính cửa sổ mặt tiền trong nhà Matlin được buông xuống.

Mike Russell xán lại gần phụ nữ áo xanh coi nhà cho ông bà Titus.

- Cậu Freddy còn có chú bác, cô dì trong thành phố này không? Bà ngoại, bà nội gì chẳng hạn.

- Không!

Cụt ngùn.

- Nó còn anh chị em nào không, thưa bà...?

- Tôi là Somers. Không, nó là con một. Ông bà ấy không mang nó theo vì chỉ còn một tuần nữa là bãi trường, cậu ấy cũng không muốn nghỉ học.

Đôi mắt nâu của Russell ánh lên mướt như nhung nhưng đượm buồn. Bà Somers lảng tránh sự thu hút của đôi mắt, rồi nói:

- Cậu ấy phải gánh chịu lấy thôi, như mọi người khác.

Russell nghe rất chăm chú:

- Bà có thích chó không?

- Tôi chẳng để ý gì đến chó.

Bà ấy ngھn cổ lên định gọi Freddy.

- Bà đợi một chút hãy gọi. Gia đình họ có đi nhà thờ không? Có mục sư hay linh mục nào biết rõ cậu bé không?

- Theo chỗ tôi biết thì họ không đi.

Bà trả lời rồi nhìn Russaell như thế cho anh là người gàn.

- Vậy thì ở trường, cậu ấy có một thầy giáo. Cậu ấy học lớp mấy?
- Lớp sáu, học cô Dana. Ô, mà rồi cháu nó sẽ đâu vào đấy thôi mà. Cậu ấy giỏi lắm.

Thiếu phụ cố gắng nói lớn để cậu bé nghe được.

Russell hỏi tha thiết:

- Không có cách nào liên lạc điện thoại với cha mẹ cậu ấy à?
- Họ đang trên đường về. Họ có thể về tới bất cứ lúc nào ngày mai. Tôi chỉ biết có vậy.

Giọng bà hơi bồn chồn, nhưng rồi bà lại lên giọng một cách tinh quái, dễ dàng:

- Bởi vậy tôi mới ở đây chăm sóc cậu ấy. Thôi Freddy ơi, đi rửa mặt mũi đi. Tôi biết còn vài cái bánh sô cô la đấy.

Ánh mắt mượt như nhung của Russell biến mất, hai mắt cứng như hai hòn bi ve, chiếu chằm chặp vào bà ta một lúc.

Anh ta đi loang quanh vài bước, rồi rời chỗ bà ta. Anh đến chỗ bọn nhỏ đang rón rén tiến dần đến chỗ con chó. Anh nói với cậu bé:

- Bones có bác sĩ thú y riêng phải không? Cho tôi biết tên ông ta đi.

Mắt cậu bé chớp chớp.

- "Ta phải xem con chó đã ăn gì. Bác sĩ thú y có thể biết đấy và bác sĩ của Bones là tốt nhất, đồng ý không Freddy?"

Cậu bé gật đầu, lắp bắp một cái tên, một địa chỉ. Russell nhớ ngay tên và địa chỉ, không cần cậu bé lặp lại, chứng tỏ anh rất quan tâm. Vả lại, đó cũng là phẩm chất của anh, nghe cái gì một lần là nhớ.

- Tôi mang nó đi đến bác sĩ cho, được không Freddy? Tôi có xe. Ta cần một tấm đắp, mềm và sạch.

Một cậu bé nói nhanh gọn:

- Tớ có rồi.

Chúng quay lưng lại, đi là thành hàng ngũ hăn hoi.

Bà Somers cau mày. Russell báo cho bà ấy trước, đôi mắt lạnh tanh:

- Bà phải để cho chúng lấy tấm đắp. - Ông thẩm phán cũng nói ngay. Tôi sẽ giải thích cho bà Titus sau.

- Thật là rối tinh rối mù - Bà Somers nói, hất đầu một cái rồi băng qua đường.

Russell nháy ông thẩm phán một cách tinh quái, rồi bước tới đón hai ông cảnh sát đang trở lại:

- Chắc hai ông cũng cần kiểm nghiệm con chó. Bác sĩ riêng của con chó làm được không?

- Được chứ, nhưng chức trách lại thuộc một viên chức thể nhân chịu trách nhiệm. Điều này thì thú y sĩ không có.

- Vậy thì tôi sẽ mang nó đến pháp y. Các ông có thấy dấu vết gì trên đó không?

- Chẳng có vết tích gì cả.

- Các ông sẽ giải thích tiến trình điều tra cho cậu bé chứ?

Ông cảnh sát đôi chân:

- Viên chức thể nhân sẽ làm hết sức. Có lẽ vào thứ hai, sau khi chúng tôi xác định được chất độc, ông ấy sẽ cho điều tra từ các tiệm thuốc. Thường thì một người hàng xóm kỳ quặc, ông ta đã đưa một đơn khiếu nại về con chó.

Nhưng đằng này ông không hề thừa gửi. Viên chức trách nhiệm về thể nhân sẽ thụ lý vụ này vào thứ Hai. Hôm nay ông ấy vắng mặt ở thành phố. Cái rắc rối của những vụ như thế này, là chúng ta chẳng chứng minh được cái gì cả. Nếu biết ai làm chuyện đánh bã chó, ta chỉ có thể hù người ấy đừng làm nữa, chúng chỉ thuộc tội vi cảnh, chưa ai bị xử án về các vụ như thế này.

- Nhưng các ông sẽ giải thích vụ này cho bọn trẻ chứ?

Russell ngưng lại, cắn môi và ông thẩm phán thở dài.

Ông cảnh sát sau cùng nói:

- Đánh bã con chó như thế này hơi tàn nhẫn đối với cậu bé.

* * *

Khi người khách của ông thẩm phán quay lại đã gần năm giờ chiều. Anh nói:

- Thưa ông thẩm phán, tôi đến để từ giã và cảm ơn về...

Nhưng anh không để ý đến câu nói và quên mất, anh ngập ngừng ngược lên.

Ánh mắt ông thẩm phán đầy nhân ái:

- Anh còn có gì băn khoăn?

Thanh niên trẻ nói:

- Thưa ông thẩm phán, có cần cho Freddy ăn thêm không? Tìm đâu ra quanh khu nhà sang trọng này một phụ nữ có lương tâm thông cảm? Tôi đưa chúng vào nhà bà Allen đó, nhưng bà ấy nhăn mặt, lảng tránh chúng nó, bà ấy không muốn dính tới chuyện rắc rối, không quan tâm tới vấn đề tế nhị của chúng. Bà ấy chỉ mời chúng bánh ngọt, cô ca, và để chúng chơi đùa.

- Nhưng anh bạn thân mến...

- Ngày nay người ta dạy các em những gì, ngài thẩm phán? Ăn cho no bụng, uống cho đỡ khát, tránh đối diện với thực tế, chơi cho đã, đừng có khóc cho người thân chết, ráng vượt qua và hãy nghĩ tới một chuyện nào khác.

Ông thẩm phán hiền từ nói:

- Tôi e rằng cậu bé hôm nay cô đơn, nhưng chỉ tới nay thôi. - Giọng ông thành du dương - Không ai tránh khỏi buồn phiền khi tình huống ập tới.

- Ông bỏ qua cho, tôi lại muốn cậu ấy còn buồn khổ được chút đỉnh. Để cậu ấy khóc cho mở tấm lòng ra, rửa sạch những hận thù đen đúa đi. Tôi phải về đây. Chuyện này chẳng liên quan gì tới tôi. Đây là chuyện, chỉ cần trái tim một phụ nữ là giải quyết được.

Anh bắt đầu hành động, với tay lấy telephone:

- Cậu ấy còn cô giáo chủ nhiệm, tôi không thể bàng quan. Ngài đồng ý cho tôi thử cố gắng xem.

- Dĩ nhiên rồi, Mike.

Nói rồi, ông thăm phán buồng tắm thân gầy gò, xương xẩu xuống ghế bành.

Mike cố tìm hỏi số điện thoại của cô Dana từ Ban Giáo Dục.

- Cô Lillian Dana phải không ạ? Tôi là Russell. Cô có nhớ cậu họ trò Freddy Titus không ạ?

Giọng cô rất vui vẻ:

- Vâng, có chứ. Em ấy ở trong lớp tôi.

- Cô Dana ạ, có một chuyện nho nhỏ. Cô biết nhà Thăm phán Kittinger chứ ạ? Cô có thể quá bộ tới đây được không ạ?

- Có chuyện gì thế ông?

- Con chó con của Freddy chết vì bã. Tôi e rằng Freddy buồn lắm. Không có ai ở đây chia sẻ với cậu ấy cả. Cha mẹ cậu ấy đi vắng chỉ có một bà nào đó coi sóc cậu ấy thôi.

Những câu giải thích gọn, cẩn thận của Mike bùng nổ thành tức giận,

“không có một thông cảm tưởng tượng nào hơn được chỉ giúp một mẩu cây để chống đỡ”.

Anh nghe thấy một tiếng thở ra:

- Tôi muốn giúp cậu ấy, cô Dana ạ, nhưng tôi là đàn ông, lại lạ, không ở khu đó, còn ông thăm phán thì... - Anh ngập ngừng.

- ... thì già - Ông thăm phán ngồi trong ghế nhấc. _

Giọng trên điện thoại chậm chậm:

- Tôi rất tiếc, em Freddy lại rất giỏi.

- Cô xử sự như bạn cậu ấy chứ?

- Vâng, chúng tôi như bạn...

- Vậy thì cô sẽ đến chứ? Chúng tôi moi được trong đầu cậu ấy một tư tưởng thật kinh khủng. Cậu ấy nghĩ rằng một ông ở nhà đối diện cố tình đánh bả con chó của cậu ấy. Cậu ấy tin chắc như vậy. Cậu ấy không khóc mới đáng ngại.

Cô Dana lại thở ra. Mike nói tiếp.

- Greenwood Lane và Hannibal Street - góc Đông Nam.

Cô giáo quyết định:

- Tôi sẽ đến, tôi có xe, càng nhanh càng tốt.

Russell quay lại, bắt gặp ông thẩm phán đang cắn môi. Anh nhún nhường hỏi:

- Tôi có làm quá không, thua ông?

Giọng thẩm phán khô rang và rõ ràng:

- Tôi không chịu được cái thành kiến ngang bướng của cậu bé nữa, cũng như bạn. Tôi đồng ý là phải làm cho cậu ấy hiểu. Nhưng... - thẩm phán trở mình trên ghế - ông cụ Matlin cũng điên, Mike à. Có cái gì đó trầm trọng và ngốc nghếch, nên ông ấy trở thành nạn nhân. Ông ấy chẳng may, cưới một góa phụ có đứa con gái thọt. Cưới nhau chẳng bao lâu, bà ấy ngã bệnh. Ông ấy lại chẳng giàu có, phải bảo trì một cơ ngơi quá lớn.

- Ông ấy làm nghề gì ạ?

- Nhiếp ảnh gia. Ông ấy cố phấn đấu hết mình nhưng trong hoàn cảnh căng như vậy, Mike ạ. Cô bé tật nguyền cố chăm sóc nhà cửa, tận tụy với mẹ.

Ông cụ Matlin cũng làm việc hết mình và tận tụy. Thế mà hậu quả là vẫn nhăm nhắng với nhau, căng thẳng với nhau, xô xát, to tiếng. Mặc dù vậy, dĩ nhiên chẳng nên gây thù oán với lũ trẻ.

Mike sâu sắc nhận xét:

- Bọn trẻ cũng có phần trách nhiệm. Chúng khoái tưởng tượng ra một ông hàng xóm ba bì để tăng cảm giác đe dọa. Vậy là ông cụ trở thành đối tượng

các trò tinh quái của chúng. Một kẻ thù.

Ông thẩm phán thở dài:

- Đúng thế.

- Như vậy là câu chuyện hoang đường, tưởng tượng của chúng được thêm dệt. Những tin chúng đồn đại ra thế nào cũng có chi tiết về cụ Matlin. Ta không thể một sớm một chiều mà phá bỏ chuyện tưởng tượng của chúng được.

- Làm sao mà làm cho chúng hết hoang tưởng ngay được - Ông thẩm phán nói mà trĩu nặng ưu tư, đứng dậy khỏi ghế.

Chàng thanh niên bóp trán:

- Thưa ông, tôi không chịu được những chuyện như vậy. Chúng ta chẳng hề biết trong đầu bọn trẻ nghĩ gì, hoặc những ai là anh hùng của chúng. Cụ thể chúng chỉ là một bọn nhóc, ông thấy nên khuyên chúng những gì?

- Cuối cùng chúng ta phải khuyên chúng gì đây - ông thẩm phán nói rõ và sâu xa - Dù cụ Matlin có nói gì chẳng nữa, ở đây không phải khu nhà ổ chuột.

Ông bồn chồn bước lại cửa sổ, ông táy máy cái núm chỉnh màu. Thành linh ông bảo Mike:

- Từ căn nhà mát của tôi ở cuối vườn, anh bạn có thể nghe lén chúng nói gì.

Chúng tụ tập dưới cây sồi ấy. Đi nghe coi Mike.

Chàng thanh niên đứng nghiêm:

- Vâng ạ!

Ông thẩm phán nói bên lên:

- Vì chúng ta cần biết...

Bọn trẻ ngồi dưới tán cây sồi, nơi chỗ trống nhiều cỏ, Freddy ngồi giữa. Mặt căng thẳng. mắt không rời quan sát nhà kẻ thù. Các đứa khác nhìn nó, cúi đầu hay quan sát những bàn tay dính đất mân mê những cọng cỏ.

Chúng không nói chuyện, chúng như chìm ngập trong bầu không khí nặng nề, dỗi hờn vì bị ức hiếp, buồn bức vì phải chịu bất công. Lâu lâu, một đứa lại tuyên bố gì đó rồi lại chìm vào yên lặng, càng làm tình trạng xấu hơn.

Ông thẩm phán ngược mắt lên khỏi tờ báo:

- Có nghe được gì không?

Mike trả lời nho nhỏ:

- Có ạ, chúng than phiền về luật pháp, tham nhũng thối nát. Chúng quả quyết cụ Matlin đã đánh bả con chó. Chúng đóng vai Hiệp sĩ rừng xanh Robin Hood phải khôn khéo bênh vực kẻ yếu, người bị áp bức và chó. Chúng cho là chúng đang bàn tới công lý. Chúng đang đợi đêm tới. Chúng nói tới vũ khí - những thứ duy nhất mà chúng có - những khẩu súng nhựa.

- Trời đất!

- Ngài đừng lo. Sẽ không có gì nguy hiểm đâu.

- Anh định sẽ làm gì?

- Ngăn chặn chúng.

* * *

Bà Somers đang nấu ăn chiều thì Mike gõ cửa.

- Ô, ra là ông. Có chuyện gì vậy?

- Tôi mong bà cộng tác để giúp đỡ Freddy.

Bà ấy vênh mặt lên nói lớn:

- Freddy sẽ ăn tối, rồi đi ngủ đúng giờ thường lệ. Với Freddy chỉ có vậy.

Ông còn muốn nói thêm gì nữa đây?

- Tôi muốn được rủ cháu về ngủ ở nhà tôi tối nay.

Bà ấy cự liên:

- Tôi không thể nào làm như vậy được.

- Ông thẩm phán sẽ bảo đảm mà...

- Xin ông nghe đây. Tên ông là gì nhỉ - Russell; đây không phải là nhà tôi. Freddy cũng không phải là con tôi. Tôi chịu trách nhiệm với ông bà Titus. Ông và tôi lại chưa quen nhau. Theo tôi thấy, Freddy có can hệ gì đến ông?

Russell hỏi danh thếp:

- Phòng cậu ấy đâu?

Bà Somers sửng cồ, giọng nghi ngờ:

- Tại sao ông phải biết?

- Cậu ấy để súng nhựa ở đâu?

Bà ấy buột miệng trả lời

- Trong nhà phụ, phía sau.

Mike cho bà ấy biết hết chuyện. Bà ấy châm chọc:

"Thật là chuyện con nít. Ông đâu có hiểu biết gì về con nít, chàng thanh niên? Freddy sẽ đi ngủ một mạch cho đến sáng. Chắc chắn sẽ như vậy.

- Có thể bà nói đúng. Tôi cũng mong được vậy.

Bà Somers hất toẹt khoai nghiền vào chảo rán. Môi bà run lên vì tức giận.

Bà ấy bực mình vì không dám chắc sự việc sẽ suông sẻ như lời mình nói.

Anh ta lại tin rằng mình làm được như vậy.

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Kẻ Thù (tt)

Nguyên tác THE ENEMY

Tác giả: Charlotte Armstrong

Russell quan sát đường phố rồi băng sang nhà ông Matlin. Chính ông ấy ra

mở cổng. Không khí trong nhà tù hãm, khét mùi dầu mỡ cũ. Mọi thứ đều ở trong tình trạng phải chống đỡ tạm thời và tuyệt vọng. Nhiều thứ lẽ ra đã phải sửa chữa tu bổ, nhưng không. Căn nhà thì quá lớn. không đủ sức, không đủ tiền để tu sửa bảo trì. Đơn giản là quá khả năng.

Bà Matlin không đi lại được. Ai cũng có thể thấy bà ấy đã phấn đấu hết sức. Bà ấy nhìn thần thờ, như thể phải lo lắng điều gì thường xuyên, chiếm chín phần mười năng lực của bà. Cô May Matlin khắp khênh đi vào, ngồi sụp xuống, không còn sinh khí.

Russell mở lời đầy nhiệt tình:

- Cụ Matlin ạ, tôi không biết tình trạng căng thẳng giữa cụ và bọn trẻ bắt đầu như thế nào. Tôi đoán chúng vì tình nghịch quấy phá cụ. Chúng có vẻ khoái chí lắm.

Anh mỉm cười, cố tỏ tình thông cảm với cụ.

Cụ Matlin nhìn Russell hể hả:

- Dĩ nhiên là chúng khoái rồi.

Cô gái tật nguyên nói:

- Chúng gọi cháu là mụ phù thủy, rồi giả vờ là sợ cháu. Chúng là những thằng quỷ. Cháu khiếp chúng quá.

Ông cụ Matlin nháy mắt bồn chồn với bà cụ ngồi trong xe lăn, rồi nói với Russell bằng một giọng rên rỉ:

- Sự thật chỉ là chúng chơi ranh ma độc ác.

Vợ ông nói lí nhí:

- Thật tệ quá, tôi nghĩ tình hình còn nguy hiểm nữa.

- Mẹ ơi, mẹ đừng lo gì cả - Cô con gái nói với một giọng cương quyết tự tin, khác hẳn. Con không để chúng phá mẹ đâu. Không đứa nào sẽ dám làm phiền mẹ cả.

Ông Matlin chặn lời con:

- Im đi May, con sẽ làm mẹ con sợ đấy. Dĩ nhiên đâu có đứa nào phá mẹ con được.

Russell nói nhỏ nhẹ:

- Dĩ nhiên có nguy hiểm đấy bà Matlin. Chính vì vậy mà tôi phải qua đây.

Ông cụ Matlin trở mặt kinh ngạc:

- Cái gì? Nguy hiểm gì vậy?

- Xin cụ tin theo lời khuyên của tôi, hôm nay ông đi ngủ ở nơi khác. Khi đi cố đánh động cho bọn trẻ biết.

Cụ Matlin chồm lên vì bị chạm tự ái:

- Không! Sao ông lại khuyên tôi như vậy được. Dù bất cứ biến cố nào, tôi cũng không ra khỏi nhà tôi - Giọng ông cất lên cao hơn - Ngoài ra cũng không khi nào tôi để vợ con tôi một mình.

Bà Matlin góp ý một cách lo lắng:

- Mẹ con tôi tự lo liệu được mà, ông.

Russell nói cho họ biết câu chuyện của bọn trẻ dưới gốc sồi, về súng nhựa.

Ông cụ Matlin thốt lên sửng sốt:

- Đúng là bọn quỷ sứ, chúng hoàn toàn...

Bà Matlin run rẩy

- Ôi, anh Earl, hay tốt hơn là chúng ta đi cả đi.

Cụ Matlin giận đỏ mặt tía tai:

- Chúng ta sở hữu chủ ngôi nhà này, chúng ta đóng thuế, chúng ta phải có quyền. Cứ để mặc chúng. Xem chúng có thể làm trò đó không? Lúc đó thì luật pháp phải lên tiếng. Thật là loạn, suy đồi quá rồi. Tôi không làm hại con cho đó. Bởi vậy, tôi thách...

Ông tỏ ra quan trọng và ngốc nghếch, như ông thâm phán đã nói, mặt tím đen, đôi mắt thần thờ long lên.

Russell đứng dậy và từ tốn nói:

- Tôi chỉ đề nghị cụ vậy thôi, vì đó là cách giải quyết êm đẹp nhất. Nhưng xin bà Matlin đừng lo, vì tôi...

Bà lo lắng nói:

- Nhưng súng nhựa có thể làm mù...

- Hoặc còn tệ hơn nữa - Russell đồng tình với bà - nhưng tôi đã nghĩ tới...

- Đừng nói - ông Matlin gầm lên. Ông không thể đến đây dọa vợ tôi! Bà ấy không được khỏe, ông không có quyền.

Ông đứng gậy, dặng hai bàn chân thẳng góc nhau lấy thế. Hai cánh tay ngắn, mập dang ra, ngón thịt dưới cằm rung lên:

- Xéo ra ngoài!

Ông trông thật tức cười.

Không hiểu Russell và bà cụ trong xe lăn có cảm thông nhau không. Dĩ nhiên Russell phải bước ra ngoài. May Matlin lò cò theo, ở cửa cô nói:

- À! dẫu sao thì ông cũng đã báo cho chúng tôi biết trước.

* * *

Russell lại đi băng băng trên vỉa hè. Bóng dài của cảnh vật theo ánh tà dương nhảy nhót trên đường. Những căn nhà cổ đồ sộ nhuộm nắng vàng có đường nét dịu dàng hơn, cạnh những tàu lá xanh. Anh tới chỗ cây sồi lớn. Anh cũng ngồi xõm xuống. Những chùm tia vàng nghiêng, xuyên qua tán lá chiếu được tới những cành nhỏ bên dưới. Anh hỏi:

- Chuyện của các em đến đâu rồi?

Freddy Titus cứng người, im lặng. Phil Bourchard cố ra vẻ bình tĩnh trả lời:

- Cũng được ạ.

Ánh nắng chiếu qua cặp mắt kính cú vọ, rọi vào mắt cậu làm cậu hấp háy.

Russell mở miệng định nói, anh ngập ngừng. Chuông đồng hồ quanh vùng

điểm giờ ăn tối. Những tiếng gọi nhau í ới ngân lên như chuông.

- Mẹ tớ gọi - Ernic Allen tuyên bố - Tạm biệt. Gặp lại, Freddy.

- Tạm biệt.

Tiếng hú gọi của bà Somers cũng vang lên hòa theo. Đến lượt Freddy cũng đứng lên, người thuôn ra.

- Tốt đẹp chứ Freddy?

Mấy tiếng thường dùng ở cửa miệng người Mỹ, có nghĩa bớt buồn chưa hay dễ chịu chưa.

- Tốt đẹp.

Freddy trả lời ngay bằng hai tiếng đó nên chàng thanh niên còn nói gì được nữa. Anh hé môi rồi lại ngậm lại. Freddy đang băng qua sân cỏ vào cửa sau nhà. Có một cái tô sành dưới vòm cửa sau. Hai ống quần chèn của cậu bó sát hai mắt cá bước qua tô. Mike Russell quan sát kỹ rồi với điệu bộ như vung tay, anh bước lên thềm nhà ông thẩm phán.

Ông thẩm phán mở cửa:

- Sao, anh bạn đã nói chuyện với bọn trẻ chưa?

Russell chưa trả lời. Anh ngồi xuống. Thẩm phán đứng trước mặt anh:

- Toàn bộ việc này, quan trọng nhất là phải giải thích cho chúng hiểu - Mike trả lời thiếu não - Tôi không thể giải thích được gì. Tôi mở miệng ra mà chẳng có ý nào cả. Tôi chưa thân thiện được với chúng.

Có lẽ tốt hơn, tôi nên...

- Ngài định nói gì ạ?

- Sao còn hỏi, cho cậu ấy biết lẽ phải và sự thật.

- Sự thật chỉ là con chó đã chết.

- Nhưng chẳng có bằng chứng nào chứng tỏ ông Matlin đã giết nó.

- Nhưng cũng chẳng có bằng chứng nào tố cáo kẻ lang thang. Chuyện đó lồi thối quá.

- Anh muốn ám chỉ cái gì?

- Thảm phán ơi, những đứa trẻ nghi đúng hơn chúng ta.

Thảm phán bác lại:

- Vô lý. Cô bé đã thấy xác con chó trước khi ông Matlin về nhà.

Mike buồn bã nói:

- Không có chứng cứ ngoại phạm cho việc đánh bã.

- Vậy thì anh cho là cụ già nói dối à?

Mike thở dài:

- Những người nói dối. Làm sao bọn trẻ sẽ hiểu được sự thật và những lời nói dối? Với các bà như bà Page và đám trẻ, sự thật chỉ là cái ý định chủ quan của họ thôi. Bà ấy nói, cậu ấy nói: "tôi không nói láo, tôi cố gắng trung thực. Đừng có gán tội cho tôi là nói láo". Thưa ngài, khi nào thì ta bắt đầu? Việc này chính là cái chúng ta bàn trong bữa ăn trưa vừa rồi. Đó là LÂM LÃN, điều Ngài và tôi đều tin là kẻ thù. Loài người đã được bảo đi bảo lại trong đau khổ ngậm ngùi như vậy, bài học cay đắng chỉ rút ra được sau hàng triệu năm.

Chàng thanh niên bung mình ra khỏi ghế.

- Chúng ta biết, nói thật không chỉ là thiện chí. Nói thật là việc rất khó khăn. Nói thật là một kỹ năng cần luyện tập, là một kỹ thuật, một cố gắng liên tục. Nói thật đòi hỏi óc suy luận, cần biết quan sát. Nói thật cần khiêm tốn và tự xét mình. Nó vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Tại sao ta không nói những điều này cho bọn trẻ biết? Tại sao người ta bị kết chặt với nhau trong những cơn giận dữ, mỗi bên rửa nhau là nói láo? Tại sao người ta không nhận ra ngay là chúng ta rất dễ lầm, chứ không phải dễ dàng độc ác. Tại sao các cậu ấy có ý định dùng bạo lực? Vì Freddy không tự nghĩ: "Khoan đã, mình có thể lầm không?" Cậu ấy không được giáo dục một tập quán tốt như vậy.

Nhưng các người hùng thì có sẵn. bắp thịt cuộn cuộn, trái tim hùng dũng, tay

lầm lẫn khẩu súng, chỉ biết chấp nhận mù quáng cái nghĩa do tác giả sắp đặt sẵn. Xin lỗi Ngài.

- Tất cả những điều đó đều có thể đúng - Ông thẩm phán nghiêm trang nói.

Cảnh sát cũng học được bài học ấy. Họ...

- Họ không quan tâm đâu.

- Anh nói sao?

- Họ không quan tâm đúng mức, thưa Ngài. Không ai trong chúng ta quan tâm đúng mức về con chó.

- Tôi thấy rồi. Vâng, tôi hiểu là tôi chẳng hề có ý nghĩ xem con chó bị sao - Ông đưa tay nâng nâng kính kẹp mũi.

Mike xoa xoa vàng trán buồn phiền:

- Nếu không biết làm gì mà ngồi ngắm cửa sổ nhà cậu ấy suốt đêm cũng chẳng ích gì.

- Tại sao anh không xem cái gì đã xảy ra cho con chó nhỉ?

Nét mặt chàng thanh niên thay đổi hẳn, anh nói nhỏ:

- Cái ta cần dạy cho Freddy là chính cậu ấy phải yêu cầu việc đó. Chỉ cần cậu ấy yêu cầu, chỉ cần cậu ấy muốn biết.

Một già, một trẻ nhìn nhau: quá khứ và tương lai lồng vào nhau. Mike nói:

- Ta làm ngay trước khi trời tối.

* * *

Bữa ăn tối cho trẻ con chỉ khoảng hai mươi phút. Khi cô gái y phục nâu, tóc vàng nhạt, để trần, bước ra khỏi chiếc xe mui trần thể thao. bọn trẻ đã tập trung chỗ trống cỏ dưới gốc sồi. Cô ấy đến chỗ bọn chúng và ngồi thụp xuống đất:

- À Freddy này, có phải Bones là con chó nhỏ của em mà em tả trong bài luận không?

- Vâng, thưa cô Dana.

Giọng Freddy run run uất hận, như thể muốn tỏ ra là không cảm động, nhưng cô giáo hiểu ngay đó là tiếng khóc của Freddy. Bởi vậy cô không nói được lời nào nữa. Cô ngồi bệt xuống đất, và thực sự cô bắt đầu khóc.

Cảm xúc lây lan là sự việc giản dị nhất trên đời. Đầu tiên, một cậu nhỏ nhất nhõng nhẽo, sau đó Freddy Titus nghiêng qua cô. Cô đưa tay đỡ đầu em rồi cuối cùng em ngồi gọn trong lòng cô.

Russell đang ở trong nhà nghỉ mát sau vườn, thấy vậy anh nhắm mắt lại và cầu xin Chúa trời. Nhấp nháy, anh đã vắt chân qua rào, đến theo bờ cỏ:

- Xin chào, tôi là Mike Russell.

- Tôi, Lillian Dana.

Cô rất nhanh nhẹn và thông minh. Nước mắt của cô là thật.

Mike nhanh nhẩu nói:

- Đây các bạn nhỏ, các bạn biết ta phải làm gì rồi chứ? Ta phải phá vụ án này.

Bọn trẻ ngược những bộ mặt thiếu não lên. Mike cố tình nói chậm rãi:

- Vụ này giống như một vụ án mạng, nó là một vụ sát nhân.

- Vâng. - Freddy ngồi dậy, lau khô mắt - và kẻ sát nhân là già Maltin.

- Chúng ta phải chứng minh việc ấy.

Cô Dana thấy mặt cậu bé đánh lại, cậu chẳng còn phải chứng minh gì cả, ánh mắt cậu nói lên điều đó. Mike cũng biết. Cô ngả người qua cậu bé:

- Nhưng chúng ta phải tránh làm lẫn để rồi mang tiếng Bones. Bones là con chó ngoan. Đáng xây cho nó một tượng đài.

Mắt Freddy long lanh, chớp luôn.

Mike nói như thâm cảm ơn:

- Tùy chúng ta có muốn tìm ra sự thực, bằng nghiệp vụ thám tử đảng hoàng, để Bones được an lòng.

- Ít nhất ta phải làm được cho Bones như vậy - Cô Dana nói trầm tĩnh và quả quyết.

Freddy ngẩng mặt lên.

Mike nhanh nhẩu tiếp:

- Cái khó là người ta biết sai về sự việc. Lắm khi người ta không nhớ rõ. Họ lầm lẫn.

Freddy lại nói:

- Già Matlin nói láo.

Russell vui vẻ đỡ lời:

- Nếu ông ấy làm thì ta phải dẫn chứng. Chúng tôi đã có kế hoạch, xin cô Dana hợp tác, giúp đỡ. Fred, cậu và vài bạn đến mấy nhà quanh đây phỏng vấn vài câu. Nên chọn những em khôn lanh nhất. Tìm ra sự thực khó lắm đó.

- Mike nói như khích các cậu.

Cô Dana hỏi bằng một giọng trầm bổng:

- Sau đó thì ta làm gì?

- Sau đó các em và cô, nếu cô vui lòng...

Cô Dana giật mình đứng thẳng:

- Tôi? Tôi là cô giáo, ông Russell ạ, tôi đâu có là cảnh sát.

- Không làm trước khi trời tối.

- Ông định sẽ làm gì?

- Trò hơi bẩn.

Cô giáo cắn môi lưỡng lự:

- Trò lén lút thọc mạch, không nên làm.

Russell đồng ý:

- Vâng, cô có thể mất việc.

Cô giáo trẻ không đến nỗi xấu. Đôi mắt thanh tú, đôi mày nghiêm nghị, lại thêm cái lúm đồng tiền trên má nữa chứ. Cô khoát tay:

- Thôi được, tôi sẽ đề cập tới mỹ cảm trong văn chương hay đề tài nào đó.

Sẽ hỏi những câu hỏi nào?

Cô có sẵn tập ghi và cây bút chì thô ra khỏi ví, trông có vẻ tinh ranh và có khả năng.

Giờ đây, khi cả bọn tụ tập lại, bầu không khí âm mưu bí mật ảm lên dần.

Russell cảnh báo họ:

- Việc sẽ công phu tỉ mỉ lắm đấy.

Anh thảo ra vài câu hỏi:

- Rồi, đừng có để ai lừa mình, cho một câu trả lời tưởng là đúng nhưng thật sự là sai đấy.

Anh tóm tắt lại:

- Hỏi tại sao họ biết điều đó. Lấy những bằng chứng thực. Nhưng đừng đến nhà cụ Matlin. Để tôi đến đó cho.

- Cháu không sợ ông ấy - Cánh mũi Freddy phòng lên.

- Tôi nghĩ là tôi mới có nhiều dịp tìm ra câu trả lời ở đó. Ta cần tìm ra câu trả lời, phải không nào?

Freddy nuốt nước bọt:

- Và nếu kết quả lại hóa ra...?

- Nó sẽ hóa ra đúng theo cách sự việc xảy ra. - Russell vừa nói vừa xoa đầu cậu bé tóc vàng khuyến khích - Chọn phụ tá của em cho chiến vào, nhớ đấy.

- Em chọn Phil Emic.

Các cậu chưa được phân công tác đứng im phụng phịu khi cô giáo và ba đứa chẳng lớn hơn bao nhiêu đứng đây.

Cô Dana nghiêm trang nói:

- Việc này khó đấy, ông Russell ạ. Dù chưa biết ông là ai, nhưng cũng cảm ơn ông đã mời tôi tham dự vào vụ này.

Anh cúi nhìn cô giáo, ôn tồn nói:

- Tôi cũng chỉ là người lạ ở đây nhưng cô lại là bạn và cô giáo của Freddy.

Nét đau khổ thoáng qua mắt cô.

- Cô biết, cô đang dạy học đây.

Cô ngẩng đầu cao:

- Được rồi, các em, cô sẽ cầm sổ tay và bút chì. Freddy, lau mặt đi. Phil bỏ áo vào trong quần. Bây giờ chúng ta tổ chức, phân công...

Gần chín giờ tối, cô giáo và mấy cậu bé đã mệt nhoài, mới trở về đến nhà ông thẩm phán. Russell, với vẻ mặt căng thẳng, đưa tay nhận mấy tờ giấy từ tay cô giáo.

Cô Dana lên tiếng:

- Khoan đã, thưa thẩm phán, làm ơn cho chúng tôi phỏng vấn vài câu.

Emic Allen rưng hết cả răng cửa, bước lên đầu.

- Hôm nay Ngài có trông thấy con Bones không? - Cậu tỏ ra đã nắm vững kỹ thuật hỏi các câu hỏi lặp lại.

Ông thẩm phán gật đầu.

- Ngài thấy nó bao nhiêu lần và khi nào?

- Một lần. Ồ... ngay trước ngõ. Nó băng qua sân cỏ nhà tôi, đi về hướng Đông.

Những cậu bé chăm chú ghi vào sổ tay. Rồi Freddy môi hé mở, căng thẳng hỏi:

- Làm sao mà Ngài biết được giờ ạ?

- Được, hừm... để tôi nghĩ đã. Tôi đứng nhìn ra cửa sổ đợi đón khách của tôi. Ngay sau đó ông ấy tới.

Mike nhắc:

- Một giờ kém năm, thưa Ngài.

Freddy xoay người hướng về Mike:

- Làm sao mà ông biết chắc như vậy?

- Tôi xem đồng hồ của tôi. Tôi đã được tập quen đến sớm hơn năm phút khi được mời dự tiệc.

Các cậu gật gật đầu đồng ý, cô giao ghi vào sổ tay.

Thẩm phán xác nhận lại ra chiều suy nghĩ:

- Như vậy là tôi nhớ lắm. Đúng ra là trước một giờ một chút.

Tới phiên Phil Bourchard:

- Ngài có thấy ai vào đường xe hay sân cỏ sau nhà cụ Matlin không ạ?

- Tôi không thấy ai.

- Ngài có ra ngoài nhà hay nhìn về hương đó không ạ?

- Có, tôi - khi chúng ta rời bàn ăn thì mấy giờ nhỉ, Mike?

- Hai giờ ba mươi ạ.

Freddy Titus xen vào:

- Làm sao mà ông biết giờ chính xác thế ạ?

- Vì tôi muốn biết mình có thể nán nà lại thêm ít phút mà vẫn giới hạn trong phép lịch sự không?

Russell nháy mắt chúc mừng cô Dana đã thành lập được nhóm thám tử này, và Freddy đóng vai kiểm tra thời gian chính xác.

Phil tiếp tục thẩm vấn ông thẩm phán:

- Ngài có thể đoán chắc không có ai lảng vảng ở sân cỏ sau nhà cụ Matlin vào lúc đó không ạ?

- Trong tầm mắt tôi nhìn được thôi.

Freddy nói ngay:

- Ngài thẩm phán không thể nhìn xa được, nhiều cây quá. Chúng ta không thể mong ông ấy đoán chắc điều đó được.

Bọn trẻ ngược nhìn cô giáo, cô đánh dấu vào sổ.

- Cảm ơn Ngài thẩm phán. Ngài có bà nấu bếp chứ ạ? Chúng tôi cần phỏng vấn bà ấy.

Ông thẩm phán đứng dậy, cúi đầu chào:

- Xin mời đi lối này.

Russell nhìn theo họ, ánh mắt anh lại bình thản, mượt như nhung. Anh bắt gặp cái nháy mắt của ông thẩm phán. Anh ngồi xuống xem mấy tờ giấy cô giáo đã đưa. Xem xong tờ nào, anh đưa cho chủ nhà tờ đó.

Giật mình, anh ngược lên, Lillian Dana đang đứng ở cửa quan sát mặt anh.

- Anh có nghĩ rằng... Mike?"

Một tờ giấy cong xuống trong tay ông thẩm phán.

- Chúng ta không thể ngừng được. - Cô giáo lo âu cho họ biết.

Russell gật đầu đồng ý rồi quay sang thẩm phán:

- Có lẽ chúng ta cần vài viên chức cao cấp giúp đỡ, thưa Ngài.

Ông thẩm phán đứng dậy.

- Xin Ngài cho biết Matlin chơi golf ở đâu? Và số điện thoại của Đội Thu gom Phế liệu. Không, cô Dana ạ, chúng ta sẽ không bỏ dỡ vụ này, manh mối chỉ hướng nào, ta phải theo hướng đó.

Cô đồng ý:

Gần mười giờ, những người hàng xóm lục tục kéo đến. Ông thẩm phán ân cần tiếp họ. Ông cảnh sát trưởng tới. Bà Somers mặt mày nghiêm trọng, ngờ ngác, trong bộ đồ nhiều. Cụ Matlin. Bà Page. Ông và bà Daugherty. Ông và bà Baker và cô Diane Bourchard. Cô Diane Bourchard, 16 tuổi. Họ băng khuâng nhìn vào nhóm người nhỏ, vài cậu học trò và cô giáo tóc vàng nhạt. Người đến sau cùng là chàng thanh niên Russell, theo một hành lang tối. Nhận được dấu hiệu đồng ý của thẩm phán, anh khai mạc buổi họp.

Anh bắt đầu:

- Chúng tôi đang điều tra về cái chết lạ lùng của một con chó. Thưa ông cảnh sát trưởng Anderson, chúng tôi biết quý sở đã từng điều tra rất thành

công, biết rằng các ông rất bận và vài người trong chúng tôi nóng lòng không đợi được. - Russell liếc vào kính cửa sổ tối đen. - Giờ đây, Ngài có sẵn lòng giúp chúng tôi không?

Ông cảnh sát trưởng nói bao dung:

- Sẵn lòng nên tôi mới tới đây. Chính ông thẩm phán, có uy thế mới triệu tập được buổi họp hợp pháp và có ý nghĩa này. Nếu không có cụ thẩm phán ưu tư nghiêm nghị ngồi chung với mấy đứa trẻ ngây thơ, quang cảnh còn ra thế thống gì.

- Cảm ơn Ngài. Bây giờ, ai trong chúng ta cũng muốn biết cái gì đã xảy ra cho con chó. Trước hết, chúng ta loại bỏ giả thiết người lang thang. - Bà Page đã bắt đầu khó chịu. Russell mỉm cười với bà - Bà Page nhìn thấy một ông đi theo đường xe nhà ông Matlin sáng nay. Một xe tải của Đội thu gom giấy và giấy đậu trước nhà ông Daugheny lúc mười giờ bốn mươi hai phút. Người đàn ông mặc đồng phục có vẽ luộm thuộm, đi xuống nhà chứa dụng cụ, sau nhà xe, để lấy túi phế liệu mang ra xe. Sự thật là vậy, thưa bà Page. Vậy mà bà Page cũng đỏ mặt tía tai lên

- Ông công nhận đang có mặt ở đây. Ý nghĩ của bà về ông ta, không phải là nói dối, mà chỉ là nghĩ lầm. - Russell quay mặt lại thính giả chính - Bây giờ nói đến con chó làm những gì buổi sáng đó và chúng tôi đã làm có kết quả rất tốt.

Khi anh trình bày những hoạt động liên tục của con chó, vài khuôn mặt đã tươi cười khi mừng tượng con chó nhỏ đang lon ton trong khu phố. Mike tiếp:

- Lúc một giờ, Bones băng ngang nhà Ngài thẩm phán sang chỗ bọn trẻ đang đá bóng bên nhà bà Allen. Từ lúc này, không ai thấy con Bones trên hẻm Greenwood hay trên đường Hannibal. Nhưng, cô Daine Bourchard mới khỏi viêm họng nên ở nhà, không đi học. Sau khi ăn trưa, cô ngồi dưới vòm cửa,

trông thẳng vào sân cỏ sau nhà cụ Matlin. Cô đang đợi giờ tan học, hy vọng có bạn cùng lớp đi ngang qua.

- Chẳng những cô thấy con Bones mà còn cả con Corky của ông bà Daugherty nữa, chúng đùa giỡn ở sân cỏ sau nhà ông Matlin, vào khoảng hai giờ chiều. Xin quý vị cho biết ý kiến, nếu có bã độc để ở đây thì liệu con Corky có tìm thấy và ăn không?

Ông Daugherty nêu ý kiến:

- Có thể con Corky sẽ ăn lắm, nhưng cảm ơn trời, nó đã không ăn phải. - Ông liếm môi, rồi buột miệng - Corky là con chó biểu diễn.

Russell dịu dàng tiếp:

- Nhưng Bones còn quý hơn một chút, nó là bạn của người. Bởi vậy chúng tôi quan tâm.

Ông Daucherty nhìn quanh, giận dữ:

- Thật mắc cỡ.

Bà Baker nói:

- Vâng, đúng nó là bạn của người. Nó là một người bạn của tôi.

Ông Daugherty nổi cáu, cầu nhàu:

- Nói tiếp đi, xem ông còn tìm ra cái quái gì nữa?

- Ông Matlin ra khỏi nhà đi chơi golf lúc mười một giờ ba mươi phút. Vậy quý vị thấy, cụ Matlin chắc không có thể để bã lại.

Ông Matlin nhanh nhẩu nói ngay:

- Tôi khẳng định là tôi không đánh bã. Tôi cũng đã nói vậy trước đây. Tôi hết chịu nổi cái trò ám chỉ úp mở này rồi. Tôi không hề nói láo. Ông nói, đây là một buổi họp?

Ông cụ nhìn Mike chăm chăm.

Anh nói:

- Chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu xem, chuyện gì đã xảy ra cho con chó thôi.

Cụ Matlin im lặng.

Mike tiếp tục thuyết phục:

- Chắc chắn quý vị thấy con người rất yếu đuối, chúng ta còn vài lần nữa đã nói lên chiều nay. Ít nhất tôi sẽ nêu lên một.

- Thừa ông bà Baker, ông bà làm việc trong vườn suốt buổi chiều nay. Con Bones bỏ chỗ chơi banh đến thăm con Smitty nhà ông bà. Lúc ba giờ ông bà bàn tắm cho con Smitty kéo sẽ trễ quá. Khi con Smitty bị bắt đi tắm, con Bones vẫn còn ở đó. Vậy thì quý vị thấy, cô May Matlin nói đã thấy con chó nằm chết cạnh lối đi trước lúc ba giờ là làm lần.

Cụ Matlin vặn râu. Russell nói gãy gọn:

- Lời chứng của ông bà Bakers thật vững chắc.

Vợ chồng ông Bakers da rám nắng ngăm ngăm như nhau vì cùng làm việc ngoài trời, gật đầu tán thành lia lịa.

- Lúc cụ Matlin về nhà cũng được xác định rõ. Cô Diane thấy cụ. Bà Daugherty ở bên cạnh, định ngủ trưa một chút lúc ba giờ năm phút, bà phải dậy lúc bốn giờ ba mươi phút để làm một món chiên. Vì thế bà rất chắc chắn về thời gian. Bà lên lầu, và cũng từ một cửa sổ trên đó, bà cũng thấy ông Matlin về. Cả hai nhân chứng, cô Daine và bà Daugherty đều thấy ông Matlin lái xe về lúc ba giờ mười phút. Ông ra khỏi xe, đi vòng quanh nhà, sang bên phải nhà, phía có sân cỏ.

Ông cụ Matlin đổ mồ hôi hột, ngồi im thín thít.

Mike chuyển giấy.

- Bây giờ tới chuyện bọn trẻ tập trung trong bếp nhà Phil Bourchard lúc ba giờ kém mười lăm phút. Trong khi đó, thấy Smitty vào nhà tắm, Bones tránh xa nước và xà bông là điều tự nhiên. Nó đi ra đường Hannibal lúc ba giờ đúng. Theo linh tính của loài chó, nó biết ngay Freddy đang ở đâu. Chúng ta có thể hiểu được Bones sẽ đi dọc phố Hannibal, lên quá hẻm Greenwood

không?

Ông Daugherty vừa nói vừa nhìn cụ Matlin:

- Có thể hiểu như vậy, và lại sau đó xác nó tìm thấy trên hẻm Greenwood một chút.

Mike nói chậm rãi:

- Không thấy ai khác ở sân sau nhà ông Matlin trừ ông ấy. Còn nữa, hầu như ngay sau khi ông Matlin về, con chó nhỏ chết ở đó.

- Cô Daine chẳng đã...?

- Các bạn cô tới lúc ba giờ mười hai phút. Các lời khai của họ không đáng tin.

Daine đỏ mặt.

- Việc này, chuyện này thật hết chịu nổi! Sao nó lại chết trong sân cỏ sau nhà tôi cơ chứ!

Cụ Matlin la khản giọng.

Ông Daugherty cũng nói chặn trước:

- Tôi cũng nói với các ông là chẳng có gì độc xung quanh nhà tôi cả.

- Sao ông biết được?

Cụ Matlin hỏi như khản khoản mong một tia hy vọng minh oan. Mắt Freddy hoen lệ theo dõi Mike.

- Sao nó lại không thể bị từ trên đường, do một cái xe chạy qua chứ?

Mike lên tiếng:

- Tôi thấy chuyện đó khó xảy ra. Các ông thấy đó. Ông Otis Carnavon đóng chốt ở ngã tư Hannibal và Lee, cố phát cờ hiệu cho xe chạy đều. Liệng cái gì từ trong xe ra chắc ông phải trông thấy.

Ông Daugherty muốn biết:

- Có lẽ thuốc độc mạnh chẳng? Nó chết vì thứ gì?

- Thứ thuốc cực mạnh, nó không thể đi xa được sau khi ăn phải. Nó ăn phải

Cyanide.

Cụ Matlin đưa đôi tay run rẩy lên gỡ cặp kính ra. Chúng ướt đầm mồ hôi và nước mắt. Mike tiếp:

- Chắc có vài người trong quý vị đây là nhiếp ảnh viên tài tử. Chắc cụ cũng có một ít Cyanide trong phòng tối, cụ Matlin?

- Có, nhưng tôi giữ nó... rất thận trọng...

Cụ Matlin bắt đầu ho, khi cơn ho của cụ đã êm. Mike tiếp:

- Thuốc được nhét trong thịt xay, khi phân tách, chúng gồm một nửa là thịt bò, nửa còn lại là thịt bê và thịt heo.

Cụ Matlin xoa cổ bằng các ngón tay:

- Tôi đã hỏi các tiệm bán thịt quanh đây. Bốn tiệm tất cả, họ giao thịt xay cho năm nhà quanh khu này. Sau những phút ma dẫn lối, quý đưa đường, tôi tìm được loại thịt có thành phần như phân tách trên được giao lúc mười giờ sáng nay cho nhà ông Matlin.

Trong phòng nhón nháo lên một bầu không khí bất bình. Ông cảnh sát trưởng đôi mắt ngồi trên ghế kêu sột soạt.

Ông Daugherty gầm lên:

- Có vẻ như bắt đầu...

Russell cướp lời và nói rõ:

- Đến đây, chúng ta phải thận trọng, còn một vấn đề nữa: thịt xay đã được ướp.

- Được ướp!

- Với muối và bách lý hương.

Ông Matlin rên rỉ:

- Bách lý hương!

Freddy ngược nhìn cô giáo với đôi mắt ngỡ ngàng, cô bá vai em.

Mike nói nhỏ nhẹ:

- Về các động cơ giết con chó thì tôi không dám bàn, nhưng thật không thể tưởng tượng được lại có người có thể đánh bã một con chó con.

Không ai thốt nên lời.

- Tuy nhiên, chúng ta đã giải quyết được đến đâu?

Giọng Mike vang lên có vẻ như kịp thời giữ cụ Matlin không ngất xỉu và văng ra khỏi ghế.

- Chúng ta vẫn chưa biết con chó ăn thuốc độc như thế nào và chết như thế nào. - Giọng Mike vút lên cao hơn. Cụ Matlin, cụ có thể trả lời giúp chúng tôi câu hỏi đó không?

Cụ Matlin nói có vẻ thân mật:

- Tốt hơn là ông mời mấy em bé ra ngoài đã.

Cô Dana quay người đi ra ngoài, nhưng Mike đã nói:

- Không, các em đã làm việc vất vả để tìm ra được sự thực. Các em đã tìm ra một phần, nếu còn sự thật sẽ được biết các em sẽ phải được biết.

- Ông biết hết rồi phải không? - Cụ Matlin hỏi nhỏ Mike.

- Tôi gọi câu lạc bộ golf của cụ, tôi đã xem lò đốt rác của cụ. Vâng, tôi đã đoán ra hết. Nhưng chúng tôi muốn chính cụ nói cho chúng tôi biết.

Ông Daugherty dồn dập:

- Sao, sao hả?

Cụ Matlin che mặt.

Mike ôn tồn:

- Tôi nghĩ rằng vẫn còn một lần nữa. Tôi e rằng, cụ Matlin dù có làm con Bones chết vì thuốc độc, nhưng cụ không cố ý và cũng chẳng biết mình đã giết con chó.

Cụ Matlin nói:

- Rất tiếc... vì... Tôi không thể... cô ấy cố làm tốt nhất, nhưng cô ấy lại nấu dở quá. Ai đó đã cho cô ấy những thứ cỏ đó, cỏ bách lý hương. Cô bỏ cỏ này

vào mọi món. Cô ấy làm cho tôi một hộp bữa ăn trưa, nhưng tôi không ăn nổi món ăn của cô. Tôi ăn trưa ở câu lạc bộ.

Mike gật đầu như xác nhận. CỤ Matlin nói tiếp, giọng cụ vỡ ra:

- Tôi không bao giờ... Các ông thấy đó, tôi cũng chẳng biết chính vì con chó ăn thịt mà chết. Cô ấy nói, cô ấy bảo tôi con chó đã chết từ trước rồi.

- Vâng, nhưng trong lúc cụ tức giận chính đáng, hiển nhiên cụ cũng tự hỏi vì sao mà con chó chết chứ?

- Ông Russell, tôi không nói dối. Làm sao tôi biết có bách lý hương trong đó? Về đến nhà tôi phải thử tiêu cái bánh kẹp thịt cô ấy đã làm cho tôi ăn trưa, tôi không muốn làm tổn thương tình cảm của cô ấy. Cô ấy đã cố cố hết mức...

CỤ thỉnh linh đứng bật dậy, nói với đôi mắt hầu như lờ ra khỏi hốc:

- Những gì cô ấy cố làm hôm nay là để giết tôi!

Đôi mắt lờ của cụ quét một vòng rồi ngừng ở Freddy.

CỤ há hốc miệng rồi hỏn hển nói:

- Chó của cậu đã cứu mạng tôi!

Mike nhanh nhẩu đỡ lời.

- Vâng, chính chó của Freddy đã cứu mạng cụ. Cụ thấy đó, con gái ghê của cụ sẽ còn tìm đủ mọi cách giết cụ.

Mọi người nín thở.

- Cụ bỏ các ổ bánh trong thùng đốt rác - Mike tiếp. Cô ấy đã đoán ra cái gì gây cho con chó chết, cô ra thùng rác lấy những cái bánh giấu đi. Nhưng cô ấy đã trễ vì chuyện om sòm đã xảy ra. Cô ấy đành nói láo.

Cảnh sát trưởng Anderson đứng dậy. CỤ Matlin cuống cuống nói:

- Mẹ cô ấy... Mẹ cô...

Mike Russell đặt tay lên đôi vai thông của cụ.

- Mẹ cô ấy rất đau khổ vì tình trạng thù địch giữa cụ và cô ấy. Cụ có nghĩ là

mẹ cô ấy có linh cảm thấy gì khác lạ không?

Cô Lillian Dana choàng Freddy trong vòng tay.

- Ôi, con Bones thật tuyệt! - Cô cố nói át các giọng khác. Ngay cả khi nó chết, nó cũng cứu được một mạng người. Freddy ơi, Bones là con chó tuyệt vời.

Và Freddy, tuy không hiểu khúc sau người ta nói gì, cũng đã được giải thoát những ảm uất qua nỗi buồn và tiếng khóc thút thít cho con chó bạn mình.

Khi người ta đến tìm May Matlin, cô ta không có nhà. Người ta bắt được cô trong nhà chứa đồ của gia đình Titus ở sau nhà. Cô như đang tìm kiếm vật gì.

Hôm sau, ông bà Titus về đến nhà. Tuy con Bones đã mất, nhưng Freddy của họ vẫn bình an. Ông thẩm phán, Russell và cô Dana đã kể hết với họ. Bà Titus khóc, ông Titus thì hứa chăm sóc Freddy hơn. Ông lắc tay Russell.

- ... Cảm ơn vì đã lấy khẩu súng đi.

Nhưng bà mẹ thôn thức lớn tiếng:

- Cảm ơn vì đã chỉ cho con... dạy cho con chứ ông... Ôi, cô Dana thân thương của tôi!

Ông thẩm phán đứng trong hành lang vẫy chào, khi một mái tóc đen và một mái tóc vàng lái xe ra đi.

Ernic Allen nói:

- Tôi biết là cô Dana khoái ông ấy.

Freddy vặn lại:

- Sao mà cậu biết chắc được?

HẾT

nhieu tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Con Ma Thiếu Kinh Nghiệm

(The Inexperienced Ghost)

Tác giả: H. G. Wells

Những cảnh tượng mà Clayton tả trong câu chuyện vừa qua của anh gợi lại rõ mồn một trong tâm trí tôi. Phần lớn thời gian, anh ngồi trong cái góc được kiến trúc cố định đó bên cạnh cái vòng xây để sưởi bằng củi tự nhiên.

Sanderson ngậm cái tàu Broseley có khắc tên, sát cánh anh. Còn có Evans, và Wish, một diễn viên nổi tiếng nhưng dung dị nữa. Sáng thứ Bảy đó, tất cả chúng tôi đều đến Câu lạc bộ Mermaid, trừ Clayton là người đêm trước đã ngủ ở đây nên mới gặp chuyện. Chúng tôi chơi golf cho tới tối mịt, không thấy banh, thấy lỗ nữa mới nghỉ. Chúng tôi đang có tâm trạng bao dung thông cảm với người gặp chuyện chẳng lành. Lúc Clayton bắt đầu kể chuyện đó, chúng tôi đều cho là anh la bịa. Cũng có thể là anh bịa ra thật. Đọc xong, độc giả cũng sẽ dễ dàng phán đoán như tôi thôi. Anh kể như một giai thoại đã có thực, nhưng chúng tôi lại cho rằng đó là do tặc bịa chuyện không còn cách chữa của anh.

Mới đầu, sau khi quan sát những tia than hồng bốc lên từ khúc củi

Sanderson vừa gõ lên:

- Này, các anh biết chỉ có mình tôi ngủ ở đây tối qua?

Wish thêm:

- Còn những người nhà này nữa chứ.

- Nhưng họ ngủ cả ở cánh nhà bên kia. Thôi được...

Clayton nói rồi rít xì gà một lúc, như thể chưa đủ tự tin. Rồi anh nói rất nhỏ:

- Tôi đã gặp một con ma!

Sanderson thẳng thốt:

- Anh gặp ma? Thật không? Ở đâu?

Evans, người rất ngưỡng mộ Clayton và đã sang Mỹ được bốn tuần rồi, cũng la toáng lên:

- Anh đã gặp ma à, Clayton? Tôi khoái chuyện đó lắm. Kể ngay đi.

Clayton nói anh sẽ kể ngay thôi và nhờ Evans đóng cửa lại. Anh nhìn tôi như mong tha thứ:

- Để không ai vô tình nghe được, những tin đồn về ngôi nhà này có ma sẽ gây xáo trộn dịch vụ hữu ích của chúng ta đang phát đạt. Nhiều chỗ tối và các ván ghép gỗ sồi ở đây liên quan đến việc ma xuất hiện. Anh biết không, đây không phải là con ma xuất hiện thường xuyên. Tôi cho rằng nó không xuất hiện nữa đâu, không hao giờ xuất hiện nữa.

Sanderson hỏi:

- Anh không hẹn gặp nó nữa à?

- Tôi chẳng còn lòng dạ nào mà hẹn gặp nữa.

Sanderson nói là anh rất kinh ngạc. Chúng tôi cười rộ lên. Clayton coi rất khổ não. Anh nhếch mép cười rồi nói:

- Nhưng nó là ma thật mà, tôi chắc chắn như sự hiện hữu của tôi và đang nói chuyện với các anh đây, không hề đùa giỡn. Tôi nói gì là đúng tôi muốn nói vậy.

Sanderson kéo mạnh một hơi thuốc, nhìn Clayton bằng một con mắt đỏ ngầu, rồi phả ra một luồng khói thuốc còn hùng hồn hơn lời nói. Clayton lo cái cách bình phẩm nghiệt ngã ấy, tiếp:

- Đó là chuyện lạ lùng nhất trong đời tôi. Các anh biết, tôi không hề tin vào

ma quỷ hay loại lương tử, trước đây và cả sau này nữa. Thế mà tôi lại gặp con ma ở một góc nhà và tôi hoàn toàn làm chủ tình thế.

Anh trầm lắng suy nghĩ thêm, lấy một miếng xì gà mới ra, dùng một cái kim có hình thù kỳ dị, xoay một lỗ dọc theo đầu miếng thuốc anh vẫn thích.

Wish hỏi:

- Anh có nói chuyện với nó chứ?
- Chúng tôi nói chuyện khoảng một giờ đồng hồ.

Tôi nhập bọn với đám bạn hồ nghi:

- Anh chủ động nói chuyện với ma?
- Con ma đáng thương đó đang gặp khó khăn. - Anh vừa nói vừa cúi xuống nhìn miếng xì gà, không hề tỏ ý bực mình.

Một người hỏi:

- Nó có khóc nức nở không?

Clayton nhớ lại và thở phào nhẹ nhõm:

- Trời ơi, có, con ma có khóc. Thật tội nghiệp!

Evans hỏi bằng một giọng Mỹ thật chuẩn xác:

- Anh đập nó vào đâu?

Clayton phớt lờ Evans đi:

- Thật không thể tưởng tượng được. Ma phải có hình thù, tác phong giống như ma. - Nói rồi anh lại bắt chúng tôi hồi hộp chờ đợi để tìm diêm trong túi, quẹt lên rồi châm thuốc. Sau cùng, anh lại nhớ lại, nói - Tôi hoàn toàn ở thế thượng phong.

Chúng tôi cũng chẳng ai có việc gì gấp, nên cố kiên nhẫn đợi anh rề rà.

- Một cá tính mạnh, dù không có thân xác, con ma vẫn giữ được cá tính của mình. Đó là điều mà chúng ta thường quên mất. Khi còn sống, một người có một năng lực mạnh, có một mục đích nhất định, khi chết sẽ thành ma có những điểm mạnh đó và cũng có một mục đích. Những con ma ám ảnh dai

dễ nhất thường là những con ma có một lý tưởng, bị ám ảnh bởi một đối tượng và cứng đầu như một con lừa, xuất hiện liên tục. Nhưng con ma đáng thương này không như vậy. - Rồi thỉnh thoảng anh ngược mắt lên, ánh mắt rất kỳ dị, đảo mắt quanh phòng một vòng - Tôi nói với tất cả lòng nhân hậu, sự thực chỉ đơn giản có vậy. Ngay từ cái nhìn thấy nó đầu tiên, tôi đã thấy nó là con ma yếu hèn.

Anh ngắt câu chuyện như thể chấm câu bằng điều thuốc.

- Các anh biết không, tôi gặp nó trên hành lang dài của dãy phòng bên cánh này. Hắn quay lưng lại tôi nên tôi trông thấy hắn trước. Tức khắc, tôi biết hắn là ma. Hắn trắng và trong suốt. Qua bộ ngực trong của hắn, tôi có thể thấy mờ mờ cái cửa sổ nhỏ ở cuối dãy phòng. Ngoài cái cơ thể vật chất của hắn ra, thái độ của hắn cũng khiến tôi nghĩ ngay là hắn yếu. Hắn nhìn như thể hắn chẳng biết phải làm gì. Một tay hắn chạm vào tấm gỗ trên mặt trước phòng, một tay đưa lên miệng, như thế này!

Sanderson hỏi cho rõ:

- Cơ thể vật lý của hắn như thế nào?

- Gầy nhom, các bạn nhớ, những thanh niên gầy nhom, thường có hai rãnh lõm xuống sau gáy, dài tới lưng, ở những chỗ này này, cái đầu nhỏ, tóc ngắn nhưng dày và hai cái tai rất xấu. Vai so lại, hẹp hơn cả hông, cổ áo loại bẻ sát xuống, áo vest may sẵn, quần ống rộng, đã sờn hết gót. Tôi thấy hắn như vậy đấy. Tôi lặng lẽ lên lầu. Tôi không cầm nến theo, vì các bạn biết cây nến để trên bàn, đầu cầu thang và còn cái đèn kia nữa. Tôi đang mang đôi dép có đế nghiêng sang một bên. Tới đầu cầu thang tôi lại trông thấy hắn. Tôi đứng khựng lại, chú ý đến hắn. Tôi chẳng sợ hãi chút nào. Trong những trường hợp gặp ma tương tự, tôi nghĩ hầu như người ta không sợ và kinh động đến độ như người ta tưởng. Tôi ngạc nhiên và tò mò. Tôi nghĩ, Chúa ơi, cuối cùng đây là con ma thật! Thế mà trong suốt hai mươi lăm năm qua không hề

có giây phút nào tôi tin có ma!

- Hừm! Wish thốt lên.

- Tôi cho rằng tôi vừa lên đến đỉnh cầu thang thì hắn đã thấy tôi ngay. Hắn quay phắt lại đối diện tôi. Thoáng nhìn mắt hắn, tôi thấy hắn là vị thành niên. Cái mũi xẹp, hàng ria ngắn, rậm, cái cằm thon. Chúng tôi đứng im như vậy quan sát nhau một lúc. Rồi như nhớ tới sứ mạng cao cả nào đó, hắn đứng thẳng người lên, nhìn xung quanh rồi đưa mặt về trước, nâng hai tay lên, bàn tay xòe ra - có lẽ đây là điệu bộ lịch sự của ma - tiến đến gần tôi hơn. Trong lúc làm như vậy, hàm hắn trễ xuống, thốt ra tiếng ủa kéo dài như từ xa vọng lại. Không, tiếng hắn thốt ra không khủng khiếp, chẳng dễ sợ chút nào. Tôi đã ăn tối, uống một chai champagne, vì cô đơn tôi uống thêm vài ly whisky, bốn, năm ly gì đó. Tôi cảm thấy vững như bàn thạch. Nếu có chút gì sợ hãi thì cũng không hơn bị một con nhái nhảy vào người. Tôi cũng nói: “Ủa! Vô lý quá, tôi đâu có thấy anh trọ ở đây này. Anh định làm gì ở đây?” Tôi thấy hắn nhăn mặt.

“U... ả” hắn nói.

- “Ủa cái gì? Đốt anh đi! Anh có là một hội viên quản trị không?” Tôi nói, rồi tỏ ra cóc thềm để ý đến hắn, tôi bước thẳng vào một bên người hắn, để đi đốt nến.

- “Anh có là một hội viên quản trị không?” tôi nhắc lại câu hỏi và liếc xéo hắn. Hắn tránh sang một bên để tôi khỏi đụng vào hắn, và cư xử như chán nản lắm. Vì tôi vẫn trừng trừng nhìn hắn, đợi hắn trả lời.

- “Không, tôi không là hội viên, tôi là một con ma.”

- “Vậy thì anh đâu có quyền điều hành câu lạc bộ Mermaid. Anh muốn gặp ai ở đây hoặc chuyện gì đại loại như vậy?” Tôi hỏi rất cứng để hắn đừng hiểu lầm giữa thái độ bất cần do rượu và thái độ sợ sệt. Đốt nến xong tôi cầm trên tay, soi vào mặt hắn: “Anh làm gì ở đây?” Con ma yếu ớt của một

thiếu niên, ngốc nghếch, vô mục đích đã bỏ tay xuống, hết nói ủa, đứng đó ngược ngùng tuyệt vọng. "Tôi chỉ quanh quẩn ở đây."

Tôi bình thản nói: "Anh chẳng có việc gì mà quanh quẩn ở đây cả."

- Tôi là một con ma! Hắn nói như thể câu đó biện minh cho việc hắn ám ảnh ở đây, như để bào chữa.

- Có thể anh là ma nhưng anh đâu có việc gì mà cứ ám ảnh ở đây. Đây là một hội quán tư, có tiếng tăm. Người ta thường nghỉ ở đây với cả vú em và trẻ sơ sinh. Nếu anh cứ đi lung tung như vừa rồi, trẻ em hay phụ nữ có thể gặp anh và họ sẽ sợ chết khiếp chắc là anh chưa nghĩ tới điểm này?

- Thưa ông, không, tôi không nghĩ tới điểm đó.

- Anh phải nghĩ tới điều đó mới được. Anh không có quyền lợi gì trong hội quán này, phải không? Anh không bị giết chết ở đây, hoặc bị cái gì tương tự chứ?

- Không, tôi không bị như vậy, nhưng tôi nghĩ nhà cổ, được ghép lát bằng gỗ sồi...

Tôi nhìn hắn nghiêm khắc:

- "Đó không phải là lý do, anh đến ở đây là làm". Tôi nói với một giọng thân mật kẻ cả. Tôi giả vờ xem đã để diêm vào túi chưa rồi ngược lên nhìn hắn thành thật. "Nếu tôi là anh, tôi không đợi tới lúc gà gáy, mà biến đi ngay tức thì."

Trông hắn có vẻ thật bối rối: "Sự thật là... thưa ông."

Tôi nói huych toẹt: "Tôi sẽ biến ngay."

"Thưa ông, sự thực là về vài phương diện, tôi không thể."

"Anh không thể biến đi?"

"Vâng, tôi không thể biến, vì tôi còn quên một điều gì đó. Tôi đã quanh quẩn ở đây từ nửa đêm hôm qua, nấp trong một cái tủ ở một phòng trống, và các nơi trống. Tôi rúng động. Tôi chưa đi ám ảnh một nơi nào bao giờ. Nơi trống

nào tôi định vào đều có cái gì đẩy tôi ra."

"Như có cái gì đẩy anh ra?"

"Thưa ông vâng, tôi cố đẩy mấy lần nhưng nó không chịu ra. Cái gì đó làm tôi trượt và không trở lại chỗ cái tủ được nữa."

- Các anh biết không chuyện của con ma làm tôi rất ngạc nhiên. Hắn nhìn tôi một cách hết sức chán nản đến nỗi, cả cuộc đời tôi chủ trương dùng sức mạnh ăn hiếp người ta, mà cũng không chấp nhận được cái kiểu ăn hiếp quá đáng này. Tôi nói:

"Thế thì quái lạ thật".

Đồng thời tôi tưởng như có ai đang đi ở phía dưới, nên nói:

"Vào phòng tôi và nói cho tôi nghe thêm về chuyện đó."

- Tôi thật chẳng biết chuyện đó ra sao và tôi cố nắm tay hắn. Nhưng giống y như chúng ta cố gắng nắm một làn khói vậy. Chắc là tôi lúc đó quên mất tiêu số phòng của mình, tôi nhớ là tôi đã đi vào mấy phòng ngủ khác, nhưng may mắn là chỉ có một mình tôi ở bên cánh nhà này, mãi cho tới khi tôi thấy dấu hiệu của tôi.

"Ta đến phòng rồi."

- Tôi ngồi xuống ghế sa lông rồi mời:

"Ngồi xuống, rồi nói cho tôi rõ về chuyện đó. Có vẻ như anh bạn tự chuốc lấy chuyện rắc rối rồi"

"Cũng được."

- Hắn nói hắn không ngồi, hắn thích bay lượn lên xuống trong phòng nếu tôi không phiền. Thế rồi chỉ một lúc sau chúng tôi đã say sưa nói một câu chuyện dài và nghiêm túc. Và khi rượu whisky trong tôi đã nhả, tôi mới thoáng thấy một chút câu chuyện long trời lở đất tôi đang dính vào. Và hắn luôn ở đó, trong mờ, đúng nhà ma thông thường, im lặng trừ cái giọng ma của hắn lúc ở bên phải lúc ở bên trái trong cái phòng cũ xinh xinh, sạch sẽ có

treo những màn hoa. Các anh có thể thấy xuyên qua hần, ánh lóng lánh của cái chân nến bằng đồng đỏ, ánh sáng trên bưng chần lò sưởi bằng đồng thau, hay các góc của khung tranh chạm trổ. Và chính trong phòng đó hần nói cho tôi nghe quãng đời hèn hạ đau khổ, ngắn ngủi hần vừa trải qua, trên cõi đời này. Hần không có một bộ mặt thật lương thiện, nhưng các bạn biết đấy, hần trong suốt nên không thể không nói thật.

- Ê, vì sao chứ?" Wish cựa mình trong ghế, hỏi.

Clayton hỏi lại

- Cái gì?"

- "... vì trong suốt nên không thể không nói thật". Tôi không hiểu?

Clayton nói:

- Tôi cũng không hiểu một cách chắc chắn, nhưng sự thật là thế, tôi đoán chắc với anh. Tôi tin là hần luôn nói thật như Kinh Thánh. Hần nói cho tôi nghe hần bị giết chết như thế nào. Hần đã cầm một cây đèn cầy xuống một căn hầm ở London để tìm chỗ dò khí đốt. Lúc này hần đang là trưởng bộ môn Anh ngữ trong một trường tư ở London.

Tôi buột miệng thương cảm:

- Tội nghiệp!

- Tôi cũng cho là quá tội nghiệp. Càng nghe hần nói tôi càng thương cho hần. Ở đó hần sống không lý tưởng và cũng chẳng nhắm mục đích nào ở kiếp sau. Hần nói cho tôi về cha mẹ hần, về các thầy giáo đồng nghiệp, về các người có chút liên hệ trong cuộc đời ti tiện của hần. Hần nói là hần quá nhay bén, quá ưu tư lo lắng. Không ai đánh giá anh đúng mức, không ai hiểu anh. Hần không có người bạn chí thiết nào trong đời, không làm được việc gì đáng gọi là thành tích. Hần trốn các giờ tập thể dục và thi rớt nhiều kỳ. Hần nói cũng có nhiều người như hần, hễ cứ vào phòng thi là hần quên hết mọi điều đã học. Hần đã từng đính hôn, nhưng cũng với một người dễ xúc

động như hấn. Rồi thì bắt cần trong vụ xì ga, cuộc hôn nhân đành chia cắt.

Tôi hỏi:

"Thế bây giờ anh đang ở đâu? Không ở..."

- Hấn cũng chẳng trả lời được vấn đề này rõ ràng. Câu trả lời của hấn gây cho tôi một ấn tượng mơ hồ, một trạng thái trung gian, nơi đặc biệt dành cho các linh hồn không xác định được sự hiện hữu cụ thể bằng tội hay thánh đức. Tôi cũng chẳng biết sao nữa. Hấn không thể hiện được bản ngã, không quan sát được để tôi có thể mừng tượng ra cái nơi, cái thế giới hấn đang sống ở bên kia cuộc đời hữu hình. Chẳng biết hấn ở thế giới nào, nhưng cùng ở chung với những hồn ma có thể đồng cảm được với nhau: những hồn ma trẻ, hèn yếu, có tên thánh ở vùng London. Tập thể này thường nói đến đi ám và những việc tương tự. Đám ma này coi 'đi ám như một cuộc phiêu lưu lớn, và phần đông các hồn ma loại này luôn thất bại. Các bạn thấy, được biết sinh hoạt như vậy, nên hấn từng đến đây ám.

- Có thật như vậy đấy! - Wish nói vậy, càng thêm cho câu chuyện bốc lửa.

Clayton nói càng thành thật:

- Hấn gây cho tôi cái trạng thái không nắm vào đâu mà nhận định, không thể có một ý kiến riêng. Những điều vừa rồi chỉ là hấn nghĩ hấn đang ở hoàn cảnh như vậy. Hấn vẫn nhón nhơ bay lên bay xuống, với một giọng thoang thoảng xa xăm, nói về kiếp sống đau khổ của mình, mà chẳng có từ nào xác định, chẳng một câu nào rõ nghĩa, từ đầu đến cuối. Hấn càng ngày càng mong manh như mây khói, nói mơ hồ chẳng đâu vào đâu, so với một con ma thực và sống thực hơn. Các bạn biết, có điều là nếu hấn phá phách như một con ma kinh quái, thì hấn đã không được vào phòng tôi. Tôi sẽ tống cổ hấn ra ngoài.

Evans đã hết ngạo nói:

- Đúng thế, cũng có những người lúc sống như vậy.

Tôi cũng hòa theo công nhận:

- Như vậy trong bọn ma cũng có những con giống hệt chúng mình đây.
- Các bạn thấy, điểm có lý đối với hắn là thực tế hắn đã nhận ra mình. Cái mớ bong bong rối rít hắn tạo ra khi đi ám, đã làm hắn thất vọng náo nê. Các con ma khác đã náo với hắn đi ám chỉ là cuộc rong chơi hồi hộp. Hắn tin ngay đây chỉ là cuộc rong chơi mạo hiểm một chút. Thế là hắn lại thất bại thêm một lần nữa. Hắn tự cho mình là đã thất bại hoàn toàn. Hắn nói, và tôi tin là thực, suốt lúc sinh thời, hắn chẳng làm việc gì được suôn sẻ, mà không gây rắc rối; và bây giờ, trong cõi u minh bất tận hắn cũng sẽ chẳng làm được gì. Nếu có những ma khác thông cảm giúp đỡ, may ra... Hắn ngừng ở đó và nhìn tôi chăm chăm. Tôi rất ngạc nhiên khi hắn nhận xét rằng chưa ai cho hắn một chút thương cảm như tôi đang làm với hắn. Tôi hiểu ngay hắn muốn gì và quyết định tổng cổ hắn đi ngay. Các anh biết đấy, làm như vậy thật tàn nhẫn, nhưng là NGƯỜI BẠN THÂN THIẾT DUY NHẤT, người được tin nhiệm của một hồn ma yếu hèn, một người trần mắt thịt như tôi không thể chịu đựng được. Tôi đứng bật dậy:

"Anh không thấy anh đã suy nghĩ quá nhiều về việc này hay sao? Việc anh phải làm là thoát khỏi cảnh này ngay, thoát ngay".

- Lấy lại bình tĩnh, thu mọi can đảm. "Thoát!" Hắn nói: "Tôi - không thể."

- Tôi nói mạnh: "Anh phải cố xem"

- Và hắn đã cố làm được.

Sanderson thần thờ thốt lên:

- Cố! Bằng cách nào?

- Múa tay.

- Múa tay là sao?

Một loạt những cử chỉ, điệu bộ phức tạp và khoa tay. Đó là cách thức hắn đến và hắn cũng phải đi ra bằng cách đó. Trời ơi, tôi gặp chuyện thật rắc rối!

Tôi hỏi:

- Nhưng làm sao một loạt điệu bộ múa tay mà...

Clayton quay sang tôi và nhấn mạnh vài chữ khi nói:

- Ôi, anh bạn, cái gì bạn cũng đòi hỏi rõ ràng. Tôi không biết hấn biến theo cơ chế nào. Tôi chỉ biết người ta làm vậy, hấn đã làm như vậy. Sau một khoảnh khắc dễ sợ, hấn đã múa đúng và đột nhiên biến đi.

Sanderson nói chậm rãi:

- Anh có quan sát kỹ những điệu múa không?

- Có. - Clayton nói rồi cố nhớ. - Rất kỳ lạ. Chúng tôi ở đó, tôi và con ma mong manh sương khói, ở trong căn phòng yên tĩnh đó, trong cái hội quán vắng khách, tĩnh lặng này, vào một đêm thứ Sáu ở cái tỉnh lẻ bình lặng này. Không một tiếng động trừ giọng nói của chúng tôi và tiếng phều phào khi hấn chao lượn. Chỉ có một cây đèn cây cạnh cửa phòng và một cây trên bàn trang điểm, lâu lâu một trong hai cây lại phụt lên thành một ngọn lửa dài. Rồi chuyện kỳ diệu xảy ra. Hấn nói “tôi không thể, tôi không bao giờ...”
Thình lình hấn ngồi thụp xuống cái ghế đầu ở cuối giường, bắt đầu khóc nức nở. Trời ơi! hấn không nhẽo khó chịu quá!

“Anh phải bình tĩnh, thu hết mọi can đảm,” tôi nói rồi vỗ lưng hấn để khuyến khích, và cái bàn tay chết tiệt của tôi xuyên thấu vào người hấn. Các anh biết, vào lúc đó, tôi hầu như không còn hung hăng kịch cảm như lúc ở đầu cầu thang. Tôi cảm thấy sự kỳ diệu thật đầy đủ. Tôi còn nhớ tôi kéo tay ra khỏi người hấn mà rùng mình. Tôi bước sang bàn trang điểm và bảo hấn: “cố bình tĩnh và biến”. Để khuyến khích và giúp đỡ hấn, tôi cũng múa may đôi tay.

Sanderson thốt lên:

- Sao, anh cũng khoa tay như hấn?

- Vâng, các điệu bộ.

Tôi xen vào:

- Nhưng... - rồi im bật vì một ý thoáng qua đầu tôi rồi tôi quên khuấy mất.
- Chuyện ngộ đấy. - Sanderson thọc ngón tay vào nỏ tẩu, nhịp nhịp - Anh muốn nói là con ma của anh chịu thua?
- Hắn cố tình làm như thể lỡ dịp vượt qua các rào cản vô hình rồi tỉnh đó chứ gì?

Wish phản bác:

- Không, hắn không làm vậy. Hắn không thể biến đi được. Hoặc chính anh cũng phải có mặt ở đó mới phán đoán được.

Tôi chụp lấy cơ hội vì cái ý thoáng qua đầu tôi đã được diễn tả bằng lời:

- Chính thế đấy.

Clayton đang nhìn đăm chiêu vào đồng lửa, xác nhận:

- Chuyện đúng là vậy.

Căn phòng chìm vào im lặng một lúc.

Sanderson lên tiếng:

- Và cuối cùng hắn đã biến đi được?
- Sau cùng hắn đã biến được. Tôi đã phải thúc giục hắn kiên trì và hắn biến khá thành linh. Hắn thất vọng. Chúng tôi gây gổ. Rồi hắn bất chợt đứng dậy và yêu cầu tôi múa may lại từ đầu để hắn nhìn. Hắn nói: "Tôi tin là nếu được coi lại tôi sẽ nhận ra chỗ sai sót của tôi ngay." Hắn nhận ra ngay vì hắn nói: "Tôi biết rồi." Tôi hỏi hắn biết cái gì, hắn chỉ nhắc lại tôi biết rồi. Ngay sau đó hắn nói cuống cuồng: "Tôi không thể biến được nếu ông cứ nhìn tôi. Thật sự tôi không làm được. Từ trước tới nay, tôi không làm được việc cũng vì người ta cứ nhìn tôi. Tôi luôn bồn chồn mất tự chủ, đến độ ông nhìn tôi là tôi không lập trung được." Thế là chúng tôi lại tranh luận một hồi. Dĩ nhiên là tôi muốn nhìn xem hắn biến, nhưng hắn vẫn ngang ngạnh như một con lừa. Hắn làm tôi mệt mỏi. "Thôi được, tôi không nhìn anh nữa." Tôi quay về

phía chiếc gương trên tủ ở cạnh giường.

Hắn bắt đầu ngay điệu bộ và múa tay. Tôi nhìn vào tấm gương soi xem hắn có vấp vấp chỗ nào không. Cánh tay quay tròn và bàn tay, như thế này, thế này, và thật nhanh tiến đến điệu múa cuối cùng, giang hai cánh tay ra, đứng thẳng thế này. Các bạn biết không, hắn đứng vào rồi hắn không đứng, hắn không đứng đó, hắn không còn ở đó nữa! Tôi xoay người khỏi tấm gương để nhìn hắn. Chỗ hắn đứng chẳng còn gì. Tôi chỉ còn một mình cùng ngọn đèn cầy leo lét và cái đầu quay cuồng choáng váng. Cái gì đã xảy ra? Có cái gì xảy ra không? Hay chỉ là tôi mơ...? Và rồi như một tiếng chấm dứt hẳn chuyện đó, chiếc đồng hồ trên đầu cầu thang gõ một giờ, thế đấy, boong! Thế rồi tôi vừa nghiêm khắc vừa nhân từ như một thẩm phán, tất cả những champagne và whisky tôi nốc buổi tối đã tan loãng làm đầu óc tôi thanh thản. Cái cảm giác kỳ diệu, thứ kỳ diệu choáng ngợp không thể hiểu được trời ạ!

Clayton nhìn cái tàn xì gà một lúc rồi nói:

- Chuyện xảy ra chỉ có vậy.

Evans gợi thêm:

- Sau đó anh đi ngủ à?

- Còn gì làm ở đó nữa đâu mà không đi ngủ?

Tôi nhìn vào mắt Wish. Chúng tôi muốn pha trò câu chuyện này, nhưng có một cái gì đó, có lẽ ở trong giọng nói và thái độ của Clayton không cho phép chúng tôi giễu cợt.

Sanderson gợi thêm:

- Còn những điệu bộ múa may anh có nhớ không?

- Tôi tin là bây giờ tôi múa lại được.

- Vậy sao? - Sanderson nói rồi mở con dao nhíp nạo sái thuốc trong nỗ điệu ra - Sao anh không thử múa xem? - Tiếng anh đóng lưỡi dao cái “rắc”...

- Tôi sẽ múa đây.

Evans khích thêm:

- Múa cũng không biến được đâu.

Tôi có ý kiến:

- Nếu nó linh nghiệm thì...

Wish đuổi chân ra như thể cản Clayton dừng múa:

- Tốt hơn là dừng múa.

Sanderson trấn an:

- Anh ấy có múa đúng được đâu mà sợ. - Vì mãi chuyện anh nhồi thuốc quá đầy vào cối.

Wish không đổi ý:

- Đúng hay không cũng thế thôi, dừng múa là hơn.

Chúng tôi tranh luận với Wish, anh nói rằng múa lại những điệu bộ đó có khác chi nhạo báng một chuyện nghiêm túc. Tôi nói:

- Nhưng anh cũng có tin đâu.

Wish liếc nhìn Clayton đang trầm ngâm nhìn ngọn lửa, cân nhắc điều gì đó trong đầu rồi mới nói: "Tôi tin chứ, tin hơn một nửa. Thế cũng là tin rồi.

Tôi nói:

- Anh Clayton này, anh không bịa chuyện gạt chúng tôi, các chi tiết đều có lý. Nhưng còn chuyện biến đi. Chỉ ngẫu nhiên mà có tính thuyết phục thôi. Có phải chuyện đầu voi đầu chuột không?

Anh đứng phắt dậy, ra đứng giữa thảm, đối mặt với tôi. Anh nhìn vị trí chân anh, nghĩ ngợi một lúc rồi dán mắt vào bờ tường đối diện suốt thời gian còn lại, với vẻ mặt chăm chú căng thẳng. Anh từ từ đưa hai tay lên ngang mày và bắt đầu...

Vì Sanderson là một hội viên Hội Tam Điểm, thuộc Lan the Four Kings, đã miệt mài chuyên nghiên cứu và làm sáng tỏ các bí ẩn của hội Tam Điểm

trong quá khứ và hiện tại. Sanderson cũng là một người nghiên cứu không tòi. Anh theo dõi các động tác của Clayton đặc biệt chăm chú với cặp mắt đỏ ngầu. Khi Clayton múa xong, anh nhận xét:

- Anh biết không, xét mọi mặt, anh đã múa được tuyệt hảo, nhưng chỉ sai một chi tiết nhỏ.

- Tôi biết, tôi có thể nói tôi múa sai chỗ nào.

- Nói xem?

- Chỗ này.

Clayton làm động tác vặn tay, uốn éo rồi hát lên.

- Đúng, sai chỗ đó.

- Các anh biết không, chính chỗ đó hẳn không múa được đúng. Nhưng tại sao anh...?

- Phần lớn chuyện này và đặc biệt là anh sáng tác nó như thế nào, tôi chẳng hiểu tí gì. Nhưng ở chính đoạn múa đó thì tôi hiểu. Nó là một loạt điệu bộ có liên hệ tới một chi nhánh bí hiểm của Hội Tam Điểm. Chắc là anh biết nhánh đó nếu không sao anh lại...

Anh suy nghĩ xa hơn rồi nói:

- Tôi nghĩ rằng chỉ cho anh vặn tay đúng cũng chẳng hại gì. Tóm lại nếu anh biết rồi thì anh vẫn đã biết; nếu anh chưa biết thì vẫn là chưa biết.

Clayton xác định:

- Tôi chẳng biết gì hơn những điều con ma tội nghiệp làm tôi qua.

- Thế thì được. - Sanderson nói rồi để cái điều đất nung linh thiêng của anh lên bệ lò sưởi. Anh nhanh nhẹn múa vài điệu bộ.

Clayton lặp lại:

- Phải vậy không?

Sanderson nói:

- Đúng rồi." lại cầm cái điều trong tay.

Clayton hoan hỉ:

- Giờ đây tôi có thể múa may đúng hết.

Anh đứng thẳng trước đồng lửa đang lui dần, mỉm cười với chúng tôi. Tôi thấy có chút ngượng ngùng trong nụ cười ấy.

- Nếu tôi bắt đầu...

Wish phản đối:

- Nếu là anh, tôi sẽ không...

Evans khích:

- Đừng lo gì hết, bài múa đó thì có hại gì. Đừng nghĩ là cái điệu múa cà giựt uốn éo đó, lại có thể hát văng Clayton sang thế giới bóng tối được à? Bạn có thể cứ múa thử, Clayton. Tôi chỉ sợ bàn tay anh rời khỏi cổ tay thôi.

- Tôi không tin là không hại.

Wish đứng dậy, đặt tay lên vai Clayton. Dẫu sao anh cũng làm tôi tin một nửa câu chuyện của anh và tôi không muốn chuyện tương tự xảy ra.

Tôi nói:

- Vậy là Wish đã sợ rồi?

- Vâng, tôi sợ thật."

Wish nói rất nghiêm trang, hoặc là anh sợ thật, hoặc anh đóng kịch đại tài.

- Tôi tin rằng nếu anh ấy làm những điệu bộ múa đúng, anh ấy sẽ biến mất.

Tôi cao giọng:

- Anh ấy sẽ chẳng biến đi được đâu. Đàn ông chỉ có một cách duy nhất biến mất khỏi cõi đời, và Clayton còn cách lúc đó ít ra là ba, bốn chục năm.

Ngoài ra... và với một con ma như hắn! Anh nghĩ rằng...

Wish ngắt lời tôi bằng cách đứng dậy, len lỏi qua hàng ghế đến đứng ở cạnh bàn, rồi nói:

- Clayton, anh điên rồi!

Clayton với ánh mắt giễu cợt, mỉm cười với anh rồi nói:

- Wish nói đúng, còn các anh sai hết. Tôi sẽ biến. Tôi sẽ múa hết bài này và đến đoạn nhanh dồn dập kết thúc và "hấp" tôi sẽ biến như một hơi gió thoảng. Trên thảm này chẳng có ai, phòng này sẽ tràn ngập kinh dị và một người nặng chín mươi lăm ký như tôi sẽ lao vào cõi u minh. Tôi quả quyết như vậy và các bạn sẽ phải tin thôi. Tôi không muốn tranh luận gì thêm. Để chúng ta làm thử xem.

Wish nói:

- Không. - bước lên một bước rồi ngừng.

Clayton đã đưa hai tay lên bắt đầu múa may ma quái. Lúc đó chúng tôi ở trong tình trạng căng thẳng tột độ, phần lớn do thái độ của Wish, ngồi bất động dán mắt vào Clayton. Tôi cảm thấy như một luồng thần kinh chạy từ sau sọ qua gáy, xuống hai đùi làm các bắp thịt co cứng lại, và tôi biến thành thép. Trong bầu không khí tĩnh lặng như cõi tiên, Clayton cúi mình, lắc lư, múa may, không một thứ gì xen vào. Khi bài múa sắp hết, người ta cảm thấy như bị đè ngộp: cảm thấy ghê rợn.

Động tác cuối cùng, như tôi đã mô tả ở trên, gồm dang rộng hai tay ra, mặt ngược lên. Khi anh làm động tác cuối cùng này, tôi như nghẹt thở. Dĩ nhiên, hơi tức cười, nhưng âu cũng chỉ là cảm giác thông thường khi nghe chuyện ma, sau khi ăn cơm tối, trong bầu không khí ma quái của một ngôi nhà cổ.

- Sau cùng, liệu anh ta...?

Anh đứng đó sững sờ một lúc, hai tay dang rộng, mặt ngược lên, nét mặt tự tin và sáng lên dần dưới ánh đèn treo mờ mờ. Chúng tôi trải qua giây phút dài như thiên thu, rồi tất cả chúng tôi cảm thấy như được giải thoát nhẹ nhõm vô cùng, vừa an tâm anh ấy rõ ràng là không biến được. Tất cả chỉ là chuyện tầm phào. Anh chỉ nói một câu chuyện suông mà lại tin là thật...

Nhưng rồi nét mặt Clayton biến đổi.

Nét mặt Clayton biến đổi, nó biến đổi như thể một căn nhà đang sáng thì đèn

phụt tắt ngấm. Mắt anh đột nhiên giống như mắt giả, nụ cười đọng cứng trên môi. Anh đứng đó, im lìm bất động. Sau đó hơi lắc lư nhẹ.

Lúc đó cũng dài như cả thế kỷ, rồi ghé xê dịch, đồ vỡ đổ, tất cả chúng đều di chuyển. Hai chân anh khuỵu xuống, anh ngã chúi về phía trước. Evans bật dậy, lao ra nâng anh vào lòng...

Sự việc làm chúng tôi ngồi chết sững. Hơn một phút chẳng ai nói được câu nào thích hợp. Chúng tôi đã vừa tin câu chuyện vừa không thể tin được. Khi hết bàng hoàng, tôi mới nhận ra mình đang quì bên cạnh anh. Sanderson cời áo vét, mở sơ mi Clayton ra, thò tay vào sờ tim anh...

Nào, nói tiếp, cái sự thật đơn giản trước mặt chúng tôi đã khiến chúng tôi dễ chịu trở lại. Chẳng cần lâu lắc gì chúng tôi mới hiểu. Sự thực nằm đó khoảng một giờ và nằm trong ký ức tôi, đen tối những êm ả lạ kỳ, cho đến ngày nay.

Clayton đã đi vào cái thế giới nằm kề cận và cũng rất xa thế giới của chúng ta. Anh đã sang thế giới đó bằng con đường duy nhất mà loài thọ tạo phải đi qua.

Dù Clayton qua đó vì con ma đó gọi hay vì thiếu máu cơ tim khi kể một câu chuyện ma, như kết luận của ban khám nghiệm tử thi, cũng chẳng giúp tôi phán đoán được. Nó vẫn mãi mãi là một bí ẩn cho đến ngày phán xét sau cùng. Có điều ai cũng biết rằng vào lúc anh kết thúc điệu múa ma biến đi anh biến đổi, lắc lư và ngã xuống chết trước mặt chúng tôi!

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Án Tử Hình

Nguyên tác: Sentence of Death

Tác giả: Thomas Walsh

Mục một: Ghê rợn và nghiêm trọng nhất là thi thể của ông được sĩ trung niên, khả kính Carl Sawyer. Mục hai: vẫn là mục gây xúc động thông thường là một thiếu phụ tóc vàng nhạt, hiển nhiên là quả phụ của ông được sĩ đang sụt sùi khóc như điên dại bên thi thể ông khi Cochran và McReynolds từ phòng Cảnh sát Quận xuống. Mục ba: đối với Cochran và McReynolds đã giải thích tất cả rõ ràng và đầy đủ, đó là cái máy giữ tiền đã bị phá bung để cướp. Mục bốn: chứng nhức đầu do nghề nghiệp thông thường là một cửa hàng lúc này đang đông nghẹt những người hàng xóm kích động và nói nhiều.

Điều dễ thấy đầu tiên là ai trong số những người này cũng sẵn lòng cung cấp cho Cochran những thông tin đầy đủ và quan trọng. Mãi tới khi anh bắt đầu sàng lọc, loại dần những thông tin vô lý, anh mới thấy chỉ có bốn trong số những người này, là thật sự nhìn thấy một cái gì đó có liên quan tới vụ án. Bà Sawyer và một người khách ngẫu nhiên, Ellen Morison, là nhìn thấy tên cướp bắn. Hai người nữa là một cặp vợ chồng, thoáng thấy một người đàn ông từ trong tiệm thuốc lao ra sau khi súng nổ, chạy đến một cái xe đậu cách đó từ mười đến mười hai mét dưới bóng rợp một cái nhà. Hai vợ chồng ông

này còn nhất trí về một hai điểm đặc biệt của cái xe. Ellen Morison là một cô gái thon thả, linh lợi, tóc nâu, đôi mắt đen thông minh, giọng nói gợi cảm, ý nhị, đã mô tả người đàn ông này.

Cô cho Cochran biết, cách đây mười lăm đến hai mươi phút, cô bước vào tiệm thuốc, người đó đang đứng trước ông Sawyer. Họ đứng rất gần nhau, lệch về bên trái cái máy giữ tiền một chút, đến nỗi lúc đầu cô tưởng người đó là bạn của dược sĩ, và họ đang tán dóc với nhau. Thành linh hấn quay lại nhìn cô rất nhanh. Rõ ràng hấn hoảng sợ. Hấn bắn ông Sawyer hai phát rồi đập cái máy két tiền. Cô khai rằng hấn khoảng hai mươi tám tuổi hoặc già hơn một chút, tóc vàng hoe, người dong dong và cầm nhỏ, nhọn. Cô ấy nói không ra hơi vì cô bị chấn động trước cảnh đó. Điều đó cũng tự nhiên thôi. Vì cô nhớ được sự việc rõ ràng về nhân dạng - tuy chỉ có chi tiết nổi bật nhất và dễ nhận - nên Cochran cho ngay cô là nhân chứng đáng tin nhất.

Cặp vợ chồng chỉ nhìn bán diện tên cướp đang chạy và là những người duy nhất nhìn thấy cái xe. Họ tả cho Cochran đó là chiếc xe hòm màu đen hay xanh đậm có thanh cản phía sau trầy xước ở bên phải. Một người cho rằng hấn mặc bộ đồ nâu, giày nâu, người kia lại cho rằng hấn mặc quần áo kiểu thể thao xám. Cả hai người đều khai, giống Ellen Morison, hấn không đội mũ và tóc hoe vàng.

Trong lúc đó McReynolds, trước hết cô trấn an bà Sawyer, sau đó sẽ phỏng vấn. Nhưng cả hai việc anh đều không đạt được. Bà ấy chẳng ý thức được McReynolds là ai và đến với mục đích gì. Bà cứ lắc đầu quây quây, chẳng thèm nhìn McReynolds nữa, như thể bà vẫn còn bị sốc nặng. Cochran chẳng lưu ý gì đến bà. Anh cho rằng cần bắt một đối tượng có tuổi đã chắc chắn,

hình thể và nước da đã xác định được, có một cái xe hòm rẽ tiền, với cây cản sau trầy móp, có súng và rất có thể đã có tiền án tiền sự.

Anh cùng McReynolds bắt đầu đi tìm tung tích hân. Bắt đầu họ kiểm tra hình ảnh và hồ sơ ở phòng cảnh sát quận. Họ đồng ý có vài phạm nhân cũ đáng nghi ngờ, thế là họ vây bắt bốn người. Rồi hai ngày sau bắt họ sắp hàng để nhận diện. Bà Sawyer còn hoảng loạn chỉ ngay một trong bốn người. Cặp vợ chồng làm chứng cùng đồng ý với việc nhận diện của bà Sawyer. Truy nhiên theo Cochran họ chỉ đoán chắc được khoảng một nửa mức quả quyết mà họ tưởng thôi. Nhưng cô Ellen Morison không chịu xác nhận là người này. Cô ấy là người làm chứng mà Cochran tin tưởng nhất, cô khai rằng người cảnh sát đưa ra trông hơi giống, nhưng không giống nhiều người đã bắn ông được sĩ. Cô ấy không quả quyết là người này, mà cũng không phủ nhận. Cô nói với Cochran một cách ngượng ngùng là cô nhớ hung thủ già hơn và cao hơn người này. Cô ấy lắc đầu.

McReynolds bắt nhấn tức bực với cô này còn Cochran e rằng những người mất người thân, đang có tang thường chỉ ngay những người hao hao giống là thủ phạm, nên phán đoán dè dặt và đi xác minh một vài điểm như thủ tục thông thường. Anh phát hiện các sự thật sau: người đàn ông mà bà Sawyer đã nhận diện coi là thủ phạm là tay phụ lái xe tải, tên Johnny Palica, mạnh mẽ, quả quyết, đã bị bắt vài lần vì hành vi bất hảo; đang sống với một em rể có cái xe hòm rẽ tiền màu đen. Vào đêm có án mạng, thứ Năm vừa qua, Johnny Palica được phép dùng xe, cái xe có vài vết hằn sâu ở thanh cản sau. Hân lái xe ra khỏi nhà tù chập tối và quá nửa đêm mới về. Hân khai với Cochran là lái xe đi vòng vòng với bạn gái. Một người đi với bạn gái thế còn làm gì được? Hoặc hân làm mà ngay cả bạn gái hân cũng không biết và giữ

kín được? Rồi, vậy thì...

Cô bạn gái của hắn cũng xác nhận như vậy. Cô không phải là người làm chứng quan tâm tới vấn đề và cũng không hẳn là thờ ơ, có điều chỉ có mình cô làm chứng cho hắn. Còn ba người nữa cũng tố cáo Johnny Palica, họ bây giờ còn quả quyết hơn lúc đầu. Hai trong ba người này còn nhận ra chiếc xe của người em rể hắn nữa. Cô Ellen Morison cũng vẫn không nhất quyết về hắn. Lời biện hộ trước tòa rất yếu, trình bày không hiệu quả, nên Johnny Palica bị kết án tử hình. Sau vụ án này, vì vài lý do, Cochran tránh mặt McReynolds. Rồi một buổi chiều anh cảm thấy bệnh thật sự khi phát hiện chính McReynolds cũng tìm cách tránh mặt anh.

Cả hai anh đều biết, nếu nhận diện ở hoàn cảnh bị kích động và áp lực thì chẳng đáng tin lắm. Qua công tác, các anh đã có một linh cảm sâu sắc về vấn đề này. Các anh rất ngại khi gặp những trường hợp tương tự. Họ không bàn bạc lại vụ này với nhau về vấn đề ngoài thẩm quyền của các anh. Nhưng các anh cũng chẳng quên được nó.

Tháng Ba đã đến. Vào ngày năm tháng Ba lúc hai giờ ba mươi chiều, Cochran nhận được cú điện thoại mà đã nhiều lần anh bồn chồn, tuy vô lý, trông đợi lâu nay. Anh nghe tiếng McReynolds:

- Anh có nhớ cô Morison không?"

Ngắn gọn, không lộ thêm tin tức gì. Có lẽ quá ngắn gọn.

- Cái cô không quả quyết Johnny Palica là thủ phạm hay không đấy mà?

Cochran giả vờ không nhớ để McReynolds không đoán được ý anh.

- Không, hình như tôi không nhớ. Đợi chút, phải cô này không?

Anh lau mép cẩn thận rồi hỏi:

- Bây giờ có chuyện gì? Chuyện gì nào?

McReynolds nói tỉnh khô:

- Tin quan trọng. Cô ấy mới cho tôi biết Palica không phải là hung thủ. Cô nói lúc này thì cô quả quyết được như vậy. Anh nên đi nghe ngóng xem, Ray, coi chừng chúng ta gặp rắc rối đấy.

Lấy taxi xuống Cảnh sát Quận, anh thấy McReynolds và cô Ellen Morison đang ở trên lầu, cùng với một thanh niên lẳng xẵng, láu táu, tên Wilson, một tên vô danh tiểu tốt trong văn phòng Trưởng Công An Quận. Cochran được Wilson cho biết cô Morison đã trông thấy - hay nghĩ là đã trông thấy tên thủ phạm thực đã bắn được sĩ Cal Sawyer, tối hôm qua, bên ngoài một quán rượu trên Third Avenue. Wilson nói thêm gọn lỏn:

- Cô ấy đoán chắc như vậy vì hắn đã quay lại nhìn cô giống hệt như hắn đã nhìn cô trong tiệm thuốc đêm nọ.

Cô ấy tin là hắn không nhận ra cô, nên cô đi báo và dẫn một cảnh sát tới. Hắn đã biến mất rồi. Một người phục vụ ở quán rượu nói là có nhớ ra hắn nhưng rất tiếc anh không cung cấp thêm được tin tức gì. Wilson kết luận:

- Có lẽ hắn mới là hung thủ đấy.

Một lúc im lặng nặng nề.

Cochran chờ đợi McReynolds phá tan sự yên tĩnh. McReynolds chiều hôm đó coi nhọt nhọt, hốc hác, dường như cũng đợi Cochran.

Sau cùng Cochran đành nói:

- Ồ, chưa chắc... - hất cái mũ ra sau, chu môi rồi ngồi xuống một góc bàn, hai tay đặt trên đùi.

Người ở văn phòng quận nói:

- Đúng hắn đấy!

Với một giọng như thể câu nhận xét vừa rồi của Cochran khôn ngoan, sâu xa lắm.

- Toàn bộ vụ việc xem ra đơn giản như chuyện trẻ con ấy. Tối qua cô Morison thấy một người rất giống Palica. Ngay tức khắc, cô...

Cochran nói:

- Chúng ta không tìm ra súng.

- Cứ cho là vậy đi. Tôi cũng muốn tìm ra hung khí lắm chứ. Nhưng khi ta đã thuyết phục được cả một bồi thẩm đoàn không cầm súng, tôi không thấy...

McReynolds thình lình xổ ra một cách giận dữ hung hăng như thể lời nói từ trào ra.

- Đợi chút, tôi và Cochran chịu trách nhiệm về hắn, không phải ông. Khi điều tra vụ đó, tôi cũng đổ mồ hôi máu ra mà chẳng đáng kể sao. Tôi không muốn quan tâm thêm tới người đó, không bao giờ.

Cochran cũng đồng ý tới đây - như thể hai người tự khích nhau - nâng bàn tay phải khỏi đùi, xem xét hai bên bàn tay rồi quyết định tiến xa thêm chút nữa.

Cochran nói:

- Tôi đã từng thấy những bà bồn chồn, hoảng loạn như bà Sawyer nhận ngay những cảnh sát được xếp vào hàng cho các bà ấy nhận dạng, là hung thủ.

Đúng là cặp vợ chồng làm chứng cũng đồng ý với bà Sawyer. Những người làm chứng kiểu này thường hòa ngay theo với người nào quả quyết trước nhất. Tôi đồng ý với ý kiến vừa rồi của Mac. Chúng ta bàn về điểm đó đi.

Cô Ellen Morison có vẻ bồn chồn nhưng quả quyết, nhìn Cochran rồi nói nhỏ nhẹ:

- Cám ơn ông, tôi cảm thấy dễ chịu hơn rồi. Tôi đã khai trước tòa là người bắn ông Sawyer, người mà tôi báo cho các ông tôi thấy ngoài quán rượu tôi qua, gầy hơn, già hơn và cao hơn nhiều người mà các ông bắt. Các ông đã đối xử với tôi như thể tôi chẳng biết mình nói gì. Tôi không quả quyết được lúc đó. Nhưng bây giờ thì tôi quả quyết được rồi và nhất định phải làm.

Người của cảnh sát quận hết khó chịu tức giận, bây giờ lại có vẻ quan tâm lo lắng đến vụ án. Tiếp theo đó họ bàn luận rất sôi nổi và đi đến quyết định việc đầu tiên phải làm, nếu muốn có những tiêu chuẩn khả dĩ khi so sánh nhận dạng, là để cô Ellen Morison nhìn lại Johnny Palica một lần nữa lâu hơn. Viên Trung úy từ đầu đến giờ đã khôn khéo né tránh cuộc hội ý này từ đầu được triệu vào. Viên Trung úy liên lạc với trung tâm và trung tâm bố trí cho gặp một Đại úy Mooney nào đó.

Tám giờ ba mươi sáng hôm sau, Cochran và cô gái cùng xuống chỗ giam tù. Cochran cứ nghĩ tới nó là bồn chồn áy náy. Đại úy Mooney đang đợi họ. Họ bắt tay nhau rồi trình bày công việc một lúc. Mooney liếc xéo nhìn cô Morison, mặt mày chẳng lộ một cảm xúc nào, dẫn họ ra khỏi phòng khách, vào một hành lang dài có các cửa sổ cao với chấn song sắt. Họ đi ngang qua hai người mặc đồng phục lính gác khám, dừng trước một cửa sắt được mở khóa từ bên trong. Mặc dầu cùng đi với Đại úy Mooney, họ cũng lại phải đợi một lúc lâu trước cửa thứ hai ngay cạnh cửa thứ nhất, cũng đồ sộ chắc chắn như vậy, cho tới khi cửa họ mới qua được đóng và khóa lại cẩn thận. Sau đó họ còn phải qua nhiều cửa khác, nhiều lính gác, nhiều hành lang khác nữa, mới tới một cái sân. Lại một cái sân nữa mới tới một tòa nhà cô lập. Bước vào tòa nhà đó mà chẳng được giới thiệu là nhà gì. Cochran bồn chồn liếm mép một cách kín đáo. Anh không nhìn cô Morison và cũng chẳng muốn nói gì với cô.

Họ dừng lại trước một phòng. Các phòng có cấu trúc nhất loạt: tường vàng, sàn gỗ nâu, một cái bàn gỗ rẻ tiền, trên có cái bàn giấy thấm dơ bẩn, một cái gạt tàn thuốc sạch bóng, hai cái ghế, một đèn trần được bảo vệ vững chắc. Trong phòng này có sự hiện diện đặc biệt nhưng không làm lẫn được của một người đang đợi gặp anh. Cochran biết vì sao, anh và McReynolds chịu trách nhiệm chính về việc người đó ở đây. Anh bước vào phòng.

Ellen Morison không được nói chuyện với Johnny Palica, mà chỉ được quan sát anh ta qua mảnh lưới sắt gắn chìm trong cửa ngoài ngang tầm mắt, từ tiền phòng. Đại úy Mooney vào theo sau Cochran, liếc nhìn hắn rồi ra bằng lối khác. Ngay khi Cochran được để lại một mình trong phòng, dưới ánh đèn chói chang, sự im lặng tuyệt đối làm anh bất an, khó chịu. Vài phút trôi qua và Cochran cảm thấy chúng trôi qua cực kỳ chậm. Anh nghe những bước chân trên hành lang trong, anh thọc hai tay vào hai túi quần để cố chịu đựng, đứng vững.

Mooney vào và nói:

- Được rồi - bằng một giọng giả dối thân nhiên - Vào đây Johnny. Anh còn nhớ Cochran chứ?

Cochran nói ngay từ nào xuất hiện trước trong đầu:

- Hắn rồi. - Anh nói mà cảm thấy môi mình ướm nhép như bột nhồi - Chắc chắn là anh ấy còn nhớ rồi... bước hắn vào đi, ngồi xuống đây anh bạn.

Mạnh giỏi không?

Anh định bắt tay người tù, nhưng rồi ngượng ngập dừng lại vì rõ ràng Johnny Palica chẳng tỏ dấu hiệu gì là nhớ anh cả. Vì vậy và vì ý nghĩa của sự việc xảy ra, khiến cái giọng của anh định dùng là ngôn từ quan thoại, chính thức nhưng không kém thân thiện, sau vài phút đã thành giả dối lộ bịch. Ngôn từ đó chẳng có tác dụng gì lúc này, vì Johnny Palica nhợt nhạt hơn, trầm lặng hơn, bối rối hơn lúc trước. Nhưng ngay khi nhận ra được Cochran, Johnny cố gắng hết sức, hết thiện chí để tỏ ra hòa hoãn.

Không còn sức căng cường, vẻ thách thức ở hắn nữa, hắn đã suy sụp khả quan. Không do Mooney, không do vài tháng ở tù mà do một tư tưởng, một cái ngày nhất định mà Cochran và McReynolds đã sắp xếp cho hắn. Hắn nhả răng cười một cách ngượng ngùng và khi thấy Cochran không đáp ứng cái nhả răng cười mở, hắn vụng về từ từ mở rộng thành hạ miệng.

Hắn nói:

- Khỏe, tôi vẫn bình thường, ông Cochran. Tôi... ông có tin tức gì không? Đây là lần đầu tiên hắn nói với Cochran xưng hô là ông. Nhưng đây chỉ là chuyện vặt, chấp nhất làm gì? Nhưng ngay lúc này Cochran đang toát mồ hôi vì anh nhớ lại lời Mooney dặn không được làm gì kích động hắn và không được tiết lộ gì về cô Morison cho đến khi cảnh sát có vài sự thực chắc chắn để tiến hành các bước kế tiếp.

Anh lí nhí nói rằng chẳng có gì mới trong vụ này, không mới. Các cơ quan tố tụng vụ này chỉ muốn biết Johnny có muốn khai lại chuyện mình làm vào tối hôm đó không. Nếu muốn...

Hắn muốn, hắn gật đầu lia lịa. Bởi vậy Cochran hỏi hắn vài câu mà anh và McReynolds đã bàn bạc và xét các câu trả lời của hắn rất kỹ, đầy lòng nhân ái cách đây vài tháng. Rồi Cochran giả vờ hết sức chăm chú nghe những gì hắn nói, thậm chí còn kiểm tra mọi điều, mọi chi tiết nhờ cuốn sổ tay bỏ túi.

- Chắc rồi, chắc chắn vậy.

Cochran lẩm bẩm, ngay cả khi những câu đi trước chẳng có gì đáng đáng tới chắc và đúng cả. Anh mạnh mẽ nói thêm còn một chuyện nữa anh và McReynolds sẽ kiểm tra lại ngay. Họ nói chuyện với cô bạn gái của Johnny Palica và rà soát lại toàn bộ vụ án kỹ càng. Họ sẽ...

Anh có thể làm bất cứ chuyện gì, nói bất cứ chuyện gì, hứa bất cứ chuyện gì để nhanh chóng được ra khỏi cái phòng này, để tránh cái nhìn của Johnny Palica đang quan sát anh.

Anh suy nghĩ hung lắm, như thể anh cần giúp đỡ, bảo đảm từ một nơi nào đó, không như thể anh hy vọng mà như thể anh muốn vậy. Và rồi, khi Mooney chấm dứt cuộc gặp gỡ này, khi Cochran cầm áo khoác lên, nói vài lời tận tình, vui vẻ, ra khỏi đây, nhưng lại gặp chuyện tệ hơn. Ở phòng ngoài Ellen Morison đang đợi anh.

Mặt cô tái nhợt, mắt cô nhìn cực kỳ lạ lùng, cô không muốn nói gì thêm với Cochran nữa cũng ngang bằng anh muốn nói chuyện với cô ấy. Cô chỉ lắc đầu về phía anh. Cochran nghĩ, dĩ nhiên cô muốn nói rằng anh và McReynolds đã bắt lầm và khiến anh ta bị tử hình oan còn tạm nhốt ở đây. Bởi vậy, anh ngoảnh mặt không nhìn cô. Anh cũng chẳng tự hỏi Morison có đúng về trường hợp của Johnny Palica không.

Trước khi quay đi chưa được nửa vòng, một chuyện tệ hơn lại xảy ra cho anh. Anh cảm thấy nó.

Về cuối chiều hôm đó, McReynolds cũng cảm thấy chuyện tệ hại hơn đó. Anh không bàn luận cho ra lẽ với Cochran, mà chỉ gật gật đầu nhiều lần, nuốt nước bọt một lần, lấy mũ và cùng Cochran lái xe đi gặp bà Sawyer. Họ thấy chuyện gì đó đã xảy ra cho bà ấy, bà ấy không còn là một phụ nữ nhỏ nhắn, hồng hào, khôn lanh và đoan trang với cặp mắt xanh và mái tóc vàng bông bênh nữa. Bà ấy già trông thấy, và trong buổi nói chuyện, bà ấy từ từ khép kín, cay đắng, bòn chòn và cuối cùng lại thác loạn tâm thần. Bà ấy vẫn còn tin là Johnny Palica giết chồng bà ấy và bây giờ, Cochran nghĩ rằng nỗi tuyệt vọng, hận kẻ giết chồng, cô đơn đã tàn phá bà. Bởi vậy anh và McReynolds không nói vấn đề với cặp vợ chồng làm chứng nữa vì bây giờ đã vô ích, trừ phi và chỉ tới khi hai anh đã lung lạc được ý kiến của bà Sawyer trước đã.

Tối hôm đó McReynolds xuống cảnh sát quận kiểm tra lại các hồ sơ tìm các hình ảnh khác, nhân dạng khác gần giống Johnny Palica nhất. Cùng lúc đó, Cochran và Ellen Morison rình canh ở bên ngoài quán rượu Shanvock ở Third Avenue. Họ có thể canh ở đây, trong cái xe mui trần của Cochran năm, sáu giờ mỗi đêm - những giờ khuya - và bảy đêm một tuần. Họ có thể ngồi đây đến một giờ ba mươi sáng, với những chuyến xe lửa rầm rầm đơn điệu chạy trên cầu vượt, với gió tháng Ba quất vi vút vào mình, sau đó

Cochran có thể đưa cô gái về nhà, ghé đầu đó nhấp một tách cà phê rồi về nhà. Có lên giường anh cũng không ngủ yên được, vì cà phê và có lẽ còn vì những chuyện khác nữa. Anh thao thức một chút rồi thiếp đi được một chút, lại giật mình thức dậy vì như có ai vừa gọi tên anh, từ một cõi xa xăm nào đó nhưng rất rõ ràng. Anh không thể nghe rõ được giọng nói. Không phải âm thanh - nhưng anh nhận ra nó ngay. Cuối cùng những tiếng gọi đó hiện hữu với riêng anh.

Anh biết giọng nói đó đòi hỏi gì ở ông Cochran. Anh biết rõ như vậy ngay từ lần đầu tiếng gọi vọng tới anh, và các lần sau nữa. Nhưng anh không thể làm gì có ích vì nếu lời kêu gọi dựa trên những chứng cứ mới, anh và McReynolds sẽ cần một người như thế này. Các anh không thể tìm ra hắn, cũng không nghĩ ra cách để tìm hắn. Lúc đầu họ có mười hai tuần, còn mười, còn tám, rồi còn sáu tuần, chẳng có gì mới ở trung tâm, cũng chẳng có gì mới ở quán Shamrock.

Đôi khi anh đã mòn mỏi vì mục đích này. McReynolds cũng ngồi rình với bọn anh vài giờ, các giờ còn lại thì chỉ có anh và cô gái, chẳng có ai khác ngồi cùng. Trong khoảng thời gian này, Cochran đã có thể mô tả được cô gái kỹ hơn, ít là một phần, mặc dù anh chẳng giữ một ấn tượng cá nhân, riêng tư độc đáo về cô. Đôi khi anh cũng mơ hồ nhớ lại mớ tóc đen của cô, sự mềm mại tinh tế của đôi môi cô nhưng chưa bao giờ chúng quyến rũ anh hơn những cặp môi của các cô gái khác. Anh thích cô ta thật nhưng chưa bao giờ anh nghĩ tới cô như anh nghĩ tới một hai cô khác. Anh chưa có dịp.

Trong những buổi canh chừng theo dõi đơn điệu, dài lê thê này, hai người không nói chuyện nhiều, vì ý nghĩa khủng khiếp của cuộc rình mò khiến cho việc nói chuyện thông thường thành vô nghĩa. Thế mà, mặc dù vậy họ cũng tạo được mức độ thân mật rất mới và bất thường với Cochran nếu có dịp suy nghĩ lại.

Rất nhiều khi, thay vì ngồi im lặng chờ đối tượng xuất hiện, cô lại cố ép anh công nhận vài người khách không quan trọng của quán giống như đúc với kẻ đang bị truy lùng. Bởi vậy một lần vào tuần lễ thứ sáu, anh đã giải thích một cách khách quan cho cô gái hiểu, không cần phải nôn nóng về việc này, vì ở đây họ chỉ dùng được kiên nhẫn, kiên nhẫn và kiên nhẫn. Cô không thể hối thúc những chuyện như thế này được mà phải đợi cho lời lúc chúng xảy ra. Họ đi tới kết luận là phải mai phục trường kỳ.

Nhưng cô gái thấy ngay là lúc này, tại đây anh chẳng tha thiết với cái quyết định sẽ đạt được ở ngoài quán rượu, cô ngồi thu vào một góc ghế rồi nhìn anh.

Cô nói:

- Em nghĩ rằng họ vẫn làm việc đúng thủ tục nhưng chỉ lần này...

Cô chau môi ra một lúc:

- Không phải em chán nản, em không tin trong một giây phút nào lần này chúng ta lại bắt lầm, một lỗi lầm tàn ác, quý quái. Ồ, ta đợi cơ hội. Ta sẽ tóm được hắn. Anh cứ đợi mà coi.

- Tôi mong được như vậy.

Nhưng khi nhìn ra đường Third Avenue nhạt nhòa, hoang vắng dưới cơn mưa, thứ ánh sáng vàng ướn ắt trải xuống cái vỉa hè đá đen trước quán rượu, anh cảm thấy buồn vô hạn.

- Thế nào ta cũng có dịp.

Cô gái nói đầy tự tin làm Cochran đến kinh ngạc:

- Ồ, ta sẽ làm được hơn thế nữa... hơn nhiều. Sự việc đâu có xảy ra may rủi như vậy. Nếu thế thì chuyện be bét này còn ý nghĩa gì.

- Có lẽ không thế.

Cô nói tiếp:

- Dĩ nhiên chuyện đó là điên khùng - Cô vẫn luôn bình tĩnh, không nói nhiều

về chuyện đó. Lần này cô thêm - Từ đầu đến cuối kinh hoàng quá. Đến đây chúng ta mới tin có những sự việc đúng và quan trọng. Nếu ta không...

- Những sự việc gì?

Cochran giật mình hỏi. Đây là lời hàn đầu tiên của cô làm anh chú ý.

- Anh cứ nói tên một cặp đi, em thích điều tra về họ.

À ra thế, trong các đề tài, họ bắt đầu bàn đến đề tài sâu xa, trừu tượng nhất. Họ có thể tranh luận từ hai quan điểm đối kháng nhau, không bằng kỹ thuật tranh biện, không căn cứ vào những lý thuyết triết học, mà bằng những tích lũy phán đoán, kinh nghiệm và trực giác của mỗi người. Cochran buồn bã nghĩ rằng, nếu cô ấy biết được một nửa những điều anh biết, hoặc hiểu được một nửa sự thực về mặt trái đen tối của bản tính con người, cô sẽ không nói nhiều về sai sót của vụ án như vậy dù có được phép hay không. Các sự việc xảy ra, đó là tất cả cái người ta có thể nói về sự việc.

Lúc đầu cô hăm hở, sau đó bồn chồn, rồi ngạo nghễ nhưng dĩ nhiên, cô không thuyết phục được Cochran. Cái mà anh thừa nhận - một cách miễn cưỡng và không phải vì cô - là cảm thấy dễ chịu hơn khi cứ nhìn việc này theo cái nhìn của Ellen Morison, tin vào lý của sự việc, tin là có một người nào đó, ở một nơi nào đó, đang đưa mắt dõi theo hướng của Ray Cochran hay Johnny Palica.

Một ý nghĩ loại này tạo cho anh cảm giác được bảo vệ cần thiết. Anh đã chấp nhận quá nhiều, lại tự ý chấp nhận, rồi từ từ mặc dầu anh kiên quyết, anh trở nên yếu hơn so với lý luận của anh, lại nghe theo cô gái thêm một ít. Vào đêm thứ Sáu lúc mười giờ ba mươi phút, anh đã tuyên bố: “Ta sẽ hạnh phúc hơn, sống cuộc đời hữu ích hơn, nếu biết chia sẻ niềm tin của Ellen Morison”. Không phải niềm tin của anh, những điều đó chẳng chứng minh được gì, anh cũng thấy vậy. Sự thật là sự thật. Và nếu...

Một người đàn ông chẳng giống Johnny Palica chút nào, đậu xe trước mặt

họ rồi vào quán Shamrock. Cochran liếc nhìn ông ta rồi thôi. Nhưng Morison sợ cứng người, kêu một vài tiếng lắp bắp không ra hơi, bám lấy cánh tay anh.

Anh ra khỏi xe, trống ngực đánh thình thình.

- Được rồi, em cứ trụ ở đây. Đừng để hấn biết gì về em. Anh chỉ nhìn kỹ hấn một chút rồi ra ngay.

Anh bước vòng qua đầu xe vào quán... và đứng chết sững.

Người đàn ông mà Ellen Morison vừa nhận dạng cho anh, cao hơn Johnny Palica ít nhất mười centimet, già hơn nhiều, khỏe hơn nhiều. Ngoài mớ tóc vàng hoe ra, ông ta chẳng có nét thực thể nào giống Palica cả.

"Thế này là thế nào?" Anh im lặng tự hỏi. Một cái gì đó vỡ trong anh. Anh buồn bã trở lại xe với cô gái, nhưng lúc này về cô chỉ là tức giận câm lặng và khinh bỉ đến hận thù.

Cochran tự hỏi, liệu cô có hiểu những điều cô gây ra cho anh và McReynolds từ sáu tuần nay không. Liệu cô có ý thức được việc cô đã cho các anh một manh mối, rồi cùng mai phục ở đây hàng đêm, cho đến khi cả hai anh như muốn vỡ tung cái đầu?

Cô có vẻ kích động đến xanh xám mặt mày, nhưng chắc cô chẳng hiểu gì về những điều anh suy nghĩ.

- Có chuyện gì vậy? - Cô ấy nói hỏn hển. Tại sao anh.... Hấn chính là hung thủ. Cochran! Tôi biết hấn là phạm nhân! Anh cho là tôi...?

- Vậy thì sai lầm ở đâu, trời ơi!

Cochran nói như la vào mặt cô. Anh đâm rầm rầm lên mui xe như thể sức lực anh vô tận.

- Làm sao mà có ai lại có thể làm người này với Palica được? Cô luôn bảo với chúng tôi phải nhào vào chộp bắt mọi người. Chúng tôi chỉ được cô giúp vậy thôi.

- Nhưng chính là hấn mà! - Cô thò đầu ra khỏi xe, bồn chồn nói với anh. Dĩ nhiên bây giờ hấn có để bộ ria. Chính vì vậy mà anh...

Cochran quay ngoắt khỏi cô, điên tiết. Anh vào xe mà chẳng cần nhìn, đóng cửa xe, xếp chéo hai cánh tay trên tay lái rồi gồi một bên đầu lên đó, mặt quay ra ngoài. Như vậy đỡ phải nhìn thấy cô ta.

- Ông ta cũng cao lớn thêm nữa.

Giọng của Cochran làm cô im bật.

- Ông ta lớn thêm được khoảng mười centimet. Tôi và ông McReynolds đúng là loại đầu bò. Cả bọn ở trên phòng cảnh sát quận cũng bị cô thuyết phục. Chúng tôi tưởng là cô biết rõ những gì cô nói. Chúng tôi ngu ngốc đã nhảy vào lửa vì những người như cô...

Cô gái lắp bắp vài câu chẳng đâu vào đâu. Tại sao anh ấy lại nói năng như vậy? Tôi không cùng các anh rình bắt kẻ sát nhân cả mấy tuần nay sao? Và giờ đây kẻ ấy đang không ở trong tầm tay các anh sao?

Cochran không trả lời cô, ý định có trong đầu anh lúc này là, nếu người này trông giống Johnny Palica, họ lại phải cưỡng bức các nhân chứng phải nhận là họ lộn và ngay cả đã làm lẩn. Nhưng theo cách này thì không ai, chẳng phải bà Sawyer, chẳng phải cặp vợ chồng nhân chứng, chẳng ai ở văn phòng cảnh sát quận chiếu cố cho anh. Vậy...

Cô gái lại lắc anh. Cô thở thê một cách đau khổ.

- Nghe em, Cochran, xin vui lòng nghe em. Nói cho anh biết...

Người đàn ông đó ra khỏi quán Shamrock, ông gấp trở ngại gì đó khi khởi động xe - Cochran cũng chẳng thèm để ý - sau đó lái ra đại lộ Third Avenue. Một lúc sau, Cochran - một cảnh sát thận trọng - mở công tắc xe rồi ra đại lộ Third Avenue theo sau người đó. Họ lái về hướng Bắc thành phố.

Giờ đây Cochran chỉ bám theo người đó như một bản năng khi đã vào cuộc, anh chẳng còn nhắm mục đích của vụ việc nữa. Anh vẫn còn giận cô gái, anh còn cảm thấy mới đầu cô gái tranh luận với anh, rồi thuyết phục anh, rồi - mắc cỡ hơn cả là - khiến anh tin Ray Cochran là một điều tra viên đặc biệt, hơn hẳn các người khác trong lực lượng cảnh sát quận, đã được giao trọng trách sửa chữa lại một sai lầm; và anh đã rẽ rời ra từng mảnh vì chẳng biết tiến hành công việc như thế nào. Anh luôn vui vẻ và sáng trí, anh nghĩ bạo, có lẽ phải dùng đến phiếu phạt xe. Cái gì cũng có lý do của nó. Ô, chắc ăn rồi! Tốt, lý do rất vững và logic, nếu bạn đủ ngốc nghếch để hiểu đó là những lý do nào. Nếu...

Hai lần cô gái định nói chuyện với anh, hai lần Cochran quyết không nghe. Chiếc xe hòm phía trước queo vào một đường phụ nhỏ, hơi quen quen với anh. Anh theo sát, anh thấy ở khoảng giữa phố, một căn chung cư cũng quen quen.

Thế rồi khi chiếc xe hòm đậu trước chung cư, anh nhận ra tòa nhà này và sững sờ đến độ tê liệt.

Anh lăm bắm cái gì đó, lái qua cái xe hòm, qua người đàn ông đang bấm chuông trước nhà, và đậu lại cách đó vài căn. Giờ đây anh nhận thấy, không còn ghét nữa, một cách vô tư không bị tình cảm chi phối, cô Ellen Morison trông nhợt nhạt, lo sợ và khỏ sở. Anh tự hỏi bây giờ cô bị sao vậy? Cô bị... Anh bảo cô ra khỏi xe, chỉ cho cô chỗ điện thoại và điều phải nói với McReynolds. Sau đó anh trở lại xem cái xe hòm, mọi suy nghĩ của anh trở nên nhanh chóng, sắc sảo và quyết định. Tim anh lại hồi hộp đập thành thịch. Anh thấy một cái xe cũ vừa được sơn lại, chẳng còn vết trầy móp ở thanh cản sau. Anh và McReynolds sẽ tìm ra cái gara mới sơn xe lại và nơi vỗ cái cản móp. Anh tự nghĩ ra vẻ nghiêm trọng, anh sẽ nhờ cặp vợ chồng làm chứng nhận dạng là chính cái xe này, phải là họ nhất trí mới được.

Anh rời chiếc xe, nấp vào một cửa nhà tối phía dưới một chút. Cô gái trở lại, anh vẫy như ra lệnh cho cô đến chỗ anh. Cô lơ là chẳng cần nghe anh giải thích gì cả, mà anh thì đâu còn giờ chăm sóc cô ta lúc này. Anh lấy ra hai điều thuốc lá, rít thật sâu. Rời xe của McReynolds trở tới. Cochran huýt sáo hai lần. Chiếc xe đậu lại.

Họ bàn luận tình hình công việc một chút, Cochran cho biết tại sao anh lại mò được tới đây. McReynolds nắm được tình hình tức khắc. Họ bố trí các nhân viên khác ở lối vào sau nhà và ở cửa thoát hiểm. Cochran và McReynolds vào nhà sau khi bấm chuông ở tầng cao nhất nơi họ không có mục đích lên. Họ lên hai đoạn cầu thang rất nhanh, hít một hơi đầy phổi rồi bấm chuông ở tầng hai này. Sau một lúc, cửa hé mở khoảng mười centimet, Cochran lùa tay vào đẩy cửa mở rộng ra rồi bước vào phòng. Người đàn ông tóc hoe vàng, ria lún phún ở đây. Cochran bước đến chỗ hắn, mỉm cười tàn độc và đập hắn một cú nên thân. Cochran đập hắn túi bụi chẳng cho biết lý do gì cả. Anh chỉ cảm thấy phải làm như vậy và cảm thấy dễ chịu. Trong lúc đó, McReynolds làm công việc đợi anh làm là chăm sóc bà Sawyer.

Dĩ nhiên, sau biến cố này thì mọi việc đã rõ ràng. Lúc này Cochran mới tự bảo mình lẽ ra phải để ý kỹ hơn lời khai của cô Ellen Morison ngay từ đầu. Cô đã chẳng nói là tên cướp đứng sát ông Sawyer như thể họ là bạn bè là gì? Bà Sawyer đã chẳng vờ bị kích động và thác loạn tâm thần khi Cochran và McReynolds trở lại hỏi xem tại sao bà lại quả quyết Johnny Palica là hung thủ như vậy đó sao? Đó ít ra cũng là dấu hiệu chỉ cho thấy bà ấy cố che dấu thủ phạm thực sự, hậu quả là bà ấy có dính dáng đến án mạng.

Cũng rõ ràng là Ellen Morison đã vào tiệm thuốc lúc bất tiện cho họ. Bà Sawyer cùng với bạn trai đã âm mưu một kế hoạch thật đơn giản và hữu hiệu để giết người chồng bà đã chung sống bấy lâu nay, có một doanh nghiệp sinh lợi. Họ sắp xếp một tình huống trong đó chỉ có bà Sawyer là người làm

chứng duy nhất và gần nhất, sẽ mô tả một hung thủ chẳng giống tình nhân của bà một điểm nào. Cô Morison đã vào tiệm đúng lúc tên sát nhân quyết định ra tay và làm hấn hoảng loạn đến độ không tạm hoãn được.

Bởi vậy vào đêm xảy ra án mạng, bà Sawyer giả vờ đau khổ và kinh hoàng, vờ không hiểu các câu hỏi của McReynolds để xem cô Morison còn nhớ được những chi tiết nào về hung thủ. Nếu bà mô tả nhân dạng hung thủ khác xa với cô Morison có thể làm cảnh sát nghi ngờ và điều tra rộng hơn, bởi vậy bà chọn ngay nhân dạng như Morison và chỉ ra Johnny Palica.

Bà làm như vậy để che dấu tội lỗi của mình và để đánh lạc hướng điều tra của cảnh sát. Sau đó cặp vợ chồng làm chứng lại đồng ý với bà. Johnny Palica lại không chứng minh được để người ta tin mình ở đâu lúc xảy ra án mạng. Thế rồi mọi sự xảy ra có lợi cho bà Sawyer và tình nhân. Cho đến khi hấn đã làm một điều duy nhất lẽ ra không bao giờ nên làm là đến thăm bà Sawyer vào lúc đêm rất khuya, ngay trong cái phòng Cochran và McReynolds đã phỏng vấn bà ấy vài tuần trước.

Ngay khi Cochran nhận ra tòa nhà, anh đã tự hỏi một câu hỏi rất tự nhiên. Người đàn ông này có quan hệ như thế nào với bà Sawyer nhỏ nhắn dễ thương? Chỉ một câu trả lời khả dĩ chấp nhận được vào giờ này. Câu trả lời cũng giải thích tại sao bà Sawyer chỉ ngay Johnny Palica và tại sao Ellen Morison từ chối không nhận anh ta là hung thủ mà cô trông thấy. Bây giờ Cochran không hiểu nổi tại sao lúc đó anh không xét những khía cạnh đặc biệt đó? Và ngay cả sau khi McReynolds và hai cảnh sát nữa đã bắt bà Sawyer và tình nhân của bà - đang đổ lỗi, cắn quần nhau om sòm - dẫn vào xe chở về phòng cảnh sát quận, mà vụ việc vẫn làm khổ Cochran vì mọi chi tiết dẫn chứng tỏ sự ngu ngốc của cá nhân anh.

- Vì trong những vụ tương tự chúng tôi đều xác minh, kiểm tra kỹ vợ hoặc chồng - Anh nói với Ellen Morison vẫn đợi anh ở tầng trệt - Chúng tôi luôn

kiểm tra nếu không có cô làm chứng giống như lời khai của bà ấy. Và lại khi cô chứng kiến mọi sự trước mắt, chúng tôi còn cần hỏi gì nữa? Hỏi thêm để làm gì và không có lý.

- Nhưng em nghĩ sự việc đúng như vậy mà.- Ellen Morison trông mệt mỏi và khổ sở. - Bây giờ mọi sự đã ổn rồi. Nếu cặp gian phu dâm phụ đó làm anh mắc cỡ cho cả loài người thì quá đáng. Chỉ là... - Miệng cô méo lại - Đưa em ra khỏi đây đi, em sợ chỗ này lắm. Em không muốn nghe một tí gì về vụ này nữa. Tất cả em chỉ...

Cô rùng mình, Cochran dỗ dành trấn an cô. Trong loạt sự việc này em đã đạt một trình độ tinh thần có nhiều triển vọng. Một điều quan trọng em làm được là không để sự việc đen tối này làm em mất thăng bằng, trở thành khinh mạn cuộc đời, không để... Anh im bặt vì mới đây thôi đã nói ngược lại. Thôi, quên nó đi, anh nghĩ mà giận mình. Ai mà nghĩ việc lại xảy ra như thế chứ? Ai mà muốn như vậy? Anh chỉ có thể nói được với Morison đến đây thôi. Sự việc vẫn thường xảy ra tốt đẹp. Và giờ đây, sự việc không tốt đẹp sao?

Anh không nhận ra ngay chưa bao giờ anh nói chuyện với ai sâu xa như vậy. Khi nhận ra, anh cho là có ý nghĩa gì đây. Anh mời cô vào xe, ân cần vỗ bàn tay cô và thì thầm với cô.

Mới đầu anh lái xe đi vòng vòng, anh cảm thấy an tâm, tự tin hơn. Về tới nhà anh ngủ được ngay mười bốn giờ liền, không gì khuấy động, kể cả xe lấy rác và xe cộ lưu thông buổi sáng. Anh thức dậy, cảm thấy khỏe khoắn, thoải mái và nghĩ tới Morison. Nghĩa là, nghĩ tới cô ấy là sao? Nhưng anh biết ngay. Biết ngay sau khi đặt xong câu hỏi với mình.

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Cái Thùng Gỗ ở Tiền Trạm 1

Nguyên tác: The Crate at Outpost One

Tác giả: Matthew Grant

Gió rít qua thung lũng, cái lều bạt hình tháp, được gọi là tiền trạm một, rung lên vì những ngọn gió. Như thường lệ, trinh sát Rudd khum tay che cái đĩa dầu đang bị những làn gió quẩn làm ngọn lửa chao đảo, hắt một thứ ánh sáng vàng đục trong lều. Lâu lâu anh lại liếc nhanh về phía trinh sát Denison để nguyên cả quần áo đang nằm trên cái giường bố ở cuối lều.

- Đèn không tắt được đâu.

Denison nói. Anh đang nằm ngửa, gối đầu trên hai cánh tay, lâu lâu các ngón tay lại động đậy, mắt theo dõi những bóng nắng chập chờn trên nóc lều.

- Tôi cũng chẳng biết nữa.

Rudd nói, anh cần môi rồi nhìn ra xa.

- Vậy tại sao anh vẫn che nó?

- Không biết.

Nói rồi, Rudd xòe tay ra. ở ngoài, gió đã dịu một lúc, và văng lên tiếng chó sủa xa xa. Anh rùng mình, vội kéo sát cái cổ áo khoác sồn sát vào. Anh lại nhìn lên Denison, rồi hướng mắt vào góc trái mảnh vải lều che cửa ra vào. Cái thùng vẫn còn đó.

- Anh lo gì chứ, nó có đi được đâu?

Denison ngạo.

- Tôi cũng chẳng biết nữa. - Thành linh, anh nổi cáu - Đó là nhiệm vụ của chúng ta, chúng ta phải coi cái thùng.

Anh mạnh bạo đứng dậy, bước tới cái thùng. Nó nằm lù lù ở góc, vuông vức một mét hai, bằng gỗ, nẹp đan chắc chắn trên mặt nắp. Anh còn nhớ rõ lần họ đóng đan lại vừa rồi. Họ đến khi thời tiết còn ẩm. Họ gỡ những đan sét gỉ ra bằng tay không. Một người trượt tay bị cái đan rạch một đường dài trong lòng bàn tay, rú lên vì đau đớn, ông ấy dùng báng súng nện những đinh mới vào. Thế là cái thùng trông vững chắc như mới, khi thay đan có ông trung sĩ hai vạch kiểm tra từng chi tiết, khẩu súng của ông lóe sáng trong cái lều bạt tối lù mù. Anh đã chứng kiến nhiều lần đóng thùng, niêm phong những vật nguy hiểm, cứ nghĩ tới là anh tức cười.

- Ta có thể nằm ở giường coi nó. - Tiếng Denison cắt dòng suy tưởng của anh. - Chẳng có luật nào cấm ta gác nó từ giường.

- Tôi chẳng cần biết luật lệ, gác nó ở đây rõ hơn.

Denison nói:

- A a à - rồi biến thành cái ngáp. Nhớ đánh thức tôi dậy khi ông hai vạch tới.

Rudd hơi nhón. Anh muốn bảo đừng ngủ khi làm nhiệm vụ, không được gác một mình. Khi ra lệnh, ông hai vạch đã nhấn mạnh:

- Không bao giờ được chia phiên gác một mình. Phải gác cả hai người cùng một lúc mới tin tưởng được.

Và cả hai người đã gật đầu trịnh trọng.

Nhưng Denison vẫn cứ vậy, anh cứ ngủ cho tới lúc ông hai vạch tới cửa lều, la lối om sòm khi tìm mở những nút mở cửa. Thế là Denison bật dậy, vớ lấy súng, đứng nghiêm gác cái thùng. Khi ông hai vạch vào, thấy hai người vẫn

quá nghiêm chỉnh.

Nhưng có lần Denison chẳng may, ông hai vạch mở được cửa mau, đất mềm sau trận mưa, tiếng giầy không vang lên. Ông hai vạch vào lều mà Denison chưa thức. Sau đó anh bị phạt đứng cả buổi, và bị hạch hỏi về nhiệm vụ.

- Anh có biết anh làm nhiệm vụ gì ở đây không, Denison?

- Dạ, gác cái thùng.

- Tại sao phải gác cái thùng?

- Để không ai lấy nó đi. - Mặt anh đỏ bừng

- Và tại sao lại không để ai lấy nó đi?

Denison ấp úng.

Rudd muốn giúp anh nhưng cũng không muốn bị phạt và thực ra cũng không biết.

- Vì..

Ông hai vạch nạt:

- Vì sao, đồ ngu?

Denison nhắc lại.

- Vì...

Ông hai vạch phạt rồi đi.

Khuya đêm đó, Rudd hỏi hỏi Denison đang đứng thọ phạt, súng ở thể thao diễn.

- Anh còn thức không?

- Còn.

- Tôi thắc mắc một việc.

Denison ngạo:

- Anh thì bao giờ mà chẳng thắc mắc, lần này thì cái gì nào?

Giọng Rudd chỉ như thở thở trong cái lều tối như mực.

- Tôi thắc mắc vì sao?

Denison hỏi rằng:

- Vì sao cái gì, đồ khủng?
- Thôi, tôi không thắc mắc gì nữa.

Rudd nói rồi quay ra nhìn cái thùng nhưng tối quá, chẳng thấy hình dáng nó đâu.

Rồi từ từ Rudd lại có can đảm hỏi, và Denison, đã phục vụ trong quân ngũ lâu hơn anh nhiều, đã có thời là trung sĩ, cuối cùng nói cho anh rõ.

- Vì cái thùng này của kẻ thù, lâu rồi.

Ngay cả Denison dám ngủ khi gác cũng liếc nhìn ra cửa, phòng hờ ông hai vạch đã đến hoặc tệ hơn, một ông hai gạch thẳng thì nguy.

- Cửa địch?

Rudd buột miệng hỏi, mắt trở ra.

Denison rít lên:

- Ngâm miệng, đồ khủng.

Và rồi nhiều mùa ấm, lạnh, nối tiếp nhau qua. Rudd vẫn không hỏi được cho ra lẽ và chẳng biết thêm được gì về cái thùng, tại sao phải gác nó.

Denison cũng không biết hết vì anh ấy bảo chẳng ai biết rõ cả.

Nhưng sự thực là cái thùng chứa một thứ vũ khí cũ, mạnh của kẻ thù. Không thể để nó lại về tay địch. Vào thời điểm nghiêm trọng như lúc này, chó của ta đang đánh hơi truy kích địch, nên phải gác kỹ để không ai lấy đi. Đơn giản chỉ có vậy.

Từ lúc này, Rudd cảm thấy hãnh diện vì công việc của mình. Nhưng anh còn ngạc nhiên hơn nữa là Denison dám ngủ để anh gác một mình. Nhất là mấy đêm vừa qua, anh nghe nhiều tiếng chó sủa.

Đã nhiều lần Rudd ước gì được trả lại đơn vị chính, không ở tiền trạm này

nữa. Đột nằng ám trước anh bệnh, được một bác sĩ tới thăm. Bác sĩ có nói về những đơn vị khác, nhiều người bệnh vì sợ, họ đồn là địch đang tiến đến.

Tuy có lúc anh cũng sợ muốn bệnh, anh là một hạ sĩ, một vạch, lúc đó anh lại cười ông bác sĩ, ông ít biết về quân ngũ, nhất là việc chuyển quân.

Khi nói lại với Denison chuyện này, anh ta không cười, mà lo lắng nhìn mặt trời đang khuất sau đồi.

Mấy hôm nay chó lại sủa nhiều hơn, ông hai vạch ghé lều hai lần đêm qua thay vì một, còn phát thêm dầu đốt nữa.

Rudd lại gác cái thùng, Denison lại nằm khểnh trên giường, mắt mở thao láo.

Sáng hôm sau, lúc mặt trời lên cao họ mới được đổi gác.

Và tới đến, khi trở lại lều, họ được ông hai vạch phát cho mỗi người một viên đạn. Từ khi gác cái thùng đến nay, họ chỉ có súng không. Trước khi đi, ông hai vạch còn nhắc "gác cái thùng". Rudd nhận thấy mắt ông trung sĩ có quầng đen.

- Lúc này tình hình có vẻ xấu.

Rudd nói rồi nhìn Denison lo lắng.

- Xấu.- Denison nhắc lại.

- Anh có cho là...

- Cho là cái gì? Đồ khùng? Denison nói như không còn vẻ hách dịch nữa.

- Anh có nghĩ địch đang áp sát không?

Bên ngoài gió hú, nhưng liếng chó sủa còn cao hơn gió hú nữa. Một lúc lâu Denison mới nói:

- Tôi không biết.

Rudd lại nhanh nhẹn bụm hai tay che ngọn lửa trên đĩa dầu. nhưng lần này

Denison chẳng nói gì. Rudd biết tình hình nghiêm trọng thật. Anh đứng thẳng lên và nghĩ: tôi sẽ làm nhiệm vụ. Anh bước tới và tựa vào cái thùng. Denison thẳng thốt nói:

- Đừng đụng tới nó, đồ khùng.

- Tại sao?

Rudd hỏi mà ngỡ ngàng. Anh đã đẩy nó, ngồi lên nó bao lần rồi, gỗ còn kêu cọt két nữa. Anh đã từng tước những que gỗ ra vế xuống đất nữa mà.

- Ô, xin ông, chớ đụng tới nó thôi.

Denison bực mình nói mà không giải thích được. Rudd bước ra xa, hơi mắc cỡ vì không hiểu biết.

Rồi chó sủa ran ngay cạnh lều, có thể cả chục con, và Denison cũng hoảng che vành tai nghe. Chúng tôi còn nghe cả tiếng chúng nghiến răng nữa.

Denison nói kiêu hãnh

- Địch không thể ập đến chúng ta được, vì tiền đạo với đội quân khuyến còn ở đây.

Rồi có tiếng thỉnh thịch chân người dồn dập chạy trên nền đất.

- Địch!

Rudd nói hốt hoảng, tay ghì chặt súng, tay sẵn sàng bóp cò.

Nhưng không phải địch mà là một liên lạc viên của đơn vị bạn, một hạ sĩ một vạch, anh cao lớn, đứng lắc lư ở giữa lều, râu quai nón xồm xoàm, mắt đỏ ngầu có quầng đen sâu hơn của ông hai vạch.

- Cái thùng đây phải không?

Anh ta vừa hỏi vừa chỉ.

Rudd đã gặp anh này nhiều lần, anh ta già đi, và tiếc là anh ta không nhớ cái thùng.

- Vâng, nó đó.

Người liên lạc đứng yên trước cái thùng đưa tay ra rồi rút lại nhanh. Quay

lại:

- Các anh phải rút lui. Ta thua rồi.

Rudd ngõ ngàng:

- Thua! Tôi không tin.

Denison ngồi bật dậy, xỏ giày và nói với Rudd:

- Đi thôi, ta không thể ở đây được hết đêm nay đâu.

- Nhưng...!

Người liên lạc nhắc lại:

- Thua rồi.

Rudd vẫn lo lắng về cái thùng:

- Còn cái này?

- Hủy nó đi!

Người liên lạc đề nghị. Các anh không còn giờ đâu. Hủy xong, chạy lên núi.

Các anh đủ dầu không?

Rudd liếc nhìn đĩa dầu, ngọn lửa đang cháy cao.

- Không hỏi dầu cho cái đèn, đồ ngu. - Denison bực mình - Mà dầu để đốt cái thùng.

Người liên lạc đưa cho họ một hộp dầu, dùng lưỡi lê mở một lỗ lớn, đưa tay chào và lặn vào bóng đêm.

Rudd nhìn hộp dầu rồi cầm lên, tưới lên nắp thùng. Tiếng lữ chó sủa càng rát, có lẽ đã xa năm mươi mét.

Denison giăng hộp dầu trên tay Rudd.

- Không thể hủy như thế được, có thể nó được bao bằng một lớp chống lửa, kim loại không chùng. Ta phải mở nó ra đã.

Rudd vẫn ngang ngạnh:

- Không, ta không được phép, chỉ gác nó, không được coi bên trong.

Denison không chịu ngừng, anh dùng báng súng gỗ, nạy các thanh gỗ nói ra

từ từ. Anh đập trượt, tay xước đau điếng. Anh dừng một chút. Rồi cả cái nắp bung lên.

Anh lùi lại vài bước, nhìn vào thùng. Một tờ giấy vàng có những ký hiệu màu đen. Anh lấy ra rồi hai người chụm đầu lại coi. Cả hai nhìn nhau nhẩn mặt.

Trong thùng là những hộp chữ nhật dài trên một gang tay những chiều rộng ngắn hơn, dày một, hai đốt ngón tay. Mỗi hộp đều được bọc vải.

Có tiếng bước chân ngoài lều, tiếng chó xa xăm, dưới thung lũng.

Denison kêu thét lên vì cuống cuồng sợ hãi, anh vẩy dầu lên các khối hình hộp, lên tấm giấy vàng có năm ký hiệu đen. Châm một góc tấm giấy vào đĩa đèn, vắt tờ giấy đang cháy vào thùng. Lửa bùng lên, hai anh ra ngoài nằm xuống hồ chọn sẵn. Một lúc sau, cái thùng không nổ, không xì.

Rudd ngửi thấy mùi cháy của chất rất quen thuộc. Denison lôi anh chạy lên đồi.

Vừa chạy Rudd vừa sợ cái thùng, xuyên qua khu rừng đến một trảng bùn trũng không chạy nhanh được, anh mới nhớ lại: mấy hôm trước anh cũng vẽ ký hiệu sách trên đất ướt ngoài lều, giống năm ký hiệu trên tờ giấy vàng phủ trên những khối hình hộp: SÁCH.

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Người dịch: Hà Trung Khâm

Người Chẳng Đẹp Chút Nào Của Tôi

Nguyên tác: My Unfair Lady

Tác giả: Guy Cullingford

Tôi đang ngồi đọc truyện, loại sách bỏ túi, dưới một vòm cây trong rừng. Một cô bé vạch lá nhìn tôi. Thoạt nhìn, cô chỉ là một cô bé bình thường, nét mặt không có cá tính, đóng khung bằng mái tóc kết bím ở sau gáy, còn lâu mới chạm ngang vai. Cô ăn mặc thật sạch sẽ, chân mang dép, không có vớ.

Cô nhìn tôi chăm chăm, thẳng vào mặt:

- Xin lỗi ông.
- Không có chi. Rừng còn rộng lắm, em có thể kiếm chỗ khác chơi để tôi đọc.

Tôi cố nói thân mật.

Tôi tiếp tục đọc, nhưng chẳng chú ý được vào các hàng chữ, vì cô vẫn nhìn xoáy vào tôi.

Tôi cố thuyết phục lần nữa:

- Xin em để tôi yên, phải ngoan chứ, cô bé.

Cô chẳng tỏ dấu hiệu nào là sẽ đi. Cô đang suy nghĩ theo ý cô chẳng theo gợi ý của tôi. Sau một lúc cô nói:

- Có một ông đang ức hiếp một thiếu nữ dưới gốc cây kia.

Cô xoay qua và chỉ về hướng đó.

Tôi cảm thấy nhột nhột trong cổ và nói:

- Đó không phải là chuyện của tôi, và cả của cô. Chạy về nhà đi, cô bé soi mói, tôi không thích làm quen với cô.

Cô không nhúc nhích, im lặng khoảng một phút, hai mắt cá chân bắt chéo vào nhau. Sau cùng cô nói:

- Ông có thích người ta đâm cho ông một dao vào người không?

Tôi đứng bật dậy, gấp cuốn sách lại cái bộp:

- Cái gì? Sao em không nói ngay từ đầu? Ở đâu? Dưới cây nào?

Cô lao nhanh như tên bắn và tôi theo sau. Chúng tôi xuống đồi khoảng sáu, bảy mét thì cô gái đã biến mất vào giữa các lùm cây rậm. Tôi cố luôn lách theo hút cô, nhưng khi tới gốc cây, tôi đứng khựng lại, yên lặng nhìn.

Người thiếu nữ nằm đó, trên đám lá vàng, đầu gối lên một thân cây ngã ngang. Con dao chắc đâm thấu tim, vì cô chỉ mới chết giống như những chiếc lá vàng, chỉ có điều cô ấy mới rụng đây thôi. Luôn có cái gì gây sốc trong cái chết bất đắc kỳ tử. Cô ấy không quá hai mươi tuổi và khá xinh đẹp, cái chuôi dao còn lộ trên ngực.

Thình lình tôi phát hoảng, quẹo đầu sang một bên ỏi mưa, giật mình nhớ lại cô bé đã làm tôi tới đây và bỏ đi mất. Cô ấy tan vào mây khói khi tôi dần sâu vào tình cảnh nguy hiểm. Tôi chẳng còn kịp bệnh nữa, cái cô bé ranh mãnh quỷ quái ấy, còn quý đối với tôi hơn cả khi cơ thể cô bằng kim cương. Cô là một chứng cứ ngoại phạm duy nhất mà tôi, bằng cớ là tôi chỉ đến xem hiện trường thôi, không làm gì khác. Bởi vậy tôi phải tìm cho ra cô ấy ngay.

Tôi lao ngay xuống đồi, xuống tận khoảng trũng có cái hồ bơi thuyền đang động nghệt trẻ con. Mặc dầu tôi đôn đáo chạy từ đầu này đến đầu kia, thấy

vài chục bé gái đang tắm nhưng không thấy cô bé tôi định tìm. Nói để các bạn biết tôi đứng như trời trồng, mồ hôi chảy thành dòng, ướt đầm. Mười phút sau tôi mới hết tìm kiếm. Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi có thể ba chân bốn cẳng, chạy bán xới ngay khỏi nơi này. Nếu có một cái mũ tôi sẽ kéo sụp xuống mí mắt để che mặt. Làm ngay, đừng chần chờ gì nữa. Nhưng tôi lại đầu trần, và hành động tìm kiếm vừa rồi của tôi, chắc đã nhiều người chứng kiến. Nếu chạy, họ sẽ lấy làm lạ ngay. Có vài bà mẹ đang chờ con cái họ mặc quần áo, chắc đã có một ý niệm là tôi đang tìm một bé gái. Có thể là họ đang có ý báo cảnh sát cũng nên. Và trời ơi, có một ông cảnh sát đang đứng trong bóng cây, như trông chừng lũ trẻ, sẵn sàng tiếp cứu những người đang tung tóe nước dưới hồ. Tôi nghĩ mà rùng mình khi bị tình nghi là hung thủ sát hại thiếu nữ. Thôi được nếu phải chọn một trong hai điều, đành chọn điều ít tệ hại hơn vậy. Thế là tôi băng băng đến trước ông cảnh sát, như thể cái thân hình hộ pháp của ông là niềm hy vọng cứu rỗi của tôi vậy.

- Thưa ông cảnh sát. - Giọng tôi vỡ ra, ngập ngừng. Thưa ông, tôi muốn báo cho ông một án mạng.

Ông ấy rúng động, mặt ông ấy còn non choẹt, ông nhìn thần thờ, mặt tái xanh như máu của ông dồn hết xuống đôi ủng. Rồi ông cũng cố trấn tĩnh lại được, ông hỏi tôi vài câu và bắt đầu cùng tôi leo lên đồi. Tim tôi đập thình thịch, và mệt hơn những lúc leo đồi thông thường.

Dĩ nhiên sau đó tôi được dẫn đến cho cấp trên phỏng vấn, đầu tiên là ông trung sĩ trình sát, sau đó là ông thanh tra. Sau đó cả hai phối hợp điều tra. Tôi giữ vững lời khai và xem ra hai viên chức này làm việc đúng đắn và có vẻ tin tôi.

Điều làm họ khó nghĩ là một sự trùng hợp kỳ lạ, ngay trong tiểu thuyết giả tưởng cũng khó có. Khi người cảnh sát dẫn tôi về đồn, tôi vẫn cầm cái cuốn tiểu thuyết đen chết tiệt đó. Khi họ cầm lên xem, cái bao bì có hình một cô

gái tóc vàng, ngực còn cắm một con dao, máu chảy ròng ròng.

Tôi đọc mà chưa hề để ý đến cái hình quái quỷ này, họ chỉ cho tôi xem, tôi mới thấy. Vì chẳng có vật chứng cụ thể như máu ở người tôi, cọng tóc hay dấu tay ở hiện trường nên họ vịn vào cái bìa sách tối đa. Để biện hộ tôi chỉ trưng ra cái cô bé dẫn tôi đến đó. Tôi chỉ có bằng chứng đó.

Ông thanh tra nêu ý:

- Rất tiếc là ông không nhớ tên cô bé.

Ông nói lạnh lùng như ông mặt sắt.

- Tôi không có thói quen hỏi tên những em nhỏ chỉ gặp thoáng qua.

Ông thanh tra gật đầu:

- Nếu những điều ông khai là thật thì đừng lo. Chúng ta sẽ kiểm tra cô bé ở phạm trường lúc đó thôi.

- Vậy thì tôi còn lo gì nữa.

Ông trung sĩ tiếp:

- Cũng may là chưa bãi trường. Chúng ta sẽ sàng lọc kỹ, vậy là đủ kiểm tra.

Ông gãi mũi. Tôi thấy ông có vẻ không tin có cô bé ấy.

Tôi hiểu ông trung sĩ hơn trong những ngày điều tra, cả những trường ở địa phương. Các em rất hoan nghênh chuyện cắt ngang giờ học của các em, nhưng các cô thầy ít hài lòng hơn. Cuối cùng, chúng tôi đã đào trúng mỏ dầu ở trường nữ học sinh, đường Omega.

Sau khi nói chuyện với cô Hiệu trưởng, chúng tôi được dẫn vào một lớp đúng lứa tuổi. Có khoảng hai mươi ba, hai mươi bốn thiên thần bé bỏng trong lớp, có cả cô bé chúng tôi đang tìm kiếm. Cô sắc sảo nổi bật nhất trong lớp, đặc biệt đối với tôi. Cô ngồi ở bàn hai, chúng tôi đã được dặn không được làm các em sợ, bởi vậy giọng ông trung sĩ ngọt như mía lùi. Ông hỏi có em nào trong lớp đã trông thấy quý ông này trước đây, bất cứ ở đâu không. (Chỉ vào tôi). Các em đều đưa tay, trừ cô bé ở bàn hai vẫn khoanh

tay trên bàn.

Ông trung sĩ hỏi:

- Các em thấy ông ấy ở đâu?

- Em ạ, em ạ.

Cả lớp nhao nhao đòi trả lời. Cô giáo chỉ một em phát biểu:

- Thưa cô, chúng em đều thấy ông ấy ở rừng Hammer, vào ngày cô gái bị giết ạ.

Cô hiệu trưởng nhìn tôi lạnh băng, lên án tôi đã đầu độc các tâm hồn trẻ thơ bằng những cảnh rừng rợn. Tức khắc tôi yêu cầu nói chuyện riêng với trung sĩ nửa phút. Chúng tôi chụm đầu rù rì với nhau sau tấm bảng đen nhỏ. Tôi cho ông biết cô bé ngồi bàn hai, không đưa tay lên, chính là người ta muốn tìm. Ông bước ra giữa phòng, vuốt ria mép, bên này rồi bên kia, rồi nói:

- Tôi muốn hỏi em ngồi ở bàn hai, không giơ tay lên, là em đã có trông thấy ông đây lần nào chưa?

Cô giáo nói:

- Trả lời đi Ruby Gaut, không có chi hại cho em đâu.

Cái cô bé không có nét quả quyết, chẳng biểu lộ cảm giác nào trên mặt. Cô ấy tính toán và thăm dò tôi chẳng chút nào tỏ ra vội vã.

- Thưa cô, em chưa hề trông thấy ông này, cũng chẳng quen ông ta nữa và...

- Cô nhanh môi ra, để lộ một hàm răng trắng, đều - em không biết dù em có muốn chẳng nữa.

Cả lớp khúc khích cười và cô giáo cũng không có ý bảo các em im lặng. Cô hỏi nhỏ nhẹ:

- Vậy em không ở cùng các bạn ở hồ à?

Một cô ngồi sau Ruby Gaut đứng dậy nói:

- Thưa cô, Ruby không ở hồ với chúng em, chị ấy nói phải về nhà ngay.

- Đúng vậy không, Ruby?

- Thừa cô đúng, em phải về coi em trai để mẹ em được nghỉ một chút.

Mái tóc vàng nhạt của em rục lên như hào quang trên đầu một vị thánh.

Cô giáo nói nhỏ với ông trung sĩ:

- Tôi thấy Ruby rất trung thực.

Chuyện như vậy, thử hỏi tôi còn làm gì được?

Sau cùng họ phải thả tôi ra vì chẳng có chút bằng cứ cụ thể nào. Họ chẳng tìm ra được một liên hệ nào giữa tôi và cô gái nạn nhân. Nếu truy tót mà chỉ dựa vào cái bao bì sách thì hề quá. Rồi cả hàng chục bà khai là có thấy tôi ở hồ buổi trưa đó. Các bạn biết, vẫn là thói thường, những cặp mắt long lên hung tợn, bệnh hoạn điên cuồng vân vân và vân vân. Tôi vẫn giữ vững lời khai mặc dù tôi có dịp phản cung. Những người quen biết tôi, không ai phát biểu gì bất lợi cho tôi cả, tôi có việc làm ổn định.

Tới nay, tôi thấy rằng họ vẫn chưa phá được vụ án, chưa tìm ra thủ phạm.

Cô thiếu nữ nạn nhân cũng chẳng có bạn trai nào. Bề ngoài, cô là loại thiếu nữ hiền lành, kín đáo và tự trọng. Giờ đây cô là nạn nhân đáng thương. Con dao hung khí là loại dao thường của hướng đạo sinh thường dùng, nhưng được mài sắc đặc biệt. Chẳng có dấu tay nào ở đó cả.

Lá cây rụng ở đó lại dày đến độ không lưu lại dấu chân nào. Quả thực, nếu tôi có phạm tội đó, cũng không thể nào làm gọn như vậy được.

Sau cùng Sở Điều Tra hình sự chịu thua, và tôi bước ra khỏi sở cảnh sát không hề bị sút mẻ danh dự. Nhưng tôi mất việc và chỗ ở, mất bạn bè và chẳng còn đi với cô nào được trong hạt này nữa. Tuy nhiên sau đó vài tuần lễ, nhiều cô đã cùng đi với tôi và chắc chắn họ là những cô gái được bảo đảm an toàn nhất thế giới. Tôi không đi đâu một bước không có cảnh sát theo dõi, rất mực kín đáo. Nhưng nếu ở chỗ tôi có mặt, có cái gì khả nghi là cái đuôi của tôi vắt đến bên cạnh tôi ngay. Tôi cũng không được đi xa nơi cư trú dù là một buổi. Tôi tìm được một chỗ ở mới với bà chủ câm điếc, một

công việc mới được trả bằng nửa lương lúc trước. Tôi ráng sống kiên nhẫn ở đây đợi thời gian trôi qua, vì thời gian vốn là phương thuốc hữu hiệu.

Tôi chờ đợi một cách có mục đích. Sau ba tháng quản chế, tôi lại cô đơn vì không còn cảnh sát theo dõi nữa. Tôi nghĩ là đến lúc tích cực hoạt động được rồi, và trẻ em rất mau quên, nên tôi phải tìm gặp cô bé ấy ngay. Tôi quanh quẩn ở ngoài trường nữ đường Omega vào giờ tan học, bốn giờ chiều. Tôi nhận ra đối tượng của tôi. Ba tháng qua cô cũng chẳng thay đổi gì rõ rệt. Tôi tách riêng cô ta ra khỏi nhóm học sinh cùng lớp với cô thật dễ dàng, vì cô queo ngay vào con đường mòn gần nhất về nhà. Tôi đoán cô luôn là một cá thể độc đáo, luôn có thể tách riêng ra khỏi nhóm bạn cùng lớp, cũng như buổi trưa ở hồ bơi. Tôi quyết định dùng mẹo, nên mấy hôm nay tôi luôn thủ theo mình một bịch kẹo sô cô la.

- Này, em Ruby.

Tôi gọi rồi tiến lên cạnh cô, đưa ra bịch kẹo mời:

- Biếu em vài cái kẹo sô cô la.

Cô ấy nhận ra tôi ngay, chẳng có vẻ gì là sợ hãi cả. Cô lắc đầu nói:

- Mẹ cháu nói cháu không được nhận kẹo của người lạ.

- Tôi không phải người lạ. Tôi là người mà em suýt nữa làm tôi phải ở tù chung thân đấy, em nhớ không?

- Đáng đời ông thôi, ông còn nói lộn xộn gì với cháu?

Rồi cô nhăn nhăn cười, không một chút hận thù hay khinh bỉ gì tôi cả mới lạ. Thật trứ danh.

- Ngoài ra... - cô nói.

- Còn cái gì nữa?

- Cháu không muốn dính vào chuyện ấy. Cháu không muốn người ta chú ý đến cháu, ông hiểu không?

Quý thần ơi, cô bé đã có những tư tưởng như vậy trong cái bộ óc nhỏ xíu của

đứa trẻ tám tuổi hay khoảng đó. Cô chẳng nghĩ gì đến những chuyện đã xảy ra đến cho tôi, cô chỉ lo được an thân thôi.

Chắc chắn cô ta biết ai đã giết thiếu nữ đó. Tôi cố gắng không tỏ ra kích động, nói càng tự nhiên càng tốt. Tôi điều chỉnh bước đi song hành với cô.

- Vậy là em đã trông thấy người giết thiếu nữ ấy. Đây là một trong những điều em nói dối.

- Ông đừng có hờn giận. Dĩ nhiên là tôi trông thấy ông ta. Ít ra là cái lưng, ông ấy đang cúi xuống.

- Như vậy là em đâu có nhìn thấy mặt ông ấy. Thế thì chẳng ích gì. Em không thể nhận diện được ông ta.

- Cháu nhận diện được và biết hết mọi thứ nếu cháu muốn. Ông ấy mặc bộ đồ xanh dương.

- Cậu Ben nhà tôi cũng mặc đồng phục xanh dương. Em nói cái quỷ quái gì vậy! Thiếu gì người...

- Ông đừng có chửi thề. Mẹ cháu bảo chửi thề xấu lắm.

- Mẹ cô và cô? Tôi sẽ nói cho cô biết mẹ cô là ai, bà ấy cùng một giuộc nói láo như cô, nếu như bà ấy nói là cô giữ em, trong khi thực ra cô rình mò những người khác ở trong rừng.

- Bà ấy không thể để mắt tới mọi chuyện hai mươi bốn trên hai mươi bốn giờ được. phải không nào? Ngay cả em bé cháu, mẹ cháu cũng không phải coi cả ngày. Và cháu cũng chẳng rình mò ai, ông Thông Minh ạ. Cháu đang chơi làm nhà trong rừng, dưới lùm cây.

- Và em nói là em biết kẻ sát nhân?

- Cháu không nói là cháu biết kẻ đó. Cháu nói là cháu có thể chỉ ra người đó, nếu cháu muốn.

- Vậy tại sao cháu không tố cáo ông ta?

- Vì đó không phải chuyện của cháu. - Cô ấy nói với vẻ đắc thắng ngầm.

Nhưng đó lại là chuyện của tôi và đặc biệt tôi còn phải tiếp tục dụ dỗ cô ấy, cho đến khi cô ấy có phản ứng có lợi.

Tôi nghe nói phụ nữ thường khích nhau sẽ biết được sự thật. Bởi thế tôi vận dụng mọi năng lực, dồn hết mọi khinh bỉ lên mắt, lên mặt để khích cô.

- Này, Ruby Gaut, em còn chưa biết một việc!

- Em biết chứ.

- Em chỉ bịa ra thôi.

- Cháu không bịa.

- Chắc chắn là em bịa. Em cũng chẳng trông thấy hấn gì cả nếu em có nhìn thấy, thì em cũng chẳng nhận diện được hấn là ai.

- Cháu đã bảo là ông ta mặc đồng phục xanh mà.

- Vậy thì nhà ông ấy ở đâu?

- Cháu không biết nhà ông ấy, nhưng cháu biết hiện giờ ông ấy ở đâu.

- Cô chỉ bịa chuyện, kinh tởm.

- Cháu không bịa.

- Cô bịa.

Tôi nắm ngay được cốt lõi câu chuyện, khi cô bất thành linh:

- Nếu cháu đưa ông đến chỗ ông ta thì ông có tin không?

- Cháu đã nói vậy. Cứ dẫn tôi đến chỗ ông ta, tôi sẽ tin.

Cô ấy nhìn tôi đăm đăm nhưng ánh mắt vẫn xa xăm vô cảm, đó là một phần kiêu ngạo trang của cô.

- Ông thề là không cho ai biết tôi đã dẫn ông đến đó nghe.

- Dĩ nhiên.

- Vậy ông lập lại theo cháu.

- Lập lại cái gì, tôi phải thề cái gì?

Cô ta liếm ngón tay cái mập tròn rồi giơ cao lên trời.

- Thấy ngón tay tôi ướt... ông làm như vậy và lập lại vậy.

Tôi liếm ngón cái rồi làm như cô chỉ dẫn.

- Thấy ngón tay tôi khô.

- Thấy ngón tay tôi khô.

- Cắt cổ tôi nếu tôi nói láo.

Cô quẹt ngón cái qua cổ tượng trưng cho động tác cắt cổ ghê gớm.

Tôi lặp lại lời thề trẻ con một cách máy móc, chẳng hề nghĩ đến chuyện phải giữ. Tôi thật điên nếu nghĩ mình mắc lời thề trung thành với cô bé này.

Nhưng việc tôi thề làm cô bé hài lòng.

- Vậy thì ta đi.

Cô phóng đi trước và tôi hụt hơi theo sau một lần nữa. Nhưng lần này khác ở chỗ cô mặc một áo khoác mỏng và chúng tôi đi trên vỉa hè không phải trên đồi cây. Cô dẫn tôi qua đường hẻm đi tắt này qua hẻm vòng khác, rồi ra phố High Street. Trên phố, người mua sắm đông đúc nhưng cô không hề chậm bước, mà luồn lách như một con lươn còn tôi ngập ngừng bị chặn lại sau cô. Tôi lúc đó trông chắc tức cười lắm, phải cố bám theo một đứa bé như thể cả mạng sống mình phụ thuộc vào đó. Nhưng tôi cũng chẳng còn biết mình đang làm trò hề. Tim tôi hồi hộp đập loạn xạ vì tin chắc rằng tôi đang có một đầu mối quan trọng. Sau cùng chúng tôi đến ngã tư phố High Street gặp trực giao thông chính. Ruby Gaut thỉnh thoảng dừng sững lại nên tôi bắt kịp cô. Cô lùi lại bên cạnh tôi, ngược mắt nhìn tôi, lấy ngón cái hích nhẹ ra dấu.

- Ông ấy kia kìa. Đúng như tôi đã nói với ông.

Ông ta ngồi đó, lưng quay ra phía chúng tôi, đồng phục xanh, găng tay trắng đủ các món phụ thuộc khác dùng để điều khiển xe cộ lưu thông. Chính là cái ông cảnh sát trẻ hôm đó tôi đến báo cáo vụ án, ở hồ.

Tôi đứng chết trân, ngơ ngẩn ngấm ông ta đến mười giây, đầu quay mòng mòng. Tôi quay lại Ruby.

- Vậy em biết ông ta làm gì?

Con quỉ con không còn đó nữa. Cô ta lại chơi khăm tôi như lần trước. Cô ta di chuyển nhanh như điện xẹt. Tôi khó lòng mà tìm ra cô bé trong đám đông. Với thân hình nhỏ bé cỡ đó cô nấp ở đâu mà không được. Cô có thể tạt vào một siêu thị ẩn tạm hoặc cô đang thoăn thoắt trên đường về nhà cũng nên. Thế là tôi bị cho leo cây. Tôi đành thả bộ chậm chậm theo phố High Street. Tôi né tránh những người chen chân mua sắm theo linh tính, trí óc đang ôn lại những gì xảy ra.

Phải chăng cô bé Ruby Gaut chọc phá tôi theo cách độc đáo của cô không thể bắt chước được, lần này có phải cú liều lĩnh chót không, có phải chỉ là trò tinh nghịch tức thời để làm tôi nhụt chí, không chấp hành động quá khứ của cô nữa?

Phải chăng cái trí tinh ranh quỉ quái của cô, gợi ý cho cô chọn ông cảnh sát để nêu một ví dụ cao nhất về sự bất khả. Hoặc bây giờ cô đang cười ngất nghêo, rồi chẳng còn để ý gì nữa. Cô có biết chắc kẻ giết cô thiếu nữ trong rừng không? Bộ đồng phục xanh chỉ là tượng tượng của cô hay có dựa trên cơ sở thực tế nào đó?

Rõ ràng là ông cảnh sát có mặt gần hiện trường lúc đó. Gần hay ở ngay phạm trường không thành vấn đề, vì ông chỉ mất vài phút để lui từ chỗ cái cây chỗ xảy ra án mạng, xuống vị trí đứng coi trẻ em tắm. Không phải chưa phát hiện được động cơ nào giết thiếu nữ, nhưng không phải không có.

Hồi còn là một cậu bé, tôi không thể có sự hiểu biết sâu xa, tránh vi phạm pháp luật và các qui định. Tôi mừng tưng ra ngay hậu quả của sự việc, khi mà ông cảnh sát đã nhồi nhét, nắm được tâm hồn của tuổi bé Ruby và hoàn cảnh phạm tội. Các bạn thấy tôi không dùng cụm từ tuổi thơ ngây trong trắng. Bởi vậy tôi nghĩ, ngoài cô bé làm hại tôi vì tinh nghịch, còn có những

lý do khác như ai xúi cô chẳng hạn.

Bây giờ nghĩ lại, hình ảnh ông cảnh sát sợ hết máu mặt khi tôi báo cáo cho ông ta án mạng, hiện rõ trong đầu tôi.

Dù chưa có kinh nghiệm, dạn dày, ông cảnh sát nào cũng ghê tởm tội phạm đến vậy sao?

Những việc cô Ruby tiết lộ kẻ sát nhân cho tôi, sẽ giúp ích gì cho tôi. Tôi chắc sẽ chẳng ưa được cái mặt ông trung sĩ trinh sát, nếu tôi ngóc ngách bước vào bót cảnh sát báo sự việc mới này.

Rồi thỉnh linh tôi hiểu được sự việc theo quan điểm của cảnh sát và hiểu được rằng đây là một chuỗi sự việc được dàn dựng. Nói cách khác gồm một ít sự thực, bị cái cô Ruby quỉ quái được người ta xúi giục làm cho bán tín bán nghi nên rồi mù lên.

Thôi đành, cái gì đã qua cho qua luôn, đành mang theo mình một tiền sự. Cảm ơn Ruby! Tôi sẽ không để cô ta khuấy động tương lai của mình nữa.

Tôi cảm thấy cần phải có một ly cà phê đậm để tăng cường quyết định này của tôi. Tôi lại gặp ngay một quán bán đồ uống chính là sản phẩm từ sữa bên đường. Tôi đẩy cửa bước vào. Cái quán hẹp như một toa xe điện, bàn ghế bày thành hai hàng phía trước, quầy pha chế ở trong cùng. Tôi sắp đi đến quầy thì một cảnh tượng làm tôi đứng sững lại.

Kìa, cô bé quỉ quái đang chễm chệ trên cái ghế cao, đưa lưng ra phía tôi nghiêng hai trăm bảy mươi độ. Cô chống khuỷu tay xương xẩu lên mặt quầy, hai bàn tay khỉ nguời ngoào quanh một ly đồ uống đầy. Cô không uống, cô

đang ngây ngất ngược nhìn bộ mặt chàng Adonis được thần ái tình chiếu cố, đang cúi trên mặt quày. Người đàn ông da mặt xạm bóng, đẹp trai như một con rắn nướng vĩ. Các bạn biết loại người này.

Có tiếng quay xè xè. Sâu trong thâm tâm, tôi nhận ra sự thực của một âm mưu mà không cần bằng cứ như lâu lâu ta vẫn trực giác được. Tôi nhìn cô bé kỹ hơn. Chắc ông ta vừa phết bơ xong vài lát bánh để làm bánh kẹp. Tay phải cầm dao, ngón trỏ tay trái đưa lên thử độ sắc của lưỡi dao một cách lơ đãng. Ông ta chẳng để ý đến ai cả, mà tập trung chú ý vào hai cô gái ngồi ở bàn cạnh quày, đang nói chuyện rôm rả, giống như nhiều cô gái khác thường làm, khi có một người đàn ông khả ái ngồi xa xa một chút. Mắt ông ta nheo lại, nhìn ngầu nghiêng hai cô gái như những miếng mồi ngon.

Thình lình như bị nam châm hút, ông buông dao, lách qua cô Ruby đang nhìn ông mê mẩn, đi gom những ly trống trên các bàn. Ông cúi xuống thì thầm gì đó với hai cô khách, ai biết được lời dụ dỗ của ông ta ngọt đến cỡ nào. Cái áo khoác trắng của phục vụ viên héch lên, để lộ cho tôi thấy cái hông quần dơ bẩn đến tởm lợm. Tôi quyết định không giải khát nữa. Tôi bước ra khỏi quán nhanh hơn thời gian cần thiết để nói “Hung thủ áo xanh.”

Nhưng vẫn còn nhiều điều bỏ ngỏ mà tôi vẫn muốn biết, tỷ như tiểu thư Ruby quen với hắn từ lúc nào? Có phải cô tìm đến ông ta theo kế hoạch thu phục dần dần của ông ta không? Cô ta có biết ông ta trước không? Hay chỉ là những dịp ngẫu nhiên, dịp may của những tay mơ như ta thường nói? Ông ta còn cho cô ta ăn kem lạnh, uống sô cô la nóng và nhiều những món khác để cô ta luôn về phe ông ta. Nếu ông ta không cho cô ta ăn không nữa, chuyện gì sẽ xảy ra.

Hoặc khi... Ôi, thôi đừng bận tâm.

Những câu hỏi này vẫn chưa được giải đáp, mỗi khi tôi quan tâm đến.

Khi hai con cọp dữ đã kết cặp với nhau thì chẳng còn chỗ cho người như tôi.

HẾT

nhiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Biên dịch: Kim Lương

Những Tên Sát Nhân Mới Giết Hung Thủ Cũ

Nguyên tác: New Murders for Old

Tác giả: Carter Dickson

Hargreaves chẳng nói gì cho đến khi ông đã bật sáng hai ngọn đèn, ngay cả áo khoác cũng không cởi. Cái phòng mặc dù thời tiết rất lạnh, không khí vẫn ngọt ngào, có thoảng mùi thơm. Phía ngoài cái bình phong kiểu Venise không kéo kín hết, ta vẫn thấy tuyết rơi giăng mắc trước các bóng đèn đường. Đến như Hargreaves mà cũng còn phải ngập ngừng; vừa chỉ cái giường vừa giải thích:

- Người, đối tượng nằm ở kia. Ông ấy vào bằng cửa này đây. Có lẽ quý cô đã hiểu một phần.

Người đi cùng Hargreaves gật đầu.

Hargreaves lại vừa nói vừa cười:

- Không, tôi không muốn gọi cho quý cô ảo tưởng. Trái lại tôi muốn loại hẳn

ảo tưởng. Ta xuống dưới nhà được chưa?

Cái nhà cao và chắc chắn, không có đồng hồ treo tường nhưng những bậc cầu thang kêu cọt két, mặc dù có trải thảm. Trong một phòng nhỏ ở góc trong, có vẻ phòng làm việc có một ngọn đèn sưởi gas. Tiếng xì xì của gas có thể nghe thấy từ xa, bốc lên một ngọn lửa xanh mạnh, ổn định, trong một cái khung chạm trổ trắng. Nhưng ngọn đèn cũng không xua được cái lạnh cắt da của phòng này. Hargreaves chỉ cho cô khách cái ghế cạnh ngọn đèn sưởi.

- Tôi muốn nói cho quý cô về chuyện này. Xin đừng nghĩ rằng tôi cố tỏ ra... - ông lắc cổ tay, ngập ngừng như thể chọn một quân cờ là chữ thông thái. Đừng nghĩ rằng tôi muốn tỏ ra thông thái khi kể cho quý cô nghe. Một lần nữa bàn tay chọn quân cờ chữ lại ngập ngừng. Phải cố khách quan, như thể quý cô chưa biết gì hết, như thể quý cô không quan tâm tới chuyện, chỉ bằng cách đó, quý cô mới mong hiểu được vấn đề mà ông ấy phải đối phó - Hargreaves rất căng thẳng. Ông cúi mình về trước và khi nhìn lên phải ngước mắt.

Cái áo khoác dày của ông xòe ra hai bên đùi, bàn tay mang găng của ông không nằm yên, lúc thì làm điệu bộ lúc thì bóp đầu gối.

- Nói về Tony Marvell trước. Ông là người tốt, ai cũng mến, nhưng không phải một nhà kinh doanh giỏi. Có thể do tính hào phóng của ông mà ông không là một doanh nhân thành công lớn, chính lương tâm chính trực của ông làm hại nó. Chỉ nhờ bộ óc của nhà toán học giúp ông vượt qua những khó khăn.

- Tony đã tốt nghiệp thủ khoa ở Cambridge và định tiếp tục học toán hậu đại học. Nhưng vì chú ông chết, ông phải kế nghiệp. Quý cô hẳn đã biết sản nghiệp gồm những gì: 3 khách sạn hạng sang. Chú ông, Old Jim xây dựng và trang bị, vào thời đó được coi là sang trọng, lộng lẫy, xa hoa nhất, nhưng

đang trên đà suy sụp.

- Ai cũng bảo chỉ có điên như Tony mới ghé vai vào gánh cái thương nghiệp. Em trai ông, nhà giải phẫu quá cố nổi tiếng Stephen Marvell cho rằng, Tony sẽ chỉ làm lộn bậy kế hoạch kinh doanh, và làm mọi người nhà mắc nợ liên lụy thêm thôi.

- Nhưng quý cô đã biết đó, chuyện gì đã xảy ra. Năm 25 tuổi, ông tiếp nhận sản nghiệp. Năm 27 tuổi, khách sạn không còn lỗ vốn nữa; năm 30 tuổi các khách sạn thành nơi ai cũng muốn đến trọ, bảng hiệu lung linh huy hoàng trên bầu trời, phồn thịnh tung bừng và hiệu quả, lời lãi chất chồng đến chính Tony cũng ngạc nhiên.

- Ông coi thường ý niệm làm việc quá sức, ông làm việc không ngơi nghỉ. Định hướng không thể lay chuyển của ông là: Tôi không thích công việc kinh doanh, nhưng để tôi thu vén cho gọn gàng, sau đó sẽ làm những chuyện quan trọng hơn, như nghiên cứu chẳng hạn. Ông điều hành các khách sạn vì ông đã hứa với chú Old Jim, vừa vì ông cho là (quý cô có thấy không?) điều hành khách sạn không có chi là khó và ông muốn cho thấy nó dễ như thế nào. Nhưng thực tế lại chẳng dễ chút nào. Không ai có thể làm việc theo tốc độ của ông được. London, Brighton, Eastbourne, ông biết mọi điều mà các khách sạn Marvell cần biết, xuống đến tận giá áo gối, tiền công bôi trơn một thang máy. Cuối năm thứ 5, ông đột quỵ một lần ở văn phòng. Em ông, bác sĩ Stephen khuyên ông những gì cần làm:

- Anh tránh mấy cái khách sạn ra, đi xa hẳn chúng, du lịch vòng quanh thế giới hoặc ở đâu đó, ít nhất 6 hay 8 tháng. Trong khoảng thời gian này, anh không được nghĩ tới công việc. Anh đã rõ chưa nào?

- Tony mới nói chuyện với tôi đêm qua, ông cho biết nếu ông không bị cấm viết thư cho bất cứ ai khi du lịch, thì mọi việc chắc sẽ không xảy ra.

- Stephen - nhân danh là bác sĩ - nói với anh Tony của mình: “Không được

gửi thư từ cho ai, dù chỉ là một bưu ảnh, bởi vì anh viết: lại nghĩ tới công việc. Lúc đó thì chỉ có trời cứu anh được thôi”.

Tony phản đối:

- Nhưng với Judith...

Stephen nói tỉnh:

- Nhất là với Judith, thư ký riêng của anh. Anh muốn cưới cô ấy là chuyện riêng của anh, nhưng đừng làm mất hiệu quả chữa bệnh của chuyến du hành bằng cách nói về khách sạn trong thư.

- Quí cô có thể hình dung ra ông bác sĩ trẻ, đáng rất cao thượng cúi xuống anh mình lúc dọa, vẻ mặt tức giận. Quí cô có thể hình dung ra Stephen, quần đen có sọc đứng bên cạnh cái bàn nhẵn bóng, trong nhà mình ở đường Harley Street. Stephen Marvell (và đến một mức độ nào đó, cả Tony nữa) có vẻ được giáo dục quá kỹm điều mà ông chú Old Jim Marvell mơ ước mà không được.,.

- Tony không bàn thêm gì nữa, sẵn sàng tuân theo vì ông la mết. Như thể ông nghĩ, tuy không được viết thư cho Judith, ông vẫn luôn có thể nghĩ về nàng. Vào giữa tháng 9, cách đây hơn 8 tháng, ông lên tàu Queen Anne ở cảng Southampton, và ngay đêm đó, bi kịch xảy ra.

Hargreaves ngưng lại, cái đèn sưởi gas vẫn xì xì trong cái phòng làm việc nhỏ. Ta có thể thấy căn nhà này đầy không khí chết chóc, lại mới xảy ra đây, hiện trên nét mặt cô khách của Hargreaves. Ông nói tiếp:

- Tàu Queen Anne khởi hành lúc nửa đêm. Tony thấy tàu vươn lên tới tận mây xanh, chế ngự toàn bộ cảnh bên cảng. Boong tàu trắng và ngời sáng như đôi giày mới đánh bóng, lung linh dưới những dãy đèn. Ông nhìn thấy những chấm đen hành khách di chuyển, nghe tiếng dây tời ken kết khi những cần câu di chuyển ngang trên đầu những người đứng trên bến cảng. Ông có cảm giác thích thú đặc biệt, bồn chồn trước một chuyến đi biển dài.

- Đầu tiên ông xồn xang như một cậu học trò: Stephen Marvell và Judith Gates, vị hôn thê của Tony, cũng xuống cảng Southampton với ông. Ông nhớ lại có cầm tay Judith, dẫn nàng đi theo những hành lang nồng nặc mùi cao su, để nàng thấy tàu đẹp như thế nào. Họ cùng xuống xem phòng của ông, hành lý của ông đã gọn ở đó cùng một giỏ trái cây. Mọi người đều công nhận ông đã chọn được một phòng đẹp.

- Mãi tới lúc tiếng chuông báo ai không phải hành khách lên bờ, ông mới cảm thấy cô đơn. Stephen và Judith đã lên bờ, vì họ chẳng muốn bối rối ở phút bịn rịn cuối cùng. Hai người đang đứng trên bến, Tony đứng vịn lan can tàu có thể thấy họ. Mặt Judith nhỏ xíu, xa xăm tươi cười, yêu thương vô hạn. Cô ấy vẫy tay với ông. Xung quanh ông cả một đám đông lao xao, những mặt mũi, mũ nón và tiếng gọi ồn ào, dưới ánh sáng bóng đèn trần, càng làm tăng nỗi buồn xa nhà.

- Sau đó ông lại nghe tiếng chuông trầm trầm, run rẩy thôi thúc hòa với tiếng loa phóng thanh: Người tiễn đưa đã lên bờ hết. Ông không muốn đi du lịch nữa. Vẫn còn kịp giờ lấy hành lý và xuống tàu.

- Ông đã đứng một lúc lâu ở lan can, gió vùng biển Southampton thổi vào mặt, ông lại nghĩ không đi thì quá, ông quyết định ở lại trên tàu, vẫy tay chào Stephen và Judith lần chót rồi quả quyết lui về phòng. Ông còn cảm thấy sâu sắc, tốt nhất là về phòng xếp hành lý ra là việc làm hợp lý nhất. Trong cái đêm trống vắng này, lần đầu tiên ông có cảm giác mờ ảo, không thực của các đồ vật. Ông xuống phòng ông ở Boong C, hành lý của ông không còn trong phòng nữa. Ông nhìn quanh phòng, không khí hơi tù hãm, vén màn treo ở cửa sổ tròn nhìn ra biển. Một cái rương và 2 túi xách, có gắn nhãn tên đảng hoàng, ấy là chưa nói đến giỏ trái cây, không còn ở đây nữa.

- Tony lại leo lên boong, tìm văn phòng của viên quản lý hành khách. Ông này đang ngồi ở bà, sau cái cửa như ở nơi bán vé, có bộ mặt như thể lúc nào

cũng bị quấy rầy, và thực sự ông cũng chưa thoát được cảnh giải quyết hàng lô phàn nàn, thắc mắc của khách mới lên. Ông đang lắc cái chuông yêu cầu giữ trật tự thì gặp ánh mắt Tony. Tony nói ngay:

- Hành lý của tôi...

Ông quản lý luôn bị quấy rầy nói nhanh:

- Xin Ngài an tâm, Ngài Marvell. Tôi đã cho mang lên bờ rồi. Tốt nhất Ngài nên lo sẵn sàng lên bờ đi.

Tony thấy một cảm nghĩ cực kỳ ngu ngốc về quản ý tàu.

- Gởi lên bờ? Lên bờ? Tại sao chứ, ai bảo ông đưa hành lý của tôi lên bờ?

- Ồ, thì chính Ngài bảo - ông quản lý coi lại danh sách và nhưng con số.

Tony ngỡ ngàng chỉ còn biết đứng nhìn ông ta. Chính Ngài tới đây, chưa quá 10 phút- ông ta nói tiếp mắt hấp háy như muốn nói ông làm việc nghiêm túc không thể phê bình được. Ngài nói không đi chuyến này nữa và yêu cầu gửi hành lý vào bờ! Tôi có nói với Ngài, hủy chuyến đi vào ngày giờ này, e rằng chúng tôi không thể hoàn...

- Đem hành lý trở lại phòng tôi - giọng ông như lạc hẳn. Tôi không hề hủy chuyến đi. Đem hành lý trở lại.

Viên quản lý nói:

- Sẽ đúng như yêu cầu của Ngài, nếu còn kịp - ông gõ chuông liên hồi.

Tiếng còi hụ vang trên đầu là âm thanh buồn nhất ở Southampton, chân vịt tàu bắt đầu quạt để ra khỏi vùng nước Southampton. Boong B, giữa những cửa hành lang mở, rất lạnh và gió thổi ù ù như bão.

Bây giờ Tony Marvell vẫn không thể nhớ lại được tí gì về việc đã bảo tên quản lý đưa hành lý lên. Việc này làm ông tá hỏa tam tinh như thể bị đập một cú vào giữa hai mắt. Và một cái gì đó như thôi thúc ông chạy khỏi chiếc Queen Anne trước khi họ rút cầu lên tàu. Rồi mơ hồ như vừa gặp ác mộng.

Tệ hại nhất là ông tin là tâm thần ông đã suy sụp. Lâu lâu trong thâm tâm

ông lại có tin tưởng là ông không còn hiện hữu thực sự nữa, thân xác ông và bản ngã ông đã tách khỏi nhau. Những bước đi, những lời nói chỉ là của một cái hình nộm được lắp ráp lại theo các khớp, trong lúc thần hồn ông lại ở chỗ khác, nhìn cái xác của mình đi.

Để xác định xem mình còn trí khôn không, ông cố suy nghĩ về những vấn đề có nhân tính nghĩ đến Judith chẳng hạn. Ông cố nhớ lại đôi mắt nâu của cô, đường nét thanh tú của hai gò má khi cô quay đầu, cái cửa tay bằng giấy cô mang trong văn phòng. Judith, vị hôn thê của ông, thư ký của ông, có thể điều hành mọi việc khi ông vắng mặt, người ông hằng yêu mến, ngay cả lúc này vẫn gần gũi với ông nhất. Thay vì ông nghĩ tới Stephen, em ông, Johnny Cleaver hay bất cứ người han nào ông chợt nhớ tới, nhưng ông lại nghĩ tới Old Jim Marvell: người đã chết. Sức mạnh của trí tưởng tượng thật lớn lao. Có lúc, trong cái phòng ngấm biền lộng gió, đối diện văn phòng quản lý, ông đã tưởng Old Jim đang ngấm ông từ góc có những chậu cây dừa. Quý cô biết không, tất cả những ý nghĩ và hình ảnh này vụt qua trí óc ông trong khoảnh khắc, khi ông nghe còi tàu hụ rời bến. Ông xin lỗi viên quản lý rồi về phòng, ông cảm ơn những tiếng chuyện trò, những tiếng đi lại trong những hành lang dưới boong. Chẳng ai chú ý tới ông, nhưng ít nhất họ cũng hiện hữu, có mặt ở đây. Nhưng khi mở cửa phòng mình, ông đứng sững, im lặng ở cửa. Chân vệt quạt mạnh, một cái nhô lên hụp xuống, một chấn động mạnh đẩy lên phía trên tàu, làm các cửa kiếng trong khe sắt kêu lạch cạch, các vách sắt của phòng rên rĩ. Tàu Queen Anne đang chạy. Tony Marvell nắm chắc cánh cửa, như thể chuyển động của tàu chao qua một bên, và vẫn nhìn chăm chăm lên giường. Một khẩu súng lục tự động nằm trên đó, trước đây không hề có. Cái đèn sưởi đã nung đỏ những trụ đỡ khung bằng a- măng đỏ rực. Cái giọng nhỏ của căn nhà ở phố St. John s Wood chìm trong tĩnh lặng một lúc. Hargreaves, Ngài Charles Hargreave, phụ tá chánh sở cảnh sát, thuộc cục

điều tra hình sự cúi xuống vặn thấp ngọn đèn gas xuống. Giọng ông thay đổi một chút khi tiếng xì gas nhỏ hẳn đi.

Ông đưa tay lên:

- Xin quý cô thông thả cho một chút, tôi không muốn quý cô hiểu lầm. Quý cô đang nghĩ là nỗi sợ hãi và diễn biến chậm chạp của các sự việc sau theo đuổi ông ta mãi. Không. Đây là yếu tố kỳ lạ nhất của câu chuyện.

- Tony nói với tôi, những cảm nhận này chỉ xảy ra với ông như chỉ trong một cơn, một khoảng thời gian ngắn khoảng 15 phút, ngay trước khi tàu Queen Anne khởi hành và ngay sau đó. Chẳng những tôi cảm thấy sự vật không thật nữa, mà còn âm mưu thâm độc, hận thù và nguy hiểm nữa.

Chúng bủa vây, đè ép ông. Ông cảm thấy chúng xâm nhập ông như một luồng điện ắc quy. Nhưng 5 phút sau, tàu đang hướng mũi ra khơi, chúng biết mất. Giống như ông ra khỏi một màn sương mù dày đặc. Điều này thật vô lý. Dù tin có cô hồn, quỉ âm chẳng nữa, cũng không thể tin rằng quyền lực của chúng chỉ giới hạn trong một vùng, các cánh tay bạch tuộc của chúng tuột ra sau khoảng cách nửa dặm, chúng không còn ảnh hưởng trên môi trường nước. Nhưng chúng lại có thật. Vài phút trước đây ông còn cầm súng đứng đó, tiếng máy tàu đập vào tai ông, một xung lực kinh hồn thúc đẩy cánh tay ông đưa súng lên, kê vào miệng và...

Rồi “phụt”, một cái gì đứt. Ông ta chỉ diễn tả được như vậy. Ông ngồi thẳng dậy, ông như người vừa qua cơn sốt, run rẩy, ướt đầm mồ hôi. Ông thực sự lùi lại sau bức màn, trở lại thế giới thực. Ông hít một hơi sâu, rồi ra cửa sổ bên hông tàu, mở ra. Từ lúc đó ông thấy tâm hồn ổn định hơn.

- Tại sao khẩu súng ở trong phòng ông. ông không biết. Chắc là ông đã có mang nó theo trong một cơn mất trí chẳng? Ông chẳng nhớ gì cả. Ông nhìn khẩu súng với con mắt mới, tâm tình yêu đời như kẻ được minh oan vào phút chót được dẫn từ pháp trường về.-

- Quí cô có thể nghĩ ông ấy sợ không dám sờ đến khẩu súng ấy nữa và vứt nó xuống biển cho rồi. Không. Đối với ông, nó là một phần của bí ẩn. Ông nhìn nó thật lâu: khẩu Browning 38, chế tại Bỉ, lấp đầy đạn. Ông cất nó trong rương, khóa lại. Vài ngày sau ông vẫn còn nghĩ về nó. Nó là một vật chứng ông có thể mang về nhà, một vật cụ thể trong cơn ác mộng.

- Ở cảng New York, nhân viên hải quan xét thấy nó, nhưng chẳng ai ngạc nhiên. Ông mang nó theo đi du lịch khắp nước Mỹ, Cleveland, Chicago, Salt Lake City, sang San Francisco trong một ngày sương mù, rồi vượt vùng biển lửa sang Honolulu. Ở cảng Yokohama người ta định tịch thu nó, ông phải hối lộ một số tiền lớn mới giữ được nó lại. Sau đó ông mang nó thường trực trong người mà chẳng bao giờ bị xét cả. Giống như các sợi thần kinh đứt của ông được đan kết lại, trong dải nước xoáy lộn ngàu của chân vịt, có chỗ nước lặng. Khẩu súng như một linh vật đem lại may mắn cho ông. Nó theo ông qua Ấn Độ Dương nóng hừng hực, vào biển đỏ đục ngầu, sang Địa Trung Hải. Đến Port Said sang Cairo vào lúc chớm Đông. Đến Naples, Marseilles qua eo Gibrattar. Ông để nó nằm gọn trong túi hông, sau hơn 8 tháng du hành. Tony Marvell, một người bình phục hoàn toàn, vào một đêm giá lạnh, lên bộ từ tàu Chippenham Castle tại cảng Southampton.

- Đêm đó tuyết rơi dày, quí cô còn nhớ không? Đoàn tàu hỏa chạy rầm rầm trên đường ngập tuyết. Tàu thì đông và máy sưởi lại hư.

Tony biết chẳng có ai đón mình ở ga vì cuộc hành trình đã được sắp đặt trước, và ông tuân thủ lời khuyên của người em bác sĩ, không gửi dù chỉ một bu hu. Nhưng ông đã đổi lộ trình, đi chiếc tàu khác để kịp Giáng Sinh ở nhà. Ông sẽ thăm họ trước dự định một tuần. Đối với họ, hơn 8 tháng ông đã sống trong khoảng không, vô thực. Vài giờ nữa, ông sẽ có ở nhà, ông sẽ thăm Judith.

Trong cái phòng dành riêng cho 4 khách, sáng tù mù, các đồng hành của ông

ít nói chuyện. Chuyến đi dài đã làm họ hết muốn nói năng gì, họ ghét nhau nữa là đằng khác, mặc dù cảnh tuyết rơi quen thuộc gọi cho hạ chút ấm lòng.

Một người lên tiếng:

- Đúng là Giáng Sinh cổ truyền.

- Vâng! Một người khác đồng tình, cào cào móng tay vào cửa kính mờ tuyết.

Người thứ ba ca cẩm:

- Cái lạnh chết liệt. Cái sở hỏa xa này chắc chẳng bao giờ mở máy sưởi, tôi phải khiêu nại mới được.

Sau vài tiếng cười trừ, chịu thua, họ thu mình đọc tin nhà.

Lúc đó Tony nghĩ mình đã trở về Anh, ông chỉ vờ đọc báo thôi, ông dựa lưng vào thành ghế, nghe những tiếng cục kịch đơn điệu của bánh xe. Ông nghĩ tới những việc sẽ phải làm. Khi đến ga Waterloo chắc chỉ 10 giờ ông sẽ nhảy lên một taxi, về nhà này và tắm một cái, giữ bụi đường xa. Ông sẽ lẳng lặng đến thăm Judith ở Hampstead càng nhanh càng tốt. Chỉ nghĩ vậy thôi đã khiến mặt ông tươi tỉnh lên, thấy lòng mình hơi lạnh. Ông phải chiến đấu với mình, dẹp nỗi cô đơn trong lòng, phải nhờ đến tờ báo để bỏ ý nghĩ đó đi. Ông tự cười mình, ông giở hết trang này đến trang khác, liếc qua các đầu đề. Ông dừng lại, một cái gì đập vào mắt ông, một cái tên quen quen, ở một mục chìm trong đám chữ rậm rì.

Ông đọc được cáo phó về chính cái chết của mình như sau: “Ông Anthony Dean Marvell, ở Upper Avenue Road, quận St. John s Wood, chủ nhân công ty khách sạn Marvell, bị bắn chết trên giường tối qua ở nhà mình. Viên đạn xuyên từ vòm miệng lên óc, một khẩu súng lục tự động còn trong tay. Thi thể được bà quản gia Reach phát hiện...”

Một vụ tự tử!

Một lần nữa, cũng nhanh như lúc nó rời trên tàu, cái cảm thức ấy lại ập lên ông, đẩy ông từ thế giới hữu hình sang thế giới vô hình. Như tôi đã nói với

quí cô, phòng riêng trong toa xe chỉ sáng lơ mờ, nên ông chỉ thấy một bức tường vô hình của tờ báo che trước mặt, các bạn đồng hành như đã bỏ ông một mình, họ không còn ở đó nữa, chỉ còn tờ báo rung rinh theo nhịp tàu. Vâng, ông chỉ cô độc một mình, lết ra cửa rồi ra hành lang toa. Khoảng không bít kín làm ông muốn ngộp. Ông nâng cao tờ báo để đón ánh sáng trên đèn trần toa xe để đọc lại.

Không còn lằm vào đâu được nữa, cái cáo phó nói thật chi tiết về ông, quá khứ và hiện tại...

... Em ông, Stephen Marvell, chuyên gia phẫu thuật xuất sắc ở phố Harley được triệu tập tức khắc... Vị hôn thê của ông, cô Judith Gates... Ta biết rằng hồi tháng 9 năm ngoái ông bị đột quỵ, nhưng sau một thời gian dài nghỉ dưỡng sức mà không bình phục...

Tony nhìn đồng ngày tháng, lo sợ băng quơ. Nhưng không, chính là ngày hôm ấy, 23 tháng 12. Theo đó thì ông đã tự sát được 48 giờ rồi.

Và khẩu súng bây giờ vẫn nằm trong túi hông của ông.

Tony gập tờ báo lại, toa tàu như ngoằn ngoèo nhảy múa, giựt lên cùng tiếng bánh xe. Tàu hú một hồi ngắn. Ông nhớ lại lúc ở trên tàu Queen Anne, ông nhìn dọc theo cái hành lang tối, có ai đó, có lẽ một hành khách, khom mình tựa tay trên thanh lan can ở đầu toa ngắm tuyết.

Ông không còn nhớ gì nữa cho đến lúc tàu vào ga Waterloo trừ cái ấn tượng, cái ký ức về người khách ngắm tuyết. Trước nhất là hai cánh vai rộng. Chắc là ông ta mặc loại áo lạnh dày kiểu cũ, cổ bằng da lông thú nâu. Ông nhảy đại xuống tàu khi nhớ ra chú Old Jim thường mặc áo đó. Ông như nhìn thấy người mặc loại áo đó khắp nơi. Khi ông đến toa bảo vệ để nhận hành lý, thẻ trong tay, xếp trong hàng chật ních, ông cảm thấy như cái cổ áo lông thú nâu đè lên vai ông.

Người khuôn vác kêu giùm ông một taxi. Trông thấy cái xe taxi ở London

lại, ông thấy thanh thản. Tiếng chiếc rương va vào nóc xe, tiếng người tài xế, tất cả đều thân quen. Ông cho tài xế địa chỉ, cho tiền uống nước người xách hành lý rồi vào xe. Tuy nhiên người khuân vác cứ giữ cửa xe lâu hơn cần thiết.

Ông phải kêu lên:

- Đóng cửa đi, nhanh lên.

Xe chạy mà người đó cứ đứng nhìn theo xe. Trong xe tối mù. Tony không trông thấy gì cả nhưng ông cũng sờ trên mặt ghế, quơ quơ khoảng không gian chung quanh xem có gì không.

Đến khúc này Hargreaves ngắt câu chuyện hai ba lần, như thể khó nói lắm, không phải vì sợ hiểu lầm mà vì khó dùng chữ chính xác, bàn tay đeo găng xò ra, bấu vào đùi.

Lần đầu tiên người khách của ông - quý cô Judith - ngắt lời ông, hỏi từ phía bên kia chiếc đèn sưởi.

- Làm ơn. Ngài đợi một chút.

- Cái người theo dõi Tony ấy - cô cũng khó diễn tả - Ngài không nói với tôi là... Thôi được là...?

- Là sao?

- Là đã chết.

Hargreaves ngập ngừng:

- Tôi cũng chẳng biết người ấy là ai hay là ma. Có điều người ấy mặc áo khoác dày, cổ lông thú nâu. Tôi đang kể những gì Tony nói với tôi và tôi tin. Judith che mặt, giọng ngọt ngào của cô cất lên:

- Mà có là ma cũng vậy thôi, chắc chắn người ấy gây ảnh hưởng xấu lên Tony. Ông chú Old Jim thương Tony nhất, cụ để lại toàn bộ gia tài cho Tony, chẳng cho Stephen lấy một xu. Cụ luôn nói lúc sinh thời, sẽ phù trì Tony

- Và cụ làm đúng như vậy.

- Nhưng...

Harbreaves chậm rãi nói cho quý cô ấy biết:

- Quý cô vẫn chưa biết nguồn gốc ảnh hưởng xấu từ đâu cơ mà, cả Tony cũng vậy. Ông ngồi lắc lư trong chiếc xe tối om đang lao nhanh trên đường đầy tuyết trơn trượt. Dù ai có bám theo, có ý tốt hay xấu. ông cũng không chịu đựng được.

- Tuy nhiên, mọi sự sẽ suông sẻ nếu ông tài xế cẩn thận hơn một chút. Tài xế bất cẩn, tính toán sai, tuyết lại mới rơi đợt đầu. Chỉ còn cách phố Upper Avenue Road khoảng 300 mét, ông quẹo gấp quá, xe trượt lao vào góc cây. Tài xế cứ phân bua:

- Tôi đã cẩn kỹ rồi, mà... tôi đã cẩn...

Và người có cổ áo khoác da lông bước ngay ra trước.

- Quý cô biết đấy, thế là Tony đi bộ về nhà. Chỉ đi vài bước. Tony đã biết có người bám theo mình. 300 mét không phải là xa lắm, một lần quẹo phải, một lần quẹo trái là đã đến nhà. Vậy mà khúc đường như trải ra vô tận, hết trong mơ. Ông không muốn bỏ xe taxi. Người tài xế lại tưởng rằng ông không tin vào sự lương thiện của anh, gỡ chỗ móp cà bánh xe xong, anh sẽ đưa đồ đến tận nhà. Nhưng không phải vậy.

- Khúc đầu của đoạn đường, Tony bước nhanh, người kia cũng theo sau cùng tốc độ. Nhờ đèn đường, Tony chỉ thấy được người ấy mặc áo khoác cổ lông thú. Sau đó ông đi nhanh hơn, gần như chạy, người đó vẫn bám theo. Khác mọi người, Tony không hề thắc mắc người theo có ý tốt hay xấu. Sự khác biệt tế nhị, ngây thơ như thể Tony không cho phép người đó lộ mặt rõ với mình, e bị trách chằng.

- Rồi người theo dõi bắt kịp và Tony lại chạy. Vía hè thì đen, tuyết xám nhầy nhụa trơn trượt, ông đã thấy cái vườn trước nhà, cao hơn mặt đường.

Bảng tên đường lấp lánh ở phía xa, chữ trắng trên nền đen. Ông lao lên bậc cổng, căn nhà tối om. Ông lấy chìa khóa từ túi ra, cái khoen móc chìa khóa trơn bóng trượt khỏi tay ông rơi xuống chân, ông ngồi sụp xuống trước cửa mò mẫm. Ngay lúc đó ông đã thấy kẻ bám đuôi mở cổng. May mắn mà ông tra được chìa khóa vào ổ ngay, cửa mở. Đã quá trễ người lạ đã đứng trên bậc cửa. Nhờ đèn đường Tony thấy cái cổ áo da ướt sũng, lỗ chỗ gián nhám.

Ông chỉ tả được vậy. Đang ở trong tiền phòng nhà mình, cửa mở, ông quên hết vị trí các đồ đạc, nhất là chỗ công tắc đèn. Người kia đã vào nhà.

Tony chợt nhớ mình có khẩu súng đã mang theo vòng quanh thể giới ở trong túi. Anh lần mò cuống cuống với cái vạt áo khoác. Chỉ một động tác đơn giản mà anh cũng khôngng làm được ra hồn, anh làm rớt khẩu súng xuống nệm.

Người lạ chỉ còn cách anh khoảng 2 mét nên anh không đứng lại, chạy ngay lên thang. Tới đỉnh cầu thang anh lên nhìn lại, nhờ ánh sáng mờ mờ từ cửa mở, anh thấy người lạ đang cúi xuống nhặt khẩu súng tự động lên. Anh bật đèn lầu một. Anh đang đứng trước cửa phòng ngủ của mình. Anh thốt lên một lời gì đó rồi mở cửa bước vào. Anh mở thêm các đèn khác, hai đèn. Anh nhìn vào giường của mình. Có người nằm!

Người nằm trên giường cũng chẳng thém ngồi dậy, mặc dù có bao nhiêu tiếng động và ánh sáng. Một cái chăn đắp kín từ đầu đến chân. Chỉ nhìn những đường nét bên ngoài cái chăn, ta cũng biết đó là một xác chết. Sau đó Tony làm động tác, có thể nói là can đảm nhất trong đời. Anh phải biết xác ai nằm đó. Anh bước qua lật cạnh trên chiếc chăn xuống, nhìn vào chính mặt mình, một cái mặt chết, ngược lên, vô hồn.

- Bị kích xúc? Vâng. Hay sợ? Không. Vì người chết là một thực thể, bằng xương bằng thịt, như xương thịt của Tony. Người nằm đó giống hệt Tony. Không còn vấn đề thể giới thực hay ảo. Chẳng có gì mà phải phát điên lên.

Người này có thật. Điều này chỉ có nghĩa là một sự lầm lẫn hay nguy tạo thôi.

Một giọng nói vang vào trong phòng:

- Vậy là anh còn sống.

Tony quay lại, thấy em Stephen của anh đang đứng ở ngay cửa. Stephen mặc áo choàng đỏ, vôi vàng kéo áo ôm sát mình, đầu tóc bù xù, mặt mày như sắp rũ.

- Em không có ý định làm như vậy - Stephen nói lớn với anh, nhưng anh chẳng hiểu gì. Anh chỉ cảm thấy giọng nói có vẻ ân hận, lấp bắp, khiến ta phải tội nghiệp.

- Em không hề có ý giết anh trên tàu đó. Cứ như chuyện đùa ấy. Em không thể làm hại anh được, anh biết mà. Nghe em...

Như đã nói, Stephen đang đứng ở cửa, kéo áo vào sát người. Cái gì đó khiến ông ta nhìn quay lại phía sau, phía dưới tiền phòng. Tony chẳng biết cái gì khiến em ông quay lại có lẽ thoáng thấy cái gì đó qua khóe mắt. Rồi Stephen la hoảng.

Đèn dưới nhà tắt. Tony chẳng thấy gì nữa, ông bắt đầu sợ chẳng dám cựa cựa. Anh thấy một bàn tay, vâng chỉ một bàn tay ngo ngoe, thò ra từ bóng tối, nắm tay nắm cửa, đóng cửa lại rồi khóa, nhốt Tony trong phòng, để Stephen ở ngoài.

Trong phòng tối, Stephen vẫn rên rĩ.

- Tony bị nhốt trong phòng thật là điều tốt, tránh được rắc rối với cảnh sát sau này.

- Phần sau cùng là lời khai của bà quản gia Reach. Phòng bà ở kế bên phòng Stephen, phía phải tiền phòng trên lầu. Bà bị thức dậy vì các tiếng thét, tiếng đập bùm bụp và tiếng thở hổn hển. Những âm thanh này vọng vào phòng bà

rồi hướng sang phòng Stephen. Bà trỗi dậy, khoác thêm áo, bà nghe tiếng cửa phòng Stephen đóng. Vừa bước vào tiền phòng trên lầu, bà nghe một tiếng súng thứ hai, cách tiếng súng thứ nhất 48 giờ.

- Bà Reach khai trước ban khám nghiệm tử thi, bà không thấy ai, và chẳng thể có ai đã ra khỏi phòng Stephen sau tiếng súng. Bà quay lại phòng Stephen, nhưng đứng nhìn chết trân ở cửa đến vài phút, mới thu hết can đảm mở ra. Phòng thật yên lặng, Stephen bị bắn một phát ngay thái dương, có lẽ tự sát, vì một khẩu súng được thấy ngay trên tấm nệm bê bết máu. Trong phòng chẳng có ai, các cửa sổ vẫn đóng và tất cả đều được chốt từ bên trong. Nhưng bà đặc biệt nhận thấy mùi quần áo mốc và mùi da ướt.

Hargreaves lại ngừng lại như thể ông đã kể hết chuyện. Người ngoài cuộc có thể cho là ông đã cường điệu những kinh hoàng của Tony lên một chút. Cô nương ngồi đối diện với ông ở lò sưởi đang bùng mặt. Nhưng Harbreaves có chủ đích của ông.

- Rồi, quý cô tự giải thích sự thực được chứ?

Judith buông tay che mặt xuống, ngơ ngác:

- Giải thích gì ạ?..

Hargreaves cân nhắc từ ngữ:

- Giải thích sự thực. Theo trình tự ấy, Tony không hề điên khùng, không hề bị thác loạn thần kinh hay mất trí gì cả. Ông ấy chỉ nghĩ mình bị như vậy thôi. Tất cả là âm mưu giết người, thâm độc mà không có nguy cơ bị phát giác của Stephen thôi, có điều kế hoạch của ông ta bị trục trặc. Nếu âm mưu ấy được thực hiện suông sẻ, Stephen đã làm được một tội ác hoàn toàn.

Sự nhẹ nhõm thoáng qua mắt cô nương, mặt rạng lên niềm hy vọng, thấu vào tận tim gan Hargreaves, nhưng ông không để lộ ra.

- Ta quay lại 8 tháng trước và nói lại từ đầu. Vì Tony là người rất khỏe mạnh, giàu có. Stephen xuất sắc thì trái lại, nợ ngập đầu đang mấp mé phá

sản. Nếu Tony chết, Stephen là thân nhân bậc nhất, sẽ thừa hưởng gia tài, bởi vậy Stephen muốn Tony phải chết. Vì ông ta biết mối nguy hiểm cho mình khi giết người. Stephen luôn có thể bị nghi ngờ. Ông ta không dám đương đầu với các thám tử tinh ranh, những câu thăm vắn khi trả lời, các báo cáo khám nghiệm tử thi. Nhưng cách đây 8 tháng, ông tìm ra dịp trừ khử Tony mà không bị nghi ngờ. Nhân dịp chữa bệnh từ thiện ở bệnh viện St. Jude, ông gặp Rupert Hayes, một cựu giáo viên đang bệnh nặng. Người ta nói rằng mỗi người ở trên đời, đều có một bản sao của mình ở đâu đó trên trái đất. Rupert Hayes giống hệt Tony từng điểm một, giống đến lạ lùng. Thoạt nhìn Hayes, Stephen rất kinh ngạc. Hayes đang chết dần mòn vì bệnh lao, không thể sống quá một năm. Hắn bằng lòng đồng lõa với bất cứ âm mưu nào, để sống sung sướng quãng đời còn lại, và chết tự nhiên trên giường. Hắn nghe theo kế hoạch của Stephen. Tony sẽ bị đẩy đi du lịch vòng quanh thế giới, vào đêm tàu khởi hành. Hayes sẽ được phép lên tàu. Khi mọi người đưa tiễn đã rút lui: Hayes dụ Tony lên boong tối, chỗ để thuyền cấp cứu, bắn nát óc ông ta rồi quăng xác xuống biển.

- Có bao giờ cô tưởng tượng ra được, một cái tàu lớn lúc rời bến là nơi lý tưởng để giết người? Sau đó thì chẳng còn ai nhớ được nạn nhân nữa. Các hành khách còn đang háo hức về chuyến đi, sắp xếp hành lý, phòng ốc. Các thủy thủ thì bận túi bụi lúc nhổ neo. Khi xác nạn nhân bị vớt xuống biển, sẽ bị hút ngay vào chân vịt. Chúng sẽ bám vằm thì thể chẳng còn nhận ra được là ai nữa. Thảng hoặc có tìm được một cái xác người ta chỉ có thể cho là của một người lượm mót trên bên cảng thôi. Dĩ nhiên việc này chẳng dính dáng gì đến chiếc tàu, vì số hành khách vẫn đủ.

- Mất một hành khách ư? Không, Hayes, người giống hệt Tony sẽ gặp viên quản lý, yêu cầu cho mang hành lý của Tony xuống bến, ông hủy chuyến đi. Hayes lên bến như...

Cô nương thốt lên một lời cảm thán.

Hargreaves gật đầu.

- Vâng quý cô nhận ra rồi. Hắn xuống bến giả danh Tony, rồi tuyên bố là không chịu nổi chuyến đi lâu ngày. Thế là vui vẻ cả. Tại sao không? Vì chính Tony cũng suýt nữa hủy chuyến đi cơ mà.

- Sau đó Hayes sẽ được luyện tập sống hết cuộc đời còn lại của một Tony. Tony mới sẽ tránh gặp cô nương thường. Nếu có làm điều chi sơ suất, chỉ là do tình trạng rối loạn tâm thần thôi. Những tháng về cuối, ông lại tuyên bố bị bệnh phổi, trong sự thương cảm, ái ngại của bạn bè...

- Stephen đã sắp đặt kế hoạch tuyệt vời. Sát nhân ư? Cứ để các bác sĩ xét nghiệm, cứ để cảnh sát điều tra. Stephen an toàn tuyệt đối. Tony mới chết một cái chết tự nhiên. Chỉ có điều, âm mưu không thi hành được suông sẻ. Hayes không thể là tên giết người, hắn không thể độc ác cỡ đó, hắn vốn tốt. Khi gặp Tony, hắn không thể giết Tony được. Hắn vát khẩu súng vào phòng Tony rồi chạy xuống bến, chẳng nói cho Stephen biết Tony còn sống. Hắn cũng không thể từ bỏ tiền bạc, tiện nghi Stephen đã hứa cho hắn. Hắn nói là đã làm xong phận sự. Stephen nhảy mừng. Nhưng Hayes không phấn khởi. Hắn biết Tony vẫn còn sống, nên hắn phải tính toán. Trước ngày Tony về: hắn viết một lá thư cho cảnh sát rồi tự kết liễu, không đợi đến lúc bị lột mặt nạ.

Căn phòng chìm trong im lặng vài phút. Hargreaves lên tiếng:

- Câu chuyện tôi kể đã giải thích mọi chuyện về Tony.

Judith Gates cắn môi. Cái dung nhan xinh đẹp của cô linh hoạt hẳn lên. Cô cử động đôi bàn tay đầy khả năng của cô. Hình như cô cầu nguyện.

- Cảm ơn trời, tôi sợ...

- Vâng tôi biết.

- Nhưng nó chưa làm rõ mọi chuyện, như...

- Tôi chỉ nói để rõ chuyện Tony thôi và cô nương cũng chỉ nên quan tâm điều đó thôi. Tony không dính dấp vào vụ án, quý cô cũng vô can. Stephen tự sát.

Judith phải kêu lên:

- Nhưng rất vô lý! Tôi không ưa Stephen và biết Stephen rất ghét Tony. Nhưng ông ta không là loại người có thể tự sát được, dù là có bị phanh phui. Ông chưa nói đến chuyện khủng khiếp thật sự của vụ này. Tôi cần phải biết, tỉ dụ người mặc áo da lông thú nâu? Người theo Tony tối hôm đó. Ai bám sát Tony để hóa giải những nguy hiểm cho Tony? Ai bảo vệ Tony? Cà ai bắn Stephen?

Ngài Charles Hargreaves nhìn xuống ngọn đèn gas, mặt ông lạnh tanh với những nét nhăn không thể thăm dò. Ông sẽ không xét đến chuyện này nữa, khi ông đã biết họ có thể hiểu nhau.

- Mong quý cô cho tôi biết sau.

hiều tác giả

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Biên dịch: Kim Lương

Cơn Sốt Mùa Xuân

Nguyên tác: Spring Fever

Tác giả: Durothy Salisbury Davis

Sarah Shepherd quan sát chồng xuống cầu thang, ông đặt vali ở trước cửa, canh giờ đồng hồ đeo tay với đồng hồ trên tường, soi gương xem lại cằm mới cạo. Có một vết xà phòng sót lại như lâu lâu vẫn xảy ra. Ông lùi lại ngấm toàn thân mình, ông nhăn mặt. Ông hơi mập ra và ông không hài lòng.

Việc này quan trọng đối với ông và không biết ông còn xét nét bà đến cỡ nào. Ông chẳng nói gì, chẳng phê phán mà cũng chẳng khen. Bà ngượng ngùng nhớ lại là làm nhiều trò nhõng nhẽo để thu hút cặp mắt ông: khêu gợi - như một cô gái lúc xuân thì, hơn là một phụ nữ 55 tuổi. Bà không cảm thấy bà hơn chồng, Gerald đến 12 tuổi... Chẳng cần để ý đến bộ điệu của mình, bà đưa tay vuốt theo những đường cong mềm mại trên eo, trên bụng mình.

Gerald mang bộ hương liệu mẫu vào phòng khách mở ra xem. Mùi thơm sẽ còn phảng phất một lúc lâu sau khi ông đã ra đi.

- Có đủ củi sưởi rồi đó em, nếu đêm nay trời lạnh. Anh mong rằng em không phải xuống làng mua hàng nữa. Cái xe tải giao hàng để làm gì... - ông nhảm lại lời chào hàng khi sắp xếp kiểm tra các chai hương liệu trong vali một cách đàng trí như thường lệ.

Khi chồng xách cái vali hàng mẫu trên bàn, bà theo ông ra cửa. Ông đứng trên vòm cửa do dự, xốc lại vai áo, hít một hơi sâu:

- Vào những buổi sáng như thế này, anh lại muốn dùng xe hơi.

- Anh phải biết, Gerald, dùng xe hơi anh sẽ đến chỗ khách hàng sớm hơn được nửa thời gian đấy, và...

- Không em ạ, anh hài lòng đi xe buýt theo hợp đồng và ở thị xã này, dùng xe hơi phiền phức lắm - ông cúi xuống hôn phớt lên má vợ - Chào, đây cơ mà.

Ông chào lớn người ở ngoài khi đã xách hai vali sẵn sàng lên đường. Bà nhìn về hướng ông mới chào, thấy ông hàng xóm duy nhất của mình, một người trồng hoa và rau quả, đang cày miêng vườn. Đầu ông cao bằng con ngựa vì con ngựa lùn. Gió ban mai thổi tung mớ tóc đốm bạc của ông nhô lên như một bó lúa.

Gerald nhận xét:

- Ông ấy đã về cuối đời rồi. Khi bằng tuổi ông ta, chắc anh cũng sẽ như vậy.

Bà vợ góp ý:

- Ông ấy đâu đã già đến như vậy.

- Vâng, anh chỉ đoán vậy thôi, chưa già lắm. Nhưng thôi, anh phải đi đây.

Tối mai anh mới về. Bảo trọng.

Những bước chân ra đường cái còn vững chải lắm. Ông không thích dùng xe hơi kể cũng lạ. Và không có xe hơi cũng là một lối sống thôi. Có xe hơi thì sẽ có cái gì cụ thể nổi cuộc đời buôn bán ở ngoài cửa ông và cuộc sống vợ chồng ở nhà. Vào trong xe đi một vòng vào buổi chiều nào đó, bà sẽ cảm nhận được lối sống du thương của ông. Bụi đường sẽ phả vào bà... Như hiện tại, thì bà chỉ cảm thấy sự hiện diện của ông khi ông vắng nhà, qua cái mùi hương liệu thơm hăng hắc từ lô hàng mẫu thôi.

Khi ông đã đi khỏi tầm mắt, bà bắt đầu việc nhà. Dọn dẹp bàn ăn sáng, xếp lại giường chiếu, phủi bụi. Bà đã mang quá nhiều thứ về đây. Mẹ bà đã để lại cho bà tất cả vật dụng bà cụ đã mua sắm trong 70 năm trời. Nhà bà giờ đây không còn chỗ để đặt một quyển sách xuống, nếu trước hết không dời một tượng nhỏ, một cái bình, một món đồ sứ ra nơi khác. Thực sự, nhà bà đầy những món linh tinh. Chẳng lấy gì làm ngạc nhiên, bà thấy Gerald đã thay đổi với bà. Chẳng phải hôn nhân làm anh ấy thay đổi, mà vì cái nhà này, với bà ngự trị ở giữa, như một tượng Phật cổ ôm một bình hương trong lòng.

Bà tự nghĩ, thật cũng kỳ lạ, đến lúc này bà mới cảm thấy như vậy. Nhưng thực ra không phải lần đầu tiên bà nghĩ như vậy mà là lần đầu tiên nghĩ ra

một từ ngữ để diễn tả. Cũng không phải Gerald luôn xa vắng với bà như vậy. Nhớ lại một cách tách biệt, đã có lúc trong những ngày đầu chung sống, bà bắt gặp chồng đang quan sát mình - không phải để xem sự cách biệt về tuổi tác mà là xem bà đánh giá ông ấy như thế nào.

Bà ấy xếp một số món đồ riêng ra cất vào một xó hay tốt hơn là bán ve chai. Nhưng khi xét từng món bà đã thích đặc biệt, chúng đã thành như con bà, cũng như Gerald đã coi sách như con và anh sống với chúng mỗi tối khi ở nhà. Bà lấy những tạp dề cũ may thành những túi, bỏ cả một bàn đồ cũ vào đó.

Bà không nhìn lại chúng ở trong bao, vội vàng mang chúng xuống nhà chứa đồ sau vườn. Cất chúng xong, bà cảm thấy nhẹ nhàng. Gió tháng năm hiu hiu, ánh mặt trời ban mai dịu dàng ảm áp, như một cánh tay âu yếm choàng qua vai bà. Bà thấy sung sướng như muốn nhảy cồm lên. Bên hàng rào, những bông trường thọ nở rộ, những nụ tulíp đóng đưa ngó nghĩnh như những đứa trẻ mũm mĩm. Ông Joyce đã tháo ngựa và nhìn thấy bà.

Ông ta chào lớn:

- Sáng nay đẹp trời quá - ông ấy phát vào mông con ngựa cho nó đi ăn cỏ rồi trở lại hàng rào.

Bà lên tiếng:

- Tôi ngưỡng mộ vườn hoa của ông quá.

- Năm nay bán được ít; chúng đã quá lứa 2 tuần rồi đó.

- Thật vậy sao? Bà nghĩ, đúng là sự thật rồi, mình thật ngớ ngẩn. Rồi lại một ngớ ngẩn nữa - Nhưng chưa bao giờ tôi lại thấy chúng đẹp như vậy. Sau đó thì chúng ra sao?

- Chết rui thôi. Mùa hoa năm nay sẽ như vậy. Cả hoa hồng cũng quá lú, hoa liên vĩ cũng chẳng bán được nhiều. Bởi vậy tôi bỏ mặc chúng ra hạt.

- Như vậy thì hồng hết.

- Giờ thì bà đã thấy là sự thật chưa? Nâng niu chúng cả năm mà chẳng được mùa đền đáp công lao. Bỏ bê chúng thì chúng lại làm ta sạt nghiệp.

Bà nghĩ, giống như tình yêu, và cứng lưỡi chẳng nói nên lời. Nhưng bà thoáng ửng hồng đôi má.

- Trời ơi, bà đẹp quá, bà Shepherd, xin phép được nói như vậy.-

- Cảm ơn ông. có lẽ vì chút hương xuân đấy.

- Hương xuân thường làm chúng ta rạo rức, đúng không bà? Bà có thích một ôm hoa không?

- Tôi rất thích, ông Joyce, nhưng tôi muốn được gửi tiền cho ông.

- Dĩ nhiên tôi không nhận đâu. Năm nay tôi không bán được một nửa, chúng còn cả đông đấy.

Bà coi bàn tay ông ta thoăn thoắt hái hoa. Da dẻ ông ta sạm nắng. Ông đứng thẳng lên, cúi xuống lạnh lẽo duyên dáng. Tuy sống bên cạnh nhau nhưng chưa bao giờ ông ta vào nhà chơi. Vợ chồng bà cũng vậy, không sang chơi nhà ông, trừ hôm vợ ông ta mất. Ông ta không buồn nhiều khi vợ mất. Bà đã từng nhận xét với chồng điều đó, lúc ấy. Vợ ông hà tiện và ưa cằn nhằn.

Chẳng ngày nào mà bà không lo sợ những chuyện đâu đâu. Nghĩ tới những điều ấy bà Sarah thấy ông Joyce trẻ ra nhiều so với lúc vợ ông ấy còn sống.

- Tốt lắm rồi, đừng ngắt nữa, ông Joyce. Nhiều lắm rồi.

- Tôi có thể tặng bà cả vườn hoa này sáng nay - vừa nói, ông vừa chắt hoa lên tay bà.

- Giờ thì ông đã cắt cho tôi nửa vườn rồi.

- Và hình ảnh bà ôm hoa mới đẹp làm sao.

- Thôi, tôi phải ngâm chúng vào bồn nước đây. Cảm ơn ông.

Bà thoăn thoắt bước vào nhà, lâng lâng bay bổng như một thiếu nữ ngất ngây với chinh phục đầu tiên của mình, và biết rằng sau mình có cặp mắt mền mọ nhìn theo. Cả buổi sáng nay của bà rực lên với những bông hoa. Bà tắt radio, không có nước mắt sụt sùi cho vỡ cái lương của cô Julia sáng nay. Đến trưa bà nghe tiếng xe ngựa của ông Joyce ra khỏi trại, lên cái sạp bán hoa quả của ông cạnh đường cái. Bà ngắm ông ta từ cửa sổ, ông ta ngược lên, giở nón chào.

Lâu lâu trong ngày, bà lại nghĩ đến ông ta. Bà đã tạo cho ông ta cảm nghĩ tốt về mình và bà thầm cảm ơn. Bà thầm mong chồng mình về nhà tối nay. Bà tự nhủ, cứ từ từ Sarah, bà vẫn chưa bỏ được những thói quen cũ và các năm tháng như bà đã cất những đồ cũ. Bà đâu có béo ra, chỉ tròn trĩnh một chút thôi! Tròn trịa, bà lớn tiếng nhắc lại, nó vang lên như âm thanh một củ khoai rơi bồm xuống thùng nước. Tâm tình bà dịu lại và bà tin mình mუმ mုံ. Rồi nắng chiều ấm hơn, và cảm giác uể oải bữa chụp lấy bà. Mãi tới khi ông Joyce trở về nhà, tiếng hát của ông vang vọng đi trước ông, bà mới chồm dậy. Bà lấy một con gà ra khỏi tủ lạnh và gọi ông ta từ trước vòm cửa.

- Ông Joyce ơi, ông có thích dùng bữa tối với tôi không? Gerald tối nay không về và tôi chúa ghét nấu ăn cho một mình.

- Ồ, thế thì nhất rồi. Nhà tôi chẳng có gì, chỉ một chút thịt heo chó cũng chẳng thêm. Tôi có thể mang gì sang nào?

- Chỉ việc sang đây thôi.

Khi xếp bàn ăn, bà Sarah tự nói với mình: bà là một con dơi già, cố thử cánh bay giữa ban ngày. Nửa giờ sau, bà liếc qua cửa sổ thì vừa thấy Joyce vắt chân qua hàng rào như một con ngựa non còn cứng còng. Ông diện bộ đồ đẹp nhất, tay vung vẩy một chai rượu. Sarah nuốt nước bọt và hơi sợ, vì việc này chính bà bày đặt ra để có một dịp vui. Bà ấy chưa giỡn đến mức phi qua nhà với một tên sở Khanh chạy theo sau. Dẫu sao ông Joyce cũng là người

khách lịch thiệp. Chai rượu là loại rượu nho May. Ông uống rất chừng mực và khen bữa ăn không ngót lời.

- Bà không biết tôi phục gia đình bà như thế nào đâu, bà Shepherd ạ. Chồng bà kể cũng lạ, sao mà ông ấy chịu được khi vắng nhà.

Bà nghĩ, anh ấy chịu được mình không tưởng tượng nổi.

- Vì công việc của anh ấy. Anh ấy chào hàng, bán hương liệu.

Ông Joyce có hàm răng thật lộ ra khi cười. Bà dùng đầu lưỡi rà hàm răng giả của mình mà ngỡ ngàng.

- Vậy thì khi có đường và hương liệu thì mọi sự êm đẹp, như người ta thường nói.

Bà nghĩ thật tội nghiệp cho Joyce, chắc là ông ta có nhiều bạn gái nhưng sao lại cưới phải bà vợ mướp đắng như vậy. Có thể là do cưới hấp tấp quá, cũng có thể do bị cưỡng ép.

- Chắc là ông cô đơn lắm từ khi bà ấy mất, phải không? Bà nói có vẻ thê lương hơn định nói. Dẫu sao thì vợ ông ấy mất đã 3 năm rồi.

- Không cô đơn hơn khi bà ấy còn sống với tôi - Giọng ông hòa ngay vào ý nghĩa nghiêm trọng của câu bà vừa hỏi - Thật khó nói về người đã khuất, nếu lúc gần chết bà ấy không sửa được tính nết tốt hơn một chút, chúng tôi đã sụm từ lâu rồi.

Ông ta dồn thuốc vào ống điếu.

- Bà không phiền vì hút thuốc chứ?

- Không, tôi muốn có chút mùi thuốc vương vấn trong nhà.

- Chồng bà có hút thuốc không?

- Vâng có - Bà hơi ngạc nhiên về câu hỏi.

- Trông ông ấy không có vẻ gì người hút ống vô cả - ông ấy nói rồi bập

manh tẩu thuốc - Không, bà ạ - ông ấy nói tiếp khi cái tẩu đã nhả khói đều -

Bà rất có phúc, không biết đến cái cảnh nhà vắng tanh.

Lúc này bà biết ông ta đang thăm dò. Bà muốn cho ông ấy thỏa mãn một chút.

- Vâng thì tôi kể điều đó là một điểm phúc.

Mắt ông ấy ánh lên thích thú. Em cũng cô đơn như tôi thôi, em gái già ạ. Đôi mắt như muốn nói như vậy và sự thành thật của ông ta khiến bà ta thêm:

- Và tôi muốn anh Gerald ở nhà thường hơn.

- À vâng. Ông ấy đã đến tuổi quanh quẩn lần chót ở trường đua ngựa rồi nghỉ thôi, còn đua tranh gì được nữa - ông ta háp háp mắt nhìn bà qua làn khói.

- Anh Gerald mới 43 tuổi mà - Nói xong bà mới thấy là lỡ lời.

- Nhiều người nghỉ hưu ở tuổi 40, vài người trong giới chúng tôi thì tiếc rẻ sau đó vài tuổi trong ghế xích đu.

Buổi nói chuyện đã đổi chiều và bà chẳng muốn vậy, bà sa lầy trong đó và cô vẫy vùng. Dập lửa bằng cái chổi lông.

- Có trắng kia - bà nói rồi chạy ra cửa sổ như để vẫy chào một người bạn cũ.

- Vâng, có trắng. Bà có định nhảy lên đó không?

- Ông nói gì, ông Joyce?

- Tốt hơn là tôi nên nói rõ những gì tôi nghĩ trước tiên. Nếu tôi thắng con Mickey vào chiếc xe ngựa cũ, bà có thích đi dạo với tôi một vòng quanh hồ nước nhà máy xay tinh lặng không?

Bà nhìn bóng ông ta ở kính cửa sổ, một bộ mặt tự mãn đượm chút liều lĩnh. Sau 16 năm lập gia đình, bà đã quên cách ứng xử với những đàn ông khác. Nhưng cách ứng xử thì không bao giờ thực sự quên được. Giống như đi xe đạp. Chỉ đi vài vòng là lại đi vững như xưa.

- Tôi thích đi.

Con ngựa trước cái xe bây giờ khác con ngựa kéo cày buổi sáng. Ông Joyce chỉ cần phát nhẹ dây cương lên mông nó là nó quẹo mạnh đến độ muốn hất

bà Sarah khỏi những khung tròn bên thành xe. Nhưng ông Joyce đã nhảy lên ghế xà ích, một tay kéo con ngựa đứng chồm trên 2 chân sau, một tay đỡ bà Sarah nằm lên gối, và họ du hành lên nguyệt điện...

Lúc bà tỉnh dậy sáng hôm sau, ánh nắng chiếu thẳng vào mặt bà. Thường thì bà xem Gerald còn nằm trong giường không, bằng cách làm ngay một công việc hàng ngày. Sau cái cựa mình đầu tiên, bà quả quyết rằng ngồi trong một chiếc xe ngựa cũ các lò xo rỉ sét, phi nước đại, cũng không chứng tỏ được còn sức thanh xuân. Bà nằm nường một lúc, suy nghĩ về điều đó và trỗi dậy với cảm giác mình thật điên khùng, đau đớn, cảm giác này ám ảnh bà suốt ngày hôm đó, lâu lâu lại nuối tiếc đã dẹp bớt các đồ cũ linh tinh đi. Bà cũng chẳng nhớ được đã dành ra bao nhiêu phần cuộc đời để chăm sóc chúng.

Khi ông Gerald về nhà, bà hầu như vẫn như hôm trước lúc tạm biệt ra đi. Tuy bà có nổi bật hơn vì các món trang sức. Chỉ còn những bông hoa chung ở phòng khách. Chỉ khi đã ăn tối xong, Gerald đã yên vị đọc sách, ông mới hỏi:

- Sarah, cái tượng ông triết gia cổ đại Trung Quốc đâu rồi?
- Em xếp ông ấy vào phòng chứa đồ rồi. Em đem hết mấy món bề bộn choán chỗ đi nơi khác.

Ông nhìn quanh mình, xa vắng như thể cố nhớ vài nét về bức tượng.

- Vậy là em đã dẹp bức tượng đi rồi. Anh nhớ ông ấy, ông ấy gọi cho anh vài ý nghĩ.

- Ý nghĩ gì?

- À anh chẳng rõ nữa. Kiểu Không Tử viết ấy mà.

- Ông ấy chẳng giống triết gia gì cả - Bà nói mà chẳng có ý niệm gì về ông Không cả. Ông ấy là một nông dân.

- Vậy sao, thôi được, chỉ là một bất đồng nhỏ - ông mở sách.

- Những bông hoa có đẹp không, anh Gerald?

- Đẹp.
 - Ông Joyce cho em đây. Hoa mới cắt trong vườn.
 - Vậy thì tốt.
 - Đêm nào anh cũng phải đọc sách mới được à, anh Gerald? Em ở nhà cả ngày chẳng có ai trò chuyện, về tới nhà anh lại chúi mũi vào mấy quyển sách
 - khi nói tới đây bà ân hận đã nói - Em chưa nói với anh, tối qua em mời ông Joyce ăn tối.
 - Vậy thì em lịch sự lắm. Ông ấy chắc là cô đơn.
 - Em không nghĩ vậy. Vợ chết ông ấy càng được thanh thản.-
- Gerald ngược mặt lên:
- Chính ông ấy nói vậy à?
 - Ông ấy không nói đầy đủ như vậy, nhưng nói bằng thực tế.
 - Ông ấy chắc là típ người đặc biệt. Bà ấy chết vì bệnh gì?
 - Em chẳng nhớ, có lẽ bệnh tim.
 - Ngộ đấy - ông quay trở lại với cuốn sách.
 - Sau khi ăn tối ông ấy và em đi dạo trên xe ngựa. Đi đến tận Cos Comer rồi về.
 - À ra thế - ông Gerald chỉ nói vậy.
 - Anh Gerald, anh mập ra đấy.
- Ông lại nhìn lên.
- Anh không nghĩ như vậy. Anh vẫn chỉ cân nặng ở mức lâu nay: có thể chỉ lên 1 ký.
 - Vậy thì cái ký thêm đó ở bụng. Em thấy là anh đã cắt phần thun ở quần soọc.
 - Những hàng mới này đây - ông nói như để xem bà nói sao.
 - Hàng này đã được làm co trước khi may rồi. Tại cái bụng của anh đấy. Thế anh không nhớ anh cứ phải xóc cổ áo luôn hay sao?

- Anh đã định nhắc em đấy, Sarah. Em hồ nhiều quá.
- Em hết hồ từ tuần trước cơ mà, em lại quên chưa đặt. Giờ thì anh phải dùng cỡ số 15 rưỡi.
- Ông trời ơi! Sarah! Chắc sau đó em lại bảo anh phải mang cỡ cỡ ngựa mất
- ông để cuốn sách tuột xuống khe đùi. Anh về nhà có 2, 3 đêm một tuần, anh mệt lắm. Anh mong em đừng áp lực anh nữa, cung.

Bà ấy đến ghế của ông, ngồi lên cái tì tay.

- Anh có biết rằng, em thắc mắc là nếu chích anh bằng cái kim cài đầu, không biết anh có phản ứng nữa hay không?

Lần đầu tiên ông nhìn thẳng vào mặt bà sau nhiều năm nay, ông hướng mắt ra chỗ khác.

- Anh phải làm việc vất vả lắm, cung.
- Em không cần biết anh làm việc gì, Gerald. Em chỉ muốn xem anh còn nhân tính không thôi.

Ông choàng tay quanh người bà và xiết chặt.

Bà hỏi:

- Anh thấy hoa mùa xuân đẹp không?
- Đẹp, cả mùa xuân cũng đẹp.

Bà ngả người trong lòng ông, với tay rút một bông hoa trong bình, cố tình chậm rãi một chút. Ông đưa tay vuốt bà.

- Và em cũng đẹp nữa.

Bà nghĩ, thật đơn giản, và ngồi thẳng dậy. Khi nào hoa hồng không có gai thì ông mới thẳng nỗi bà.

Gerald có vẻ triết lý:

- Ba thứ đẹp nhất trên đời: chim trắng bay, cánh đồng lúa mì, và thân thể phụ nữ.
- Chính anh chọn ra ba cái nhất đó à, anh Gerald?

- Anh cũng chẳng nhớ nữa, anh nghĩ vậy.
 - Lâu lắm rồi anh chẳng làm bài thơ nào. Đã có lần anh làm nhiều bài rất hay.
 - Bởi vậy anh mới có được em - ông nói nho nhỏ.
 - Và em chiếm được anh với cái nhà cổ. Em còn nhớ cái ngày công bố di chúc của mẹ em. Thật ra, Gerald, có phải lúc đó anh mới quyết định không? Ông chẳng nói gì một lúc để không cắt dòng suy nghĩ, một chuyển đổi liên tưởng tế nhị.
 - Em còn nhớ bài thơ anh viết về cái nhà không?
 - Em mới đọc bài thơ hôm nọ. Em thường đọc đi đọc lại luôn.
 - Thật không, Sarah? Vậy mà chẳng bao giờ nói cho anh biết.
- Đó là tài liệu duy nhất bà còn đọc, thảng hoặc có khi nào đọc ông ấy mê sách quá khiến bà ghét sách.
- Anh còn nhớ anh thường bảo em đọc sách cho anh nghe không. Gerald?
- Anh đã cho rằng chỉ có em, ngoài anh ra là xử sự đúng với sách vở.
- Anh nhớ.-
 - Có phải anh nịnh em không?
- Ông mỉm cười:
- Đó là hào hoa với phụ nữ, anh nghĩ vậy. Chẳng hề có ai nghĩ có một người khác có thể trân trọng đúng mức với thơ, văn của họ. Nhưng em Sarah này, tôi nay anh thích nghe em đọc vài bài gọi là chút cảm hoài.
- Bà nghĩ, để hoài niệm, lấy tập sách xuống và ngồi đối diện ông. Ông ngồi ngả nghiêng trên ghế, hút ống điếu, mắt lim dim. Đã lâu, những suy tư trầm mặc của ông đã làm dịu bớt cái sốc đầu tiên do cách biệt tuổi tác.
- Em vẫn thích bài Bình minh cuộc đời tôi nhất.
- Ông nói nho nhỏ:
- Vậy thì tốt, anh viết cho em mà.

Bà đọc hết bài nọ đến bài kia, lâu lâu lại tự hỏi hình ảnh nào hiện ra trong đầu ông khi viết những dòng này. Còn ông lâu lâu lại rít một hơi thuốc, tạo nên âm thanh như một em bé bú cái bình đã hết sữa. Bà nghĩ là đã đọc những bài thơ rất hay, những vần thơ vang lên mùi mẫn, hương vị dịu êm của mối tình êm đẹp. Chắc chắn sẽ đến lúc ông phải đứng dậy và đến với bà. Nhưng ông vẫn ngồi im, mắt nhắm nghiền, tay cầm píp đặt trên cái tỳ tay. Rồi đột nhiên giọng bà trở nên trầm đục. Đọc nhiều như vậy không còn trong trẻo được nữa, bà nghĩ tới tiếng hót mi mi và cái gai đâm vào ngực nó. Ồ bà cũng đau như cắt khiến bà phải cố gắng hết sức, vì bài thơ sắp hết rồi. Thình lình bà ngừng lại, một câu thơ chưa hết, vì một tiếng động trong phòng: cái tủ của Gerald rơi xuống sàn, các ngón tay vẫn quắp theo tư thế giữ tủ nhưng đầu ông đã gục xuống ngực. Đặt tập thơ xuống bên cạnh, bà bước sang lượm cái tủ lên mà nuối tiếc vu vơ, như thể bà nhặt xác con chim chết vừa gục xuống dưới chân bà.

Lần ra đi bán hàng của Gerald vào sáng hôm sau diễn ra đúng truyền thống từ xưa tới nay, ngay cả cái hôn phớt lên má bà và cả vài lời:

- Tạm biệt đến chiều mai, bảo trọng - cũng hời hợt như vậy nốt.

Khi vào nhà bà nghĩ, bảo trọng? Bảo trọng cái gì? Để làm gì? Nấu một nồi nước để luộc một cái trứng chẳng? Bà cố nhanh chóng làm xong việc nhà rồi mặc quần áo thơm mát. Khi bà thấy ông Joyce đã thắng ngựa vào xe đầy hoa, bà khóa cửa và mạnh dạn đợi ông ấy trên đường.

- Ông làm ơn cho tôi quá giang lên đường cái - Bà nói lớn khi ông ấy đã dong cương đến sát bên bà.

- Tôi có thể cho bà quá giang đến tận cùng trái đất, bà Shepherd ạ. Làm ơn đưa tay đây - Ông giật cương khi bà đã ngồi bên cạnh. Tôi thấy ông bạn già của bà đã lên đường buôn bán rồi. Tôi dám chắc chuyến du nguyệt của chúng ta hôm trước sẽ làm ông ta bật cười.

Bà nói:

- Chuyện ấy làm tôi xây xẩm mặt mày.
- Nhưng bà có thích không?
- Có, nhưng sau đó tôi đã phải trả giá đắt - Bà đưa tay ra sau lưng.
- Lâu lâu tôi cũng phải kêu thét lên và cúi gập mình xuống, nhưng tôi thấy đau như vậy còn rẻ so với khoái cảm chúng ta được hưởng. Tôi chở bà tới làng, đằng nào tôi cũng phải đến đó mua ít chục mét ống nước. Hay là bà cho rằng có điên mới ngồi trên cái xe chở đồ này vào làng?
- Đây chẳng phải là tôi điên lần đầu. Đời tôi đã đầy những điều rò rỉ.
- Điên mà biết cười vào cái điên của mình là điên khôn. Tôi với bà có chung một điểm đó. Hôm nay chúng ta ăn tối ở đâu đây?

Ông ấy ăn nói cay độc như mù tạt.

- Mời ông qua nhà tôi.

Ông ta gật đầu:

- Tôi sẽ kiếm cho chúng ta ít thịt bít-tết, sau đó ta lại thúc con Mickey du nguyệt điện.

Bà Sarah xuống xe ở bưu điện và đợi trong đó cho tới khi Joyce đi khuất. Joyce và những người ngạc nhiên đều há hốc miệng nhìn bà ấy xuống xe. Lên xe là một chuyện, xuống xe thì... bà ấy như con ong chui vào hút nhụy một bông hoa tím. Đã đến giờ cho cuộc đi này, bà bước vào phòng mạch bác sĩ và cùng đợi với dân làng.

- Tôi đến để khám tổng quát, bác sĩ Philips, và có thể xin bác sĩ một toa ăn kiêng.
- Ăn kiêng? Bác sĩ lấy kiếng ra và quan sát bà bằng mắt trần.
- Tôi hơi mập ra, họ nói ở tuổi tôi, tim thường mệt.
- Tim của bà mạnh như tim của con gái 20, nhưng để tôi thính chân xem.
- Tôi không ngại tim, bác sĩ biết đấy, tôi chỉ muốn bớt vài cân đi thôi.

- Ồ há, bà mở áo ra - Tay bác sĩ cầm ống nghe.

Ăn kiêng thì ít khi bác sĩ này kê toa lắm, ông chỉ dùng khi đối để thôi. Bà ấy phải lên thị xã mới xin được toa ăn kiêng, không thể xin ở một bác sĩ nông thôn, người luôn đánh giá sức khỏe phụ nữ theo số con sinh ra.

Bà nói tiếp:

- Một phụ nữ ở gần tôi vừa chết vì suy tim.

Như thế đây là lý do bà đi khám bệnh.

- Ai vậy - Bác sĩ hỏi rồi cất ống nghe vào hộp.

- Bà Joyce, vài năm về trước.

- Bà ấy mắc chứng tim yếu, phải dùng liên tục thuốc kích thích. Tim của bà khỏe như một ống bơm. Bà đưa tay ra.

Bà vén tay áo lên để bác sĩ đo huyết áp. Bà cảm thấy tim khỏe là do cơ thể quân bình. Mọi điều bà nói trật hết, bà hơi mắc cỡ với mình trước người đàn ông này. Bà tức mình vì vậy và tức ông bác sĩ có vẻ cố kiên nhẫn chịu đựng bà, bà đành nói dối:

- Chúng tôi định mua bảo hiểm nhân thọ, chúng tôi muốn xin ý kiến bác sĩ riêng trước.

- Không có gì trở ngại khi mua bảo hiểm và cũng không cần ăn kiêng, bà Sarah - ông cười rồi gỡ máy đo ra. Bà chỉ việc ăn nhiều khoai tây, bánh mì và đồ ngọt. Bà sẽ sống lâu hơn chồng bà 20 năm cho coi. Tiện thể, ông ấy có mạnh khỏe không?

- Anh ấy vẫn mạnh, cảm ơn bác sĩ.

Bà tự nghĩ, lúc này bà làm trò cười hơi nhiều. Sarah, lúc này lại ra khỏi nhà nhiều nữa chứ. Ra hay vào cũng nhớ khép cửa sau lưng mình cho kín đáo chứ. Sarah...

Con Mickey tôi đó lại du hành. Sau một ngày chở hoa đi bán, được đóng móng mới nó thấy thoải mái. Cái móng mới làm chân nó ngứa ngáy dậm

giật. Sự thúc giục của Joyce bằng những cú giật cương khích nó, những tiếng cười khúc khích trong xe thêm hứng cho nó phi mau. Sau khi đã kéo xe chở đồ, bây giờ kéo xe chở người nhẹ như không. Nó phóng đi hết sức khi được vồ nhẹ vào sườn phẳng phẳng lao tới từ những tiếng cười giòn giã ở phía sau. Tiếng cười trở thành chuỗi cười the thé, nó phóng nhanh hơn, như có một sinh vật ngộ nguậy bò từ tai nó, qua cổ, qua bụng, xuống hai háng nó. Nó phóng nhanh hơn, các móng chân mới hắt sáng lên trắng xóa như bột nước đại dương. Nó phải phản ứng với những cú giật cương làm cho cái hàm thiết trong miệng cửa nó nhột nhạt thú vị. Nó quẹo theo ý nó và chỉ khi nhìn thấy vườn nhà nó mới chịu đầu hàng những kích thích, muốn ngộp thở vì những bọt trắng nhớt nhớt trong miệng.

- Trời ơi, đêm nay con ngựa đã làm tôi mệt sụm, chắc tôi phải an nghỉ trong mồ quá. Nhưng thôi, điều hâu dầy nào! Mickey, mày không chịu về nhà cho đến khi đã đánh một vòng quanh trại, lên tới đường cái. Bà dễ chịu chứ, Sarah?

Bà nghĩ, bà rất thoải mái. Sau bao nhiêu năm có bao giờ bà có cảm giác mê ly buông thả thế này đâu. Từ bước nhảy đầu tiên của con ngựa, bà đã thắng được nỗi sợ sệt e dè. Dù cho bánh xe có văng khỏi xe, hắt bà xuống hố bà cũng cam lòng.

Bà nói:

- Tôi thấy khỏe khoắn hơn bao giờ hết.

Ông ấy nghiêng người qua để nhìn bà cho rõ vì trăng mới lên. Gió làm cay mắt bà, ứa vài giọt lệ nhưng chúng đang ngời lên reo vui:

- Ô, thì ra, bà thích chuyến du hành!

Ông ấy thả cho con ngựa tự do đi vào phía nhà, ông nhảy xuống xe, đưa tay cho bà.

- Đẹp như bà mà cứ phải quanh quẩn sau nhà bấy nhiêu năm nay.

- Nếu đó là lời khen, nhưng nó làm tôi đau nhói đấy.
- Ồ nhưng đó là cách nói của tôi để bảo bà là một phụ nữ đẹp.
- Mời ông sang nhà tôi uống cà phê.
- Được, tôi cột ngựa rồi sẽ qua.

Nước vừa sôi thì ông ấy cũng vừa qua.

- Tốt hơn là ông nên dùng trà, ông Joyce?
- Trà hay cà phê đều được, miễn không là nước lã. Tôi muốn bà gọi tôi là Frank. Họ đặt tên thánh cho tôi là Francis nhưng tôi đã bỏ dùng nó từ khuya rồi.
- Và tôi thấy là ông đã biết tên tôi.
- Cuộc du hành đầy thích thú hồi hộp, chẳng phụ nữ nào mà tôi biết không ngất ngây mê mẩn trong những chuyến du hành như thế này.
- Tuyệt vời - bà nói, vừa rót nước vào bình cà phê.
- Không chuyện gì thích thú như ngồi sau một con ngựa, trừ phi là ngồi dạng 2 chân trên mông nó. Đôi con Mickey lấy cái xe vận tải Mack tôi cũng không đổi.
- Tôi thường cưỡi ngựa lúc còn trẻ.
- Nếu không phiền, bà chọn ông ấy thế nào?

Bà suy nghĩ, và bà vợ già của ông. ông gặp bà ấy ở đâu? Rồi bà trả lời:

- Tôi làm ở một nhà xuất bản. Ông ấy mang đến một tập thơ.
- Ồ ra là vậy. Và ông ấy nghĩ rằng trong một căn nhà như thế này, ông ấy có thể làm thơ như nước chảy.
- Gerald và tôi yêu nhau.

Bà nói rồi lại bực mình khó chịu vì ông Joyce có thể hiểu lầm thường về ý nghĩ của bà.

- Tôi còn nhớ những ngày đầu mà. Hồi đó bà thường không kéo màn che và làm tâm hồn tôi hân hoan thoi thới.

- Ông thích pha kem béo vào cà phê không? Tôi quên hỏi.
- Vâng, có và nhiều đường vào.
- Ông chẳng chê thứ nào.
- Có những việc bà nhìn thấy qua cửa sổ, đến nỗi bà quên ngồi xuống ghế trong phòng khách. Tôi đoán lúc đó bà đang tìm hiểu tôi và bà nhà tôi.
- Có chút đỉnh, nhưng bà ấy chẳng đến nỗi già, phải không ông Joyce? Bà nghĩ tới gọi là Frank thì thành thật quá.
- Bà ấy già từ lúc nằm nôi, nhưng tôi cưới bà ấy và một nhà kính ươm cây. Tôi làm cho bố bà ấy.

Sarah rót cà phê ra:

- Ông thật là loại đều cáng, nhẩn tâm.

Ông ta nhăn răng cười:

- Không tôi chỉ lạnh lùng tính toán thôi, còn tim tôi ấm áp lắm. Hồi còn trẻ, tôi coi cuộc tình của chúng tôi thơ mộng lắm. Cô ấy ca hát líu lo như con chim đậu trên bờ tường của tu viện ấy. Nhưng khi tôi đã nhốt con chim vào lồng, nó thành một con quạ.

- Nói về người đã khuất như vậy thì tệ quá, ông Joyce.

Nhưng nét hài hước biến mất khỏi mặt ông một lúc.

- Sống với bà ấy thật khủng khiếp, nó làm người đàn ông mất hết bản lĩnh, sức lực. Bà không có bánh ngọt, nhâm nhi với trà sao, bà Sarah?
- Chỉ có bánh nướng xốp và mứt, được không?

Ông ta lại cười:

- Cũng được, ông chồng bà ngủ ở đâu khi đi buôn bán.
- Khách sạn, nơi nào anh ấy đến.
- Sống như vậy thì rất cô đơn cho nhưng người có gia đình.

Bà kéo một chiếc ghế đến cạnh tủ thực phẩm, leo lên lấy mứt. Ông ta không nhúc nhích đến giúp bà, mặc dù bà không với tới lọ mứt. Bà ấy nhìn xuống

ông ta cầu cứu.

- Ông giúp tôi một tay.

- Bà cố nhích lên một chút nữa, lần vừa rồi bà sắp với tới rồi - ông ta nhăn răng cười như thể vui thích khi bà ấy lóng ngóng.

Bà ấy nhảy phắt xuống.

- Ông ăn thì lấy lấy, tôi uống cà phê là đủ rồi.

Ông ta đấm tay xuống bàn rồi đứng dậy.

- Bà có lý, Sarah, đừng lấy cho đàn ông cái gì họ có thể tự lấy. Chai nào đây bà?

- Lọ dâu ấy.

Ông ấy nhảy lên nhảy xuống, thoăn thoắt như một con dê.

- Như vậy thì chồng bà đâu có đi chào hàng một mình.

- Cái gì?

- Tôi muốn nói là ông ấy có một gia đình khác ở ngoài. Các thương gia quyền rủi, bà biết đấy.

- Chuyện đó không thích hợp với chồng tôi.

- Bà nói đúng, bà Sarah. Tôi ru rú ở nhà đến nỗi quên ăn nói khi có khách. Cà phê này ngon tuyệt.

Bà im lặng nhâm nhi cà phê, tự nghĩ đã đến lúc mình phải đối diện với vấn đề Gerald có tình nhân, bà vẫn né tránh lâu nay. Cứ như đêm hôm qua thì Gerald đã bắt buộc bà phải nghĩ tới. Bà hắt cằm lên nói:

- Cứ cho là anh ấy có vợ hai đi, thì sao nào?

- Ồ, Sarah bà thông minh lắm, đợi để làm quen được với bà cũng đáng. Bà đã thích tôi chút đỉnh, phải không nào?

- Một chút-

Ông ta đứng dậy.

- Thế là được rồi, lời nói của bà đã sưởi ấm lòng tôi đêm nay.

Nhưng tôi lấy gì để sưởi ấm lòng đây, bà nghĩ.

- Cám ơn về chuyến đi rong vòng vòng. Frank, thú vị hồi hộp lắm.

- Thật vậy à? Ông ta tiến gần đến bà, dùng ngón tay nâng cằm bà lên. Chúng ta còn nhiều đêm như thế này ở phía trước, xin bà hứa một lời.

Và rồi bà vẫn tựa cằm lên ngón tay ông ấy, ông ấy cúi xuống hôn bà rồi nhảy tung ra cửa.

Ông dừng lại, quay nhìn bà.

- Tôi nên ra về hay ở lại?

- Ông về đi.

Bà muốn điên tiết lên nhưng chẳng thấy trong người có chút tức giận nào.

Cả ngày hôm sau, Sarah vẫn cố giữ mình trong dòng tưởng tượng. Bà tự nói với mình, mình cũng chẳng thích ông Joyce. Nếu bà cảm thấy thoải mái vì một nụ hôn, thì một người đàn ông lạ nào khác cũng đem đến cho bà được.

Bà nói lớn, chính cuộc đi dạo bằng xe đã làm bà ngây ngất. Bà phải nghĩ tới Gerald; bà đang nghĩ từ... Chỉ có Chúa mới biết là đang nghĩ gì. Bà làm việc

ở trên lầu cho đến khi xe ngựa của Joyce đi qua. Bà sẽ có một hướng suy nghĩ khi Gerald trở về. Nhưng bà có dự cảm như thể Gerald sẽ đi vắng lâu.

Cả ngày nay, bầu trời như thu hẹp lại và ẩm ướt, những con ruồi bám im lặng ở bình phong. Bầu không khí thật tĩnh lặng ảm đạm. Về cuối chiều,

mây đen cuộn cuộn, xô đẩy nhau như những miếng bánh bột chiên trong chảo. Khi đang gọt khoai tây làm bữa tối thì Frank đánh xe vào vườn hoa,

ông ấy tháo ngựa nhưng vẫn để cả bộ cương: bắt đầu làm sườn dĩa dọc những luống hoa. Ông ấy sợ có bão. Bà liếc nhìn đồng hồ. Đã đến giờ

Gerald về. Bà ra cửa trước, ngóng về hướng đường cái. Khoảng đất giữa bà và đường cái mờ mờ trong sương, xe cộ trên đường khá đông và chậm chạp.

Chiếc xe buýt lao đến ngã tư nhưng đi luôn không ghé trạm. Bà cảm thấy

con tức giận ập đến. Cả ngày nay bà đã căng thẳng đến đỉnh điểm. Vì không

gọi điện thoại về, nên chắc chắn Gerald đã lỡ xe buýt. Chuyến xe kế tiếp còn cách 2 giờ nữa. Bà băng qua vườn đến sát hàng rào. Bà tự cảnh giác mình. Bà lại bắn lên rồi, Sarah, nhưng lại chẳng để ý gì đến lời cảnh giác.

Joyce ngược lên:

- Bà nên cột chắc cái cửa lại, sắp có bão đấy.
- Ông Frank, nếu ông bận rộn, tôi có thể mời ông ăn tối đấy.
- Vậy thì bà tốt quá. Tôi phải phi ra sạp hoa trên đường đã.

Bây giờ thì ông ấy đang ở bàn ăn trong bếp, ăn ngấu nghiến chẳng nói chẳng rằng. Trời u ám bắt đầu sấm chớp, ông ấy ra cửa sổ.

- Trời sẽ nổi giông ngay thôi - ông ta nhìn bà - Ông nhà nhờ xe buýt phải không?
- Chắc chắn vậy.

Frank lại nhìn ra ngoài.

- Thật tình tôi mong bão táp cho lớn vào, dù bão có thể làm tôi sạt nghiệp, nhưng chẳng có gì mâu nhiệm bằng bão.

Một hồi còi xe hơi trên đường, nhắc nhở bà có lần Gerald đã quá giang xe từ thành phố về. Chiếc xe vụt qua. Nhìn đám mây bụi sau xe bà có cảm tưởng như tình trạng khẩn trương đang lơ lửng quanh ta. Bây giờ Joyce đang ba hoa, ngả người trên ghế. Từ khi biết nhau đến giờ, ông ta chưa bao giờ nói dông dài về thời tiết, rau quả, giá trứng như thế.

Bà thấy ông ấy nói chẳng đâu vào đâu, không ý nghĩa bằng những câu bình phẩm thân mật, bộc trực. Bà bám theo từng câu mà hực hơi để mong chúng chấm dứt. Sau cùng bà đành vòng ra sau ghế ông ta, cài nhẹ những ngón tay vào mớ tóc sau cổ ông:

- Ông cần hớt tóc rồi, Frank.

Ông bật ngồi thẳng dậy.

- Tôi chẳng biết khi nào cần hớt tóc cho đến khi nó ngứa. Xin bà chút cà phê

nữa được không?

Bà rút đầy ly, ý thức rằng ông ấy đang nhìn mình chăm chăm.

- Chuyện du ngoạn bằng xe ngựa tối qua tôi chẳng thể nào quên được - Bà nói.

- Còn chuyện khác nữa tối qua chứ, bà không nhớ sao?

- Nhớ chứ.

- Xin bà bây giờ lại cho tôi làm chuyện đó cho cân xứng đi.

- Không được.

- Nếu tôi không hỏi mà cứ làm thì sao?

- Tôi không thích vậy. Frank.

Ông ấy xô ghế lùi ra sau làm sóng sánh cà phê ra đĩa.

- Vậy thì bà cứ kêu gọi tôi để làm gì?

- Ông có cái ý niệm kêu gọi ngộ đấy - Bà nổi nóng, và biết rằng bà nổi nóng với chính mình.

Joyce xòe bàn tay dơ bẩn của mình trên bàn.

- Sarah, bà có biết mình muốn gì không?

Bà rớm nước mắt nhưng bà cố ngăn lại, bà thổn thức.

- Tôi biết tôi muốn gì chứ.

Joyce lắc đầu.

- Ông ấy chinh phục được tâm hồn bà phải không, Sarah?

Bà hất mạnh mặt lên trả lời:

- Tâm hồn tôi, tôi làm chủ.

Joyce vỗ tay xuống bàn:

- Ô! Coi đàn bà sừng cò kia! Chuyện này có thể thiêu cháy đàn ông, nếu ông ta có sẵn cây còi lửa.

Ông ấy liềm môi, dù Sarah có cứng cũng phải lui vài bước.

- Tôi sẽ không dồn ép bà đâu, Sarah. Đừng sợ. Thời buổi bốc hốt của thanh

niên ở tôi qua rồi. Tôi không ép mà cũng chẳng chạy, tôi cứ vững lập trường, đón nhận những gì đem đến cho tôi.

Ông ta hát đầu về phía cửa sổ.

- Đây chỉ là gió tạm ngọt thôi. Gió sẽ còn lớn hơn nữa.

Bà nhìn những hạt mưa đầu tiên tấp vào cửa kính.

- Gerald sẽ ướt sũng mất thôi.

- Mưa bão còn nhận chìm hẳn chết đuối nữa ấy chứ - ông ta vừa nói vừa nhăn răng cười nham nhở. Cảm ơn về bữa ăn tối.

Xin trời hãy mưa đá, sấm, chớp, thổi tung mái nhà đi, quật ngã những ống khói, ống thông hơi. Tôi sẽ mò mẫm loạng quạng ra khỏi đồng đồ nát đó, không bao giờ trở lại nữa. Khi một lão già có thể cười vào mặt bà khi định cầm sừng chồng. Chồng bà lại muốn vậy: tự chuốc lấy tình trạng này, thật xấu hổ. Sarah. Bà đi khắp nhà, chốt chắc các cửa sổ. Bà thích thú cài thêm vào đó những cái chôi.

Buổi tối đến sớm, đồng lõa với mưa gió, những màn mưa giăng mắc che mờ những đèn trên đường cái, nước nhuộm màu vàng của bụi đất.

Gió lùa vào ống khói, hất những bụi mờ hóng xuống sàn phòng khách. Bà lấy báo cũ trải ra để hứng. Một cơn bão bất thường, chắc cũng mau ngọt thôi. Bà ra xem đồng hồ ở trên phòng. 10 phút nữa lại có chuyến xe buýt. Rồi có chuyện gì nữa đâu, ăn tối qua loa, một cuốn sách hấp dẫn rồi một giấc ngủ ngon. Cái lão già nông dân tinh quái thế mà đúng, nhà tiên tri cần đi hót tóc ấy.

Các ngọn đèn điện nhấp nháy chực tắt rồi lại lóe lên. Cứ để cho đèn tắt ngấm đi, Sarah. Cái gì còn lại cho bà, bà có thể nhìn bằng ánh sáng đèn cây. Bà xuống tầng hầm lấy đèn dầu lên, lấy chiếc đèn pin trong phòng đồ đạc dưới bếp. Khi bà trở lên phòng khách, một cơn gió nữa thổi bay những tờ báo như diều. Đèn điện lại chập chờn. Một tiếng động phía tiền phòng làm bà chú ý.

Dường như tiếng chuông điện thoại bị mưa gió đánh bật. Khi ra đến chỗ điện thoại, đồng hồ điểm giờ và xe buýt đã trễ 20 phút. Cái điện thoại trông có vẻ gì đó khiến bà tin là nó không còn liên lạc được. Nếu biết nó còn tốt thì càng căng thẳng nhưc đầu. Ta chỉ tưởng tượng thôi, bà lẩm bẩm. Tất cả mọi sự xảy ra ngược với mong ước của bà. Thế rồi bà bực mình với mình, rồi lại giận lây đến Gerald. Anh đã sỉ nhục tôi, sỉ nhục chồng chất lên lãnh đạm.

Bà nghe thấy nhưng tiếng thùm thụp ở trên lầu, ở phía ngoài nhà. Bà tắt đèn và áp mặt vào kính cửa sổ. Một cây thích lớn bị gió lung lay rồi thổi tróc gốc, một cành đập vào nhà. Trên đường bây giờ cũng chẳng còn ngọn đèn nào nhấp nháy. Mất điện. Rồi một đốm sáng hiện ra trước mắt bà, nó lớn dần, hơi lay động. Bà nghĩ đó là ánh đèn pin. Không biết anh Gerald có mang theo một cái hay không. Sau đó thì bà xác định được là chiếc đèn trên xe ngựa của Joyce, ông ấy đang về nhà.

Khi bà bật công tắc. Đèn không sáng. Bà mò mẫm vào nhà, đèn đóm tắt hết. Dò từng bước, bà xuống tầng trệt. Một luồng không khí tạt vào phòng qua ống khói, ẩm ướt, nhạt nhẽo và khó chịu. Bà đốt đèn dầu, xách vào bếp. Qua cửa sổ nhà bếp, bà thấy cái đèn trên xe của Joyce nhấp nhô khi ông ấy dẫn ngựa vào chuồng. Mà chẳng thấy người, cũng chẳng thấy ngựa, bà chỉ thấy bóng đèn nhạt nhòa rồi mất hẳn. Khi ánh đèn của Joyce lại ló ra ở cửa, bà cầm đèn lên, đưa lên, hạ xuống như một lời chào. Lần này ông ta đi ra lối hàng rào. Bà mở hé cửa và giữ chắc để gió không thổi cửa mở tung ra.

Joyce gọi vọng vào:

- Bây giờ tôi không có giờ, Sarah, tôi có việc phải làm. Ông ấy chưa về phải không?
- Chưa.
- Điện thoại còn liên lạc được không?

Bà gạt đầu và ngoắc Joyce đến gần hơn.

- Ông có thấy xe buýt chạy qua không?

- Nó đến và đi thẳng. Bà đóng cửa chắc vào, nếu không đồ đạc trong nhà sẽ vỡ đổ hết đấy.

Ông ấy dung đưa ngọn đèn và biến mất.

Bà đặt đĩa đồ chiên cho Gerald vào tủ lạnh, để những thực phẩm hay hư vào ngăn lạnh. Bà vặn đồng hồ định giờ, đem các đĩa khác đi. Bà làm bất cứ việc gì hiện ra để được bận rộn, khỏi suy nghĩ. Bà lau sàn bếp. Cái đèn của Joyce, bên kia lối đi, lắc lư trên cái móc ở chuồng ngựa, rồi nhô lên, hụp xuống khi Joyce kiểm tra những khung chấn tăng cường.

Sau cùng bà trở lại phòng khách. Bà ngồi một lúc lâu trong ghế của Gerald, nhìn những dòng khói bốc lên từ bóng đèn. Chẳng có lấy một con chó hay con mèo làm bạn với bà, chẳng có cái tượng sứ cười toe nhìn bà, chỉ có những cặp mắt lạnh lùng của vài tổ tiên, chính bà cũng chẳng nhớ là ai, nhìn bà nghiêm khắc từ những khung đồng. Thật không chịu nổi. Bà bật ra khỏi ghế, từ tiền phòng bà leo lên đầu đoạn thang thứ nhất, bà có thể nhìn thấy vườn nhà ông Joyce. Chắc ông ấy đã làm việc xong, chiếc đèn treo trước cửa nhưng trong nhà thì tối thui, quanh đây chỉ có ngọn đèn đó thôi, nó đang bập bùng đong đưa trong gió như ma trời.

Bà lao xuống tầng trệt, lấy áo mưa, đèn pin, ra khỏi nhà dấn thân vào mưa gió. Bà men theo bờ rào, khi thì đi theo chiều gió, khi thì ngược gió. Joyce đón bà ở lối xe vào. Bà nghĩ, ông ấy cố tình đợi mình, tuyên một cuộc chiến tranh cân não, thử thần kinh bà và đoán chắc bà sẽ thua. Không nói một lời, ông ấy nắm ngay tay bà, lôi bà ra bậc cửa sau và vào nhà.

- Tôi còn có một cái đèn dầu, bà cứ giữ đèn pin sáng để tôi thấp.

Bà quan sát bộ mặt ướt của ông ấy trong ánh sáng leo lét. Miệng ông có nét tiểu ngạo ranh ma, ánh mắt ông hấp háy khi bắc đèn cháy lên một cách tàn

độc dữ tợn như bão táp nhưng rất lạ lùng đối với bà. Khi đèn đốt sáng, bà quét mắt dọc bức tường dơ, tờ lịch phai màu, cái chạn long ván, sợi dây điện gắn vào một bóng tròn vắt qua bồn rửa chén dẫn ra cửa sau. Nhiều chồng đĩa trên bàn, chắc chỉ khi nào dùng đến mới rửa. Các tấm màn cứng vì bụi đóng 3 năm. Chỉ lúc đó bà mới nhận ra sang đây thật là khủng.

- Tôi chỉ chạy sang ông một lúc thôi, Frank.

- Một phút hay một đêm cũng ngồi xuống đó, Sarah. Đợi tôi cởi bộ quần áo này ra đã.

Bà ngồi xuống cái ghế ông ấy mời, nhìn ông vút cái áo khoác vào một góc, bà cũng chẳng rời mắt khi ông ấy ngồi xuống cởi giày và vớ. Ông đi chân đất ra trước nhà, đến giữa cửa, ông to lớn như một người khổng lồ trong luồng ánh sáng ma quái.

- Bà nấu một bình cà phê đi, người phụ nữ yêu kiều. Đồ đạc ở cả trên mặt lò.

- Tôi phải về nhà. Gerald...

Ông ấy chặn lại:

- Mặc xác Gerald nhà bà đi, ngủ ở đâu thì ông ấy cũng có chăn êm nệm ấm.

Có thể là ông ấy chẳng thèm về với bà nữa đâu. Chuyện đã xảy ra nhiều trước đây rồi, bà biết đó. Đàn ông thường bỏ các bà vì không hiểu giá trị của các bà.

Bà ngồi mà thấy cô đơn, cứng người và thẳng. Còn ông ấy tiếp tục đầu độc bà chồng Gerald. Làm cách nào bà ra khỏi đây được? Chạy trốn như một con nai kiếp đảm và không dám đối mặt với ông ta. Không, Sarah hãy ở lại uống ly cà phê đắng đã. Tẩy bỏ những say sưa mê mẩn một lần và vĩnh viễn. Bà nghĩ ra cách giải quyết nhưng lại mơ mộng Gerald xuất hiện ở cửa nhà này đón bà về. Anh Gerald hiền dịu thân thiết!

Bà đứng dậy ra bồn rửa chén lấy nước nấu cà phê. Một hàng những chai thuốc bụi bám đầy xếp hàng trên bậu cửa sổ. Bà cúi xuống gần hơn đọc một

cái nhãn: “Bà Joyce, uống ngay khi cần”. Bà quay ra khỏi cửa sổ, một cái ghế xích đu. Ngày xưa, bà Joyce bệnh hoạn vẫn ngồi trong cái ghế đó, đóng cửa trước cửa, nói liên tục một mình. Cái bầu không khí bệnh hoạn của bà Joyce vẫn còn vương vấn ở đây. Mình đã hiểu gì về những người này, ông Joyce đang đi rầm rầm, vòng vòng trên gác như một con bò mộng bị nhốt. Đôi ủng lấm bùn vẫn nằm ở chỗ ông cởi ra, một vũng nước tụ chung quanh. Một lần nữa bà lại nhìn lên bầu cửa sổ. Chẳng có chai rượu May ở đó. Đột nhiên bà nhớ lại lời bác sĩ Philips: “sống nhờ uống thuốc kích thích nhiều năm nay”. Bà mừng tượng rõ hình ảnh chua chát của bà Joyce, cả khi bà ôm ngực cố thở... “uống ngay”...

- Pha cà phê đi, Sarah. Bà lại giờ cái trò trêu chọc gì đây?

Chọc người chết trong mồ trước mặt ông. Trêu chọc. Vài ý nghĩ quấy động bà hơn... một liên tưởng. Joyce coi bà lấy mút tối hôm qua, cười nhả nhở chọc bà

- Có lần nữa đi bà Sarah, lần trước bà sắp với tới rồi.

Và bà vẫn còn nhớ ông ấy hỏi:

- Chai nào? - Không hỏi bình nào, hộp nào mà chai nào.

Bà cầm ấm lấy đầy nước. Ngưng lại đi, Sarah, đừng trêu chọc nữa. Vì bão, chờ đợi, bà đã chờ đợi mất nhiều thời gian sống.

Bà giữ thế thủ khi nghe bước chân xuống thang.

- Bà có thể bôi giùm tôi một chút rượu iode, trên bầu cửa sổ ấy. Tôi bị mấy cái khung chèn cửa cào rách tay.

Bà nhìn kỹ tìm chai i-ốt, để ông ấy không nhận ra tay bà đang run rẩy. Ông vén một ống tay lên cao rồi nói

- Bôi i-ốt vào chỗ này.

Bàn tay ông ướt và bà còn ngửi thấy mùi đất và mùi ngựa. Quen rồi. Các thứ về ông đã thành quen rồi, quá quen thuộc. Bà thấy hơi thở của ông ấy phà

vào cổ mình, tiếng suýt xoa của ông ấy là âm thanh duy nhất trong phòng. Bà bôi xong i-ốt lên vết đứt rồi lui ra. Môi ông cắn sát răng, nhẩn nhó.

- Một nụ hôn sẽ làm đau đớn thành sung sướng.

Sarah đẩy chai i-ốt trên bàn ra xa, cầm lấy đèn pin.

- Tôi về đây.

Ông ta tròn mắt nhìn bà, miệng trề xuống:

- Vậy bà sang đây làm gì?

- Vì tôi cô đơn, tôi thật khủng...

Sự sợ hãi làm bà không nói nên lời. Một dòng nước miếng ứa ra khỏi mép ông ta, rơi xuống đất.

- Không, bà sang để hành hạ tôi!

Bà cố bước một chân ra cửa, kéo theo chân sau. Giọng ông ta vút lên thành tràng cười khi bà vượt được ra xa.

- Trời đất, Sarah. Người phụ nữ lộng lẫy đi hóng gió hôm qua với tôi đâu rồi?

Bà vướng vào sợi dây điện khi thoát ra cửa má bị trầy.

Joyce nắm sợi dây giật ra khỏi tường. Cái đầu dây đứt ra đong ngọ nguậy dưới sàn như một ngọn roi.

- Và tôi nghĩ tốt nhất là chồng bà chẳng bao giờ về nhà nữa!

Núm cửa trượt khỏi bàn tay ướt đẫm mồ hôi của bà. Bà lau khô tay cuống cuồng và nghĩ ông ta điên rồi. Điên khủng rồi.

Ông ấy la lên:

- Bà là cục bột, bà Sarah.

Và ông Joyce là một tay tiểu ngạo, hơi ù lì. Joyce luôn như vậy và sẽ còn như vậy cho tới lúc người ta treo cổ ông ấy lên!

Rồi cửa bật tung, bà lao xuống các bậc thềm, vào vườn. Trong cơn hoảng hốt, bà chúi vào chiếc xe ngựa và văng ra xa. Bà sợ nó như thể nó là một

sinh vật. Bà cố mím môi để khỏi kêu thét lên. Bà bị hàng rào móc rách áo khi bà chạy vòng theo nó, để lại một miếng áo rách trên dây kẽm gai.

Khi leo lên các bậc cửa nhà mình, bà tự nhủ: hít thở sâu vào đừng xiu! Đừng ngã! Bà giật núm cửa. Cửa bung. Gió thổi hù hù vào nhà. Lốp cửa kính trong rung càn cạch. Bà đè người để 2 lớp cửa đóng lại và gài then. Bà chuôi cái đèn pin lên bàn, chộp cái điện thoại. Bà gõ số loạn xạ.

Sau cùng tiếng tổng đài viên vang lên:

- Ông Gerald Shepherd đang đợi gọi bà, xin bà giữ máy.

Sarah chỉ nghe tiếng thở hổn hển của mình trong ống nghe. Bà cố trấn tĩnh bằng cách hướng mắt từ từ theo thành cầu thang. Nhưng các thanh đứng như ngã nghiêng quay cuồng trong vòng sáng của cái đèn pin, giống như những dây đàn hạc cầm bị bung rung lên. Bà còn nghe cả tiếng đàn vang trong tai bà, hòa quyện cùng hơi thở phào phào của bà. Rồi bà nghe những bước chân thành thịch của Joyce, tiếng đám cửa rầm rầm. Bà muốn báo cho tổng đài viên tổng đài nhưng không được. Rồi đầu óc lộn xộn, bà tin rằng cứ mở cửa mời Joyce vào, hẳn sẽ ngồi im. Họ có thể đốt một đồng lửa lên. Còn nhiều củi ở tầng hầm mà. Nhưng bà nói không được. Đã quá trễ.

Một quả đám làm bể cửa kính và Joyce thò tay vào kéo chốt cửa. Cửa mở, gió ùa vào, thổi tóc áo khoác của bà lên đầu. Cửa đóng lại, áo lại mềm, buông xuống. Vòng gấu áo lại như bó hai chân bà lại.

Giọng điện thoại viên vang lên:

- Rất tiếc, cú điện đàm đã bị hủy cách đây 10 phút.

Bà thả rơi ống nghe trên bàn, chờ đợi, lưng bà vẫn quay ra cửa. Bà lý luận bình tĩnh lạ thường; 10 phút trước đây thì cũng chẳng lâu la gì. Bà nghe từng bước chân Joyce đang tiến về phía bà, bà biết nó đang đo những giây phút

cuối cùng của bà. Tuy nhiên, bà cũng chẳng muốn kéo dài thêm. Đột nhiên, trong một thoáng, bà nhớ lại cái thòng lọng làm bằng dây điện và cái cửa tay áo trắng trên cái bàn tay to khỏe nứt nẻ. Bà nhắm mắt lại, nghiêng cổ lên, giây phút cuối cùng sẽ đến nhanh hơn...

HẾT



Đánh máy: HanAn

Nguồn: HanAn

Được bạn: Ct.Ly đưa lên

vào ngày: 9 tháng 3 năm 2010